VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

đọc thơ nguyễn xuân thiệp
đặng tiến
về nguyễn đình chiểu và lý luận văn học
nguyễn vy khanh
truyện thơ nôm triệu ngũ nương
nguyễn văn sâm
kho tàng của quá khứ
nguyễn mộng giác

truyện
hồ nhu • lê minh hà • thơ thơ • phùng nguyễn
hồ đình nghiêm • quan dương • trần bình nam
dino buzzati • alberto moravia • spiro gyorgy
thơ
trần hồng châu • hoàng lộc • trịnh gia mỹ
phan minh khánh • ý liên • khánh hà • hồng khắc kim mai
huệ thu • trần mộng tú • triều hoa đại • cao xuân tú
tạp ghi
nguyễn quốc trụ

SỐ 149 • THÁNG 9 NĂM 1998

VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

Phát hành mỗi đầu tháng

❖

Ban Chủ biên: Mai Kim Ngọc, Nguyễn Xuân Hoàng
Thạch Hãn, Châu văn Thọ, Nguyễn Mộng Giác

Chủ Nhiệm: Châu Văn Thọ
Chủ bút: Nguyễn Mộng Giác
Tổng Thư Ký: Thạch Hãn

❖

Đại diện Văn Học ở Canada:
Mr. Nguyễn Minh Đức, 1905 Tupper # 22 Montréal,
Quebec, CANADA H3H 1N7
Phone: (514) 342-6270

❖

Đại diện Văn Học ở Âu châu:
Mrs. Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, 75013, Paris, FRANCE
Phone: (33) 1 45 83 19 12

❖

Đại diện Văn Học ở Úc châu
Mr. Nguyễn Khắc Phú, 14 Lester Road, Padstow,
NSW 2221, AUSTRALIA
Phone: (02) 9771-1770

❖

Đại diện Văn Học ở Houston, Texas
Mr. Ngu Yên, 2055 Westheimer # 130
Houston TX 77098
Phone: (713) 524-6262

❖

Đại diện Văn Học ở New Orleans, Louisiana
Nguyễn Khánh Hòa
2025 La Quinta Via, Harvey, LA 70058
Phone: (504) 368-4728

Thư từ, bài vở, tiền bạc, xin gửi về **Văn Học**
PO Box 1359 Garden Grove, CA 92842-1359 USA
E.Mail: vanhoc@saigonline.com
Homepage trên Internet: http://www.saigonline.com/vanhoc/
Phone: **(714) 894-8535**

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN—0885—128X

Văn Học

số 149 ● tháng 9, 1998

VĂN HỌC	2	thư tòa soạn
ĐẶNG TIẾN	3	đọc thơ nguyễn xuân thiệp
TRẦN HỒNG CHÂU	13	*trống không*
NGUYỄN VY KHANH	14	về ng. đ. chiểu và lý luận văn học
HOÀNG LỘC	23	*rượu huế uống ở hội an*
NGUYỄN VĂN SÂM	24	truyện thơ nôm triệu ngũ nương
HỒNG KHẮC KIM MAI	39	*bụi đời mười phương*
PHỐ TỊNH	41	bàn về "đánh dấu thanh" ...
TRỊNH GIA MỸ	49	*chiêm bao*
PHAN MINH KHÁNH	49	*gót mưa*
NGUYỄN ĐÌNH HOÀ	50	đúng năm mươi năm trước tôi đặt chân lên đất mĩ
Ý LIÊN	57	*mùa hạ*
HỒ NHƯ	58	trở về
KHÁNH HÀ	64	*trở về hạ thu*
LÊ MINH HÀ	65	bão
HUỆ THU	69	*mai thảo*
PHÙNG NGUYỄN	70	chim gáy sau vườn
TRẦN MỘNG TÚ	79	*tình gọi*
HỒ ĐÌNH NGHIÊM	80	mãn thiên hoa vũ
TRIỀU HOA ĐẠI	87	*bài thơ ngày trước*
QUAN DƯƠNG	88	bất chợt một buổi chiều
TRẦN BÌNH NAM	98	người chị dâu
CAO XUÂN TỨ	107	*đêm trên quê hương*
THƠ THƠ	108	ba sẽ về...ngày mai
NGUYỄN MỘNG GIÁC	112	kho tàng của quá khứ
BUZZATI, MORAVIA...	116	truyện ngắn hay
NGUYỄN QUỐC TRỤ	130	tạp ghi
VĂN HỌC	141	giới thiệu sách mới

Copyright by authors and Văn Học, 1998
Tác giả và Văn Học giữ bản quyền, 1998

Thư Tòa soạn
Văn Học

Trên *Văn Học*, hai thể loại lâu nay bị "rẻ rúng" một cách bất công là nghiên cứu văn học và dịch thuật. Phần lỗi, dĩ nhiên do Ban Chủ biên. Ngành nghiên cứu đòi hỏi nhiều công sức của người viết, mà những nhà nghiên cứu Việt học hiện nay ở hải ngoại thì ít ỏi, không có tài liệu cần thiết để nghiên cứu, không có môi trường đại học và học viện để vừa sống vừa phổ biến công trình nghiên cứu. Nhà nghiên cứu Việt học nào hoàn tất được một công trình cũng phải vượt qua bao nhiêu khó khăn, có thể nói là nhiều gấp bội so với điều kiện làm việc của các đồng nghiệp trong nước; đã thế sau khi cuộc nghiên cứu hoàn tất, lại không có chỗ công bố kết quả nghiên cứu của mình, không có người cùng trình độ và quan tâm để chia sẻ quan điểm của mình. Độc giả nói chung cũng không đủ thì giờ theo dõi các công trình ấy. Kết quả là *Văn Học* nhận được các bài khảo cứu ngày càng ít đi, đăng tải chậm trễ, làm nản lòng những người gửi bài.

Dịch thuật cũng bị cùng một số phận, vì ra nước ngoài, mối quan tâm của bạn đọc đối với văn chương ngoại quốc không còn nồng nhiệt như hồi còn ở trong nước. Nhiều khi sống ngay tại một nơi có nhiều sinh hoạt văn hóa cao, có nhiều tác giả và thành tựu văn chương lớn, người Việt vẫn không chú tâm hay thích thú tham gia các sinh hoạt ấy. Một kho tàng văn hóa lớn lao bị bỏ quên. Nhiều dịch phẩm giá trị nằm chờ ở các tòa soạn và nhà xuất bản hàng tháng, hàng năm, không có cơ may được phổ biến vì nhu cầu thấp từ phía bạn đọc.

Văn Học dành số lớn trang trên số này để đăng những bài biên khảo lưu cửu tại Tòa soạn một thời gian dài, cũng như một số truyện dịch từ những tác phẩm xuất sắc của văn học thế giới (lần này là truyện ngắn của Dino Buzzati, Alberto Moravia và Spro Gyorgy).

Phần còn lại là những bài nhận định phê bình, truyện và thơ của những tác giả uy tín bạn đọc đã từng yêu mến.❐

Đọc thơ Nguyễn Xuân Thiệp

Đặng Tiến

Nhà thơ Nguyễn Xuân Thiệp là một tâm linh trong sáng vừa mới gởi đến trần giới trầm luân một dòng thơ thanh thoát qua tác phẩm *Tôi Cùng Gió Mùa*, tạp chí *Văn Học* xuất bản tại Mỹ (1).

Cách đây tròn năm, trên báo *Văn Học* số 135 do anh Nguyễn Mộng Giác gửi tặng (tôi không có tiền mua), tôi được đọc bài *Thảo Nguyên* ký tên Nguyễn Xuân Thiệp lạ hoắc và bị mê hoặc ngay bởi dòng thác hình ảnh - âm vang hư hư thực thực cuồn cuộn băng băng qua mấy trăm câu thơ như nước Hoàng Hà:

Mùa hạ ta qua vùng thảo nguyên
Bước nhẹ thênh quên thời khổ hạnh
Mê con chuồn chuồn đỏ bay ngang
Thương bầy dê con trên đồi vắng
Gặp trẻ chăn bò đi hát rong
Gọi ấu thơ ta mùa hạ sáng
Đời trôi đi tưởng đời lặng câm
Bổng tiếng đàn ai trong gió thoảng

(...) Mai mốt chị qua vùng thảo nguyên
Như xưa một lần về quê ngoại
Ngày reo vui vườn chim bay chim
Lòng reo vui reo tà áo lụa
Chị gội đầu bằng nước hoa chanh
Hương tóc bay sang chiều vời vợi
Chị ơi mai qua vùng thảo nguyên
Mang cho em một chùm nhãn chín

Ôi tình xưa như nhãn và sen
Dầu tình phai khi chưa kịp hẹn
tr. 63-69

Nay nhận được thi phẩm, đọc nơi trang bìa sau, được biết Nguyễn Xuân Thiệp là cựu sĩ quan miền Nam, làm bài *Thảo Nguyên* năm 1980 trong thời gian học tập tại một trại cải tạo nào đó miệt Nghệ Tĩnh miền Bắc từ 1975 đến 1982 – mãi đến 1995 mới sang Mỹ — thì tôi phục quá. Bài thơ lời lẽ cao khoát, tình nghĩa thâm sâu, bỗng ánh ngời thêm một ý nghĩa mới: cụ thể, lịch sử, xoáy sâu thêm, nâng cao thêm nội dung tự tại. Những chữ *"thảo nguyên, khổ hạnh, chuồn chuồn, bầy dê, trẻ chăn bò, đời lặng câm"* bỗng nhiên đi vào thế đối lập với những từ ngữ thư thái *"bước nhẹ thênh, mùa hạ sáng, ngày reo vui, lòng reo vui, tà áo lụa..."*. Điều này làm tôi sực tỉnh: những phương pháp tiếp cận văn học hiện đại đang thịnh hành, chăm chú vào văn bản, ít lưu ý đến bối cảnh lịch sử, xã hội, thậm chí hoàn cảnh, tâm lý tác giả, những phương pháp này dĩ nhiên là có hiệu lực, nhưng cũng giới hạn. Và giới hạn cả giao tình giữa người đọc với tác phẩm và tác giả. Đề cao cấu trúc, có khi quên mất con người. Nhân danh độc giả, đôi khi là hù dọa độc giả bằng kiến thức, kỹ thuật – hay cái hư danh của người viết.

Tỉnh cơn mê chữ nghĩa, tôi thán phục cái ông Nguyễn Xuân Thiệp, có thơ đăng từ 1954 mà tôi chưa hề được đọc, được nghe danh. Từ quan cảnh học tập cải tạo mà anh đã mơ thấy, dù là *"mai mốt"*, một *"quê ngoại"* thì khoáng đạt, độ lượng quá. Tình cảm quê hương, và trần gian vượt quá Hồ Dzếnh, đã đành và dễ thôi, mà còn vượt quá cõi hoang tưởng của một Nguyễn Bá Trạc rất hiện đại ở hải ngoại, một thứ "quê ngoại":

Chao ôi cơn gió mùa đông cũ
Còn thổi mưa lên mấy cửa thành
Vườn nhà ông ngoại thơm hoa bưởi
Khi tóc em vừa mới chớm xanh (2)

Không rõ tôi cao hứng lạc đề, hay thơ *Gió Mùa* và thơ *Cỏ Bồng* cùng gợi chung một khí hậu? dù rằng hai người đã đi những con đường, trên những lãnh phận rất khác nhau.

Thơ Nguyễn Xuân Thiệp có nhiều câu, thường song đôi, xuất sắc, kết hợp chất uyên bác (nghĩa là không mới) với sức sáng tạo tân kỳ; lưng vốn cá nhân dồi dào được đầu tư đắc thế vào nguồn sống dân tộc, đông phương và tây học, tạo ra vòm ánh sáng vừa kỳ diệu vừa duy lý. Tri thức và trí

thức không khuất lấp mầu nhiệm của ngôn ngữ; giác quan và ảo mộng nương nhau nuôi nhau. Ví dụ một bài thơ dài hơn hai trăm câu được kiến trúc trên một hình ảnh duy nhất, một tứ thơ quán xuyến, là Ánh Trăng,

Trăng khuya như một loài chim quý
Bay suốt nghìn năm hót một lần.
Dưới mái chùa tây vang tiếng kệ
Vị sư già đã thức. chuông ngân.
Âm thanh như một làn hương sữa
Chảy xuống hồn ta đã lặng dần
Hạt lệ muốn rơi. giờ đọng lại
Trăng nguyệt cầm ơi. ngọc mới đông (...)
Giữa cuộc vui này ta có mặt
Sao tâm xao xuyến những trời xưa
Đếm sao. nào biết sao mờ tắt
Trận bão mùa qua đã dứt chưa...
(1980, tr.98)

Không uyên bác thì không làm được thơ như vậy. Từng hình ảnh một, không có gì mới; lối so sánh ánh trăng lưỡi liềm với cánh chim cũng đã có người dùng. Nhưng cách liên hoàn những hình ảnh thì sáng tạo và bất ngờ, vì nó phục vụ cho ý hướng riêng tập thơ: khổ nạn của lịch sử, và đời người, chỉ là cơn bão rớt, trong khi con người trong nhân loại và dân tộc, là một khoảng trời xanh miên viễn. Tư tưởng ấy, tự nó không cao siêu, nhưng sống trọn vẹn nó qua những thảm kịch lớn lao của đất nước và cá nhân, thì phải cao cường. Thơ Nguyễn Xuân Thiệp chứng tỏ con người có đủ sức mạnh tinh thần để vượt quá những trầm luân, và thi ca là một thành tố của năng lực kia. Thi ca hiểu theo nhiều lớp lang: cách nhìn đời, lối tiếp cận và lối diễn đạt, nói chung là cách sống. Ngôn ngữ, thi pháp giúp Nguyễn Xuân Thiệp sống trọn vẹn và tràn đầy ý thức và tâm cảm. Thơ Nguyễn Xuân Thiệp mới ở đó, ở chỗ không giống ai. Nó mạnh một khi đã đủ sức từng trải gian truân. Và hay nhờ tài năng cấu tứ, sử dụng từ pháp và âm pháp, trong kiến thức rộng rãi và xúc cảm sâu xa.

Ba khổ thơ vừa trích gợi nhớ nhiều điển cố mà tôi không nhắc lại, vì sợ nặng từ chương và nhẹ phần đối thoại giữa nhà thơ và và người đọc. Nhưng tưởng nên giải thích câu *"Sao tâm xao xuyến"* nghĩa là *"giữa cuộc vui"* sao lòng mình xao xuyến; nhưng Tâm còn là tên Sao trên *"những trời xưa"*: câu thơ mang nhiều kích thước.

Ngay bài *Thảo Nguyên* trích từ đầu đã phức tạp từ cái tiêu đề: Thảo

Nguyên (Steppes - toundra), những đồng cỏ bao la ở Nga La Tư, sống về chăn nuôi. Cao nguyên Việt Nam – nơi tác giả bị đày – có đồng cỏ nhưng chưa gọi được là thảo nguyên. Do đó từ ngữ này tạo ra cảm giác lưu xứ tận miền Tây Bá Lợi Á, từ thời Nga hoàng. Nhà thơ vẫn nhìn lưu đày bằng thi cảm, thi giác:

Mùa hạ ta qua vùng thảo nguyên

Bước nhẹ thênh... như kẻ nhàn du, tìm về nguồn suối, có nước trong và cỏ mát. Mùa hạ nắng ấm cỏ cây và người vật tươi vui sau thời tuyết tan băng rã.

Bài thơ dài được kiến thiết trên mùa hạ ấm. Mùa hạ đồng thời là mùa lưu đày của nhiều kẻ sĩ miền Nam năm 1975. Với miền Bắc, mùa xuân là mùa Đại Thắng, mùa thu là Cách Mạng, mùa đông là Chiến Dịch..., còn lại cho miền Nam Mùa hè đỏ lửa...

Vẫn hai câu đầu:

Mùa hạ ta qua vùng thảo nguyên
Gió thổi chiều xanh trôi với nắng
(tr.63)

Âm điệu gợi lên hai câu xa xưa, mở đầu bài *Đất Nước* của Nguyễn Đình Thi:

Sáng mát trong như sáng năm xưa
Gió thổi mùa thu hương cốm mới (3)

Những lời thơ âm hưởng giao thoa vì những sơ đồ thanh âm và nhịp điệu. Nhưng, không phải người sau mượn tứ thơ người đi trước, vì họ thuộc hai "chiến tuyến" khác nhau, mà chúng ta thấy sự đối lập rõ trong cấu tứ: ở Nguyễn Đình Thi, cơn gió mới hứa hẹn ấm no và hạnh phúc; ở Nguyễn Xuân Thiệp là những trôi dạt phôi pha, vĩnh viễn mất mát. Tuy nhiên, giữa những đối lập hai hồn thơ vẫn có điểm gần nhau, như lối nhìn đời từ một khoảng cách. Đây là chuyện ngoài đề, nhưng không phải là không lý thú, mà mai kia, chúng ta có thể triển khai trong một hoàn cảnh văn học cởi mở hơn hiện nay.

Bài *Thảo Nguyên* láy lại điệp khúc, nhưng có khi biến dạng:

Năm năm ta qua miền thảo nguyên
Đến nay vang vang mùa hạ gọi
(tr.65)

Mùa hạ tuần hoàn về cuối câu thơ, nhường đầu câu cho *"năm năm"* khơi nguồn nhiều nghĩa.

Đầu tiên là thời gian học tập cải tạo, *năm năm đời ta ngọt bùi chẳng biết (...), năm năm những chiếc roi quất ngược* (tr.77-78). Vì một chữ đồng âm láy lại, nên thời gian năm lần một năm có vẻ dài lắm. Trong *Kiều*, Nguyễn Du đã sử dụng bốn lần lối láy chữ này:

Năm nay là một nữa thì năm năm
(câu 2408)

Thời gian như kéo dài vô tận qua cách láy từ trong câu ca dao (mà Tản Đà cho là thơ Dương Lâm):

Năm năm tháng tháng ngày ngày
Lần lần lữa lữa rày rày mai mai (4)

Những "chính sách" lần lữa đối với *"người tù xa xứ... trên đường biệt xứ"* (tr.55-59) không được xét xử, không có hình án, biến thời gian trở thành một khổ sai vô hạn định, mà tác giả thỉnh thoảng nhắc lại mát mẻ, qua những *"cánh trà oan khổ, bạn bè hái từ trên núi xanh"*:

Bây giờ ta hiểu ra thiên thu
(tr.121)

Năm năm còn một nghĩa khác, là mỗi năm nhắc lại quan niệm "gió mùa": vì vũ trụ tuần hoàn, thường trực trong tâm thế Nguyễn Xuân Thiệp. Mỗi năm, mùa hạ làm sống lại những *"tà áo biếc... những tà áo lụa... những chùm nhãn chín..."*. Tư tưởng chu kỳ đẩy nhà thơ nhảy ra khỏi thời gian ra khỏi lưu đày; tâm tư thanh thản, không gian đơn tuyến dường như rộng rãi thêm. Từ *vùng thảo nguyên* thơ đã qua *miền thảo nguyên*. Một chữ *miền* thôi, đủ nấn rộng không gian, một phần nhờ giá trị ngữ âm (phonétique) và ngữ nghĩa (sémantique), đối lập với chữ "vùng".

Bài thơ kết thúc với điệp khúc:

Ta đi năm năm qua thảo nguyên

Câu thơ lần này nhấn mạnh ý *đi qua*, không dừng lại.

Năm năm, do đó còn thêm một nghĩa thứ ba riêng biệt, là thời gian dài nói chung, năm này qua năm khác, là lịch sử biên niên. *"Năm năm*

báo oán, đời đời đánh ghen" trong tục ngữ.

Con người *"đi qua"* thảo nguyên, cụ thể vùng Nghệ Tĩnh, là: lớp lớp nhiều thế hệ lưu dân từ thế kỷ XII đã đi dần về phía Nam:

Cha đã đi qua vùng thảo nguyên
(...) đám lưu dân qua vùng châu thổ (tr.66)

Và trong tương lai, gần hay xa, dân tộc sẽ còn tiếp tục hành trình: *mai mốt mẹ* (...) *chị* (...) *em qua vùng thảo nguyên*... Nói khác đi và rộng xa, những gian truân từng cá nhân, hay tập thể, chỉ là một đoản đình, trường đình trên quá trình dân tộc – và loài người. Thấy được như thế, trong cảnh học tập cải tạo, phải là... thánh. Với một tâm hồn trùng trùng độ lượng:

Chân sóng đẩy đưa, ta đi trên đường biệt xứ
(...) Nghe vi vu biển gọi nguồn về
trùng khơi ì ầm con nước động
lưng trời lượng lượng mưa sa
(1980, tr.60)

Tuy nhiên, đến với Nguyễn Xuân Thiệp, tôi không đi tìm một thánh nhân. Mà đi tìm một nhà thơ. Và tôi đã gặp người thơ, một tình người trong lời thơ mang vết chân lưu dân đời đời qua những truông những trảng:

Hành nhân. hành nhân. đêm thu phân
(tr.67)

Đêm thu phân! Phân vân và phân thân. Câu thơ vần bằng. Câu Nam bằng: huyền trân, huyền trân, đêm thu phân...

Đêm nào trong đời người lưu dân mà không là đêm thu phân?

*

Nói rằng tư tưởng vượt đau thương, thi ca hóa giải hận thù không có nghĩa là né tránh phê phán hay thỏa hiệp với cái ác, hòa giải với điều xấu. Xin đừng gán cho Nguyễn Xuân Thiệp – và tôi – cái não trạng ngớ ngẩn ấy. Nhà thơ là một nạn nhân bình tĩnh và sáng suốt phê phán:

Hỡi ơi giữa cánh rừng săn bắt
ta chỉ nghe rền giọng sói tru
(...) thử ngẩng nhìn trăng đêm phán xét

ai công. ai tội. dưới trời khuya
ai xô trăm họ vào gai gốc
ai hái dâng đời một đóa hoa
hãy xét trong cơn đau lịch sử
nỗi đau nào đau của riêng ta
(tr.91)

Bàn thêm: chữ "nào" ngắt nhịp ở đây có ba nghĩa: nghi vấn, phiếm định và phủ định. Nhìn lại cuộc chiến đã tàn phá quê hương mà tác giả còn đang tiếp tục chịu đựng hậu quả:

trăng chiếu, thành không, hào lũy sụp
còn nghe sắt thép rền cỏ khâu
tỳ bà đá dựng. hồn u khốc
uổng ngọn cờ treo ải địa đầu
(tr.89)

Tác giả lên án mọi thứ chiến tranh trong lịch sử nhân loại, và lối thơ biên tái thời Đường đã cổ động binh tướng ra *"ải địa đầu"* chống rợ Hồ: *"dục ẩm tỳ bà mã thượng thôi"*... Nhưng nhà thơ vẫn tin tưởng ở tương lai, con người và cuộc sống:

Nhưng thôi nhân loại vui vầy cả
Yêu cuộc đời trong lẽ bất toàn
Chút nghĩa thủy chung ta giữ vẹn
Lòng ơi. trải rộng gió nhân gian
(tr.101)

Nguyễn Xuân Thiệp ra tù 1982, sang Mỹ 1995. Khi cho đăng thơ trên tạp chí *Văn Học* (Mỹ) tháng 7-1997 và tháng 4-1998 anh không ghi thời điểm sáng tác 1980, giữa thời gian học tập cải tạo. Nói khác đi, anh không khoe công đã từng kinh qua "đáy địa ngục" hay "đại học máu". Anh cần người đọc nhận định giá trị đích thực của thi ca, thơ hay thơ dở không cần "con tem". Anh không thuộc loại người làm thơ để ném vào sứ quán. Thậm chí tòa soạn *Văn Học* cũng không biết nên đã giới thiệu "bài thơ dài mới nhất" (số 135 tr.2) làm 17 năm trước đó. Tác giả "thư tòa soạn" thường là Nguyễn Mộng Giác lại là người "tận tri thiên hạ sự". Chúng ta cần ghi nhận ở đây sự liêm khiết kiêu hãnh của văn học – không cứ gì của riêng Nguyễn Xuân Thiệp. Nhưng trường hợp anh là tiêu biểu,

là cơ may hiếm có: vì thơ anh hay. Chẳng may thơ dở thì biết đâu lại chẳng phải cần đến "con tem"? Thơ Nguyễn Xuân Thiệp như muốn "cải tạo" trại học tập thành một kiểu tiếu ngạo giang hồ, không có ý đồ xúc phạm, chỉ nuôi tham vọng (ảo vọng?) đánh dấu chấm dứt một giai đoạn hỗn mang trong tâm thức Việt Nam:

hết rồi thời quỷ mị
đời hân hoan. gió gọi ta
hài cỏ. nón thơ. tay nải biếc
mai về
dưới trăng. hái một bông trà.
(1980, tr.61)

Tác giả sử dụng đủ các thể thơ, trừ lục bát. Nhưng thỉnh thoảng, người đọc vẫn nghe trong tận đáy lời ca, giọng ru hời thầm lặng bằng lục bát, như ở mấy câu trên: mai về hái một bông trà dưới trăng.

*

Chúng ta tạm thời phân biệt: *thơ chơi* và *thơ chuyên*.

Thơ chơi của bậc tài tử, cao hứng làm vài câu; thường một câu chợt đến, rồi nối thêm vài ba câu nữa cho thành "tuyệt cú" (!). Thơ chuyên là của các nhà thơ thật sự sáng tác, chuyên cần làm thơ, lao động cật lực để làm những bài thơ dài, những bài hành, trường ca...

Nguyễn Xuân Thiệp thuộc loại làm thơ chuyên, dù không phải là "chuyên nghiệp" vì làm thơ không phải là một nghề, và dứt khoát là không hưởng lợi tức. Gọi là thơ chuyên, trước hết vì tập *Tôi Cùng Gió Mùa* tải một nội dung duy nhất, các bài thơ hình thức khác nhau đều đồng quy về một ý hướng, không rời rạc vào chuyện ngâm vịnh, thù tạc, tửu hậu trà dư. Tác giả là bậc tài hoa, nhưng không sử dụng thơ để biểu diễn tài hoa, ngược lại có ý thức dùng tài hoa như một phương tiện để phục vụ lý tưởng nghệ thuật và nhân đạo.

Thơ Nguyễn Xuân Thiệp không có tiểu xảo, do đó viết về anh tuy dễ mà khó. Khó khi trích dẫn: thành tâm "trích diễm" hóa ra vô tình xuyên tạc; tỉa lẻ một câu thơ hay, chứng minh được đặc sắc mà không nói lên chức năng của nó trong toàn bộ bài thơ và tập thơ, thì chưa trung thực. Đem thơ trà đình tửu điếm ra tán tụng nhau thì dễ hơn, ăn chắc và ăn khách. Nhiều ví dụ rất mới, rất thời sự.

Thơ chuyên Nguyễn Xuân Thiệp còn mang tính cách dài hơi (trái với hơi dài), nhắc đến những bài ca, bài hành trong thơ xưa, tự do hơn những bài hành độc vận trong thơ mới, gần đây. Bài *Ánh Trăng*, 248 câu làm nhớ

đến bài *Xuân Giang Hoa Nguyệt Dạ* của Trương Nhược Hư (35 câu) nhưng ý tứ dồi dào, sắc bén hơn.

Sang Mỹ thơ Nguyễn Xuân Thiệp tình ý vẫn như xưa, nhưng ngôn từ có thay đổi; nếu:

xa kia là hoàng hôn
màu tường vi trong thơ cổ
(1995, tr.151)

thì bây giờ hình ảnh mới lạ, trực tiếp, như một bức tranh hội họa hiện đại:

Tháng chín cơn mơ nào ở Oklahoma
thoảng mùi tử đinh hương
quanh trời sấm dội
con chim màu đỏ trở về
một mình. đứng hót trong mưa
(1997, tr.168)

Chim màu đỏ hiếm thấy. Chim hót trong mưa cũng hiếm. Chim lạ, hót một mình. Hình tượng buồn và đẹp. Thơ cũng vậy thôi, đơn giản và đơn côi, rét mướt và ánh ỏi: con chim đỏ, nét đan thanh. Và cuối cùng Nguyễn Xuân Thiệp mới chịu công bố tuyên ngôn thơ của đời mình:

tôi. áo rực tà dương. đi trong rừng Parkwoods
như đi qua đời sấm dội
như con chim màu đỏ vẫn hót
tôi làm thơ
cho bạn bè, cho những người cùng khổ
cho sấm dội, cho đổ vỡ, cho mây xa
tôi làm thơ
và con chim màu đỏ
hót. một mình. dưới trời mưa thưa.
(1997, tr.170)

Tôi chưa hân hạnh quen biết Nguyễn Xuân Thiệp. Nhưng mới đọc thơ anh, đã nhận ra ngay tiếng hót của một loài chim xa, một loài chim lạ. Mà không xa lạ. Không phải ngứa cổ hát chơi. Mà hát cho tan sấm dội mưa thưa.

Và xin gửi đến các bạn tôi một lời chim. Thêm một quãng trời thân mến.❐

(1) Nguyễn Xuân Thiệp, *Tôi Cùng Gió Mùa*, nxb Văn Học; California, 1998, 180 trang, giá 15MK. Có ghi địa chỉ liên lạc: Nguyễn Xuân Thiệp, P.O. Box 803.152, Dallas, Texas 75380.

(2) Nguyễn Bá Trạc, bài Quê Mẹ, cùng trên tạp chí *Văn Học* (California) số 20, tháng chín 1987, tr.93. Không thấy in lại trong *Ngọn Cỏ Bồng* (1985) hay *Ngọn Cỏ Bồng Toàn Tập*, 500 trang, 1995. Sao vậy?

(3) Tôi mới phát hiện ấn bản cũ (1954) trên đặc san *Đất Nước*, Paris, số Tết 1956, tr.8-9.

Sáng mát trong như sáng năm xưa
Gió thổi mùa thu trên đồi núi
Sông Cầu êm ả cuộn về xa...
Bản đầu tiên, (1948) lại khác nữa:
Cỏ mòn thơm mãi dấu chân em...

(4) *Tuyển Tập Tản Đà*, nxb Văn Học (Hà Nội) 1986, tr.405. Trích từ An Nam Tạp Chí, số 35 năm 1932, bài Mối Cảm Tưởng Về Thơ Ca Nước Ta.

thơ, truyện, tạp luận
Nguyễn Quốc Trụ

nhà xuất bản: Văn Mới
tổng phát hành: Văn Nghệ
P.O. Box 2301
Westminster CA 92683
Tel (714) 527-5761
Giá mỗi cuốn 10 Mỹ kim

Trống không

TRẦN HỒNG CHÂU

đôi giày vải ngáp dài
dưới gầm bàn buồn thiu
bông hồng cười héo hon
đỏ mặt bàn lì lợm

đầu óc trống không
giấy trắng trắng mãi
con ruồi vo ve trên mép
như đã từ thiên niên kỷ
bạn thân cùng người

mắt mơ mơ
thủy tinh dục
chỉ thấy vòm trời vữa nát
mặt trời rụng
xuống thảm cỏ rầu rầu
không một tiếng vang

ai trên đường vắng
khua vang gót giày
vọng về trống không
từ thành quách xưa
chân lũy xoáy mòn
dấu thủy triều đau
trên cả những vết rạn tâm hồn!

Về Nguyễn Đình Chiểu và lý-luận văn-học

Nguyễn Vy Khanh

Cuộc tranh luận về Nguyễn Đình Chiểu trên tạp chí *Văn Học* từ số 141-142 (1&2/1998) cho thấy rõ văn học liên hệ mật thiết với chính trị và thứ nữa, chúng ta vẫn hãy còn có nhiều vấn đề chưa ngã ngũ. Chưa, không phải vì chúng ta không hiểu những trục trặc, mà vì chúng ta vẫn chưa có một môi trường chính trị và văn học thuận tiện để giải quyết và phát triển lý luận văn học. Đã đến lúc nên "thu dọn chiến trường" nhưng phải chăng chiến tranh hãy còn? Ông Đỗ Ngọc Yên gọi đó là "di chứng chiến tranh trong tư duy học thuật" (*Văn Học* 148). Một hình thức khác của tranh luận "nghệ thuật vị nhân sinh / nghệ thuật vị nghệ thuật" của những năm 1935-1939 ! Lúc bấy giờ vấn đề đến với giới văn nghệ vì Việt Nam chuẩn bị đấu tranh chính trị. Vấn đề hôm nay có khác, nhưng dù sao nhiều người dễ đồng ý kiến đã đến lúc phải duyệt xét lại một số lý luận văn học cũng như một số vấn đề văn học sử, nhất là việc dùng chính trị làm tiêu chuẩn cho văn học, dùng chính trị "áp đảo" văn học và đời sống!.

Nhà phê bình Nguyễn Hưng Quốc khởi tranh luận khi đặt vấn đề tái định giá ca dao đã đưa nhận xét cho rằng Nguyễn Đình Chiểu đã là tiêu biểu cho một "lý tưởng ở đường cùng"? Theo ông, những câu

"Vân Tiên cõng mẹ chạy ra,
Đụng phải cột nhà, cõng mẹ chạy vô...
Vân Tiên cõng mẹ chạy vô,
Đụng phải cái bồ, cõng mẹ chạy ra,
Vân Tiên cõng mẹ chạy ra ... "

một cách nào đó chứng tỏ chân lý Nho học đã không có lối thoát,

"trung, hiếu, tiết, nghĩa" bị lung lay vào thời Nguyễn Đình Chiểu, "một lý tưởng ở đường cùng". Điều này ngày hôm nay ai cũng dễ đồng ý, riêng các ông Đỗ Ngọc Yên, Nguyễn Minh Tường vì lý do riêng dễ hiểu đã không đồng ý và riêng ông họ Đỗ phản đối Nguyễn Hưng Quốc "đem thước đo của lý tưởng đạo đức và xã hội áp đặt vào tác giả và tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu". Theo thiển ý, Nguyễn Đình Chiểu dù "ở đường cùng", cũng đã hết lòng với lý tưởng ông đã theo đuổi suốt cuộc đời.

Nguyễn Đình Chiểu tiêu biểu cho một "lý tưởng ở đường cùng"? Trường hợp Nguyễn Đình Chiểu không phải là độc nhất. Vua quan nhà Nguyễn ở những năm giữa thế kỷ XIX, trước hiểm họa xâm lăng của người Âu, đều đã không thức thời. Đạo Nho kiểu Tống Nho không thể cho phép họ thức thời vì những quy chế đó cứng ngắc, bó khuôn! Vua Tự Đức và quần thần thừa hưởng những công trình thống nhất đất nước và xã hội ổn định theo Khổng Nho của tiên vương; họ có khuynh hướng "đóng", "bế quan tỏa cảng" để bảo tồn hơn là khai phóng và thực tiễn theo biến cố và thời đại - súng ống kỹ thuật Tây phương đã đe dọa Trung quốc và Nhật Bản trước khi đe dọa bờ biển Việt Nam ! Nho học - Tống Nho thì đúng hơn, khiến vua quan Trung quốc ngày xưa quen tự cao: thiên triều, rốn vũ trụ, "trung" quốc! Sau Minh Mạng, các vua Thiệu Trị và Tự Đức đã đoạn tuyệt cả với văn minh phương Tây mà vua Gia Long là người đã khéo léo dung hòa theo kiểu Việt Nam. Vua đã thế, quan đã thế mà những Phan Thanh Giản, Hoàng Diệu và Nguyễn Tri Phương cũng đã là những tiêu biểu đường cùng: cụ Phan không giữ được ba tỉnh miền Tây, khi mất Vĩnh Long, đã uống thuốc tự vẫn, cụ Nguyễn bị thương khi đánh Pháp, đã không chịu nhận chăm sóc cốt tìm cái chết, và cụ Hoàng tuẫn tiết theo thành Hà Nội. Tống Nho bị khủng hoảng mạnh, vì quá gò bó, thiếu tính "động' và "biến" của đạo Nho ban sơ. Hành cử của các vị này chứng tỏ tư cách cao của họ, trung quân ái quốc và sĩ phu, nhưng không cứu được ai, cũng không làm chết thêm một tên lính xâm lăng nào!

Nhưng trong bối cảnh lịch sử đầy biến động ở cuối bán thế kỷ XIX, Nguyễn Đình Chiểu đã là một chiến sĩ văn hóa yêu nước dù ông đã mù lòa khi tai biến đến. Năm 1858, Pháp đánh thành Gia Định, Nguyễn Đình Chiểu phải bỏ quê quán ở Gia Định để chạy về Cần Giuộc nhưng không được lâu, năm 1861 ông lại phải chạy giặc về Bến Tre. Trương Định mời ông làm quân sư nhưng ông lấy cớ mù lòa để từ chối. Từ đó ông giữ tiết tháo, sống đời dạy học và làm thuốc. Ông dạy học trò không thụ hưởng gì của Pháp (cụ Phan Thanh Giản cũng đã khuyên con cháu không hợp tác

với Pháp trước khi uống độc dược), chính ông đã từ chối đề nghị trả đất của viên tham biện (tỉnh trưởng) Bến Tre Ponchon cũng như không nhận trợ cấp của thực dân.

Văn chương của Nguyễn Đình Chiểu tiêu biểu cho văn chương yêu nước, đề cao lòng trung quân ái quốc. Người hôm nay xét lại thì dễ "chê" ông là "hủ nho", không thức thời! Nhưng "ở đường cùng" và là nạn nhân của một luân lý đạo đức, ông đã không có thái độ nào khác hơn là bênh vực và phổ dương triết lý đó. Và ông đã là một "hủ nho" có khí phách. Nguyễn Đình Chiểu cũng như nhân vật Lục Vân Tiên của ông vùng vẫy với "hành trang" đạo lý đang tàn và bất lực trước họng súng thần công của Pháp. Lục Vân Tiên tiêu biểu cho một con người miền Nam lục tỉnh, dễ bất bình và đầy nghĩa hiệp. Qua Lục Vân Tiên, Nguyễn Đình Chiểu đã nói lên tâm trạng và thái độ, hành cử của giới sĩ phu trước hiểm họa của người Pháp xâm lăng: đất nước Việt Nam sẽ mất độc lập và người dân sẽ mất gốc! Nỗi lo lắng đó đã thể hiện qua con người Lục Vân Tiên: hào hiệp cứu người lâm nạn, nhưng cứu xong, xin người đó - là một cô gái, Kiều Nguyệt Nga, hãy "khoan khoan, ngồi đó chớ ra", tiếp tục "thụ thụ bất thân", dù sau này có thể sẽ nên duyên chồng vợ! Đạo lý cả lúc ... biến! Nỗi lo đó cũng bầy tỏ qua thái độ phân biệt bạn thù và tư cách chiến sĩ của Lục Vân Tiên. Nguyễn Đình Chiểu có ái quốc lãng mạn quá chăng ? Nước mất nhà tan, chạy loạn từ Gia Định về Cần Giuộc rồi Bến Tre, là những cái sống thường ngày và phẫn nộ của ông, một sĩ phu mù lòa bị trói tay, vũ khí còn lại của ông chỉ là thơ nói và văn tế. Nguyễn Đình Chiểu nói thơ, làm văn tế với mục đích "chở bao nhiêu đạo thuyền không khẳm / Đâm mấy thằng gian bút chẳng tà" (Than Đạo), vì "tiếng đồn trung nghĩa đến xa / Thì giữ cang thường làm chắc" (Văn Tế Lục tỉnh nghĩa sĩ trận vong); và "thơ Vân Tiên" từ lâu đã được người bình dân Nam kỳ lục tỉnh xem như một "hệ thống" luân lý "thiện ác đáo đầu chung hữu báo". Đấy đã là một hình thức yêu nước cụ thể. Lãng mạn chăng là những người đem lòng yêu nước đó áp dụng cho hôm nay, tìm cách đánh động lòng yêu nước ở con người chân chất ở miền đất được gọi là "Nam bộ", cho cuộc chiến vừa qua chẳng hạn! Cũng như lòng yêu nước và dân tộc cực đoan không bàn cãi! Thành ra chúng tôi nghi ngờ chuyện nói Nguyễn Đình Chiểu chống Pháp để "giải những stress cá nhân và thời đại" như ông Đỗ Ngọc Yên! Vì cũng không thể nói Phan Thanh Giản, Nguyễn Tri Phương và Hoàng Diệu tự sát khi thua giặc cũng là một cách "giải những stress cá nhân và thời đại". Chúng tôi nghĩ họ hành cử theo đạo nho nhập thế, theo lối người quân tử, người chiến sĩ - nếu phải dùng chữ thời đại! Thù bạn phân biệt rõ, nhưng

Nguyễn Đình Chiểu đã "quá khích", đã không dùng cả những tiện nghi của thời đại như xà bông giặt quần áo. Hình như ông từ chối "thức thời"! Anh hùng "hảo hớn", đến cùng!

Văn thơ Nguyễn Đình Chiểu thuộc "văn chương tải đạo", mà chuyện "tải đạo" thì hình như thời nào cũng đắt khách. Sau ông, Trương Vĩnh Ký "tải đạo" để văn hóa dân tộc được sống còn, miền Bắc cộng-sản và miền Nam cộng-hòa trong thời 1954-1975 đều "văn học tải đạo" vì phải điều động hoặc đối đầu với chiến tranh. Không "đạo" là chết hoặc thua! Lòng yêu nước cũng là "đạo" của nhiều thời và "lòng yêu nước" tưởng là ý niệm tuyệt đối, đã thật là tương đối trong thời gian và không gian. Khi người Pháp đến xâm chiếm Việt Nam vào đầu hậu bán thế kỷ XIX, vua quan nhà Nguyễn "yêu nước" hơn hay Nguyễn Trường Tộ? Các vị thuộc Văn Thân, hay Đề Thám hay cụ Phan Châu Trinh, là người thật sự yêu nước? Đánh đuổi thực dân Pháp là "yêu nước" hay còn tùy? Hình như ý niệm "yêu nước" đã bị lạm phát. Dù gì đi nữa thì ít ra yêu nước có hai hình thức : yêu nước bảo thủ, giáo điều và yêu nước thực tiễn. Vua Gia Long và phần nào vua Minh Mạng thực tiễn hơn hai vua Thiệu Trị và Tự Đức nệ cổ và đã không thức thời khi bị biến, những tưởng lòng ái quốc theo Nho giáo đã đắc thủ sẽ giải quyết được mọi hiểm nguy! "Thành đồng" Tống Nho đã gục ngã trước con buôn quốc tế và trước họng súng của "bọn Bạch quỉ", nói theo ngôn ngữ "tự cao" thời bấy giờ!

Nguyễn Đình Chiểu không thức thời, cũng có thể ông không chịu thức thời? Dù sao ông đã không quá "theo thời" như Tôn Thọ Tường. Tuy nhiên, Nguyễn Đình Chiểu đã "tự nguyện" "thức thời" khi thấy đất nước bị ngoại xâm, nên qua Lục Vân Tiên, các bài văn tế và thơ văn khác, ông muốn đề cao và truyền lại cho hậu sinh những giá trị đạo đức cổ truyền đã chịu thử thách của thời gian như "trung, hiếu, tiết, nghĩa", những giá trị sẽ được Trương Vĩnh Ký tiếp nối phổ dương. Hiện nay đã có nhiều tiếng nói nhìn nhận Trương Vĩnh Ký "thức thời" hơn và có cái nhìn dân tộc "động" hơn nhiều sĩ phu thời ông.

Nhưng bản thân Nguyễn Đình Chiểu viết *Lục Vân Tiên* là cũng như các tai mắt trong Nam bấy giờ đã hiểu trách nhiệm đối với văn hóa dân tộc, đối với lý tưởng đạo đức khởi từ "tứ thư ngũ kinh". Họ hiểu sứ mạng của họ vì miền đất mới sẽ bị mất cá tính văn hóa trước sự đồng hóa của thực dân Pháp! Vào thời điểm đó, có thể nói *Lục Vân Tiên* là viên gạch đầu tiên khởi dựng một nền đạo lý bình dân mà dù theo tín ngưỡng nào,

con người Nam-kỳ lục tỉnh cũng nhận chịu nền tảng đạo đức đó - đã trở thành cốt lõi của con người miền đất này. Sau Nguyễn Đình Chiểu có Trương Vĩnh Ký, Trần Chánh Chiếu, các nhà văn Tân Dân Tử, Hồ Biểu Chánh, Nguyễn Chánh Sắt, Phú Đức, v.v. và gần hơn có Bình Nguyên Lộc, Hồ Hữu Tường, bà Tùng Long, v.v. Dấu vết đạo đức đó còn tìm thấy trong các bài vè, phương ngữ, thơ truyện và bài bản cải lương và cả trong nền tảng của các tôn giáo như Cao Đài, Hòa Hảo, Bửu-Sơn Kỳ-Hương. Vân Tiên tiếp tục "cõng mẹ" là vì thế!

Vân Tiên cõng mẹ trở ra
Đụng phải Chà Và cõng mẹ trở vô
Vân Tiên cõng mẹ trở vô
Đụng phải (ông) Tây cồ cõng mẹ trở ra

dĩ nhiên là những câu ca dao xuất hiện sau cả những câu Nguyễn Hưng Quốc đã đưa ra khởi xướng tranh luận. Hình ảnh một xã hội Việt Nam bị các thế lực ngoại bang thao túng ngay trên đất nước mình. Trần Chánh Chiếu và bạn hữu ông những năm 1906 khi đề xướng phong trào Minh Tân Công Nghệ chắc cũng cùng tâm sự! Thực dân cấu kết với Chà Và (và Hoa-kiều) kiểm soát hầu bao người Việt bị trị.

Hai câu ca dao (*) "Vân Tiên ngồi dưới gốc môn / Chờ cho trăng lặn bóp l... Nguyệt Nga" nói như Nguyễn Hưng Quốc, là "một cách phản ứng chống lại thái độ đạo đức khắt khe, có phần giả tạo của Lục Vân Tiên, và phần nào của Nguyễn Đình Chiểu", và nhắm phê bình "quan niệm đạo đức cũng như cách thức xây dựng nhận vật của cụ Đồ Chiểu". Vân Tiên "quốc trạng" triều đình sai đem binh dẹp giặc Ô-Qua, chàng lạc đường vô tình đến ngay nhà ... Nguyệt Nga. Sau nhiều năm xa cách, nàng đã lập bàn thờ chàng, cuộc tái ngộ cả đêm "... ân tình càng kể càng ưa / mảng còn bịn rịn trời vừa sáng ngay" mà không xảy ra một "tai nạn" nào! So với Kim Trọng-Thúy Kiều, tình Vân Tiên-Nguyệt Nga "đẹp" và "sạch" hơn, dù đời hai người sau cũng nhiều "éo le", không trơn tru cho lắm, trước đoạn kết có "hậu"! Dĩ nhiên, "văn chương phải đạo" thường gượng ép, giả tạo, "nhạt". Vì mục tiêu "tải đạo", các nhân vật Lục Vân Tiên đã trở thành biểu tượng luân lý do đó mất cả tự nhiên! Truyện Lục Vân Tiên được truyền bá sâu rộng trong giới bình dân, cứ "nói thơ" đạo nghĩa hoài cũng sẽ có lúc có người làm "thơ" hay đặt vè phê phán lại Lục Vân Tiên và tác giả của nó, một phản ứng tâm lý bình thường chê giới có học, nhà nho vốn đại diện cho uy quyền. Dân gian còn đặt truyện Hậu Vân Tiên kéo dài thêm chuyện

theo ý họ! Hai ông Vi B. Vương và Hoài Hương (*Văn Học*144) có lý khi cho qua hai câu ca dao đó, người bình dân muốn Vân Tiên gần gũi họ, một "người" như họ.

Khi nhà văn Thế Uyên nhận xét người miền Nam viết văn "lửa tình rực cháy" và viết về tình dục "chi tiết thật cụ thể", ông đã nhìn qua "lăng kính" đã bị "thanh giáo" hóa bởi một văn hóa "Tống nho", "chính thống" của đất ngàn năm văn vật! Người bình dân miền Nam, họ thấy thường! Từ thời Trịnh Nguyễn phân tranh, người miền Nam vì lý do địa lý và chính trị đã xa cách miền Bắc chính thống từ tiếng nói đến phong tục. Trong khi người miền Nam phải đối phó với một miền đất hoang dã của đồng bằng miền Đông và Tây lục tỉnh, phải đối đầu với những thế lực không-Việt (Miên, Pháp), thì người miền Bắc đất đai đã yên ổn, đã có thì giờ lo đến cơ cấu, toàn vẹn hóa hơn, nhưng trong thực tế đã "hình thức" và "xơ cứng" văn hóa với đủ điển lễ. Vì thế người miền Nam thực tiễn hơn, công bằng hơn, trong cả vấn đề tình dục. Văn viết hay nói của họ giàu hình tượng và đi thẳng vào vấn đề hơn là cứ đi vòng ngoài. Người Đàng Ngoài khi bóng gió "đồ này đồ nọ" hình như thiếu tự nhiên. Người của miền đất mới nói và viết cốt cho "đã", còn người miền đất cũ nhắm cái khéo, cái hay, cái tế nhị và thường lưỡng nghĩa hay hơn nữa! Nói tục đã trở thành một nhu cầu tự nhiên, không nói tục được sẽ bị dồn nén, uất ức. Con người thường có những nhu cầu bình thường mà địa vị chính thức không cho phép. Nhu cầu "xả xú bắp" chẳng hạn. Tôi còn nhớ những người bạn thời đại học sư phạm người Nam quen "Đ.M." mỗi khi nói chuyện hoặc vô tình khi đi thực tập, đã phải tập nuốt nước miếng mỗi khi hai chữ "thần chú" đó muốn ra khỏi miệng, chứ nếu không làm sao làm "thầy" khi ra trường! Nhưng ra khỏi lớp, đâu hình như vẫn hoàn đó!

Nhà nho, trí thức, sẽ trốn chạy thực tại, trốn vào trong con người dân giả, bình dân qua ca dao tục ngữ. Tưởng cần nhắc là ca dao hay văn truyền miệng lúc đầu là do mấy ông "có chữ" làm ra, thêm bớt, ít ra vào thời chưa có chữ viết hay chỉ có tiếng Hán. Ngay cả truyện thơ lục bát dài như *Phan Trần*, ... đều do các vị đó nhưng lại ... khuyết danh. Nếu ca dao là văn chương thì không phải đợi đến E. Kant và F. Nietzsche đưa ra những lý thuyết mỹ học cho rằng không nên dùng nhãn quan của đạo đức để nhìn vũ trụ cũng như cuộc sống con người, người bình dân từ lâu đã có loại văn chương chống đạo đức giả! Nhà nho "ban ngày quan lớn như thần", phải giữ thể diện như Lục Vân Tiên nhưng "ban đêm quan lớn tần mần như ma" thì cũng là chuyện bình thường. Cái không bình thường là

người đọc loại ca dao phản đạo đức (giả) rồi chê là ... tục hoặc ... bình dân quá!

Việc xét Nguyễn Đình Chiểu có phải là nhà thơ lớn, hình như không đơn thuần là một cắt nghĩa về thi pháp! Các tác phẩm của ông như truyện *Lục Vân Tiên*, các bài thơ và văn tế có giá trị văn học không? Nếu văn học phải gắn liền với sinh mệnh của dân tộc, nếu văn học không thể chỉ là những hình thức hay nội dung "viễn mơ", nhập cảng, thì các tác phẩm nói trên của Nguyễn Đình Chiểu có giá trị và có giá trị văn học; giá trị cả cho những nghiên cứu về văn hóa, xã hội và lịch sử: tâm tình và phong cách con người nơi vùng đất mới, những giá trị văn hóa của họ, cách xử thế, hành cử của họ, ngôn ngữ dân gian nói đặc biệt của họ, v.v. Chính vì *Lục Vân Tiên* không là *Đoạn Trường Tân Thanh*, không là những "hình ảnh" khéo và đẹp, những thuyết lớn như "tài mệnh tương đố", những phổ quát và những mẫu người muôn đời như Sở Khanh, Kim Trọng, Hoạn Thư, Mã Giám sinh, Từ Hải, v.v.. "Thơ Vân Tiên" chỉ là những lý tưởng phổ quát của đạo lý làm người mà tác giả muốn lưu lại cho hậu sinh, những lý tưởng văn hóa của một Đàng Trong bị ngoại bang xâm chiếm, của một "tuyệt thông" với "vua cha" ở đất Thần-kinh! "Than là than bờ cõi lúc qua phân, ngày tháng trông vua, ngơ ngẩn một phương tới dại" (Văn tế Trương Định). Cũng như *Giờ Thứ 25* của C.V. Gheorghiu, *Chiến Tranh Và Hòa Bình* của L. Tolstoi, *For Whom the Bell Tolls* của E.M. Hemingway, v.v., thơ văn của ông đồ họ Nguyễn cho người viết sử và người đời sau những chi tiết về những trận chiến thời thực dân Pháp đến qua "lăng kính" của ông, nghe kể lại rồi lòng căm thù giặc mà thành văn. Nguyễn Đình Chiểu còn cho người đồng thời và người sau biết quan điểm của ông về những vấn đề của thời cuộc, cảnh khổ của người dân, v.v. Sau này, trong *Dương-Từ Hà-Mậu*, ông đi xa hơn, phê bình cả đạo nho và đề nghị vài cải lương xã hội khi nói về đạo tiên!

Nguyễn Đình Chiểu viết *Lục Vân Tiên* với sứ mạng phục vụ nhân sinh, với ý thức văn nghệ phục vụ lẽ phải và nhất là dân tộc. Nên xem *Lục Vân Tiên* như là tâm sự của chính tác giả với những ước vọng không thành, công danh dang dở, cha mất chức từ khi ông lên 12, mẹ chết, mù lòa, sống đời và thời không may. Nói Nguyễn Đình Chiểu "chọn cách đánh giặc ngoại xâm (...), cốt không thắng mà cốt là để giải tỏa các xung năng tâm lý" như ông Đỗ Ngọc Yên (*Văn Học* 146) thì quả hơi ... lạ!

Có thể nói văn chương bình dân là một cách đối kháng hiệu quả

chống văn hóa cứng nhắc của Nho học, và khi người Pháp đã xâm chiếm Việt Nam, thứ văn chương đó chống thực dân xâm lược cũng như sau này chống các chế độ ở hai miền Nam Bắc cũng như khi đã thống nhất. Miền Nam là đất thuộc địa sớm đã ý thức bảo tồn văn hóa cổ truyền, họ đề cao cốt lõi, tinh túy thay vì hình thức. Vì là việc khẩn cấp, về, "thơ", phương ngữ trở thành phương tiện tiện lợi do đó đã có nhiều tác phẩm vô danh vì tác giả của chúng biết sẽ dễ truyền tụng. Trong Nam, các thể văn này cùng với văn nhàn đàm, tiếu đàm đã là những phương tiện của người dân bình thường phê phán thói đời và con người trong xã hội. Ai đó đã chê - hay phê Lục Vân Tiên, nói theo Nguyễn Hưng Quốc, qua câu "Vân Tiên ngồi dưới gốc môn / Chờ cho trăng lặn bóp l... Nguyệt Nga" là chê con người giả dối, cứng nhắc quá lố! "Thơ", vè không làm công việc phê bình văn học, nhưng phê bình những "điều trông thấy", những nhân vật văn học, con người, cái "đằng sau", cái "ẩn ý" của văn chương và nhà văn.

Thế Uyên, một tác giả của "nghệ thuật vị nhân sinh" đã nêu nhận xét cho rằng chính trị thay thế văn chương, chính trị dùng làm tiêu chuẩn để đánh giá văn học, đã tai hại đến văn học. Chúng tôi nghĩ văn học phải bám chặt con người và đời sống do đó không thể không "chính trị" (dĩ nhiên chúng tôi muốn nói đến định nghĩa thứ nhất của chính trị: con người giữa tập thể). Văn chương tóm lại cũng chỉ là "lăng kính", là cái nhìn của một người về thực tại, về sự việc hay con người. Vị nghệ thuật hay nhân sinh thì văn nghệ cũng khởi từ ý thức sáng tạo. Nếu văn học phải đạt đến con người phổ quát, thì cũng phải từ con người cụ thể và thời đại. Chính trị lãnh đạo văn nghệ và văn nghệ phục vụ chính trị chỉ là phiến diện giai đoạn và xu thời. Văn chương và cuộc sống đưa đến tác phẩm lớn như *Chiến Tranh Và Hòa Bình*, *A Q* của Lỗ Tấn, *Les Misérables* của Victor Hugo, v.v.. Sứ mệnh của người viết là phục vụ con người qua nghệ thuật của chữ nghĩa. Sáng tạo nghệ thuật là một kết hợp giữa ngoài và trong, giữa ngoại vật với nội tâm. Trong chiều hướng đó, *Văn Tế Nghĩa Sĩ Cần Giuộc* của Nguyễn Đình Chiểu cũng như *Bình Ngô Đại Cáo* của Nguyễn Trãi, đã là những áng văn chương tích cực, phục vụ nhân sinh. Lục Vân Tiên có giá trị của nó, có hay không có *Lục Vân Tiên* thì cuộc kháng Pháp ở trong lục tỉnh có thể vẫn thất bại; nhưng người hôm nay khó có thể phê bình nghiêm khắc Nguyễn Đình Chiểu. Cái nghiêm khắc dễ khiến ta rơi vào thái độ tổng quát hóa, cái gì từ miền Nam đều dở, tầm thường, "tào lao" như đã từng với đạo Cao Đài, với "mảng" văn học tiền phong chữ quốc ngữ, với văn viết của người Nam, tiếng Việt dùng trong Nam, v.v.❐

CHÚ THÍCH

(*) Dân gian trong Nam gọi 2 câu ca dao này là "vè lục bát". "Vè lục bát" mà dài dòng lại được gọi là "thơ" gốc gác từ chuyện "nói thơ Vân Tiên". "Thơ Vân Tiên" thường được "nói" trước người khác hay đám đông chứ không "ngâm thơ" một mình như "ngâm Kiều"!

tin sách

Tin từ Việt Nam cho biết nhà xuất bản *Văn Học* (Hà nội) phối hợp với *Trung tâm Nghiên cứu Quốc học* đã tái bản bộ trường thiên tiểu thuyết *Sông Côn Mùa Lũ* của Nguyễn Mộng Giác, và sách đã phát hành khắp nơi trong nước vào đầu tháng 8 năm 1998.

Sách tái bản được in y nguyên văn theo bản nhà *An Tiêm* đã xuất bản lần đầu tại Hoa Kỳ hai năm 1990 & 1991, chỉ thêm "Lời giới thiệu" của *Trung tâm Nghiên cứu Quốc học* và nhận định tổng quát của nhà thơ Đỗ Minh Tuấn ở bìa cuối. Sách cũng in làm bốn tập, dày trên 2000 trang, có hộp, giá mỗi bộ chỉ có 150.000 đồng, tương đương 10 MK (so với giá 78 MK của bộ do *An Tiêm* in).

Theo nhà văn Nguyễn Mộng Giác cho biết, việc tái bản bộ trường thiên *Sông Côn Mùa Lũ* ở trong nước không phải dễ dàng. Hai năm trước, nhà nghiên cứu văn học Mai Quốc Liên trong một chuyến đi thăm các Đại học Hoa Kỳ có đọc được bộ trường thiên này. Về VN, ông vận động xin tái bản bộ sách trong nước. Trong hai năm, việc xin giấy phép gặp nhiều trở ngại, lý do dễ hiểu là tác giả hiện sống và viết ở Hoa Kỳ, và bộ trường thiên tiểu thuyết khác của ông (*Mùa Biển Động*) bị chính quyền Việt Nam liệt vào loại "sách xấu". Mãi đến thời gian gần đây, nhà xuất bản *Văn Học* (Hà nội) và *Trung tâm Nghiên cứu Quốc học* mới được giấy phép. Nhưng hai cơ quan nói trên thực sự chỉ chịu trách nhiệm về pháp lý, chứ không có ngân khoản để xuất bản một bộ trường thiên trên 2000 trang. Một tư nhân đã bỏ tiền ra in *Sông Côn Mùa Lũ*, đợt đầu in 1000 bộ.

Việc tái bản *Sông Côn Mùa Lũ* trong nước đã gây kinh ngạc trong giới cầm bút và nghiên cứu văn học ở Việt Nam, vì đây là lần đầu họ được đọc (không phải lén lút) một tác phẩm dài hơi của một nhà văn hải ngoại.

Rượu Huế uống ở Hội an

HOÀNG LỘC

Người đưa cả Huế vào trong này
(Gió bấc đã vào mấy bữa nay)
Lại bảo lâu hung mới gặp bạn
Vài ly, phải cạn vài ly đầy.

Thiệt đã lâu hung mới thấy bạn
Vài ly, cứ rót vài ly tràn
Mừng ta chính cống rượu Đá Bạc
Mà cũng theo người dãi Hội an.

Hỏi ngươi thử Huế hư hao mấy
Ngươi chỉ cười, che hướng gió trời
Chẳng lẽ mây chiều trên đỉnh Ngự
Lắm lần thương cẩu, chẳng buồn trôi?

Muốn hỏi trăng còn soi Đại nội
Hồ Tịnh tâm, tâm dễ lặng tờ
Để lòng ghé viếng lăng Tự Đức
Đọc nghìn lần mới mãi câu thơ.

Ngươi có từng qua Đồng Khánh cũ
Nhắn giùm ta thuở Huế mù sương
Những tiếu thơ Nguyễn Khoa, Hồ Đắc...
Áo còn ngát nõn một dòng Hương.

Ơi Huế, trăm điều ta muốn hỏi
Từ khi nắng sớm trở mưa mùa
Ngươi bảo Huế chìm trong cốc rượu
Uống tràn sẽ thấm nỗi niềm xưa

Ngươi rót Huế vào trời Hội an
Giọng trong cao ra giọng dục khàn
Quá dỗi cố đô chiều phố cổ
Tóc trắng Thừa Thiên bạc Quảng Nam

Vàng rơi nên tiếc
Truyện Thơ Nôm Triệu Ngũ Nương

Nguyễn Văn Sâm

Triệu Ngũ Nương tân thơ? Lâu nay không thấy sách vở nào nói tới truyện nầy, riêng tôi cũng chưa từng biết rằng trong số tác phẩm còn hay mất của văn chương Việt có một truyện nôm trong đó nhân vật chánh nữ tên gọi Triệu Ngũ Nương. Lý do vì bản nôm chưa từng được phiên âm hay giới thiệu lần nào mà nguyên bản thì không phải ai cũng có duyên để gặp. Tác phẩm văn chương nào cũng đều mang số phận rủi may, nhiều người nhắc thì dễ dàng được thiên hạ mắt xanh, tìm đọc, thưởng thức, khảo sát, bình luận, phân tích, bàn tán; không người biết đến vì lý do binh lửa, tuyệt bản... , còn sót lại bản nào thì cũng đành nằm yên trong bóng tối thời gian có khi dài cả mấy trăm năm trên kệ một thư viện một quốc gia lớn nào đó, hay tệ hại hơn, ép mình trong đám sách nát mối mọt của một tư nhân không tên tuổi tại nước nhà ở nơi đồng quê xa xôi mà chính chủ nhân cũng không biết nội dung là gì, nói chi đến giá trị văn học. Gần đây, từ khi thấy bản nôm *Triệu Ngũ Nương tân thơ* 趙五娘新書 trong Thư Viện Quốc Gia Pháp, tôi nhủ mình hãy cố công tìm thêm những ấn bản khác, những bài viết hay lời nhắc nào đó về tác phẩm nầy. Không lấy gì làm phấn khởi trong một thời gian dài hằng mấy năm. May thay, bộ *Di Sản Hán Nôm*[1] mách hiện ở Việt Nam có hai bản nôm nội dung tương tợ Triệu Ngũ Nương nhưng tên đề thật khác là:

1. *Tì Bà quốc âm truyện* 琵琶國音傳 (ký số AB.133) bản viết tay, dầy 166 trang do Kiều Oánh Mậu *đề tựa* vào năm Thành Thái bính thân (1896)

2. *Tì Bà quốc âm tân truyện* 琵琶國音新傳 (ký số AB 272) do Kiều Oánh Mậu *diễn nôm,* bài tựa đề năm Thành Thái thứ ba (1891). Trong quyển này còn có tựa, bạt, đề từ của nhiều nhân vật văn học như Khiếu Năng Tĩnh (1901), Nguyễn Thuật (1898), Dương Khuê (1900), Nguyễn Khắc Vĩ (1900), Bùi Khánh Diễn (1900). Đây là một bản in, tuy lời tựa vào tác phẩm tác giả viết năm 1891 nhưng quyển sách lại ra đời rất muộn: hơn hai mươi năm sau đó, năm Duy Tân nhâm tý (1912). Bản nầy in tại nhà in Áng Hiên Hàng Đào, Hà Nội. Toàn quyển dầy 170 trang, kể cả các tựa, dẫn....

Do điều kiện giới hạn của hoàn cảnh sinh sống xa xứ, tôi chưa thấy được hai bản *Tì Bà*... nói trên, nên đành dùng suy luận để suy đoán một số chi tiết thuộc về văn bản học.

1. Tì Bà quốc âm truyện và *Tì Bà quốc âm tân truyện* rất nhiều khả thể chỉ là một. Ông Kiều Oánh Mậu lần trước (1891) diễn Nôm, đề tựa rồi mấy năm sau (1896) lại sửa san đôi chút, đề tựa một lần nữa. Từ năm đấy, 1896, đến năm1900, ông mời người viết tựa, bạt, đề từ ý hẳn là muốn làm một quyển thật có nhiều người góp mặt. Chủ nhân nhà in Áng Hiên vì lý do nào đó, chỉ tìm được lời tựa năm 1896 và bản viết năm 1891 liền cho in với các lời đề từ. Bản Kiều Oánh Mậu sửa chữa lần sau nầy, bản 1896, vì vậy vẫn chưa được khắc in mà còn ở dạng chép tay. Chép tay do Kiều Oánh Mậu, thân nhơn, hay người chép thuê của trường Viễn Đông Bác Cổ Hà Nội chúng ta không cần thiết phải biết, chỉ cầu mong sự chính xác. Nếu giả sử điều kiện nầy đạt được, thì bản này là bản tâm huyết của Kiều Oánh Mậu, một sự khảo sát đúng đắn về văn bản *Tì Bà quốc âm* phải căn cứ trên *bản chép tay* này, chớ không phải trên *bản in* năm 1912 của nhà in Áng Hiên. Khổ thay chúng ta không xác định được tình trạng chính xác của sự chép đến đâu, cho nên nếu có khảo sát thì cũng là *với sự dè dặt thường lệ.*

2. Nếu có may tìm thấy bản nôm nào được khắc in hay chép tay trước năm 1896 thì vấn đề lại rắc rối hơn. Trước năm này Kiều Oánh Mậu đã có diễn nôm một lần rồi? Hay một tác giả nào đó đã thực hiện chuyện này trước hơn Kiều Oánh Mậu? Nếu từng đã có người đi trước mình thì Kiều Oánh Mậu biết hay không chuyện này, ông và bạn bè ông ở bản in năm 1912 trong các lời tựa, dẫn, đề từ... đã bỏ qua hay nhắc đến bản nầy?

Bao nhiêu vấn đề liên quan đến văn bản và tác giả bản nôm đành gát lại vì không tham khảo được hai bản nôm *Tì Bà quốc âm truyện* và

Tì Bà quốc âm tân truyện hiện còn trong nước, đành làm công việc không muốn tí nào là chỉ sử dụng quyển mình đang có mà không chờ đợi đến lúc thấy được những quyển mình cần phải được tham khảo. Công việc giới thiệu *Triệu Ngũ Nương tân thơ* vì vậy chỉ còn là chú ý đến sự phiên âm và, nếu có thể, đi vào một vài vấn đề cơ bản thuộc nội dung hay hình thức. Giới thiệu tác phẩm một cách trọn vẹn với những giải quyết các vấn đề chung quanh chưa thể gọi là chu đáo vì không giải quyết được tận căn để chuyện tác giả và năm xuất hiện đầu tiên của tác phẩm.

Sở dĩ đang nói về *thơ Triệu Ngũ Nương* lại nhắc đến *Tì Bà quốc âm truyện và Tì Bà quốc âm tân truyện*, vì cả ba đều có cùng cốt truyện. Chuyện Trạng Nguyên Thái Ung 蔡邕 người đời Hán đi thi và những tình tiết liên quan đến sự hai người vợ của ông.... *Di Sản Hán Nôm* mách truyện này do người đời Nguyên là Cao Minh 高明 viết ra trong *Tì Bà ký* 琵琶记[2]. Vì *Triệu Ngũ Nương tân thơ* xuất hiện trong Nam và trước *Tì Bà quốc âm truyện cùng Tì Bà quốc âm tân truyện* nên rất nhiều khả thể đó là bản hoàn toàn khác và không liên hệ gì với hai quyển *Tì Bà*... sau đó hàng chục năm mới xuất hiện ở Hà Nội[3]. Sự suy luận này nhiều phần đúng nhưng cũng có thể sai, và chỉ kiểm chứng được nhờ những học giả trong nước, những vị đã được đọc *Tì Bà Quốc Âm truyện* và *Tì Bà Quốc Âm tân truyện* mà thôi. Suy luận, vì không thể chờ lâu hơn nữa và muốn giới thiệu ngay với học giới một truyện nôm cũng vào hàng đáng được lưu tâm như một tài sản văn hóa Việt Nam kha khá về mặt giá trị. Những vấn đề gợi ý trên đây tuy quan trọng nhưng vẫn là chuyện bên cạnh, vòng ngoài tác phẩm, không quan yếu về mặt văn hóa bằng chính tác phẩm với lời thơ và nội dung chuyên chở của nó.

Triệu Ngũ Nương tân thơ được khắc in năm đinh hợi, 1887, dưới sự trông coi của một người mình hường ở Xóm Dầu 鳳油里[4] là Minh Chương thị 明章氏, (trước đây công việc nầy được gọi là đính chánh) việc phát hành do nhà Quảng Thạnh Nam 廣盛南 ở Chợ Lớn lo liệu.

Triệu Ngũ Nương tân thơ chỉ ra đời trước bản *Tì Bà* viết tay của Kiều Oánh Mậu 10 năm, ông Minh Chương khi đính chánh đề tên mình hẳn hòi mà không nói gì đến tác giả vậy rất nhiều khả thể ông ta không biết gì về chuyện tác giả, nói cách khác, người diễn nôm bản Quảng Thạnh Nam khó có thể là Kiều Oánh Mậu. Chúng tôi đặt *Triệu*

Ngũ nưởng tân thở vào nhóm truyện thở khuyết danh của miền nam được viết ra trễ nhứt là cuối thế kỷ 18.

Triệu Ngũ Nưởng một tác phẩm của miền nam: Đọc kỷ bản nôm, ta thấy tính chất nam rõ ràng trong hình thái cấu trúc chữ nôm dùng trong tác phẩm và tính chất nam hiện diện trong một số từ ngữ thuần nam rất ít thấy được sử dụng ở miền ngoài.

Ngày nay đọc một bài văn khi gặp các chữ *lăng* (ngã lăn), *hang* (hỏi han), *vân/ vưn* (vưng lời), *chưng* (chưn cao chưn thấp), ta nói là sai chánh tả. Sai vì phải viết *lăn, han, vưng, chưn,* theo giọng nói ngoài bắc. Thời trước, *chuẩn đúng sai theo giọng đọc miền bắc* chưa được áp đặt một cách mạnh mẽ, qua các bài học chánh tả văn phạm trong nhà trường như sau nầy nên người vùng phía nam viết theo giọng nói mà mình quen nghe, quen phát âm từ nhỏ. Nói không phân biệt chữ n/ng nên viết cũng vậy thôi. Chữ nôm phản ảnh sự không phân biệt đó ở phần hài thanh. Nhờ những *di chỉ* nầy ta quả quyết được nhiều điều, trong đó có việc xác định tác phẩm được viết bởi người miền nam.

Nam bắc phát âm còn có vấn đề âm tận cùng bằng c/t, thinh hỏi ngã, âm đầu d/v/gi. Các thành tố trong những nhóm này chữ nôm nam đa phần dùng lẫn lộn cho nhau. Thêm vào đó, người miền nam đối với những chữ cần uốn lưỡi, bẻ miệng (cong môi) thì họ nói đớt vì sợ bị chê là kiểu cách. Từ đấy các nhóm *xoay/ xây, tuyết/tiết, đọa/đạ, luyện/liệng/liện* trở thành đồng nhứt. Thậm chí sau này *hoa/qua* cũng không khác nhau.

Ghi lại vài trường hợp về *n/ng* trong Triệu Ngũ Nưởng:

c780 *lăn*, bn dùng *lăng* 陵 đáng lẽ hài thanh với lân 鄰, c50 *vưng/vâng* hài thanh với *vân* 云, thường là hài thanh với *bang* 邦, c119 薦 *tiến (hay trải)* dùng để đọc *tiếng* dù rằng thường thường *tiếng* hài thanh *khẩu* với *tỉnh* 省, c182 *chưn* hài thanh với *trưng* 徵, trong khi thường phải hài thanh với *chân* 眞 . Đây là cách viết phản ảnh giọng nam nhứt vì miền nam đọc đồng nhứt giữa *trưng, chưng* và *chưn* nhưng đọc khác xa hai chữ *chưn và chân;* c238 *phàng* bn dùng phần 墳 trong khi thông thường viết bằng *bàng* 旁, c410 *han* bn dùng chữ *hưởng* 香 làm âm trong khi thường được âm với *hán* hoặc *hiên* 漢, 軒, c491 *thon von là trường hợp đặc biệt nhứt,* HTC viết bằng *thôn văn* 村文 bn âm với *thông* và *viên*, chấp nhận được, với tinh thần không phân biệt n/ng nhưng *thôn* và *thông* đọc đã không còn giống nhau nữa, dù là giọng nam.

Về cách viết c/t không phân biệt ta cũng thấy trong chữ nôm của Triệu Ngũ Nương:

c108 *tạt* 乍, thường được viết bằng *tất* 悉, bn viết bằng một phần của chữ *tác* 作, c250 *dức*, thường được âm với chữ có *c* cuối như *đặc, thức, chức, tức,* bn đã viết thành *dứt* (1/2 đát/đất + đao), c433 *mặc* tình đã viết là *mặt* vì dùng *diện* 面 chỉ nghĩa 末 *mạt* chỉ âm, thường *mặc* được viết 墨 hay 默, c475 *chút* bn âm với *chúc* 祝, chữ này thường được âm với tốt 卒 hay xuất 出, c774 *khác* thường được viết với *khác* 恪, bn dùng *khát* 渴.

Cách đọc đốt cho âm đầu và nhị trùng âm cũng thấy trong Triệu Ngũ Nương:

c139 *tiết* 節 đã dùng *tuyết* 雪 , c241 *quanh* thường được âm với *quang* 光, bn âm với *cạnh* 頃, cũng là phản ảnh các cách đọc nói không uốn lưỡi bẻ miệng của miền Nam. *c337 râm* viết bằng dâm 淫, là do cách đọc *đốt* của giọng nam *râm*, chữ bắt đầu bằng âm r không có trong tiếng Hán Việt, chữ nôm gặp âm đầu r hầu hết đều viết bằng l, *râm* phải dùng với *lâm* 林 mới đúng theo luật chung, *c566 lạc loài* 落類, bn viết *lạc lài* 落萊 cũng là cách viết theo giọng nam như xây vần/xoay dần, c733 (gìn) *giữ*, bn đã dùng chữ *dữ* 與.

Ngoài ra còn cách đọc giọng nam cần thiết để được vần, nếu đọc khác đi sẽ không thành vần đúng theo quy luật, điều mà mấy chục năm gần đây người ta chế cho và gọi đó là vần thông. Đây là các trường hợp chữ *yên/an, đàng/đường, tuyền/toàn, dong/dung, sơn/san....* Để khỏi dài dòng không cần thiết cho những ai không đi sâu vào vấn đề chánh tả, xin chỉ xin ghi lại trường hợp chữ *dong/dung* mà thôi. câu 521-524 như sau:

Nới nới khác cảnh lạ người
Chim kêu vượn hú tứ bề non sông
Vai mang bức tượng chớn dung/dong
Tì bà một chiếc để phòng *giáo khuyên*

c523. bức tượng chớn dung phải được đọc *là bức tượng chớn dong* theo cách nói xưa, như chữ *dong* trong câu ca dao *trông mặt mà bắt hình dong, con lợn có béo thì lòng mới ngon,* để hợp vần với *sông, phòng* ở các câu trên và dưới. Sự kiện này có thể bị phê bình là không cần thiết phải trở về các cách nói gần như đã tuyệt, quá xưa, gây rối rắm vô ích cho người không chuyên môn nhưng mặt khác lại bảo toàn được giọng đọc xưa của chữ đó[5]. Trương Vĩnh Ký và các nhà văn miền

nam cuối thế kỷ 19 đều dùng đồng thời hai âm tùy theo trường hợp. Thí dụ trong bản phiên âm bài thơ *Nữ tắc* 女則, nhà in F. H. Schneider, 1911, phần mở đầu:

Mở thiên nữ-tắc xem chơi,
thấy trong huấn-hối mấy lời rộng xa.
Quốc-âm vậy mới diễn ra,
để cho con-gái đờn-bà cùng nghe;
Ở-ăn lấy đấy mà suy,
dạy thì mới biết học thì mới nên.
Phải cho tứ đức vẹn-tuyền,
dung, *công, ngôn, hạnh giữ-gìn chớ sai.*
Dung *thì chẳng lựa chuốt vời,*
bẩm-sanh xấu tốt có người có ta;
Hơn nhau một chút nết-na,
Phải cho thanh-khiết ấy là nữ-dong;
giữ cho tiết-sạch giá-trong,
ôn-hòa học thói chánh-phong nhu-mì;

(Nữ tắc trang 3)

Chấp nhận nguyên tắc có thể đọc hai cách, chúng ta trong việc phiên âm, sẽ tùy trường hợp phiên âm *yên/an, đàng/đường, sơn/san, tánh/tính, tuyền/toàn.* Sự kiện có hai âm rất gần nhau của cùng một chữ Hán Việt mà không đổi nghĩa, bởi vì miền nam còn giữ lại được âm đọc cổ của người Việt, trong khi miền bắc đã thay đổi các âm của những chữ nầy. Sự kiện nầy có thể thấy rõ ở tiếng Pháp trên vài vùng nước Mỹ và Canada, càng rõ hơn ở tiếng Việt của cư dân tại Thái Lan, tại hải ngoại so với tiếng Việt trong nước[6].

Tính chất miền nam của *Triệu Ngũ Nương tân thơ* còn thấy trong một số từ không còn thấy ở miền bắc. Đó là các chữ *mảng, phô, âu.* Tôi nói không còn thấy ở miền bắc vì từ này trước đây đã có trong tác phẩm nhưng ngày nay không còn dùng nữa và rất nhiều trường hợp đã bị hiểu sai.

Mảng là từ thuần nam rất thông dụng thế kỷ trước, có nghĩa mải, luôn luôn, dốc hết tâm trí vào chuyện gì. Mảng không có nghĩa *ham vui quên hết bổn phận*, cũng không có nghĩa *nghe*[7] (nghe = mắng, *từng mắng*, không phải *tượng mảng*). Mảng chỉ một tình trạng kéo dài, như từ mải mê ngày nay. Ca dao miền nam còn nhiều câu có từ mảng nầy. *Mảng vui quên hết lời em dặn dò. Mảng lo sự khó quên ngày muối dưa.*

Mảng sầu con bạn ốm o gầy mòn. Bước xuống ruộng sâu em mảng sầu tất dạ, tay ôm bó mạ lệ nhỏ hai hàng. Thơ Đào Trinh, bổn cũ soạn lại par P. Phước, in tại Sàigòn, 1919, có đoạn:

Mảng *còn van vái khẩn cầu,*
Mõi mê nằm nghỉ bổng đâu thấy rồng.
Hào quang chiếu sáng ngoài trong,
Đào Trinh chuyển động đau lòng huê khai
Rõ ràng sanh đặng một trai,
Hình như tiên tử nào ai sánh tày.
Xem qua bốn chữ bàn tay,
Đế vương xuất thế nàng rày hiểu đâu.
Mảng *còn nhấm nhía giây lâu,*
Chữ kia đã lặn rồng chầu cũng phi.

(Thơ Đào Trinh, trang 2)

Ở đây cần mở dấu ngoặc để nói thêm về chữ mảng. Giáo Sư Hoàng Xuân Hãn đã giải thích gần đúng ý chữ mảng khi chú giải quyển Bích Câu Kỳ Ngộ: *Mảng: vui thích việc gì mà quên những việc khác*, ông cũng dẫn ca dao mảng vui quên hết lời em dặn dò . Nói gần đúng vì mảng có nghĩa mải vì việc gì mà quên việc khác nhưng không nhứt thiết vì *vui thích*. Các câu dẫn trên cho thấy mải sầu mải lo, mải than vắn thở dài...[8] Trong các tuồng hát bội viết trong nam chữ mảng được dùng nhiều, xin nhắc đến một thôi. Lo nỗi gót lân muộn trễ, hiềm vì đuôi phụng vắng sanh. nên thốn thức năm canh, mảng lo âu một sự[9].

Câu thơ 590 trong Triệu Ngũ Nương còn có một từ đáng cho ta chú ý, từ phô. Đây là đoạn nói về người nhà của tiểu thơ được sai đi tìm mướn một người đàn bà trẻ để giúp việc vặt trong nhà, tìm không được, trở về nhà thì thấy đi ngang trước cửa một ni sư, bèn vào bẩm lại với chủ để chủ quyết định có nên hỏi mượn người nầy hay không. Đoạn văn như sau:

Môn tiền gặp kẻ đạo cô
Bèn vào thưa lại người phô *lê nào*
Tiểu thơ dạy đem người vào
Hỏi han sự tích tiêu hao cho tường

Phô cũng là từ thuần nam, tuy không thông dụng bằng mảng nhưng tác phẩm miền ngoài vắng bóng từ *phô* nầy. *Phô* nôm không có nghĩa *bày tỏ, khoe khoan* như *phô* 鋪 hv mà chỉ có nghĩa *nói năng* với tất cả sự bình thường của chữ nầy. HTC dẫn *nói phô* và cắt nghĩa bằng

nói năng. Ca dao còn có câu: *Có vàng vàng chẳng hay phô, có con nó nói trầm trồ mà nghe*. LVT, *Trong xe chật hẹp khó phô*. Trong một bài thơ dài tả tâm trạng của người dân Nam Kỳ in trong quyển niên lịch phát hành tại Sàigòn năm bính thìn 1916 do Albert Trần Chánh Chiếu thực hiện, có từ *phô* này, xác định lần nữa định nghĩa của HTC:

Lời nguyền chửng có cao xanh,
Ai dầu lỗi đạo tan tành thân thi.
Đó rồi đời gót ra đi.
Đến nơi Bến-cát tiệm mỳ liền vô
Rượi trà ăn uống nói phô,
Tình cờ gặp gỡ dể mô chối từ
Bỗng đâu trống điểm sang tư... (trg 50)

Huỳnh Văn Ngà (Tràvinh) - *Thơ Ngụ Đời*

Từ *âu* cũng là từ thuần nam. Từ nầy có nghĩa *chắc chắn*. Thật ra *âu* chỉ là cách nói đơn của *âu là, âu hẳn, âu đành*. Nếu được dùng trong từ kép, nó không bị lộn nó với *âu* = lo của hv. LVT, *Tránh ra cho kíp kẻo âu đến mình*[10] là nghĩa *âu* trong *âu hẳn* của Hoài Nam khúc, *tài này âu hẳn tài lành trượng phu*.

Và Triệu Ngũ Nương cũng có chữ *âu* như vậy:

Sợ chưa hết đạo làm dâu
Lại e thiên hạ người âu chê cười
Việc ta như thể việc người
Người thời đặng trọn ta thời chưa xong.

Ngoài chữ xưa *âu* ta còn có những chữ *đủ trong, làm xong* chỉ xuất hiện trong tác phẩm của thế kỷ 18, ngay ĐTTT, đầu thế kỷ 19 cũng không có những từ nầy[11].

Tính chất miền nam xưa còn thấy trong cách đọc một số chữ, nhứt là trường hợp cần phải giữ vần. *c163. Mẹ cha trước đã định* duyên, *cho ta kết nghĩa tao* khang *đã rồi* thì thấy không vần, hoặc dễ dãi hơn, có thể nói là vần thông, hơi hơi tương tợ vần chánh. Đọc theo giọng nam, nghĩa là giọng xưa hơn, thì *mẹ cha trước đã định* duơn, *cho ta kết nghĩa tao* khương *đã rồi*, vần đi rất đúng. Chuyện cũng giống như một số vần của Kinh Thi, nếu đọc theo cách phát âm Bắc Kinh ngày nay thì thấy thất vận thật nhiều. Những thí dụ khác thấy rõ ràng nhứt trong các trường hợp *đàng, san, yên, tuyền*.

Triệu Ngũ Nương có từ xưa đã đành, còn thấy sự xưa của nó trong cách viết chữ nôm. Chữ nôm luôn luôn là quá trình hình thành, hay là

một chuỗi hoàn thiện, mỗi chữ nôm thường có nhiều cách viết vì mỗi cách viết đều có sự hợp lý chút nào đó đã đành mà còn vì chữ nôm được thay đổi theo thời gian. Càng gần thời kỳ xuất hiện thì chữ hài thanh càng nhiều. Thời nầy người ta sợ lầm lộn, muốn rõ nghĩa, cho nên gần như tất cả chữ nôm đều viết bằng hài thanh. Một phần ý, một phần thanh. Nếu ý đã có, thanh lại quá gần thì người ta vẫn cẩn thận thêm vào dấu giọng thường là bộ *khẩu* 口, *tâm* 忄 hay *thủ* 扌. Triệu Ngũ Nương có rất nhiều chữ hài thanh mà sau nầy, --đầu thế kỷ 19-- người ta không dùng nữa thay vào bằng *giả tá*, nghĩa là dùng ngay chữ hán việt có âm tương tợ mà không cần thêm gì cả, hoặc là chế tạo cách viết mới đơn giản hơn. Trường hợp nầy ta có thể kể chữ *làm*, bn thường viết bằng *lạm* 濫 làm âm và *vi* 爲 làm nghĩa, tuy rõ ràng nghĩa lý nhưng nhiều nét quá, chữ *làm* sau đó là *lạm* 濫, sau nữa thì chỉ còn lại mấy nét đơn giản của chữ lạm mà ai cũng gọi là phần đầu của chữ *vi*, rất đơn giản. Một thí dụ khác là chữ việc. Chữ *việc* được viết bằng *sự* 事 chỉ nghĩa và *dịch* 役 chỉ âm. Cách viết nầy mất quá nhiều công, sau đó đã chỉ còn mỗi chữ *dịch* 役 giả tá, phần âm *sự* 事 đã bị bỏ đi để khỏi rườm rà. Vì cách viết xưa của chữ nôm trong tác phẩm, tôi cho rằng truyện thơ Triệu Ngũ Nương xuất hiện chậm nhứt là vào cuối thế kỷ 18. Dĩ nhiên lập luận nầy trước tiên phải chấp nhận tiền đề là người đính chánh Minh Chương, để có được bản in của mình, chỉ sửa lại những chữ viết sai trong bản khắc in có trước hay bản viết tay mà ông đã thu lượm được *chứ không sửa đổi về cách viết chữ nôm*. Nếu không chấp nhận tiền đề nầy thì chúng ta không thể đưa ra được bất cứ nhận định nào về thời đại xuất hiện, căn cứ trên chữ nôm của những tác phẩm xuất bản bên Phật Trấn do Minh Chương hoặc Duy Minh đính chánh. Sự khảo sát vì vậy sẽ bế tắt trên nhiều mặt.

***

Chuyện Triệu Ngũ Nương là chuyện của hai vợ chồng giữ vẹn tình nghĩa với nhau khi khó khăn cũng như lúc sang giàu. Một đàng với vợ tao khang tấm mắn. Một đàng với chồng ở xa và cha mẹ chồng già yếu cần săn sóc giúp đỡ. Nho sĩ Thái Ung có vợ là Ngũ Nương, đôi vợ chồng trẻ sống bên cạnh cha mẹ trong cảnh đầm ấm hạnh phúc. Thái Ung hài lòng cuộc sống vì được dịp gần gũi săn sóc trả hiếu mẹ cha, chuyện công danh không là quan trọng khi song thân còn tại đường.

Vào một năm nào đó, nhà vua mở hội thi để chọn hiền tài. Thái Ung như vẫn từ trước đến giờ, lở là với chuyện thi cử cho tới khi cha mẹ bắt buộc phải lên đường ứng thí theo lời khuyên của một người hàng xóm là Quảng Tài rằng con cái thi đỗ, danh vang, làm cho cha mẹ đẹp mặt nở mày cũng là cách báo hiếu. Báo hiếu không nhứt thiết phải luôn luôn ở cạnh bên cha mẹ ngày nầy qua ngày khác. Ngũ Nương cũng khuyên chồng ra đi và hứa mình ở nhà sẽ săn sóc cha mẹ chồng hết lòng hết dạ.

Tại kinh đô, Thái Ung thi đỗ, vua rất đẹp dạ và có vẽ mến tài Quan Thái Sư thấy tân Trạng còn trẻ tuổi, đường công danh thênh thang trước mặt nên muốn gả con gái cho. Thái Ung từ chối viện cớ mình đã có vợ nhà. Sau khi từ chối, Thái Ung dâng biểu từ quan vì thương cha mẹ, vì nhớ vợ hiền đã đành, mà cũng vì thấy quan trường lắm phần rắc rối. Vua không chấp nhận chuyện Thái Ung từ quan nên phong thêm chức Ngự Sử và tứ hôn tiểu thơ con gái quan Thái Sư cho. Đây là sự ngẫu nhiên vì vua không biết chuyện giữa Thái Ung và Thái Sư trước đó. Lịnh vua, không thể cải lại, nên Thái Ung đành ép lòng tuân theo. Cuộc sống quyền chức vợ đẹp hiện tại là nỗi ray rức không rời trong lòng vị quan trẻ. Ông luôn dào-dào không lúc nào vui. Vợ hỏi, ông tỏ thiệt mình đã có vợ trước tại quê nhà và hiện còn cha mẹ già mấy năm nay không biết tin tức ra sao. Tiểu thơ là người biết phải nên đã khuyên chồng tạo dịp về quê để mình được cùng về, thăm tất cả gia mẹ chồng và vợ lớn. Thái Sư không đồng ý việc con gái mình theo chồng đi xa nên đưa ý kiến khuyên Trạng nhỏ kẻ tâm phúc đem thơ về quê rước mọi người lên kinh.

Trong khi Thái Ung sống với sự áy náy, dằn vật cho chính mình ở kinh đô thì nơi quê nhà Ngũ Nương gặp cảnh khó khăn do bao nhiêu năm mất mùa đói kém liên tiếp. Cha mẹ của Thái Ung lần lượt qua đời trong cảnh nghèo khó, thiếu thốn. Tang ma lần nào cũng nhờ sự giúp đỡ tận tình của người hàng xóm tốt bụng Quảng Tài. Ông nầy cũng cho tiền để Ngũ Nương làm lộ phí lên kinh đô tìm chồng và không đồng ý để người thiếu phụ đáng thương kia cắt mái tóc đem bán. Trước khi lên đường, Ngũ Nương họa hình cha mẹ chồng mang theo, như là một cách thế đem vong linh người chết theo mình trên buốc đường chông gai mới. Người của Quốc Trạng gởi về vì vậy không gặp được Ngũ Nương. Trên đường tìm chồng, Ngũ Nương ăn mặc nâu sòng để dễ dàng khi di chuyển. Bữa kia nàng vào tạm trú trong một cảnh chùa thì

vừa lúc Quốc Trạng đến viếng chùa. Bức họa vừa mới treo lên định cầu siêu nhờ Phật độ cho người quá vãng chưa kịp lấy xuống thì nàng phải lánh đi chỗ khác. Trạng về, Ngũ Nương trở lại chốn cũ thì bức họa đã mất, lòng buồn tiếc vô cùng. Trong khi lang thang nơi kinh đô, chưa biết cách nào để gặp mặt chồng thì Ngũ Nương được tiểu thơ mời vào dinh vì đang cần một phụ nữ giúp việc nhà và sẽ hầu hạ chánh thất của Quốc Trạng khi bà được rước về. Khi hai đàng nói chuyện, Ngũ Nương tỏ thật lai lịch mình. Tiểu thơ vui mừng vì đã bất ngờ gặp được chánh thất của chồng. Nàng cũng bày cho Ngũ Nương cách thử lòng Quốc Trạng. Sẵn bức họa mới được quân sĩ dâng cho sau khi viếng chùa (?) Trạng còn treo trong thơ phòng, tiểu thơ bảo Ngũ Nương đề thơ phía sau. Trạng về, đọc được bài thơ thấy trong đấy hàm ý trách móc mới hỏi vợ. Hai vợ chồng bàn về nghĩa lý ở đời. Khi hiểu được rõ ràng lòng Trạng không phụ tình xưa, tiểu thơ mới cho Ngũ Nương ra để hai đàng giáp mặt....

Cuối truyện là sự đoàn viên và trả ơn cùng trả hiếu. Dĩ nhiên cũng có cảnh đề huề một đại gia đình sanh con đẻ cái nối nghiệp thư hưởng...

Như vậy chuyện xoay quanh đề tài đức hạnh của người làm dâu làm vợ và hiếu nghĩa của người làm con làm chồng. Ngũ Nương và Thái Ung đã trọn hạnh, tròn nghĩa. Thái Sư và con gái cũng là kẻ rất biết điều phải quấy. Không phải kiểu Thái Sư nhỏ mọn thù vơ oán chạ trong thơ Lục Vân Tiên. Vua cũng tỏ ra chúa sáng, khác loại hồ đồ ác độc kiểu Bửu vương, Hung Nô của thơ Lý Công, cũng không phải loại không biết dùng trí suy luận kiểu vua trong thơ Phạm Công Cúc Hoa, Dương Ngọc hay Quan Âm Diệu Thiện. Những điều nầy cũng thường thôi. Chúa sáng tôi hiền. Nhân nghĩa lễ trí tín. Bài học luân lý mơ hồ, đầy tính chất lý thuyết trong sách vở thánh hiền, sẽ có hiệu quả hơn cho người bình dân không có dịp cắp sách, phải được cụ thể hóa bằng tiểu thuyết với tất cả hành vi và tình cảm của nhân vật. Bao nhiêu truyện thơ của Việt Nam là bao nhiêu quyển sách luân lý cũng vì lẽ đó, dạy bằng cốt truyện và bằng tâm tình của người viết. Có một điều quan trọng là trong tất cả truyện thơ nôm chưa thấy tác phẩm nào nói đến cái *tình lân lý* một cách rõ ràng như thơ Triệu Ngũ Nương. Đã đành người Việt Nam *có thể bán bà con xa mua láng giềng gần vì bà con xa không (sẵn sàng) bằng láng diềng gần,* họ *sống ở làng,* sang ở nước. Họ sống với, sống chung cùng người làng. Họ ở trong làng, trong xóm. Họ chết có người trong xóm đưa xác, đem chôn. Tình lân lý có được cũng chỉ là

vì nghĩ đến cảnh khi tối lửa tắt đèn. Chưa từng thấy ở đâu nói đến một tấm lòng láng giềng do tình thương, do đạo nghĩa, kiểu *ở đời trọng nghĩa khinh tài, tuy là lân lý thiệt người đại ơn.* Ở Triệu Ngũ Nương tình lối xóm đã biến thành một đạo lý, một chuẩn thẳng như tình bà con, như nghĩa anh em ruột thịt, không phải kiểu cần khi gấp gáy đông có mầy tây có tao mà là *hễ làm lân lý tuất tai lẽ hằng,... xin cho ơn nghĩa vẹn toàn thời thôi.* Tình xóm diềng đã thành tình thương. Đưa tay ra giúp người hàng xóm cũng là kiểu quên nguy hiểm bản thân mà bẻ cây làm gậy xông vào đánh đảng lâu la của Vân Tiên hay hăn hái lên đường trừ đại bàng của Thạch Sanh. Tình người, lòng thương và sự nghĩa hiệp đi trước, làm ơn như một chuyện phải làm, không phải trông chờ trả ơn gì hết. Tác giả nhấn mạnh đến tình tự này vì đã thấy đó là cần thiết cho cuộc sống ngoài đời mà những lời kêu gọi bằng lợi ích được trả lại sau nầy theo tánh các tướng trọ chưa đủ. Phải thể hiện nghĩa lân lý, xóm diềng bằng tình thương mới có sự gắn bó, mới sống chết có nhau. Ta có thể đi xa hơn bằng nhận định rằng tác phẩm nầy được viết ra vì *người lưu dân đến vùng đất mới cảm thấy nhu cầu thiết thân của tình lân lý.* Con người đau lòng từ bỏ quê nhà với làng nước xóm diềng đi khai khẩn vùng hoang địa lạ lẫm, không kẻ thân quen, một sớm đưa mắt quanh quất chung quanh nhận chân được sự cô đơn và nhỏ nhoi hiểm nghèo của thân phận mình trong cảnh vắng vẻ, hoang vu. Gặp được một người gọi là chòm xóm dầu xa xôi mấy hay chẳng thân quen gì cũng thấy ấm lòng và gắn bó. Tác giả chắc là đã có cảm thức đó. Và cảm thức đã biến thành thơ khi ông đọc truyện về Thái Ung.

Từ những nhận định trên, ta có thể đặt giả thuyết rằng tác giả *Triệu Ngũ Nương tân thơ* là một nho sĩ Nam Kỳ ở miền Hậu Giang độ chừng một thế kỷ trước khi người Pháp cưỡng chiếm vùng nầy. Tiếc rằng nhiều lý do từ phía người viết cũng như về phía xã hội, địa lý đã làm cho chúng ta ngày nay chỉ còn thấy được những nét thật mờ nhạt về dấu tích của tác giả.

Tại sao lại cất công khó giũ bụi thời gian để nói về một tác phẩm trước đây chưa từng có người làm văn học nào nói đến? Có đủ chăng tính chất nghệ thuật một tác phẩm đã bị người trước không ngó ngàng tới? Đó là những câu hỏi cần phải dài dòng trả lời, luận lý thuận chống rất chủ quan và tùy thuộc nhiều vào quan điểm văn chương của từng người.

Xin trích lại đây một đoạn có nhiều tính cách văn chương và tâm lý để mọi người cùng coi mắt, ưng không xin để tính sau:

Yến anh đẹp đẽ mọi nơi
Xướng tùy phải đạo trọn lời nghi gia
Trạng thời một tướng đạo nhà
Trăm sầu ngàn thảm lòng mà chẳng vui
Đêm ngày luống những ngùi ngùi
Nhớ thương cha mẹ sụt sùi lệ tuôn
Cách xa đã mấy năm trường
Đói no chẳng biết, mất còn nào hay

12b. *Tuy là trăm việc giải khuây*
Mặt võ mình gầy thân lại héo-don
Tiểu thơ nhớn lúc thanh nhàn
Thừa cùng Quốc Trạng mọi đàng thủy chung
Mấy năm lòng đã bằng lòng
Hãy còn một việc nên phòng chưa an
Nay xin thưa lại cùng chàng
Khuyên chàng khá nói tỏ tường thiếp hay
Lòng sao luống những sầu tây
Mặt võ mình gầy dường có tương tư
Một là nội trợ hữu khuy
Hay là phận thiếp xướng tùy chưa an
Tú bình thiếu kẻ điểm trang
Tần lầu Sở quán mong toan lẽ nào
Trạng rằng Tống Ngọc vô liêu
Vì thương thu sắc linh điêu vậy mà
Ta thời gặp lúc sa đà
Có người hải giác thiên nhai chưa gần
Những điều quán Sở lầu Tần
Lòng đâu còn hỏi thương xuân làm gì
Tiểu thơ lại hỏi lời nầy
Việc chi xin nói, dấu thời làm sao
Phu thê là nghĩa đồng tào
Có đâu lộ vĩ tàng đầu thế ni
Trạng rằng phu phụ tâm tri
Lại e một nỗi quy kỳ chẳng an
Nên lòng còn hỏi lo toan

May ra quận thú tiện đàng ninh gia
Tám mươi cha mẹ tuổi già
Trần Lưu có vợ tên là Ngũ nương
Thơ rằng trong đạo cương thường
Dễ ai nỡ lấp những đường thảo thân
Thiếp xin tỏ với nghiêm đường
Đặng theo phu tướng nhứt đoàn hồi quy.

Muốn hiểu rõ một tác phẩm không gì bằng chúng ta, mỗi người tự mình đi vào việc thưởng thức và nghiên cứu chính tác phẩm để có những khám phá và hưởng được thú vị riêng.

Xin mời nếu quí vị có dịp.

Texas, tháng 3, 1998

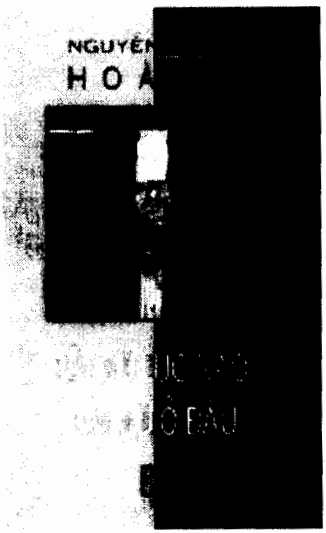

Bất Cứ Lúc Nào, Bất Cứ Ở Đâu

Truyện, Tùy Bút

Nguyễn Xuân Hoàng

Những trang viết về tình yêu, tình bạn trong không khí ngột ngạt, không lối thoát của một Sài Gòn những năm 60....

VĂN

Tái bản
1998

1. *Di Sản Hán Nôm Việt Nam* là một quyển thư mục đồ sộ thực hiện do sự hợp tác Pháp Việt ở quê nhà gần đây để giới thiệu những tác phẩm Hán Nôm của Việt Nam còn thấy được ở dạng in hay chép tay tại các thư viện lớn ở VN và Pháp. Lý tưởng là vậy nhưng các sách Hán Nôm ở trong nhiều thư viện phía Nam đã không được nhắc tới, do đó thư mục này cũng cần phải được bổ túc thêm. Hai quyển *Tì bà*... được giới thiệu ở tập 3, trang 310, 311.

2. Cũng chỉ ghi lại theo sự mách thôi, chưa có điều kiện kiểm chứng.

3. Các bản nôm Phật Trấn rất dễ gặp trong các tủ sách tư nhân ở miền nam, mà hầu như không tìm thấy trong các tủ sách ở bắc, kể cả tủ sách công. Con đường văn hóa phẩm Sàigòn-Hànội không đem lại lợi nhuận nên những gì viết trong nam rất ít tiếng vang ở vùng Thăng Long. Sự kiện này kéo dài mãi cho tới những năm thập niên 30 của thế kỷ này. Tác phẩm khắc, in còn vậy, tác phẩm viết tay truyền tay thì còn ạch đụi hơn, trước đây nho sĩ Bắc hà mấy ai được biết *Kim Thạch Kỳ Duyên!*

4.Vùng Bình An, Chợ-Lớn ngày nay, chố không phải vùng An Bình như *Di Sản Hán Nôm* ghi nhận. Cũng nên ghi nhận rằng vùng Sàigòn, Chợlớn trước đây được tạo thành nhiều *xóm* do việc dân cùng trong một xóm phần đông sống bằng nghề giống nhau: từ xa xưa thời Gia Long thì có Cầu Đường, Xóm Bột; gần đây thì có Xóm Chỉ, Xóm Chiếu, Xóm Tỉnh, Xóm Dầu, xóm Lò Vôi, Chợ Đủi, Chợ Đệm, Chợ Rẫy, Chợ Thiết....., đường Lò Siêu, đường Lò Gốm. . Sự kiện nầy còn thấy trong *Cổ Gia Định Phong Cảnh Vịnh.*

5. Không biết tác giả nên không ghi lại hay biết mà không ghi lại chúng ta khó trả lời dứt khoát. Có trường hợp ngày nay ta tưởng là vô danh như *Thạch Sanh Lý Thông thơ* 石生李通書, thì Duy Minh thị 惟明氏 khi đính chánh đã đề tên tác giả hẳn hòi là Dương Minh Đức thị 楊明德氏. Có trường hợp ta biết tác giả hẳn hòi như Lục Vân Tiên 蓼雲仙 và nghĩ rằng người in thời đó phải đề tên tác giả thì không thấy. Cả hai bản in Lục Vân Tiên của Duy Minh thị, bản Bảo Hoa Các 寶花閣 không đề năm và bản Kim Ngọc Lâu 金玉樓 đề năm giáp tuất (1874) đều như vậy. Cũng nên ghi nhận thêm rằng hai bản nầy do một người đính chánh nhưng chữ nôm khác nhau quá nhiều, lời thơ cũng sai biệt đến số lượng đáng kể. Điều nầy có nghĩa hai bản phải được thực hiện trước sau thật lâu.

6. Riêng sự trở về âm xưa hay không học giới cũng không đồng ý với nhau. Phái chủ trương ghi âm hiện đại có Nguyễn Tài Cẩn trong *Mấy vấn đề về chữ nôm.* Phái trở về âm xưa, có Lê Hữu Mục trong các bài viết gần đây, đăng rải rác trên các tạp chí hải ngoại. Không nói ra rõ ràng nhưng Giáo Sư Lê Hữu Mục trong các bài đó cho thấy chủ trương ghi lại âm thời tác giả viết, mặc dù sự ghi âm trung thực nầy khiến cho bản phiên âm trở nên rối rắm, tối tăm, chúng ta khi đọc nhiều khi không hiểu gì cả.

Bụi đời mười phương
HỒNG KHẮC KIM MAI

Vác một đàn con trên vai
Ta đi bụi đời
Chín hướng mười phương

Trạm đầu dừng chân
Chốn Ngọc Hà lừng danh xóm lưới
Bến dứa trổ gai
Thân tù tội
Ngày cơm cháy lọt lòng không dủ no
Đêm nằm co sàn gạch
Lạnh rút gân nghe con khóc oà
Mẹ đứt ruột
Tiếng ù ơ rung rức đêm thâu
Con muỗi buồn xo
Con muỗi vo ve

Vác một đàn con trên vai
Lôi thôi lếch thếch
Thân ăn mày
Tụ dưới biển trời lên đầu non
Mẹ nhìn con
Mây kêu nhức, gió rên buồn, sương kêu ốm
Con nhìn mẹ
Xơ xác liễu hồn
Quẹt nước mắt
Vắt nguồn thơ ăn qua bữa

7.Mấy sách chú giải Truyện Kiều gần đây ở quê nhà đều lầm về hai chữ mắng và mảng nầy.

8. Hoàng Xuân Hãn, Bích Cây Kỳ Ngộ, Nxb Đại Học, Huế, trang 148. cũng nên nói thêm. chữ mảng trong BCKN, bản khắc, năm viết bằng

9.Tuồng Kim Lân Xích Phụng , tờ 6b, tập Thông Kiên.

10. Xem Trần Nghĩa *Lục Vân Tiên* chú giải.

11. ĐTTT có một chữ *âu* theo nghĩa kể trên, nhưng vẫn là đi với chữ khác, *âu đành quả kiếp nhân duyên*. Mai Đình Mộng ký cũng vậy, *thật âu sắc nước hương trời*. Ý từ thuần nam tôi muốn nói thấy nhiều ở phía nam và gần như tuyệt tích ở phía bắc, cụm từ sắn đây trong ĐTTT ở trong *trường hợp đó*.

Miếng tủi miếng thắt
Mặn lạt tình thâm

Bằng đôi chân của khủng long
Bằng đôi cánh đại bàng
Bằng trái tim gà mẹ
Ta áp đảo biển đông
Dọn đường thế hệ
Đưa con đến xứ hào quang
Đến đây
Bốn mùa tiết đổi
Cây trái ngọt lành
Mẹ mẹ con con
Lết mòn ruộng dâu
Từ đất bùn ta đứng lên
Cất tiếng hát mừng đời tự do
Tiếng hát thấm dòn
Tiếng hát vẫn dòn tan

Thấm thoát mười sáu năm
Ta tất bật bụi đời
Quên thời gian
Quên phấn quên son
Hôm nay nghe con ra trường
Ta rộn ràng
Thấp thỏm soi gương
Mới thấy hoang tàn
Đời dâu biển trên nét mặt
Mới giật mình
Thấm mệt
Tuổi xuân đã tiêu ma!

Hôm nay con mừng vui
Ta cũng mừng vui
Riêng ta
Ta đứng bùi ngùi
Riêng ta
Ta đứng bồi hồi
Nghe loa xướng danh tên con
Tân khoa tiến sĩ
Mẹ òa khóc
Tưởng gọi chính tên mình

Bàn về "đánh dấu thanh" trong tiếng Việt

Phố Tịnh

Tiếng Việt có sáu thanh. Đây là số lượng thanh cao nhất trong số các ngôn ngữ thuộc cùng loại hình. Hiện nay, trong cách viết "chữ quốc ngữ" tiếng Việt, có một vài khác biệt trong việc đánh dấu thanh. Những khác biệt này chủ yếu là ở lối bỏ dấu thanh trên các nguyên âm kép, tức là những tổ hợp có hơn một nguyên âm. Có khi dấu thanh bỏ trên nguyên âm thứ nhất, có khi lại đánh trên nguyên âm thứ nhì. Thí dụ chúng ta viết *quả* nhưng lại viết *tòa*, hoặc viết *thủy* nhưng lại viết *quí*. Bỏ dấu như thế nào mới "đúng", mới hợp lí ?

Nếu để ý thì sẽ thấy là có một số tờ báo tiếng Việt đã công khai đặt vấn đề này ra, xem như một cách góp phần vào việc chuẩn hoá tiếng Việt. Chẳng hạn tập san *Diễn Đàn* (Paris) cho rằng phải bỏ dấu thanh trên các nguyên âm chính; do vậy dấu thanh phải bỏ trên Y trong cặp UY (thí dụ: *thuỷ, thuý, chuỳ*), trên A trong cặp OA (thí dụ: *hoà, toạ, xoã*), trên E trong cặp OE (thí dụ: *xoè, hoẹ*). Nhóm chủ trương cho rằng trong chính tả tiếng Việt thì lối viết UA trong tiếng Việt có phần thiếu hợp lí, vì nó ghi hai tổ hợp âm khác nhau: QUA, CUA. Nhóm chủ trương tập san cho rằng hai tổ hợp nguyên âm khác nhau /ua/ và /uô/, và cho rằng chúng khác nhau về tính cách, do vậy đánh dấu thanh có khác nhau: chữ đầu bỏ dấu trên âm chính là A: *quá*, trong khi chữ sau đánh dấu trên U vì nó là âm chính: *của, tủa*. [1]

Trong bài này, chúng tôi xem xét lại và đưa ra một vài đề nghị nhỏ liên quan đến vấn đề đánh dấu thanh. Chúng tôi sẽ thảo luận vấn đề thanh tiếng Việt trên cơ sở ngữ âm, vì đây là cơ sở xác đáng.

Thanh là thành phần cuả âm tiết tiếng Việt

Khi phát âm tiếng Việt, chúng ta phát âm từng đơn vị lời nói cắt rời nhau, gọi là *âm tiết*. Khi phát âm chậm một âm tiết, có thể nhận thấy khá rõ là mỗi âm tiết đều có nhiều nhất là ba đơn vị phát âm: âm đầu + âm chính + âm cuối. Ba thành phần trên gồm những âm vị xuất hiện tương đối theo thứ tự trước sau, nên gọi là những âm vị tuyến tính.

Ngoài ra, mỗi âm tiết được định một bậc cao thấp, gọi là thanh điệu. Trong lời nói, mỗi âm tiết tiếng Việt đều mang một thanh. Thanh này xuất hiện lập tức khi âm tiết được phát ra, cho nên có thể nói rằng thanh là một thành phần bất khả phân cuả âm tiết. Thanh là thành phần âm vị phi tuyến tính cuả một âm tiết tiếng Việt. Thanh là một sắc thái cuả âm thanh các âm tiết, qua đó khi phát âm sẽ định bậc cao thấp khác nhau cuả mỗi đơn vị cuả chuỗi lời nói. Có sáu thanh làm tiêu chuẩn định bậc cao thấp khác nhau, thường gọi là *ngang*(-), *hỏi* (#), *sắc* (!), *huyền* (@), *ngã* (\$) *nặng*(%).

Như vậy thì mỗi âm tiết tiếng Việt có tối đa bốn đơn vị cấu thành. Sơ đồ dưới đây có thể tóm tắt về kết cấu bốn thành phần cuả một âm tiết tiếng Việt

Thanh			} âm vị phi tuyến tính
âm đầu	âm chính	âm cuối	} âm vị tuyến tính

Hình 1: sơ đồ kết cấu âm tiết tiếng Việt

Tính cách ngữ âm cuả thanh trong âm tiết

Trong phạm vi một âm tiết, thanh có hai tính cách như sau:

(1) Thanh có tính vang phụ thuộc vào tính cách cuả các nguyên âm trong âm tiết. Cùng ở bậc thanh cao nhất (thanh sắc), nhưng thanh sắc cuả nguyên âm /**u**/ khác với thanh sắc trong nguyên âm /**ê**/.

(2) Tính cách đặc trưng cuả mỗi thanh đạt mức rõ rệt nhất khi âm tiết đạt đến đỉnh cao cuả nó. Mỗi âm tiết có một đỉnh cao về mặt âm lượng, ấy là khi âm tiết thành phần âm chính.

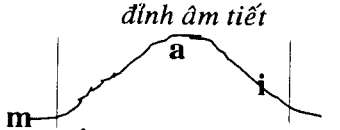

Hình 2: đồ biểu một âm tiết tiếng Việt / mai /

Khi phát âm chậm hai âm tiết / *cái bàn* / chẳng hạn, có thể nhận ra hai âm đầu cũng mang tính cách cuả thanh cuả âm tiết đó. Khi kéo dài phần cuối cuả mỗi âm tiết trên ta cũng nhận thấy rõ là thanh còn "đọng" lại ở các âm cuối cuả âm tiết. Nhưng cũng hiển nhiên một điều là thanh thể hiện rõ nhất ở hai âm chính cuả âm tiết qua hai nguyên âm /a/.

(3) Trong chín trường hợp âm tiết có thành phần âm chính mang một nguyên âm kép thì có hiện tượng nguyên âm trượt tăng dần khi phát âm. Trong trường hợp này âm tiết có hai đỉnh: một đỉnh thấp và một đỉnh cao hơn.

Thể hiện thanh qua chữ viết

Nói đến thanh là chủ yếu nói về mặt phát âm. Khi thể hiện ra chữ viết thì nhiều ngôn ngữ không thể hiện thanh -nói riêng- và các yếu tố ngôn điệu -nói chung. Ngay tiếng Việt chúng ta cũng có hiện tượng như thế. Khi xưa ta viết chữ Nôm, mỗi chữ là một khối vuông ghi lại một tiếng lẻ bằng những nét viết cuả chữ Hán. Kết cấu một chữ Nôm không cho thấy kí hiệu nào để chỉ thanh cả. Đến khi chúng ta chuyển sang dùng "chữ quốc ngữ" thì chúng ta dùng một hệ thống chữ viết ghi âm, nghiã là mỗi đơn vị phát âm -gọi là *âm vị*- được thể hiện ra chữ viết bằng một kí hiệu chữ viết gọi là *đồ vị*. Trước kia chúng ta thường quá để ý vào từng chữ cái nên nghĩ rằng chữ quốc ngữ có nhiều sai chệch giuã phát âm và chữ viết. Chúng tôi đã lập một bảng đồ vị thì thấy rằng mỗi âm vị tiếng Việt đều có một đồ vị tương ứng. (Phạm *et al.*, 1998). Kí hiệu ghi thanh điệu cũng thế: mỗi âm tiết khi ghi lại bằng chữ viết đều mang một dấu thanh, gọi là 'đồ vị thanh'.

Tại sao lại phải dùng dấu thanh trong khi các ngôn ngữ khác trên thế giới không dùng kí hiệu chữ viết để thể hiện nó ?

Đúng là các ngôn ngữ dùng bảng chữ cái Latin không dùng thêm kí hiệu chỉ thanh, mà chỉ ghi lại các âm vị tuyến tính bằng các đồ vị là con chữ. Hệ thống chữ viết khối vuông như chữ Hán và chữ Nôm cũng không có kí hiệu chỉ thanh. Nhưng trường hợp chữ quốc ngữ có khác. Khi dùng bảng chữ cái Latin, các đồ vị con chữ chưa đủ để phân biệt ý nghiã một từ được viết ra, vì có đến sáu thanh phải phân biệt. Đã đành thanh chỉ là yếu tố ngữ âm không thuộc về thành phần âm vị tuyến tính, nhưng thanh tiếng Việt không hẳn chỉ là một yếu tố ngôn điệu mang tính cách hoa mĩ cho âm tiết, mà là một thành phần không thể thiếu được khi phát âm một âm tiết. Nói cách khác, âm tiết tiếng Việt chưa hoàn chỉnh khi chưa được định thanh. Có lẽ các nhà sáng chế ra chữ viết theo bảng chữ cái Latin mà ta

thường gọi quen là "chữ quốc ngữ" đã hiểu rất rõ tính cách bất khả phân cuả thanh đối với âm tiết tiếng Việt, cho nên các vị đã dùng đến những kí hiệu để chỉ thị các bậc thanh tương ứng.

Đã là kí hiệu thì chỉ là vấn đề quy ước. Vậy thì có thể dùng quy ước gọi tên thanh bằng số thứ tự như các nhà ngữ học trường phái Nga đã làm trước đây. Họ gọi thanh tiếng Việt như sau: thanh 1(-), 2 (@), 3($), 4(#), 5(!), 6(%). Có thể thấy ngay là bảng gọi tên thanh tiếng Việt như thế có ý nghiã rằng cách gọi tên các thanh như ngày xưa chỉ là cách gọi "tượng thanh", nghiã là một thứ quy ước khác mà thôi. Bản chất thanh thứ năm chẳng hạn, là "thanh cao vút lên, ở một bực thanh nhạc cao nhất trong số sáu thanh tiếng Việt", cho nên có thể gọi nó là thanh *sắc*, hay thanh *vút* (như Nguyễn Bạt Tuỵ), hay là thanh 5 thì cũng chỉ là chuyện gọi tên. Vấn đề đặt ra là khi nhìn thấy một chữ mang thanh 5 đó thì phải nâng âm tiết lên đúng độ cao nhất trong sáu bậc thang thanh điệu tiếng Việt. Trở lại cách gọi truyền thống, chúng ta có thể nhận ra một điểm lợi lớn là gợi ngay cho chúng ta bậc cao thấp cuả chính thanh vừa được gọi tên.

Nhưng vấn đề không chỉ là định danh, mà còn là trình bày thanh thế nào dưới dạng đồ vị. Ở đây, cách dùng con số không tỏ ra thích hợp nữa. Làm thế cũng chẳng khác gì hành vi cực đoan khác trước kia, khi một nhà báo Việt Nam - ông Nguyễn Văn Vĩnh- dùng con chữ để chỉ thị thanh điệu trong khi viết. Ông cho rằng như thế rất tiện dụng cho nhà máy in, vì chẳng cần đúc thêm những kí hiệu chỉ thanh như chữ quốc ngữ hiện hành. Thể nghiệm cuả ông nhanh chóng đi vào quên lãng, vì nó không có cơ sở nào cả.

Một vấn đề nữa: thanh điệu tiếng Việt là thành phần âm vị phi tuyến tính, nghiã là thành phần bao trùm cuả âm tiết, thì thanh có thể đặt trên bất cứ bộ phận nào cuả chữ viết; hà tất phải câu nệ mà bỏ dấu thanh vào một vị trí cố định ?

Trước hết, cần xác minh là, về mặt ngữ âm, nói thanh là âm vị phi tuyến tính chỉ có nghiã là thanh không xuất hiện theo trật tự trước sau cuả các âm vị tuyến tính: âm đầu→âm chính → âm cuối. Nhưng thanh còn một tính cách quan trọng khác là có tính vang. Thanh thể hiện rõ nét nhất là ở thành phần âm chính cuả âm tiết do nguyên âm đảm nhận. Cho nên thể hiện cách viết các dấu thanh theo quy ước truyền thống từ thế kỉ XVII đến nay là một điều xác đáng. Các nhà sáng chế chữ quốc ngữ đã tiến đến ổn định vị trí cuả dấu thanh tiếng Việt là đặt trên nguyên âm -tức là thành phần âm chính cuả âm tiết khi phát âm. Chẳng hạn câu sau đây: *"Người lên ngựa kẻ chia bào"* đều có các dấu thanh đặt ngay trên các nguyên âm. Điều này có thể chỉ là cảm nhận tinh tế ban đầu, nhưng đã tỏ ra rất xác

đáng về mặt âm học và ngữ học.

Có điều rằng xưa nay việc ghi dấu thanh cho các từ có hơn một một nguyên âm thì thường thiếu tính cách nhất quán, dẫn đến những lối ghi khác nhau. Nguyên nhân không phải là từ bản thân tiếng Việt hay là từ hệ thống chữ quốc ngữ đâu. Mà chính là vì sự thiếu nhất quán trong việc mô tả hệ thống *nguyên âm kép* (dipthong) cuả tiếng Việt. Cho nên tìm hiểu hệ thống nguyên âm kép tiếng Việt sẽ giúp giải quyết đúng vấn đề "đánh dấu thanh" khi viết.

Nguyên âm kép cuả tiếng Việt

Trước nay các sách mô tả ngữ âm tiếng Việt đều chấp nhận giải thuyết cho rằng nguyên âm kép cuả tiếng Việt gồm có ba đơn vị như sau: **iê (ia), ươ (ưa), uô**. Các nhà ngữ âm đã biện luận rất nhiều về khả năng kết hợp cuả các nguyên âm kép / **iê** /, / **ươ**/, / **uô**/ để thừa nhận chúng là những nguyên âm kép một âm vị (Lê 1948, Nguyễn 1949, Đoàn 1977). Tuy nhiên các tác giả trước đây không thống nhất ý kiến nhau về tính cách cuả các nguyên âm kép tiếng Việt, do vậy mà ý kiến cuả các vị cũng rất phân tán .

Tiếng Việt có 9 nguyên âm kép, thường viết ra dưới dạng như sau: **iê (ia), ươ (ưa), uô (ua), ươ, uê, oe, oa (ua), uy, uyê (uya).** [2] Các tác giả trên đây đều đồng ý là các tổ hợp / **iê**/, / **ươ**/, / **uô**/ là những nguyên âm kép, tuyệt nhiên không có tác giả nào quan tâm đến sự tương đồng giữa ba nguyên âm kép / **iê** /, / **ươ**/, / **uô**/ và sáu nguyên âm kép khác.

Một điểm khác nữa là: ngoại trừ Lê Văn Lý là người đã thấy nguyên âm thứ nhì trong các tổ hợp hai nguyên âm cảm nhiễm thanh mạnh hơn, các tác giả khác (Nguyễn 1949, Đoàn 1977) đều cho là trong ba tổ hợp / **iê** /, / **ươ**/, / **uô**/ thì yếu tố đầu mạnh hơn, do vậy mà không nhận ra một tính cách chung nổi bật cuả tất cả chín nguyên âm kép này: chúng đều là những "nguyên âm kép trượt tăng dần" từ nguyên âm thứ nhất (I, U, Ư) sang nguyên âm thứ nhì. Những kiểm nghiệm qua cứ liệu thực nghiệm âm học gần đây nhất đã xác nhận hiện tượng trượt tăng dần cuả 9 nguyên âm kép tiếng Việt. (Xem Phạm *et.al.*, 1998: tr. 3-35, 3-37).

Tất cả những nguyên âm kép tiếng Việt nói trên đều có những tính cách chung sau đây:

- đó là những âm vị làm hạt nhân cuả âm tiết như các nguyên âm đơn;
- có độ dài ngang với một nguyên âm đơn ở thể bình thường;
- yếu tố thứ nhì luôn luôn mạnh hơn yếu tố thứ nhất;
- kết hợp được với các loại âm tiết mở (khi không có âm cuối), và âm tiết

khép (nghiã là khi có âm cuối để khép âm tiết).

Các nguyên âm tiếng Việt có thể kết hợp với nhau để cho những nguyên âm kép trượt tăng dần. Dạng trượt tăng dần là nét đặc trưng cuả lối kết hợp nguyên âm kép tiếng Việt. Nguyên âm trượt tăng dần là các nguyên âm kép lập thành từ một trong hai trường hợp như sau:

(a) hoặc là một nguyên âm cùng bậc (hẹp, trung bình, rộng) nhưng đối lập nhau ở điểm phát âm (trước, giữa, sau) trượt về với nhau theo chiều: sau→giữa, sau→trước ;

(b) hoặc là hai nguyên âm khác bậc và điểm phát âm cùng trượt về với nhau theo chiều cao→thấp, nghiã là trượt từ vị trí mở hẹp sang rộng hơn.

Các nguyên âm kép trượt tăng dần cuả tiếng Việt đều có tính cách chung là âm tiết mang chúng có hai đỉnh cao, trong đó đỉnh thứ nhì [ở chỗ nguyên âm thứ nhì] cao hơn và là đỉnh cao cuả âm tiết (Hình 3). Nguyên âm thứ nhì này sẽ là yếu tố cảm nhiễm thanh mạnh hơn trong bộ phận âm chính cuả âm tiết. Vì thế, đồ vị thanh được ghi trên các đồ vị ghi âm vị mạnh cuả âm tiết: *tuý luý, kià, huề, quế, hoè, quẽ, khoẻ, ngoẻo, quở, muá, quấn, khoá, thuả*...

Đường biểu diễn về âm lượng cuả âm tiết / *mười* / có thể hình dung như sau:

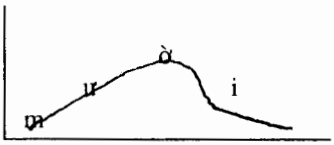

Hình 3: âm tiết có hai đỉnh tạo nên do nguyên âm kép trượt qua nhau

So sánh với nguyên âm trượt cuả một số ngôn ngữ khác sẽ thấy rõ đặc trưng tăng dần cuả nguyên âm kép tiếng Việt. Nguyên âm trượt cuả tiếng Anh chẳng hạn, hoàn toàn là những âm trượt giảm dần, trong đó thành tố nguyên âm thứ nhất luôn luôn mạnh hơn và là đỉnh cuả âm tiết. Nói cách khác, nguyên âm trượt cuả tiếng Anh và các tiếng Ấn Âu khác đều là những nguyên âm trượt giảm dần.

Viết dấu thanh tiếng Việt

Trong các tính cách trên đây cuả nguyên âm kép tiếng Việt có một tính cách liên quan trực tiếp đến cách viết dấu thanh: ta biết rằng trong nguyên âm kép tiếng Việt, yếu tố nguyên âm thứ nhì luôn luôn mạnh hơn,

làm thành đỉnh cao cuả âm tiết. Điều này dẫn đến quy tắc viết dấu thanh tiếng Việt, trong các tiếng có nguyên âm kép, như sau: ***dấu thanh luôn luôn đặt trên các nguyên âm đứng sau*** .Không có ngoại lệ.

Ứng dụng quy tắc trên vào các trường hợp cụ thể thì có thể có những trường hợp dưới đây:

- Nguyên âm trượt từ I có **iê, ia.**

Thí dụ: *kiến, miễn, tiền, kìa, miá, viá...*

- Nguyên âm trượt từ Ư có **ươ, ưa.** Thí dụ: *dưới, mười, mưả, vưà...*

- Nguyên âm trượt từ U có **uy, uyê/uya, uê, oe, ua/oa, uô, ươ** .

Thí dụ: *khuyu, quỳ, quýt, khuyến, nguyệt, khuya, huế, hoè, quả, hoạ, cuốc, chuộc, quở, thuở* 3

- Những nguyên âm kép kết hợp ở thể ngắn có một số dạng như sau: **uâ, oă/ua.** Thí dụ: *quất, choắt, quắt...*

Một trường hợp có thể gây nhầm lẫn

Chính tả tiếng Việt có một số trường hợp cũng viết với hai đồ vị nguyên âm, nhưng thật ra bản chất cuả chúng khác hẳn những trường hợp nguyên âm kép-trượt-tăng-dần bàn đến ở phần trên. Đó là trường hợp các nguyên âm kết hợp với U, O, I, Y phiá sau chúng. Thí dụ: *sáu, đảo, nhái, thấy...*

Những trường hợp này đều có một kết cấu giống nhau: âm chính + âm cuối. Trong kết cấu âm tiết cuả bốn từ *sáu, đảo, nhái, thấy* trên đây thì *au, ao, ai, ây* không phải là những nguyên âm kép, vì lẽ một nguyên âm kép luôn luôn chỉ là một đơn vị âm chính cuả âm tiết, do vậy nó còn có thể kết hợp thêm với một âm cuối.

Ta biết rằng tiếng Việt có 8 âm vị sau đây đảm nhận thành phần âm cuối trong âm tiết: **m, p, n, t, ng (nh), c (ch), o (u), i (y).** Bốn tổ hợp *au, ao, ai, ây* không thể kết hợp thêm với một âm cuối nào trong số 8 âm cuối kể trên, vì lẽ chúng đã có âm cuối rồi. Chẳng hạn, không thể có kết hợp **au+n, *ao+n, *ai+n, *ay+n* trong tiếng Việt.

Khi phát âm thì kết cấu này không trượt tăng dần như các nguyên âm kép. Ngược lại, chúng "trượt" giảm dần theo đúng quy cách khép âm tiết khi có thành phầm âm cuối. Những âm U, O, I, Y trong trường hợp này chính là những âm cuối để khép âm tiết lại. So sánh hai từ sau đây: *thuỷ* và *thủi*. Từ trên có âm chính là nguyên âm kép /*uy*/ trượt tăng dần từ /*u*/ sang /*i*/; từ thứ hai có nguyên âm đơn /*u*/ là âm chính và âm cuối /*i*/ khép âm tiết lại.

Trong kết cấu âm tiết kiểu âm chính + âm cuối /*u*/, /*o*/, /*i*/, /*y*/ này,

thành phần âm chính có thể gồm một nguyên âm đơn hay một nguyên âm kép. Kết hợp sẽ như sau:

- một nguyên âm + /u/, /o/, /i/, /y/: *màu, sáo, nhài, lủi, vẩy...*
- một nguyên âm kép + /u/, /o/, /i/, /y/: *khuỷu, ngoéo, muối, nguẩy..*

Dù trong trường hợp nào thì dấu thanh cũng không đặt trên bốn âm cuối /u/, /o/, /i/, /y/, mà chỉ đặt *trên nguyên âm đơn hay trên nguyên âm thứ nhì cuả tổ hợp nguyên âm kép* đứng trước các âm cuối đó.

Tóm lại, dấu thanh tiếng Việt có nguyên tắc viết rất nhất quán, và có thể tóm tắt như sau:

(1) Dấu thanh đặt trên thành phần *âm chính cuả âm tiết* khi viết;

(2) Thành phần âm chính cuả âm tiết có thể là:

- một nguyên âm đơn: dấu thanh đặt trên nguyên âm;
- một nguyên âm kép: dấu thanh đặt trên nguyên âm thứ nhì.

Tài liệu:

Đoàn Thiện Thuật (1977), *Ngữ Âm Tiếng Việt.*
Hà Nội: Nxb. ĐH & THCN.
Lê Văn Lý (1948), *Le Parler Vietnamien.* Paris: Hương Anh.
Nguyễn Bạt Tuỵ (1949), *Chữ Và Vần Việt Khoa Học.* Sài Gòn: Ngôn Ngữ
Phạm Thị Tú Minh, Nguyễn Văn Thế & Đoàn Xuân Kiên (1998), *Học Kĩ Đọc Đúng* -Sách Hướng Dẫn I. Tilburg:Zwijsen.
Tập san *Diễn Đàn* (Paris) số 55 (1.9.1996).

Chú thích

1. Xem Diễn Đàn (Paris) số 55 (1.9.96) tr. 2-3

2. Trong cách viết hiện nay, một số các thể ngắn của nguyên âm kép được viết riêng dưới hình thức : uâ, oă (uă). Điều này có thể gây ngộ nhận là tiếng Việt chỉ có hai nguyên âm ngắn đó mà thôi. Thật ra thì mỗi nguyên âm tiếng Việt đều có hai thể: thể thường và thể ngắn (Xem Phạm, et al., tr.3-59 - 3-61)

3. Xem thế thì những trường hợp như cuả, muà và quả...mà tập san diễn đàn cho rằng phải bỏ dấu thanh khác nhau, xét ra chưa thỏa đáng. Cho dù đó là hai tổ hợp nguyên âm khác nhau /ua/ và /uô/, hai tổ hợp trên đều là những nguyên âm kép-trượt-tăng-dần từ U sang A hay sang Ô

Nói cách khác, tất cả những tổ hợp này đều bỏ dấu thanh ở nguyên âm thứ nhì

đón đọc Văn Học số đặc biệt:
Văn nghiệp Võ Phiến
phát hành đầu tháng 10.1998

Trang thơ lục bát

Chiêm bao
TRỊNH GIA MỸ

Chiêm bao, người nụ cười ngoan
Tôi con phố lạ rộn ràng tiếng chân
Đi qua, bước lại, tần ngần
Tình sao dầu dãi bao lần nắng mưa

Dẫu cho người vẫn nói chưa
Tôi xin chỉ một góc thừa, tim ai

Chiêm bao, người tóc thả vai
Đôi con mắt có đuôi dài, dễ thương
Tôi người lỡ bộ bên đường
Đang loay hoay kiếm bờ tường nghỉ ngơi

Dẫu người chẳng hứa nửa lời
Tôi xin chỉ một nụ cười, mắt ai.

Gót mưa
PHAN MINH KHÁNH

Tóc mây buông nửa nụ cười
Đêm mùa Ngâu dó ngậm lời sắt se
Mưa vùi tan ánh điện nhòa
Ngõ thầm ướt ngõ người qua nhớ người
Lối chông chênh nhỏ giọt trời
Góc môi ngày cũ son ngời dấu mưa
Còn trong mắt bão lần xưa
Gót mòn nỗi cát dài thưa thớt buồn

Đúng 50 năm trước: tôi đặt chân lên đất Mĩ

Nguyễn Đình-Hoà

[Nhân dịp Giáo-sư Nguyễn Đình-Hoà kỉ-niệm năm chục năm từ ngày ông đến Mĩ lần đầu vào mùa thu 1948, bản-chí xin phép trích đăng một số trang từ tập *"Lang-thang túi sách: Hồi-kí học-trò của người Đình-Hoà họ Nguyễn"*. Bản Việt-ngữ này chưa xuất-bản, song bản Anh-ngữ, mang tựa đề *From the City Inside the Red River: A Cultural Memoir of Mid-Century Vietnam*, thì do nhà xuất-bản McFarland ở tiểu-bang North Carolina cho ra mắt độc-giả vào tháng 9, 1998.]

Tuy rời đại-gia-đình thân-thương và Hà-thành yêu-dấu hôm thứ bảy 28 tháng 8 năm 1948, bằng tập vé Air France mang tôi sang Nữu-Ước qua ngả Saigon và Paris, nhưng mãi đến mồng 8 tháng 9 tôi mới rời kinh-thành ánh sáng Ba-lê để bay qua New York cho kịp lên trại hướng-dẫn của trường đại-học Union College ngày mồng 10 tháng 9.

Nhật-kí của tôi ghi rằng chuyến đi từ Hà-nội sang Niu-Óoc lâu mất 57 giờ bay. Đó là một kinh-nghiệm khó quên về du-lịch đường hàng-không đối với một chàng thanh-niên Việt-nam trước đó chưa hề bao giờ xa tỉnh nhà bằng máy bay. Bất cứ ai ngày nay đáp phi-cơ liên-lục-địa đều khó tưởng-tượng được chuyến phi-hành cách đây năm chục năm ra sao. Qua ngần ấy chặng đường, tôi không bị nôn ói, chóng mặt hay nhức đầu một lần nào, và tận hưởng mọi bữa ăn trên không-trung. Tôi thiết tưởng cũng không ai ý-niệm được cảm-giác vui-thích và lạ-lùng của một thanh-niên châu Á, hai-mươi-bốn tuổi đầu, lao mình vào những chu-cảnh hoàn-toàn mới lạ, thở không-khí xa-lạ, gặp những khuôn mặt xa-lạ, và phải đối-phó với những phong-tục tập-quán mới-lạ. Tôi tự nhủ là trên bước đường du-học tôi sẽ phải cố gắng thích ứng với nhiều điều mình không quen thuộc. Mỗi lần máy bay cất cánh – từ Saigon (hai lần), từ Calcutta, từ

Karachi, từ Athens, rồi từ Paris (chặng chót) – tôi tự hỏi không biết mình làm sao mà quen được với thực-phẩm mới, ngôn-ngữ mới - thứ tiếng nói mà tôi mới chỉ biết qua văn viết, học ở ban Tú-tài Trường Bưởi với Thầy Carjat.

Đợi đón tôi tại phi-trường quốc-tế Idlewild (mới khánh-thành và về sau được đặt tên là phi-trường John F. Kennedy) sáng hôm mồng 9 tháng 9, 1948 đó là ba ông Việt-kiều đã cư-ngụ bên Mĩ từ đầu thập-niên 1940. Tôi chào ba ông anh đó: Nguyễn Đức-Thanh, Lý Đức-Lâm và Bùi Văn Thinh. Cả ba bắt tay tôi một cách thân-thiết, làm tôi cảm-kích lắm. Anh Đức-Thanh nước da trắng trẻo, đẹp trai, miệng ngậm ống điếu (đặc Mĩ, như tôi nghĩ bụng), bảo: "Tụi tôi đón hụt một chuyến đấy!" và hỏi "Hoà có mệt không?" bằng giọng Hà-nội. Anh Lâm người cao dong-dỏng, mặt trái soan xương xương, môi thâm, thì ít nói và đón chào tôi bằng giọng Vinh, mà tôi được nghe lần đầu. Còn anh Thinh thì người thấp bé, hai hàm răng vàng lóng-lánh, lại bắt tay tôi và "hoan-nghênh" tôi bằng giọng Saigon (tuy rằng anh cho biết anh vốn người Nam-định và qua Mĩ làm thợ điện từ lâu). Thế là "phái-đoàn kiều-bào" đón tôi vào đất Mĩ-châu hôm đó đã dùng cả ba phương-ngữ trung, nam, bắc trong tiếng mẹ đẻ của tôi.

Trước đó, thủ-tục của Sở Di-cư Nhập-cảnh và Quan-thuế Phi-trường cũng không lâu. Tôi mang thông-hành của Liên-hiệp Pháp (Union Francaise) do Ti Mật-thám "Liên-bang" ở Hà-nội cấp, ti cảnh-sát công-an đó thuộc "Uỷ-viên Cộng-hoà tại Bắc-phần và Bắc Trung-phần" đặt dưới quyền "Cao-uỷ Pháp tại Đông-dương." Giấy phép di-chuyển (Titre de Circulation) của tôi, số 4746 ngày 18-8-1948, còn ghi quốc-tịch Bắc-kì (Nationalité Tonkinoise) và cho phép đương-sự là du-học-sinh lên đường – một lượt thôi – sang New York qua ngả Saigon-Paris. Họ còn bắt dóng vào Kho bạc Hà-nội số tiền kí-quĩ hồi-hương là 33.150 phật-lăng Pháp để bảo-đảm nhỡ có chuyện gì lộn-xộn thì cho quay về nước ! Tôi cũng phải có chứng-thư tiêm trừ tả và chủng đậu, rồi hôm rời phi-trường Saigon thì khai với Nhà Đoan Tân-sơn-nhất là có mang theo 4.000 francs Pháp, 20 đồng bạc piastres Đông-dương và 5 đồng tiền roupies Ấn-độ, chưa kể được phép chuyển-ngân một vạn quan Pháp nữa.

Thị-thực vào nước Mĩ thì thuộc loại visa 4e, cấp cho sinh-viên du-học, và do Toà Lãnh-sự Hoa-kì ở phố Rollandes Hà-nội áp triện (tôi có làm việc thư-kí tại đó trong khoảng 1947-48 – về chuyện được cấp học-bổng qua Mĩ, xin xem các bài "Bốn mươi năm trước," Tạp-chí *Văn* số 75, tháng 9, 1988, trang 39-44; và "Bốn mươi lăm năm trước," *Đặc-san Bưởi Chu Văn An*, Hè 1993, trang 15-18).

Xe limousine chở chúng tôi từ thị-khu Queens về nhà anh Đức-

Thanh ở khu đông Manhattan mất đến hơn một tiếng đồng hồ. Tôi ngồi im, miệng há hốc, mê mải nhìn cảnh-trí bên ngoài. Trừ anh Thinh "răng vàng" nói chuyện vui vẻ, mỗi câu đều có lời chửi thề (dù là nhận xét về thành-phố khổng-lồ New York), hai anh kia để tôi ngồi yên. Mắt tôi mở thao-láo, ngắm những toà nhà chọc trời với tường toàn bằng kính, rồi xe cộ đi về như mắc cửi, tắc-xi sơn màu vàng thì nhiều lắm, mà không thấy bóp kèn như bên Paris. Những lúc xe chúng tôi đợi đèn xanh, tôi tha hồ ngắm khách bộ-hành nam-nữ qua đường, thấy họ ăn mặc lịch-sự, quần áo xanh đỏ nhưng không quá loè-loẹt, như trong những phim ảnh tôi đã được xem bên nhà.

Căn áp của anh Đức-Thanh, số nhà 226 East phố 27, gần Đại-lộ Thứ 3 (có cả xe hoả El[evated] chạy trên cao), hai năm sau cũng là địa-chỉ của tôi, khi tôi "share" phòng với anh Đức-Thanh để đi học ở Viện Đại-học New York. Buổi tối đầu tiên đến Mĩ mà tôi được ăn một bữa cơm Việt-nam thật dân-tộc, mới khoái chứ! Ngoài hai anh Lâm và Thinh, còn có anh Antony Đỗ Vạng-Lý (sinh-viên cao-học về Bang-giao Quốc-tế tại Viện Đại-học Columbia) và vợ anh (tên Edith, người Ha-oai).

Tôi nhớ mãi thực-đơn tối hôm ấy có đậu rán, dưa chua, xá-xíu, thịt bò xào cà chua, và lạp-xưởng hấp trong nồi cơm bằng nhôm – toàn mấy món tủ của tôi. Lạp-xưởng, xá-xíu, và dưa chua thì anh Đức-Thanh mua ở đường Mott, phố tàu Chinatown, còn món đậu rán sốt và thịt bò xào thì chính anh ấy làm rất khéo. Và về sau, trong thời-gian từ 1950 đến 1952 tôi ở chung với anh để theo học Viện Đại-học New York, anh còn dạy tôi thổi cơm, rán đậu, xào thịt – và làm cả thạch JELLO tráng miệng nữa. Thổi cơm thì anh Đức-Thanh truyền bí-quyết lấy đốt ngót tay đo nước và muốn có sém phải biết ghế-ghiếc cẩn-thận, rồi hạ lửa nhỏ thì sẽ được cháy non thơm ra phết. Riêng món thạch "ăn liền" kia ở chợ bán đủ các vị, các màu, mà thường tôi còn thêm cả trái cây "fruit cocktail" đóng hộp nữa, khiến cho cô Trần Thị Mít, vị-hôn-thê của tôi từ Saigon sang làm đám cưới vào mùa thu năm 1952, phải rất ngạc-nhiên và phục lăn.

Năm ấy, theo tôi biết, trừ anh Nguyễn Thành-Nguyên dạy Nha-khoa bên California, thì ở miền đông Hoa-kì chỉ vẻn-vẹn có bốn sinh-viên Việt-nam thôi, là anh Nguyễn Văn Lễ từ Pháp, học Viện Kĩ-thuật bang Massachusetts, tức MIT, ở Cambridge, anh Đỗ Vạng-lý từ Nhật, học Columbia, ở ngay New York, anh Huỳnh Sanh Thông từ Saigon, học Viện Đại-học Ohio ở Athens, bang Ohio, và tôi, từ Hà-nội, qua học Union College, ở Schenectady, bang New York.

Sau khi tráng miệng bằng trái cây tươi (tôi thích ăn nho nhất), tôi có một kinh-nghiệm hoàn-toàn mới-mẻ làm tôi vừa tò-mò, vừa hãnh-diện.

Đầu bếp Đức-Thanh gọi tôi ra chỗ chậu rửa bát và đưa cho tôi một cái tạp-dề. Anh Đức-Lâm thì chỉ cho tôi hộp xà-phòng bột, rồi dạy tôi cách mở nước nóng và nước lạnh pha cho ấm, rồi rửa cọ bát đĩa, chén cốc, đũa, thìa, xoong chảo, và nồi nữa. Anh ấy còn giúp tôi dùng khăn lau khô mọi thứ nữa. Đó là một kinh-nghiệm quí-báu trong đời sinh-viên của tôi, vì cho tới tuổi 24 là lúc tôi xa gia-đình, xa tổ-quốc, tôi chẳng biết làm gì cả: ngay đến xới cơm tôi cũng không rành, vì trong nhà đã có chị lớn tôi là chị Thuần phải ngồi đầu nồi và xới cơm ra bát cho từng người trong nhà.

Trường Đại-học Union là trường kĩ-sư, sáng-lập năm 1795, dành cho nam sinh-viên, nhưng về sau thu nhận cả nữ-sinh nữa và trở thành trường "co-educational." Tuy có đủ các ban công-trình-sư về Cơ-học, Hoá-học và Điện-học, nhưng đúng với truyền-thống vùng Tân Anh-cát-lợi, Union cũng có dạy đủ các môn khoa-học nhân-văn và xã-hội. Thành-phố Schenectady, với cái tên khó đọc mà tôi phải nhờ ông xếp tôi là ông Edwin C. Rendall, Phó Lãnh-sự, hôm nhận được điện-tín, nhắc lại vài lần, thì ở gần Albany, là thủ-phủ của Tiểu-bang New York. Schenectady còn có hai công-ti lớn là General Electric, sản-xuất các thứ máy điện dùng làm gia-cụ, và American Locomotive, sản-xuất các đầu máy xe lửa.

Union College là trường đầu tiên trong nước có những nhà trọ cho sinh-viên gọi là hữu-xã "fraternities." Tiêu-ngữ của nhà trường bằng tiếng Pháp nói là "Theo luật nữ-thần La-mã Minerva, tất cả chúng ta đều là anh em ruột thịt trong nhà" *(Sous les lois de Minerve, nous devenons tous frères)*. Minerva, biểu-tượng của sự khôn-ngoan và khéo-léo, tương-đương với thần Athens của Hi-lạp, mà tiếng Trung-quốc phiên-âm rất khéo thành "Nhã-điển." Năm 1948, nhà trường bắt đầu một chương-trình gọi tắt là H.E.L.P., *Higher Education for Lasting Peace*, nghĩa là "Giáo-dục Cao-đẳng để tiến tới một nền Hoà-bình Vĩnh-cửu." Theo chương-trình đó, mỗi một hội huynh-đệ (có tên bằng chữ cái tiếng Hi-lạp) đứng ra nuôi "room and board" (tức ăn ở) một sinh-viên từ nước ngoài, còn nhà trường thì miễn học-phí – năm 1948-49 chỉ tốn có $500 Mĩ-kim, so với $19,782 cho niên-khoá 1995-96. Nhà hữu-xã nhận bao tôi ăn trọ năm ấy tên là Delta Upsilon Fraternity, thường được gọi tắt là chữ D và chữ U (đi-yu).

Chương-trình HELP thật ra đã bắt chước chương-trình của Đại-học Bowdoin tại bang Maine, và được anh Charles Stewart khởi-xướng. Anh sinh-viên này đã đi lính trong kì Đệ-nhị Thế-chiến, người rất dễ thương và đã có sáng-kiến đề-nghị chương-trình để các nhà hữu-xã trong trường giúp sinh-viên ngoại-quốc có cơ-hội lưu-học ở Mĩ. Tiền học không phải trả, và chỉ có những phí-khoản khác, như tiền sách, tiền bảo-hiểm, tiêu túi, là phải tự-túc thôi. (Lộ-phí máy bay, tốn 1 vạn rưỡi đồng bạc Đông-

dương, thì như tôi đã kể trong mấy bài viết trước đây, được ông Tổng-trấn Bắc-Phần Nghiêm Xuân-Thiện cấp, chứ ngân-sách Bộ Quốc-gia Giáo-dục của ông Nguyễn-Khoa Toàn không có mục đó.) Sau bức điện-tín của Viện Giáo-dục Quốc-tế (Institute of International Education) tại New York báo tin tôi được lựa-chọn, Văn-phòng nhập-học của Union gửi cho tôi một bức thư dài nói rõ mọi điều-kiện. Thư đó do ông giám-đốc Richard Balch kí: ông này đã trở nên một người bạn tốt, ủng-hộ tôi suốt từ năm ấy, và vào giữa thập-niên 1960 đã giữ một chức-vụ khoa-trưởng tại Viện Đại-học Hawaii, là nơi tôi có dịp làm giáo-sư biệt-thỉnh về Việt-ngữ Việt-văn vào mùa hè 1966. (Tên Quần-đảo Ha-oai, là đất thuộc Mĩ về sau mới trở thành tiểu-bang, tiếng Hán phiên-âm là "Hạ-oai-di" nhưng tiếng ta cũng đọc chữ nho ghi âm-tiết giữa địa-danh ấy là "uy" thành ra nói "Hạ-uy-di" không đúng: cứ đọc "Ha-oai" tốt hơn.)

Tên thành-phố Schenectady, có bạn tôi ở Hà-nội gọi đùa là thành-phố "sờ-nách-ta-đi". Mãi ít lâu sau, tôi mới khám-phá ra là chính tại nơi đó, vào một buổi chiều tháng giêng năm 1928 (lúc tôi mới bốn tuổi đầu), một viên kĩ-sư gốc Thuỵ-điển, tên là Ernst F. W. Alexanderson, đã đặt nền-móng sơ-sài cho ngành điện-thị, tức vô-tuyến truyền-hình, ngay trong phòng thí-nghiệm ra-đi-ô của công-ti General Electric: lần đầu tiên, ông ta đã truyền-hình "sống" đến ba tư-gia trong thành-phố. Ai cũng biết từ khi vô-tuyến truyền-thanh được phát-minh vào đầu thập-niên 1920, các nhà khoa-học vẫn kiếm cách làm sao kết-hợp và truyền đi được cả âm lẫn hình. Năm 1926, John Logie Baird, người Tô-cách-lan, đã dùng máy để truyền đi một bức hình sọ người lấp-lánh. Hãng G.E. đã vượt hẳn những cố-gắng của Baird, và chỉ bốn tháng sau cuộc thử-nghiệm của Alexanderson (tay kĩ-sư tài-ba, hôm đó bỏ kính rồi đeo kính và thở khói thuốc lá tròn một cách thoải-mái), công-ti General Electric đã phát-hình mỗi tuần ba lần, đánh dấu những bước đầu của Ti-Vi. Năm 1937, đến lượt BBC bên Anh chuẩn-bị một hệ-thống điện-tử dùng ống tia cực-âm ca-tốt. Rồi mười năm sau, người Mĩ đã bắt đầu phát hình các trận đấu bóng chày (= luỹ-cầu, dã-cầu) World Series – năm 1948, tôi cũng được xem trên màn ảnh nhỏ ở một quán rượu gần trường – và bước sang cuối thập-kỉ 1950 thì ngót 90 phần trăm các gia-đình người Mĩ đều đã có ít nhất một máy ti-vi rồi. Ngày nay, khắp thế-giới có đến một tỉ cái mấy truyền-hình là ít. Tuy rằng tôi là dân tối dạ về máy-móc và chỉ mê chữ nghĩa, nhưng cũng cảm thấy hơi thích-thú và hãnh-diện về cái thành-phố mà tôi trọ học hai năm trời, dẫu là chỉ giật được có mảnh bằng con-con về giáo-dục Anh-ngữ mà thôi, chứ chuyện công-nghệ với xảo-năng về khoa-học thì mù tịt.

Khi tôi mới đến Hoa-kì lần đầu đó, mọi giấy-tờ của Pháp và Mĩ đều ghi rõ tôi là người xứ Đông-Pháp *(French Indochina)*. Tên họ tôi cũng gây ra vấn-đề. Chả là trong tiếng Anh, phụ-âm mũi /ng/ thường thấy ở cuối một từ như *long, song, sing*, nhưng lại không bao giờ đứng đầu một âm-tiết – trừ tên tác-giả Ngaio Marsh, chuyên viết truyện trinh-thám. Thành thử các bạn Mĩ không đọc được tên họ của tôi, là Nguyễn Đình, và mấy bà, mấy cô trong văn-phòng nhà trường cũng cứ theo các "anh nuôi" của tôi mà gọi tôi là WINGDING. Sau chuyến du-hành Hanoi-Saigon-Paris-New York, lâu 57 giờ bay bằng máy bay cánh-quạt, tôi vẫn còn háo-hức và nôn-nóng, nhưng cũng mệt, nên không có phản-ứng gì khi bị đặt cái tên mới. Theo từ-điển, WINGDING là tiếng lóng có nghĩa "một bữa tiệc thật huyên-náo, vui-nhộn" cùng nghĩa với tiếng lóng HUMDINGER, chỉ "một tay quái-kiệt." Riêng tôi vẫn bảo họ rằng xin cứ gọi tôi là Hoà, là "tên cúng cơm" do bố tôi đặt và có nghĩa "hoà-nhã, hoà-thuận," mà muốn đọc cho đúng thì chỉ việc nói WHAT? nghĩa là "cái gì nhỉ?" - nhưng phải nhớ xuống giọng theo ngữ-điệu tiếng Anh và đừng phát-âm phụ-âm /t/ đằng cuối.

Sáng sớm ngày mồng 10 tháng 9, mùa thu năm ấy, anh Đức-Thanh đưa tôi ra ga Grand Central Station để đáp tàu ngược thung-lũng sông Hudson lên Schenectady. Nhà ga xe lửa đó rộng mênh-mông, toạ lạc trên Phố 42 ở góc Đệ-ngũ Đại-lộ của thành-phố Nữu-ước khổng-lồ. Bờ sông Hudson thì có nhiều cảnh đẹp nên-thơ làm tôi mê-mẩn. Tôi đặc-biệt nhớ là dọc đường từ trên xe hoả được nhìn thấy trường Võ-bị Lục-quân của Hoa-kì ở West Point. Xe tới nơi, tôi nhảy tắc-xi từ nhà ga Schenectady đến "campus", vừa kịp đáp một chiếc xe buýt trong đoàn xe sắp-sửa khởi-hành đem sinh-viên năm thứ nhất lên trại hướng-dẫn (Freshman Camp) ở Pilot Knob, trên bờ hồ George. Hồ này lớn và đẹp vô tả, đã được ví với những hồ danh tiếng bên Thuỵ-sĩ chẳng hạn, nhưng chỉ làm tôi nhớ đến cảnh Hồ Tây, Hồ Trúc-Bạch, Hồ Bẩy Mẫu quen-thuộc ở quê nhà.

Sinh-viên (thuộc khoá 1952) ngủ trong lều vải, liền mấy ngày nghe Viện-trưởng Carter Davidson, Khoa-trưởng William Huntley và mấy nhân-viên khác giảng về việc học, việc thi, về kỉ-luật nhà trường, chương-trình thể-dục thể-thao, hoạt-động ngoại-khoá-trình, v.v. Ngoài chương-trình hướng-dẫn về học-vụ, sinh-viên "lính mới tò-te" còn được chơi bóng chuyền, bóng rổ, bơi lội, và leo núi, rồi thì có lửa trại, rồi kể chuyện, tập hát các bài hiệu-ca, hùng-ca, dân-ca, v.v.

Lẽ tất nhiên, tôi rất nhớ nhà. Khi đã định-cư trong nhà trọ là hữu-xã Delta Upsilon, cuối tuần tôi lộc-cộc đôi guốc gỗ xuống tầng hầm giặt may-ô, quần đùi. Trong khi ấy, sinh-viên Mĩ một hai tuần lại dùng cái va-

li bằng các-tông gửi quần áo bẩn về cho mẹ giặt là, rồi gửi lại qua bưu-điện vào trường. Việc tôi lo giặt lấy đồ lót đã khiến cho một anh bạn trẻ bông-đùa làm tôi tức-giận quá. "You là người Tầu, phải không?" anh ta nói. Tôi giậm chân, quát lên, cải-chính: "Tôi là người *Việt-nam*, chứ không phải là người Tầu." "Không phải người Tầu, làm sao biết giặt đồ?" anh ta lí-luận. Tuy biết anh ta không có ác-ý, nhưng tôi cũng đâm ra suy-nghĩ là nhiều người Mĩ (hồi đó) có thành-kiến đối với người Trung-Hoa, và trông thấy ai mũi tẹt da vàng đều cho là người Tầu cả. Đến năm 1950, tôi xuống đi học ở thành-phố New York, thì thấy ngay hầu như góc phố nào tại phía đông thị-khu Manhattan cũng có một tiệm giặt-ủi của người Trung-quốc, ông chồng lúc nào cũng thấy đứng ủi sơ-mi – mỗi chiếc giặt-là hồi đó tôi phải trả 10 xu Mĩ – mà bà vợ hình như năm nào cũng bụng to. Năm chục năm sau, dân châu Á sang Mĩ có hàng triệu người, mà riêng dân Việt mình cũng khá đông và làm đủ mọi nghề để sinh-sống, có xấu-hổ gì, miễn là ta làm nghề lương-thiện.

Quá-trình hai niên-khoá đầu tại Mĩ, là 1948-1949 và 1949-1950 tại tỉnh Schenectady kia, tôi gia-công học thầy và học bạn, thật là vui ! Các bài luận Anh-văn hàng tuần, cũng như bài tập về ngữ-âm-học tiếng Anh, tôi đều được điểm ưu, nhưng những môn học kia thì tôi phải chật-vật lắm mới nghe hiểu các giáo-sư Mĩ chính-cống giảng bài, rồi tối đến học bài thì đánh vật với cuốn từ-điển Webster để tra các thuật-ngữ chuyên-môn.

Lúc tôi còn bé, me tôi thường dẫn câu "Học nhi thời tập chi, bất diệc lạc hồ!" và bà hay nói "Vui vui là!" Rồi tôi còn may-mắn, được ông bà tuyên-uý C. Victor Brown quyên hộ tiền học-phí cho một năm thứ hai và nuôi tôi ăn ở trong nhà suốt năm học 1949-50. Tôi cũng còn được cấp học-bổng của Chính-phủ Quốc-gia Việt-nam để có thể ở liền bên Mĩ mà học thêm bậc cao-học tại Viện Đại-học New York. Mãi tới năm 1957, được Viện Đại-học Saigon tuyển-dụng làm giảng-sư thì tôi mới rời nước Mĩ để hồi-hương dạy học.

Năm nay, 1998, ngoái nhìn lại khoảng thời-gian năm chục năm, tôi thật biết ơn Trời thương, Phật-độ, nên cảm thấy sung-sướng mà không dám tự-mãn. Chỉ tiếc là năm tôi về nước với một vợ hai con để phục-vụ ngành giáo-dục thì me tôi không còn sống, để thấy thằng con út hồi nhỏ gầy còm, yếu-ớt, lúc ấy đã có da, có thịt (hơn cả năm đi Mĩ có 113 boòng), và từ 1953 vẫn theo đuổi đúng cái nghề cao-quí mà khi trước Người đã muốn tôi ôm-ấp!❐

Mùa hạ

Ý LIÊN

Mưa trên cành hạ cũ
chiều ghé mắt hoàng hôn
dăm ba câu thơ vụng
gửi nhau một chút buồn

Nắng trên cành phượng nở
muà hạ treo trên cao
bên hiên ngày nắng vỡ
nhớ nhau chút mưa rào

Mùa hạ nào cũng vội
nắng rụng vào đêm sâu
ngẩn ngơ trời thơ dại
thương nhau chút duyên dầu

Mùa hạ trời nổi gió
trên bước người lao đao
ai về phương trời nọ
còn sợi nắng hôm nào

Mùa hạ hồn như sóng
vỗ mãi bờ đêm thâu
mùa trăng xưa đã tận
luyến lưu ánh trăng đầu.

Trở về

Hồ Nhu

Căn phòng không còn giống như bảy năm trước, lúc tôi kéo lê chiếc vali nặng qua bậc cửa. Đúng hơn, nó chỉ khác đi vì cách bày biện. Bộ salon cũ đẩy vào sát vách tường bên trái, hàng ghế sắt sát vách tường bên phải. ở giữa là chiếc hòm màu đen, trên có ảnh ba tôi. Khung cảnh lờ mờ, không phải vì mắt tôi đang dâng lệ, mà vì khói nhang quá nhiều trong căn phòng chỉ thoát hơi bằng cánh cửa sổ mở hé.

Dì Hạc lướt đến bên tôi, khẽ khàng và nhẹ bổng trong bộ quần áo đen. Hai bàn tay dì run run trợt trên vai tôi xuống cổ tay, như thể dì đang dò dẫm tìm lại cô bé ngày xưa của dì. Khuôn mặt phấn son của tôi chắc hẳn lạ lẫm, cả những bước chân trong đôi guốc cao tự tin đến vênh váo. Tôi đã lớn, đã thành tài, đã độc lập, chưa bao giờ trở lại căn nhà nơi tôi lớn lên bên cạnh dì. Và người đàn ông trong tấm ảnh kia.

Không thắp nhang, không khấn vái, tôi đứng thẳng một tầm với trước tấm ảnh, xem xét, so sánh nó với những hình ảnh tôi có trong trí nhớ. Đôi mắt linh hoạt hơn, không lừ đừ, đỏ mọng như những buổi sáng ông về từ công việc gác dan đâu đó bên kia thành phố. Đôi môi như mỉm cười, không xéo vào nhau cay đắng như những lúc ông ngồi một mình bên chai rượu nhìn chăm vào khoảng không trước mặt. Khuôn mặt trong hình trẻ, bình thản, hiền hoà. Nếu ông ta là cha tôi chắc tôi đã vui vẻ đi học trường đại học gần nhà, chắc tôi đã không hăm hở bước vào hành lang lạnh ngắt của phi cơ như một tên phạm gian bỏ trốn, chắc tôi đã trở về sớm hơn, và cuộc gặp gỡ chắc phải hân hoan hơn bây giờ, khi cả hai chúng tôi cùng im lặng, cùng lạnh nhạt, vô cảm xúc như nhau.

Một vài người đàn bà túm tụm vào nhau phía sau quan tài kéo ra, tò mò nhìn ngắm. Hình như họ hàng, tôi nghĩ. Ba tôi không thích họ hàng, tránh xa họ như sợ bùa phép. Tôi đoán tôi gặp họ trước kia, tuy không nhớ

nổi ở đâu lúc nào. Thấy tôi khẽ gật đầu chào, họ xán đến gần tôi. Bà to béo nhất bọn, cũng hình như mau chuyện nhất, mở lời :

- Con bé lớn quá đi mất. Xinh nữa.

Người đàn bà gầy nhất, cổ đeo ngọc trai, nói bằng giọng khô khốc :

- Giống mẹ như đúc.

Người thứ ba cười đon đả, nụ cười, như cái liếc mắt có đuôi, lợn cợn ẩn ý :

- Chứ làm sao giống ba được ?

Tôi quay mặt đi. Họ đến đây để chế nhạo ba tôi một lần cuối? Tôi muốn trả lời một câu cay độc, nhưng tôi không biết đủ về họ và những bóng tối trong đời họ. Vả lại, tôi bênh vực làm gì người tôi đã muốn quên đi ? Chút mặc cảm tội lỗi không hâm nóng được những cảm giác chai đá. Họ là những con rắn uốn mình phun nọc, còn tôi là tượng gỗ. Không biết ai bày tỏ nhiều nhân tính hơn ?

Bỏ mặc ba người đàn bà cho dì Hạc, tôi vào hành lang, tìm đến căn phòng tôi ngủ chung với dì Hạc trước kia. Chiếc giường hẹp của tôi vẫn còn nguyên, gối chăn ngăn nắp. Tội nghiệp dì Hạc, có lẽ dì vẫn hy vọng tôi trở về. Hay chỉ vì dì vốn dĩ không đoạn tuyệt được với quá khứ, không buông tay được với những điều quen thuộc. Dù sao tôi đã thoát đi, tôi nghĩ. Khỏi khung cửa nhỏ và bờ tường xám căn nhà bên cạnh. Khỏi khu phố nghèo xơ xác, con đường chỉ cần một cơn mưa đã ngập dưới lớp nước vàng bẩn, và đường rầy rỉ sét nằm chờ những toa tàu nâu xạm vuông vức kín bưng đi qua. Tiếng đồng hồ báo thức mỗi sáng là đoàn tàu băng ngang và sàn nhà rung lên chịu đựng. Tôi thường bật dậy ngay sau chuyến tàu sáu giờ sáng. Những giấc mơ, sau đó, sẽ mờ đục và buồn thảm như đám khói toả ra trên toa đầu tiên.

Tôi lớn lên không có mẹ.

Không ai nói mẹ tôi đi đâu. Những năm còn rất nhỏ, tôi nhớ giọng ba tôi hằn học nói mẹ đã chết. Dì Hạc ôm tôi vào lòng, nước mắt của dì pha lẫn nước mắt tôi. Mười tuổi, tôi biết, nhờ mấy người đàn bà khảo chuyện trong họ hàng, thật ra mẹ tôi bỏ đi. Sau đó ba không thèm giao thiệp với họ nữa, nên họ không có dịp rủ rỉ vào tai tôi những chi tiết ly kỳ trong câu chuyện giữa ba và mẹ. Dì Hạc, mặt trắng nhợt khi tôi hỏi, bảo mẹ tôi là người có lỗi, gây đau khổ cho nhiều người. Rồi dì khóc nức lên làm tôi ngại không dám hỏi tiếp.

Tôi thương dì Hạc. Dì là người chăm lo, gần gũi tôi nhiều nhất. ở chung với ba mẹ tôi từ trước, sau khi mẹ tôi bỏ đi dì nấn ná ở lại săn sóc tôi, mới được vài tháng. Dì không lấy chồng, và ở lại mãi. Có người bên

họ ba bàn tán cho rằng dì muốn lấy ba tôi, nhưng ba tôi không muốn (chuyện này tôi nghe cùng lúc tôi biết mẹ tôi còn sống). Họ cười cợt thêm không chừng vì ba và dì lẹo tẹo, nên mẹ tôi bực mình bỏ đi, và hai người sợ tai tiếng không dám lấy nhau nữa. Trai đơn gái chiếc, họ thì thầm, tiếng cười hực lên như tiếng gừ của loài thú dữ. Mười tuổi, tôi chưa hiểu hai chữ "lẹo tẹo", chỉ lờ mờ biết là chuyện không hay. Tôi thương dì Hạc, và muốn tô vẽ một hình ảnh hoàn hảo về cha mẹ mình. Ba tôi đã bắt đầu nghiện rượu, ít khi hỏi han đến tôi, mẹ tôi bỏ tôi đi, nhưng tôi vẫn muốn một hình ảnh đẹp. Ba tôi hiền, ít nói, mẹ tôi mẫu mực, đằm thắm. Có chuyện hiểu lầm, khúc mắc nào đó thôi. Khi tôi lớn, tôi nghĩ, tôi sẽ tìm cách cho họ hoà giải. Và rồi tôi sẽ là đứa con ngoan ngoãn giỏi giang trong bức tranh gia đình đầm ấm. Mọi chuyện sẽ "có hậu" như câu chuyện "Sans Famille" của Pháp.

Đến bây giờ, tôi vẫn tin rằng ba hằng luôn yêu mẹ. Làm sao không yêu được người phụ nữ xinh đẹp như thế ? Ba cất kín hình mẹ trong tủ khoá, nhưng không nỡ quăng đi. Từ năm tám tuổi tôi đã biết lén lấy chìa khoá lục lạo lung tung trong nhà. Những tấm hình của mẹ, lồng trong album hay xếp lớp trong bọc nylon, tấm nào cũng đẹp, tươi tắn. Nhất là tấm ba lồng trong chiếc khung gỗ nâu bóng. Mẹ nhìn nghiêng nghiêng, ánh sáng rọi xéo xuống mặt, tô rực rỡ khoé môi cười mỉm và đôi mắt trong veo. Tấm hình đen trắng, gợi cảm và bí mật, trở thành mẫu mực cho những bà tiên nhiều màu sắc tôi tưởng tượng đến. Trong lớp áo tiên nữ, tâm hồn mẹ sáng rỡ như sắc đẹp, tràn trề tình yêu mến cho đứa con gái nhỏ.

Những tấm hình ba cạnh mẹ, ba trông bảnh bao, hào nhoáng. Họ xứng đôi như hoàng tử và công chúa, tôi hay hãnh diện nghĩ thế. Nhưng nếu những tấm hình của mẹ, gìn giữ kỹ trong tủ kín và trong tâm tưởng tôi, không phai màu hay loang lổ với thời gian, hình ảnh ba thay đổi hàng ngày, càng lúc càng rõ dần những vết nứt. Năm mười sáu tuổi, sau những năm dài trong căn nhà cũ ẩm ẩm mùi mốc này, tôi nghĩ mình đã hiểu tại sao mẹ bỏ đi, tại sao mẹ không yêu ba. Người đàn ông bất tài, không biết tiến thân, sang Mỹ bao nhiêu năm vẫn hoàn chân gác dan. Đã vậy, còn nghiện rượu, cả ngày ngậm tăm không nói một câu, say thì hoặc ư ử hát một đoạn cải lương, hoặc chúi vào giường hay ghế sofa ngủ, ngáy như sấm. Năm đó, tôi đã quyết chắc mùi nước hoa rẻ tiền đôi khi phảng phất theo ba về nhà là của một cô gái làng chơi nào đó, không chừng là một trong mấy cô lảng vảng góc phố bên kia, chỗ tôi xuống xe bus mỗi lần đi làm thêm về tối.

Người đàn ông luộm thuộm, nặng mùi mồ hôi đã thành xa lạ, chỉ còn

gợi lên cho tôi sự ghê tởm mơ hồ, cùng với chút mặc cảm tội lỗi vướng vất như mùi thức ăn bám vào quần áo, không dứt bỏ được. Tôi không biết tôi lãnh đạm với ba trước, hay ba lơ là với tôi trước. Với tôi, ông vẫn ít nói, ít âu yếm từ lúc bé. Khi tôi lớn, ông càng ít nói hơn. Mọi chuyện cần hỏi ông, tôi thông qua dì Hạc. Khi tôi nhìn ông, chắc mắt tôi có chán ghét và sợ sệt. Khi ông nhìn tôi, đôi mắt gân đỏ gườm gườm nhưng không hằn doạ nạt. Ba tôi doạ được ai đâu ? Cái dáng lù khù, mặt gằm xuống trong những bước đi, là dấu hiệu của thất bại hơn là nguy hiểm.

Vật vờ, lặng lẽ như chiếc bóng, dì Hạc hình như là người duy nhất trong ba chúng tôi hiểu rõ về mọi chuyện, hiểu ba và tôi, và quá khứ. Không đẹp như mẹ, không lấy chồng, dì héo hon như bất cứ người đàn bà ế muộn bất đắc dĩ nào khác. Dì không cản tôi nộp đơn đi học trường tiểu bang khác, chỉ nhỏ nhẹ nhắc tôi cảnh đơn chiếc của ba. Tôi cười gằn, không trả lời, nghĩ thầm ba đã có chai rượu làm bạn, đâu cần ai nữa. Tôi đi, chắc chỉ có dì Hạc buồn. Dì là người phụ nữ quen thu dọn, chăm lo cho người khác. Không có tôi, sau khi may thuê quần áo, nấu nướng, thu vén căn nhà, dì sẽ vùi mình trong căn phòng nhỏ, xem phim Tầu, hay những chương trình tivi dì không hiểu hết. Không còn tôi để dì hỏi han, khuyên lơn, hay an ủi.

Tôi bảo dì Hạc tôi sẽ học thành tài, và đi tìm mẹ. Dì Hạc nhìn tôi, những nếp nhăn sớm trên khuôn mặt hằn xuống sâu hơn khi dì khóc. Cau có, tôi nghĩ dì Hạc ích kỷ, không muốn tôi có mẹ. Dù tôi ở bên dì từng ấy năm, tôi vẫn là con của mẹ, tôi vẫn thương mẹ hơn dì chứ. Dì Hạc nắm lấy tay tôi, kể lể. Dì dài dòng mào đầu nào là dì không muốn nói nhiều chuyện cũ, không hay ho gì, nhưng cháu đã lớn, cần phải biết. Tôi ngồi yên, cánh tay đau nhói dưới những ngón tay xương xẩu của dì Hạc, lắng tai nghe.

Mẹ tôi bỏ đi cùng người chồng sắp cưới của dì Hạc. Lúc đó dì sống chung với ba mẹ tôi, nên suốt một năm dì Hạc và người đàn ông ấy tìm hiểu nhau, ông ta đến nhà, gặp gỡ ba mẹ tôi rất thường. Dì Hạc nói không biết mẹ tôi và người đàn ông kia bắt đầu để ý nhau từ khi nào. Mẹ có thai ngày càng lớn, nhưng tươi mát, xinh đẹp, không vàng bủng hay phì xệ như người ta. Sanh xong tôi vài tháng, đang lúc dì Hạc tất bật chuẩn bị đám cưới với người đàn ông ấy, mẹ tôi biến mất. Lá thư mẹ tôi để lại cho dì Hạc vỏn vẹn cho biết bà và người đàn ông ấy sẽ lấy nhau. Không một lời xin lỗi, hối tiếc. Không một chữ nói về ba tôi. Giữa căn nhà lạnh hẳn đi vì thiếu mẹ, tôi đói sữa khóc trong nôi, dì Hạc vơ chiếc áo cưới vừa may xong quăng xuống đất, nhảy đạp lên nó trong cơn giận tủi hổ và mê muội. Còn ba tôi ? Ông đứng lặng bên cửa sổ nhìn xuống con đường, như thể ngóng mẹ tôi về. Ông vẫn hy vọng, dì Hạc chép miệng, như than thở.

Nỗi hy vọng lụi dần theo năm tháng, chết ngộp trong đáy ly rượu, thành một nỗi cay đắng da diết. Mỗi năm qua, sự phản bội như lưỡi dao ngập sâu hơn vào vết thương nung mủ. Nhưng mẹ cháu không về đâu, dì tiên đoán. Tôi đứng dậy, không muốn nghe dì kể xấu mẹ. Mẹ đâu có lỗi nếu mẹ không muốn sống chung với người đàn ông bạc nhược, nếu mẹ yêu người khác và đi tìm hạnh phúc với người ấy ? Dì Hạc phải chịu thiệt thòi, tôi biết, nhưng tình yêu tự nó không công bằng hay hợp lý. Dì giận số mạng, giận bị bỏ rơi, rồi giận lây đến mẹ tôi. Tôi giằng cánh tay ra khỏi tay dì. Cả hai cùng nhìn vết tay dì in dấu đỏ tươi trên tay tôi, như màu máu. Dì Hạc nhìn xuống đất, những giọt nước mắt nối theo nhau rơi xuống nền thảm bạc màu cáu bụi.

Tốt nghiệp trung học., tôi đi đến một tiểu bang khác học đại học, làm việc ở đó. Thỉnh thoảng tôi gọi điện thoại hỏi thăm dì Hạc, lựa giờ không có ba ở nhà. Nếu dì nhận ra tôi không muốn tin dì, và cho rằng dì ghen tỵ với mẹ tôi, dì không có vẻ gì hờn giận. Cuộc sống của ba với dì không thay đổi, không có bao nhiêu thứ để kể, còn cuộc sống của tôi, tôi không biết kể làm sao cho dì hiểu. Những chuyện phe đảng, chính trị nghề nghiệp, chen vai thích cánh giữa chợ đời, tôi làm sao tả lại được cho người đàn bà thu mình trong nhà may thuê, tiếng Anh không thạo, tham vọng lớn nhất của cuộc đời chỉ là lập gia đình nhưng cũng không thành tựu ? Dù sao đi nữa, dì là mối dây duy nhất của dĩ vãng, của căn nhà cũ và thành phố nhỏ này tôi còn quyến luyến. Không có dì, không chừng tôi đã không biết tin ba tôi qua đời, hay về kịp dự đám tang.

Bàn thờ tạm của ba tôi nằm lè tè trên chiếc bàn salon, vài trái cam, táo và ba nén hương. Dì Hạc nói chừng nào dọn sang nhà mới dì sẽ cho đóng bàn thờ tử tế hơn. Tôi ngừng tay thu dọn quần áo, nhìn quanh căn phòng ngổn ngang mọi thứ. Ba mất rồi, căn nhà hai phòng dì Hạc không kham được, nên dì sẽ tìm chỗ khác rẻ hơn. A ha, tôi nghĩ thầm với chút thoả mãn trẻ con, tôi sẽ hoàn toàn đoạn tuyệt với căn nhà này từ đây. Có thể một ngày nào đó, trần nhà loang màu vôi vàng và màu xám u tối của những buổi sáng mùa đông sẽ biến mất trong những giấc mơ của tôi.

Dì Hạc lại gần, phụ tôi gom những món trang điểm lỉnh kỉnh vào trong chiếc túi nhỏ. Bây giờ dì chỉ còn một mình, cháu phải về thăm dì đôi khi, nghe. Giọng dì có chút van lơn, và tôi nghe hình như có chút trách móc nữa. Tôi có thể "áo gấm về làng" từ lâu rồi, phải không ? Tôi nhìn mái tóc bạc của dì cúi nghiêng trên chiếc vali, nhìn tấm ảnh ba tôi đẫm trong ánh nắng đầu ngày. Ba không thương cháu. Tôi nói như trút ra một điều bí mật nặng nề, như người lục xuống đáy rương và chợt thấy tận mặt

vật mình thường hình dung đến. Tôi nói như thể tôi chỉ vừa khám phá ra điều tôi phải biết từ bé. Và tôi nhìn dì Hạc, chờ sự đồng ý của dì. Chớp chớp mắt, dì phân vân nhìn tôi, có lẽ đang chống chọi giữa sự gắn bó, trung thành với ba tôi và sự thật. Ba cháu hiểu lầm, dì nói. Rồi im lặng. Rồi hỏi :

- Cháu có thử tìm mẹ cháu chưa ?

Tôi lắc đầu. Dì tiếp tục :

- Dì nghe đâu mẹ cháu ở tiểu bang X. Nghe nói cũng khá.

Khá cái gì ? Tôi nghĩ. Khá già, khá vui, hay khá mạnh ? Bỗng dưng tôi thấy mình mất kiên nhẫn :

- Ba cháu hiểu lầm ra sao ?

Tôi chưa bao giờ to giọng với dì Hạc. Bảy năm, tôi lớn lên còn dì Hạc già đi. Trước là chiếc bóng, bây giờ dì vẫn là chiếc bóng, chỉ mờ nhạt hơn. Còn tôi, tôi đã học quen cách gay gắt trong buổi họp, cật vấn và xác quyết trong công việc. Giọng dì Hạc buồn rầu. Dì hình như không còn đủ sức để căm giận, chua cay nữa :

- Mẹ cháu có để lại một lá thư cho ba cháu. Trong thư, mẹ cháu nói ba cháu là người vô dụng, bất tài. Mẹ cháu đã chán ba cháu từ lâu, và cháu là con người khác.

Tôi không biết phản ứng thích đáng lúc này phải như thế nào ? Dì Hạc vội vã tiếp :

- Nhưng cháu là con ba cháu thật. Mẹ cháu chỉ muốn làm bẽ mặt ba cháu. Dì nói mãi nhưng ba cháu không tin. Hồi đó dì ở chung, dì biết chứ. Mẹ cháu chỉ gặp...anh ấy thôi. Đó là lối thoát duy nhất của mẹ cháu. Cũng tại dì sơ sẩy, không để ý.

- Ba cháu bất tài thật, phải không ?

Dì Hạc lắc lắc đầu :

- Mẹ cháu xinh đẹp, nhiều ước muốn, quen chuyện dễ dãi. ở Việt Nam ba cháu là công tử nhà giàu, hỏi cưới là mẹ cháu bằng lòng ngay. Hạnh phúc, vui vẻ lắm, cho đến khi sang Mỹ. Hết tiền của, không bằng cấp, ba cháu chỉ xin được chân gác dan, vừa làm lo cho gia đình vừa đi học thêm. Mẹ cháu nôn nóng, không muốn đợi. Chồng sắp...bạn của dì hồi đó cũng chỉ là nhân viên trung bình của một hãng nhỏ, nhưng lương khá hơn ba cháu. Sau khi mẹ cháu đi, ba cháu mất hết ý chí...

Nói sao đi nữa, ba cháu vẫn là người vô dụng, tôi nghĩ. Giọng dì Hạc tan vào khoảng không, căn nhà đột nhiên im lặng lạ thường. Trong sự im lặng này, ba chúng tôi đã có, hoặc tạo nên những sự thật và ảo tưởng của riêng mình. Chúng tôi ở bên nhau, nhưng không bao giờ gặp nhau hay hiểu nhau. Mẹ tôi đã mang phần trọng yếu của câu đố đi mất, và chúng tôi

Trở về hạ thu
KHÁNH HÀ

Buổi trưa mùa hạ
Dưới tàn cây ô-liu già
Tiếng ve sầu vang vào đá
Tiếng sóng biển dập vào tim
Vỗ tràn bờ bãi cũ
Quê nhà ơi!
Xa...

Buổi sáng chớm thu
Trên lối đi hoa cúc vàng
Thoang thoảng hương xưa
Lòng run như phím đàn
Ai vừa chạm tới
Sài Gòn ơi!
Xưa...

tự tìm cách lấp đầy lời giải.

Chuyến tàu mười giờ chạy ngang. Hình ba tôi rung rung, ngã úp xuống mặt bàn. Mắt viền theo mép khung hình đen, tôi nghĩ tôi không còn nhớ nổi mặt ba tôi nữa, người đàn ông trong hình hay người đàn ông tôi chạy trốn. Nhưng trên nền đen của ý tưởng trống rỗng, tôi vẫn thấy nụ cười của mẹ, màu mắt trong ngời sáng đến nhức nhối. Quay lại, tôi nhìn vào mắt dì Hạc, màu mắt bắt đầu đục của người đàn bà quen cam chịu, người duy nhất trong ba chúng tôi có lẽ đến gần với sự thật nhất, cho dù sự thật không có chút nào an ủi hay kèm thêm tha thứ. Tôi nhoài người ôm lấy vai dì Hạc, bờ vai gầy guộc, ấm áp. Tôi không muốn giống ba hoặc giống mẹ, ruồng bỏ đi những yêu thương nắm được trong tay.❐

9/97-6/98

Bão

Lê Minh Hà

Cơn bão được báo trước. Tối tối tivi thông báo từng bước đi của nó. Hướng bão. Sức gió. Bão lần này sẽ đổ vào vùng đồng bằng Bắc Bộ. Những vùng chịu ảnh hưởng của bão. Người lớn nhà nghèo dặn con xem lại can dầu và lau ống thông phong. Người lớn nhà giàu loay hoay nạp điện cho mấy cái đèn neon nhỏ. Mấy bà chép miệng rồi gạo lại lên đùng đùng. "Rau nữa. Dập nát hết. Mấy con mẹ bán rau thế nào cũng thẽ thọt bác đi cả chợ xem có kiếm được mớ rau nào ngon hơn rau em không?" Và tất cả cười ù, háo hức chờ "Một mình chống lại maphia." Diễn viên dũng cảm còn hơn cả chiến sĩ cộng sản năm ba mươi ở trong sách.

Cơn bão mạnh không ngờ. Dù Hà Nội chỉ là vùng chịu ảnh hưởng. Gió lồng lộn. Gió khan. Cả khu tập thể chẳng nhà nào còn cửa kính từ hơn hai mươi năm trước, khi Mỹ đánh phá khu vực Vĩnh Tuy và làng Thanh Nhàn bên đê. Thư đã cẩn thận cặp chặt một tấm nilon vào hai cánh cửa chớp, lại còn chặn thêm cả cái thớt gỗ nghiến nặng chịch mẹ thỉnh từ quê ra. Vậy mà gió hất tung, hất nước như tát vào phòng. Cả nhà loay hoay trong diện tích hẹp còn khô ráo sát cửa ra vào. Không ai ngủ nổi. Rồi cuối cùng Thư phải bò lên gác xép vốn là giang sơn của bố mẹ, nơi không có cửa sổ và có thể nằm đưa cánh tay lên là chạm trần.

Bão tan lúc gần sáng. Thư dậy sớm, uể oải dọn dẹp nhà cửa. Chủ nhật, Thư có tại nhà một lớp học thêm thi đại học. Nhưng trời đất thế này chắc chẳng có đứa học trò nào. Vậy mà chúng vẫn bò tới. Một cô bé nhà ở tít Nghĩa Đô sụt sịt cười: "Em mất dép cô ạ. Chỗ hồ Thiền Quang nước ngập ngang thắt lưng em. Trôi tuột hết. Bao nhiêu người hôi cá. Xe máy thành xe lội nước. "Người giàu cũng khóc" (*). Bọn trẻ lục tục theo nhau

vào chào râm ran trong khi bố mẹ Thư tươi tỉnh theo nhau ra khỏi cửa sang nhà hàng xóm ngồi nhờ để con gái có chỗ lên lớp. Lòng Thư bồn chồn: "Không biết chúng nó thiết tha với việc học hay thiết tha với mình?"

Bữa cơm trưa mỗi mình mẹ nói. Toàn thông tin bà lượm lặt được từ sáng tới giờ. Một tay giáo viên trường Dược bên dốc Thọ Lão đưa em vợ ra ga đúng lúc bão to trở về thì bị một cành cây rơi trúng đầu. "Chết. Chết ngay chứ còn gì nữa". Trên Thi Sách có một cặp vợ chồng đi làm ca đêm về vấp phải dây điện đứt. "Để lại hai đứa trẻ. Khổ." Bố những hờ khêu một ngọn rau xào: "Thôi mẹ nó ăn đi cho con còn dọn." Thư nhìn mâm. Mưa bão mà mẹ vẫn lo được mâm cơm chu đáo cho ngày chủ nhật. Rau muống xào tỏi vắt chanh, thêm chút mắm tôm xanh ngắt. Đĩa thịt quay. Đĩa kiệu chua. Ớt thái từng lát mỏng nổi lập lờ giữa bát nước chấm trong một màu nâu quý. "Thiếu kinh giới. Mưa bão thế này. Nhà nào trồng rau thơm thì khóc."

Buổi chiều Thư vác xe ra khỏi nhà. Đi lăng quăng. Đường phố ngổn ngang cây đổ. Hồ Gươm. Cây cối ven hồ bị vặt trụi hết lá. Mặt hồ trống trải soi rõ từng tảng mây trắng nhờ nặng nước đang lừ đừ trôi ngang. Thư ngó về phía Nhà Thờ. Ngày trước Thư hay lên phố ấy. Ngày trước nhà Trung ở phố ấy.

Cả nhà Thư tiếc Trung. Trung khi đó hai hai tuổi. Vừa xong đại học quân sự, được phân công về một chỗ rất thơm - viện Khoa học Kỹ thuật Quân sự. Nhà Trung gia giáo. Trung lại không phải là con cả. Đằng sau cũng chỉ còn một cô em sắp ra trường. Trung mê Thư và bố mẹ Trung xoắn xuýt kết Thư làm con dâu.

Thư hay lên nhà Trung từ trước đó. Theo bà chị có gần bảy năm phổ thông cùng Trung. Nhà mái ngói, không có trần chống nóng. Nhưng rộng. Giữ được nguyên cả số nhà sau khi tiếp quản Thủ đô như thế không phải dễ. Ông bà nội Trung ở nhà ngoài. ông cụ gần tám mươi, còn nguyên phong thái của một công chức thời cũ. Mùa đông áo khoác dạ và mũ phớt. Mùa hè quần áo đũi màu sáng. Batoong và tẩu. Tươi cười nhưng không niềm nở. Bà cụ là đời vợ thứ hai của ông lão, không biết xuất thân thế nào nhưng bao giờ cũng dịu dàng: "Thưa cậu, dạ thưa cậu, tôi đã... dạ chưa..." Không hiểu sao cái phong cách sống bặt thiệp lỗi thời đó của hai ông bà già lại quyến rũ Thư.

Nhưng lối sống của nhà Trung thì xô bồ. Trừ đoạn thưa gửi. Bố mẹ Trung đều là dân Bách khoa khóa một, ra trường xung phong về Hòn Gai.

"Xung phong trước khi bị phân công về đúng chỗ ấy, sau còn dễ cựa." Mẹ Trung có lần cười cười giảng giải. Thư không biết bản tính năng nổ dễ dàng thích nghi với đời sống của bà hay mười mấy năm vùng mỏ đã đưa lại cho bà cách sống ấy: xởi lởi, ăn to nói lớn, rất dễ chan hòa cùng hàng phố. Cái để người ta có thể đoán ra gốc gác của bà có lẽ chỉ là cách ăn mặc. Bao giờ cũng giản dị, mà thực ra rất cầu kì. Trung có lần đã tự hào: "Ông bà ngoại anh ngày xưa có tới một nửa phố như phố này để cho thuê."

Thư biết chính mẹ Trung mới là người chèo lái gia đình chứ không phải ông bố đạo mạo chuyên môn thuần túy và suốt đời cả nể. Nói chuyện với bà thật dễ chịu. Không phải rụt rè khép nép mỗi lần theo Trung ra phố. Thư đã tưởng mười mươi mình về làm dâu phố ấy. Còn phải làm gì nữa nhỉ để cho một đám cưới diễn ra? - Chạm ngõ. Ăn hỏi. Chia trầu cau chè hạt sen thành từng gói nhỏ dán giấy bóng đỏ để đưa cùng thiếp mời. Nhà thân thêm cặp bánh cốm. Và may áo cưới, đặt hoa. Phải là dơn trắng kèm một dải hồng bạch dài thật dài kết cùng với thật nhiều lá măng. Nhưng đám cưới ấy không bao giờ có. Không ai biết vì sao. Bố mẹ hai đứa không biết. Trung không biết. Đến Thư cũng không biết, dù sau này, đã nhận mình lỡ một thì con gái rồi, Thư vẫn cật vấn mình trong những đêm khó ngủ.

Có phải nó bắt đầu từ mấy cái chậu nhôm méo hứng nước giọt mẹ Trung đặt rải trong phòng chưa kịp đổ đi sau một đêm mưa mùa hạ? Có phải là vì Trung đã không vào phòng trong mặc quần áo dài lúc Thu tới mà lại tươi cười đâm bổ ra đỡ lấy cái ghi đông xe đạp của Thư và cô bạn đi cùng. Trung trưa đó đánh độc một cái quần đùi, vai ngực nhễ nhại mồ hôi. Thư nhớ là lúc đó không hiểu sao Thư ngần ngại không muốn nhìn Trung và chỉ muốn ngồi lại phòng ngoài nói chuyện với ông cụ bà cụ.

Hay điều đó bắt đầu từ mâm cơm em gái Trung bùng xụng bùng xịu dọn ra cho Trung và Thư một buổi xế chiều nào? Mùa xuân. Mưa phùn.Trời nồm. Không khí nặng chịch hơi nước. Quần áo cả nhà Trung phơi trong phòng không biết mấy ngày vẫn chưa khô quyện với mùi bếp dầu vừa tắt làm Thư khó thở. Chỗ nào cũng ướt rườn rượt. Nền nhà. Ghế ngồi. Chiếu rải trên giường. Cái bát cầm trên tay cũng có cảm giác dinh dính nhơm nhớp. Và Thư đã nhắm mắt đưa miếng giò thủ Trung vừa gắp cho vào miệng, nuốt. Thứ giò mậu dịch thái dối gói dối bán đầy vỉa hè sau tết. Thư không dám nhìn. Những sợi lông lợn tua tủa. Miếng giò sắp nhão. Dường như đã hơi có mùi. Hay là Thư cảm thấy thế. Cái mâm nhôm xam xám,

đĩa giò, bát nước chấm còn vương một mảnh lá rau, chiếc bát Thư cầm trên tay có một đường rạn đã thâm lại... Một mâm cơm bình thường trong trong hoàn cảnh một nhà bình thường. Nhưng chính vào lúc đó Thư đột nhiên hiểu rằng mình không thể, không thể ngày ngày ngồi bên một mâm cơm như thế, cầm một cái bát như thế, cầm đũa nhấc cả tảng rau luộc từ rổ đặt vào đĩa như thế.

Mẹ vẫn bảo Thư khảnh ăn và kỹ tính như một bà già trên phố cổ. Phần cơm cho Thư, mẹ với chị phải thận trọng rót nước mắm mới, thận trọng khơi từng ngọn rau ra đĩa, có miếng cháy cũng phải gạt đàng hoàng sang thành nồi. "Nhưng mẹ ơi, đấy là tại mẹ. Tại sao mẹ lại nuôi con như thế? Tại sao mẹ không dạy con biết xô bồ?" Cũng lạ lùng. Ông bà ngoại người nhà quê, ông chỉ là giáo làng, thế mà ra Hà Nội làm dâu mẹ lại tiếp thu trọn vẹn nếp sống Hà Nội cũ. Thư không dám cắt nghĩa cho mẹ hiểu vì sao đột nhiên Thư lảng Trung. Nhà Thư nghèo hơn nhà Trung. Từ đời cụ đời kỵ đã nghèo hơn. Thư chỉ biết về một cuộc sống khá hơn qua lối sống của ông bà Trung, qua đĩa thịt đầy hơn, đĩa rau vơi hơn nhoáng mỡ hơn, mùi gạo thơm hơn trong nồi cơm của các nhà khác. Nhưng không hiểu sao Thư thiết tha đặc biệt với lối sống của những gia đình như gia đình ông bà nội Trung. Dường như nó đã mất hẳn sau mấy chục năm vất vả. Mất ngay ở chính nơi nó ra đời.

Nhà Trung nay không còn ở phố cũ. Thời mở cửa, nhà mặt phố, lại ở trung tâm. Núi vàng. Hai ông bà cụ đã nằm xuống cả rồi. Việc chia chác con cháu thu xếp nhẹ nhõm. Ông bác Trung một đời thất ca vát đi phiên dịch ở Tây chồng đủ số tiền các em trai gái dâu rể định giá nhà tháng trước, tháng sau thuê thợ đập nhà cũ xây khách sạn mini. Cái phố nhỏ đột nhiên đổi lốt. Những nhà hai tầng ba tầng mọc trồi lên bên trên những nhà một tầng mái ngói trông giống những chiếc răng vàng của mấy ông thoát ly mấy bà buôn chuyến không hề bị sâu răng một thời. Nhà Trung nhận phần tiền được chia mua đất xây nhà mạn Hồ Tây. "Bọn em mới xin ra ăn riêng. Ông bà nội chia cho tầng ba. Khi nào mời chị lên chơi với bố mẹ em. Nhà dễ tìm lắm. Ông bà nội cháu vẫn nhắc chị." Cô vợ rất trẻ của Trung, núng nính hơi sớm với tuổi, ngồi trên xe máy sau lưng Trung, một chân đặt hờ trên vỉa hè, hai tay ôm eo chồng đầy ý thức sở hữu mời vồn vã, mắt lạnh teo. Trung, béo ra, nhìn Thư trìu mến, dò hỏi. Trung đã chuyển ngành, giờ quay ra hùn vốn mở công ty trách nhiệm hữu hạn. "May mà Trung không có dáng hỉ hả." Câu đó Thư không nói khi kể cho mẹ với chị nghe cuộc gặp gỡ tình cờ.

Mai Thảo
HUỆ THU

Đây chỗ anh nằm: nệm cỏ xanh
Chỗ không cần thiết một lần ranh
Người thăm không phải thăm ngôi mộ
Mà đến đây thăm: Những Miếu Đền

Bây giờ với Thư sao lắm cuộc gặp gỡ không tình cờ. Đi dạy về, có tháng tối nào Thư cũng thấy anh kỹ sư mới về phòng của bố đến thỉnh ý ông cụ. Rồi bạn của anh rể Thư. Đến rồi đi. Người "chì" nhất cũng lai vãng được tới cả năm. Và anh hàng xóm Trung biết từ bé bố mẹ vào Sài Gòn chạy trốn bệnh thấp khớp để lại cho căn phòng, mùa hè cởi trần cuốn một chiếc phula quanh bụng vì đau dạ dày giờ không thấy cởi trần hôm nào đi về Thư cũng gặp khi dắt xe ngang cửa. Mẹ dạo này hay than thở chị Thư lấy chồng cách nhà cả một đầu thành phố nhiều khi mẹ muốn nhờ việc gì cũng không được và nhắc tới anh. Như ngày xưa hay nhắc Trung.

Ngày xưa, buổi tối, Trung hay đến đón Thư đi. Lang thang. Mùa đông. Mùa hạ. Vị bánh trôi Tàu một đêm mưa phùn. Tiếng gió chuyển huyền bí trên vòm sấu chứa đầy bóng tối. Góc đường hai đứa ngồi nhâm nhi cốc nước mía lạnh buốt. Những vòng bánh xe quay trong gió lạnh bời bời. Nhịp đời chậm rãi, cam chịu, dường như thanh thản ấy không bao giờ có nữa. Cũng không bao giờ có lại nữa cái nhịp đời Thư thấy ở nhà ông bà Trung và mong được sống qua. Bây giờ xe máy lao ầm ầm. Người ta không thể nhận ra cái yên tĩnh kì lạ của một trưa hè đột nhiên ve bặt tiếng, hay tiếng gió mùa xao xác bay trên mặt phố tinh tươm màu nắng hanh vàng. Cũng chẳng thể vừa nhấn ga vừa ngước mắt tìm trong đêm một vì sao dường như biết nói...

Nhưng mùa vẫn không khác. Tại sao mùa vẫn không khác? "Và mình nữa, tại sao không biết khác ngày xưa?" Thư cúi mặt, dừng chân, nhấc xe lên vỉa hè, nghe loáng thoáng một bà hàng quà rong nói với một bà đồng nát về một mùa bão sớm.❐

Chim gáy sau vườn

Phùng Nguyễn

Vào lúc chạng vạng tối, cô nghe tiếng con chim gáy cất lên sau vườn. Cô không lạ gì tiếng chim gáy. Ở làng cô, lũ chim làm tổ trên những cành mít cao nghệu, trong bụi tre gai um tùm, hay trên những tàng cây dúi rậm rạp. Cô có thể phân biệt được tiếng gáy là của một chàng cu ngói hay một chàng cu đất. Cu ngói với mớ lông ức màu gạch non, trông đẹp nhưng tiếng gáy thì kém phần quyến rũ so với đám cu đất mập mạp với bộ lông xám xịt. Thường thì lũ chim gáy lên tiếng vào buổi sáng hoặc buổi trưa, cô hiếm khi nghe chúng cất tiếng cúc cu vào giờ này. Hình như cũng chính con cu đất này đã lên tiếng vào đêm qua, lúc cô nằm trên chiếc chõng tre dỗ giấc ngủ.

Cô dụi bớt mớ củi khô đang cháy bừng bừng trong chiếc bếp lò. Những bọt nước sôi trào ra từ chiếc nồi cơm bằng đồng dính đầy muội than đen nhẻm, rơi vào lửa kêu xèo xèo. Một chút nữa nồi cơm gạo lức độn những hạt bắp xay nhỏ màu cam sẽ chín tới, và bữa ăn thanh đạm sẽ được dọn ra dưới ánh đèn dầu. Và cô sẽ ngồi ăn một mình, suy nghĩ vẩn vơ về những việc xảy ra trong ngày, về đám học trò lớp Nhì của cô, và có thể về ngày giỗ mẹ vào tháng tới.

Cô dọn cơm ra vừa xong thì tiếng chim gáy lại cất lên từ bụi tre gai góc vườn. Tiếng chim vang lên trong buổi tối êm ả của làng quê như réo gọi làm cô thấy nao lòng. Tiếng chim gáy chợt im bặt, rồi có tiếng lạo xạo trên những chiếc lá tre khô ngoài sau vườn. Rồi tiếng chim gáy lại nổi lên, trầm buồn, dai dẳng. Bỗng dưng, một điều gì đó rất mơ hồ dậy lên trong lòng, cô cố nhớ ra mà không được. Một điều gì đã lâu lắm rồi, như một mơ

ước đã phai tàn... Tiếng lào xào của đám lá tre khô lại vang lên. Một con heo nhà ai đi lạc chui vào vườn nhà cô phá phách? Hay tiếng chân người? Đúng là tiếng chân người rồi! Cô có thể nghe thấy tiếng chân nhẹ nhàng rón rén trên những chiếc lá khô, băng qua cái giàn nước có chiếc chum sành cô mới đổ đầy nước hôm qua, và hướng về phía cánh cửa nhà bếp làm bằng nẹp tre đan trét phân bò. Cô cảm thấy lo sợ. Thường thì bà con trong làng có việc đến tìm cô sẽ kêu ơi ới ngay từ ngoài cổng để cô yên tâm. Nhà của cô ở cuối làng, nằm lọt thỏm trong một khu vườn rộng bao bọc bởi hàng rào keo dầy bịt, và góc sau vườn tiếp giáp với khu vườn còn lớn hơn nữa của ông Cửu Nhường là bụi tre gai um tùm, phần gốc tua tủa rễ tre và hang hốc.

Tiếng chân dừng lại phía sau cánh cửa mỏng mảnh, rồi có tiếng gõ nhẹ vào cái nẹp tre và tiếng ai đó gọi tên cô. "Xuyến ơi!" "Ai đó?" Cô hỏi vọng ra, cố giữ giọng mình bình thản. "Xuyến ơi, anh Thuận đây mà. Mở cửa cho anh vào đi." Anh Thuận? Cô bước đi gần như chạy đến phía cánh cửa, hai tay lúng túng tháo thanh tre gài, và cánh cửa cuối cùng mở ra một cách vất vả. Ngọn đèn dầu từ phía nhà bếp hắt ra một ánh sáng ảm đạm, yếu ớt lên thân hình người đàn ông cao ốm đang đứng trước mặt cô. Và cho dù anh có già đi, có hốc hác và tiều tụy vô cùng, cô vẫn nhận ra anh Thuận của cô! "Mới đó mà đã mười năm rồi Xuyến nhỉ!" anh Thuận lên tiếng.

Đúng vậy, đã mười năm trôi qua kể từ lúc anh Tấn và cô tiễn anh Thuận đi tập kết. Hôm đó cô nhất định đòi đi theo mặc kệ anh Tấn cằn nhằn, chỗ đàn ông con trai bàn chuyện mà đi theo làm gì cho vướng! Cô còn nhớ khu tập trung của mấy anh là một khu vườn mít mênh mông bên kia sông. Mấy anh hoặc đang đu đưa trên mấy chiếc võng giăng ngang dọc trong khu vườn, hoặc đang tụm năm tụm ba trò chuyện. Vào lúc sập tối, họ sẽ bước xuống chiếc ghe bầu to lớn đang chờ dưới bến sông và sẽ được đưa đến một nơi gọi là Sa Huỳnh. Từ đó, họ sẽ xuống tàu thủy ra Bắc. Cô đi theo hai anh của mình, cố giữ một khoảng cách vừa đủ để không làm gián đoạn câu chuyện của họ. Cả hai đang nói chuyện hăng lắm, cô nghe loáng thoáng những từ nghe đã quen tai nhưng không hiểu rõ cho lắm. Tổng tuyển cử, hòa bình, thực dân, đế quốc, chủ nghĩa, phản bội, trung thành, vân vân ... Khi những người khác lục tục xuống thuyền, cô đến gần anh Thuận để nói mấy lời chia tay. Cô bé mười lăm tuổi chẳng nói năng gì được. Cô đứng chết trân nhìn ông anh nuôi thương mến. Anh Thuận đến trước mặt cô đưa tay vuốt mái tóc "bôm bê" của cô và nói nhỏ,

"Hai năm nữa gặp lại nghe cô bé!" Cô thấy anh Thuận cười dịu dàng với cô rồi quay đi. Cô nhớ mình đã ứa nước mắt, nhưng không khóc thành tiếng. Hai năm thì cũng đâu có lâu la gì, lúc đó cô đã nghĩ như vậy.

Tối hôm nay cô không ngồi ăn một mình như mọi hôm. Có thêm một đôi đũa, một cái chén trên bàn. Và trước mặt cô là anh Thuận, người mà cô đã rơi nước mắt tiễn đưa ở một bến sông mười năm về trước. Anh Thuận với cây đàn ghi-ta loang lổ nước sơn trong những đêm trăng kháng chiến. Anh Thuận với tiếng cười khoái trá chiếu bí anh Tấn trong những ván cờ gay go. Anh Thuận và con cu đất mới ra ràng cho bé Xuyến, "ráng nuôi cho nó lớn nó gáy cho mà nghe!" Bây giờ thì cô đã nhớ ra, anh Thuận có lần giả giọng chim gáy thật giống khi cô than phiền con chim anh cho cô nuôi hoài mà chẳng chịu gáy ghiếc gì hết! Cô còn nhớ rõ cái cảm giác sung sướng khi được anh Thuận dịu dàng sai bảo, Xuyến xuống bếp lấy cho anh tô nước chè, Xuyến lấy cho anh cái hộp diêm, Xuyến đi ngủ đi, khuya rồi đó ...

Hai người vừa ăn cơm vừa kể nhau nghe về những biển dâu của mười năm qua. Cô ứa nước mắt nhắc lại cái chết của mẹ cô vì bệnh thương hàn vài tháng sau cái Tết thứ ba kể từ lúc anh Thuận ra đi. Cô nói qua về những năm tháng ở trọ nhà người cô họ dưới tỉnh để học trung học. "Em học xong xin về làng dạy học. Nhà có hai anh em mà anh Tấn thì đi làm xa, không ai chăm sóc mồ mả ông bà cha mẹ. Anh Tấn kêu em về dưới quận ở với anh ấy, em không chịu, ảnh la một hồi rồi cũng thôi đó." "Tấn bây giờ ra sao?" Anh Thuận hỏi, vẻ đăm chiêu. "Em nghĩ anh biết hết rồi mà! Hồi anh còn ở đây, hai người đã không đồng ý với nhau về nguyên nhân cái chết của ba em. Lúc anh đi rồi, những người trong nhóm của ba em liên lạc với anh Tấn thường xuyên." Cô ngưng lại một chút rồi hỏi, "Mà sao anh lại chọn về đây? Anh biết là anh Tấn chịu trách nhiệm an ninh cho vùng này mà!" "Ở trên đưa về, biết làm thế nào được?" Anh Thuận trả lời thật khẽ, vẻ mặt bối rối.

Anh Thuận chính là người đã báo tin buồn cho gia đình về cái chết của ba cô. Người liên lạc viên trẻ tuổi từ mặt trận Quế Sơn ghé vào nhà cô một buổi tối đầu mùa Xuân, mang cái tin tang tóc, và đã ở lại với gia đình cô từ đó. Anh Tấn gia nhập Việt Minh ngay sau đó, và cùng với anh Thuận, tham dự những trận công đồn và phục kích táo bạo trong những năm về sau của cuộc kháng chiến. Hai người thân thiết như hai anh em ruột, đi đâu cũng có nhau, và được dân trong vùng tặng cho danh hiệu

"cặp gà nòi Điện Hồng" nhờ vào mưu trí và đảm lược của họ. Vào những đêm trăng không phải đi trận mạc, tiếng đàn ghi-ta của anh Thuận và giọng hát ngọt ngào của anh Tấn biến khoảng sân cỏ trước nhà cô thành hội liên hoan. Những con gà mái tơ trong làng và từ những thôn xóm lân cận kéo đến với hy vọng lôi kéo được sự chú ý của cặp gà nòi. Nhưng cô luôn luôn tìm cách chen vào giữa anh Thuận và một cô gái nào đó, một cô gái quê hay một tiểu thư khuê các theo gia đình tản cư về vùng quê tránh bom Đồng Minh. Và anh Thuận không tỏ vẻ khó chịu chút nào khi bị cô phá đám. Thực ra, anh cưng chiều cô còn hơn anh Tấn, ông anh ruột của cô.

Vào năm cuối của cuộc kháng chiến, anh Tấn nhận được một vài tin tức về những điều mờ ám chung quanh cái chết của cha cô do những người bạn thân thiết của ông cho biết. Anh nửa tin nửa ngờ, nhưng chỉ riêng nỗi hoài nghi cũng đủ làm anh băn khoăn vô cùng. Khi hiệp định Geneva được ký kết, anh đã quyết định ở lại viện cớ phải chăm sóc mẹ già và cô em gái. Anh Thuận buồn lắm nhưng cũng không lay chuyển được anh Tấn. Anh Thuận thì không có gì phải băn khoăn, anh chứng kiến cha mẹ mình bị giặc tàn sát trong một trận càn ở vùng cao, và anh gia nhập Kháng Chiến rất sớm sau biến cố bi thảm đó. Vào một buổi chiều mười năm trước, hai con gà nòi đã chia tay nhau ở một bến sông, và mặc dù họ đã hẹn gặp lại nhau hai năm sau đó, cả hai có lẽ đã không nhìn thấy một viễn ảnh tươi đẹp cho ngày tái ngộ. Sau cái chết của mẹ, anh Tấn tham gia chính quyền địa phương, và không bao lâu, anh trở thành một nhân vật trọng yếu, phụ trách an ninh cho quận nhà. Và bây giờ anh Thuận trở về hoạt động trong cùng một địa bàn, cái viễn tượng hai người mà cô thương yêu trở thành hai kẻ đối đầu khiến cô rầu rĩ vô cùng.

Anh Thuận trở lại ba hôm sau đó, vào giữa khuya. Cánh cửa bếp lần này được mở ra nhẹ nhàng, và ngọn đèn dầu được vặn thấp xuống để tránh sự chú ý của hàng xóm. Nồi cơm độn bắp vẫn còn giữ hơi ấm –cô đã vùi nó trong mớ than hồng còn lại sau lần nấu cơm chiều. Cô ngồi đối diện anh Thuận, yên lặng ngắm anh ăn uống ngon lành, cố giữ không hỏi anh đã đi đâu, làm gì trong mấy ngày hôm nay. Có nhiều điều cô không nên biết và anh không thể nói. Lúc cô bới cho anh chén cơm thứ ba, anh Thuận đột nhiên lên cơn sốt rét. Bàn tay anh run rẩy đánh rơi chén cơm lên bàn ăn tung tóe, mồ hôi rịn ra trên trán, và cả thân người anh run lên bần bật. Anh nghiến răng chịu đựng, khoát tay ra hiệu cho cô là anh không sao. Nhưng anh không chịu đựng được lâu, thân hình ốm yếu ngã lăn ra trên nền đất, co quắp, hai hàm răng va vào nhau lách cách! Phải

khó khăn lắm cô mới dìu anh vào buồng trong của cô và đặt anh lên chiếc giường tre trải chiếu hoa hình chữ Thọ. Cô lấy chiếc mền nhà binh màu cứt ngựa anh Tấn cho đắp lên người anh Thuận. Anh tiếp tục run rẩy, thở dốc dưới lớp chăn. Những ngày tháng gian khổ dọc con đường mòn thăm thẳm trên dãy Trường Sơn và những lần ăn bờ ngủ bụi sau đó đã quật ngã anh không thương tiếc. Cô ngần ngừ một chút rồi tốc mền chui vào, nằm đè trên người anh ôm chặt, mong hơi ấm từ cơ thể mình sẽ làm anh bớt run. Vào lúc gần sáng, cô thiu thiu ngủ trên người anh, lúc bấy giờ đã thôi run rẩy, và nhận ra hai cánh tay anh đã làm thành một vòng ôm rất chặt chung quanh cơ thể mình. Cô dụi đầu thực sâu vào cổ anh, hôn lên lớp da nhớp nháp mồ hôi, và lòng cảm thấy rạo rực vô cùng.

Anh Thuận ở trong căn buồng ngủ của cô ba hôm. Cô cố gắng giữ sinh hoạt của mình diễn ra một cách bình thường để mọi người trong làng không biết nhà cô đang có khách! Anh Thuận hình như đã quen với cách sống lẩn lút nên rất ít khi gây nên tiếng động. Vào giữa khuya đêm thứ ba, anh hôn cô từ biệt rồi lẻn ra sàn nước tắm táp, cô nằm trên chiếc giường tre cố lắng nghe cũng chỉ bắt được những âm thanh sẽ sàng của chiếc gáo dừa khuấy động mặt nước im trong chiếc lu sành. Anh không trở vào với cô đêm hôm đó, nhưng cô biết anh sẽ trở lại, và anh sẽ qua đêm trên chiếc giường tre cô đang nằm. Cô sẽ rất vui lòng có anh bên cạnh, dù chỉ rất họa hoằn và lén lút. Cô đã chờ đợi suốt mười năm qua chỉ để được ngã vào lòng anh trong những dịp như vậy, hối hả và tuyệt vọng. Lần nào cũng có thể sẽ là lần cuối cùng!

Ba hôm trước ngày giỗ mẹ, Xuyến đi chợ quận mua nhang đèn vàng mã và những món cần thiết. Cô cũng ghé thăm anh Tấn, như mọi khi. Khi Thuận trở về vào lúc giữa khuya, anh bắt gặp cô đang ngồi khóc thút thít dưới ánh đèn dầu tù mùtrong căn buồng ngủ nhỏ xíu. Thuận lờ mờ đoán ra chuyện gì, và anh biết mình đoán đúng khi Xuyến bảo anh phải rời khỏi nơi đây trước ngày giỗ mẹ cô. "Tấn biết anh về đây rồi phải không?" Anh hỏi. Xuyến lặng lẽ gật đầu thay câu trả lời. Cô cúi xuống lục lọi trong chiếc giỏ ny lông lấy ra một gói thuốc lá đưa cho anh. "Của anh Tấn gởi anh đó. Ba hôm nữa anh ấy sẽ về giỗ mẹ. Anh ấy nói hai người gặp nhau sẽ có nhiều bất tiện." Thuận cúi nhìn hàng chữ "Ruby Queen" viền kim nhũ lóng lánh trên màu hồng nhạt của bao thuốc lá, thở dài. Anh bỏ đi rạng sáng hôm sau. Hai người chia tay ở góc vườn, nơi có bụi re già đầy hang hốc mà anh đã có lần chun vào đó giả tiếng chim gáy. Anh áp má cô vào mặt mình thực lâu, cố ghi nhận làn da mịn màng và mát rượi trên da

mặt anh chai sạn. Lúc anh quay lưng bỏ đi, cả hai đều không biết rằng họ sẽ chẳng bao giờ còn gặp lại!

Trong mười năm tiếp theo, Thuận như hòn đá lăn, di động không ngưng nghỉ. Anh có mặt trên những chiến trường xa lắc, có khi bên ngoài biên giới đất nước. Anh hoạt động ở nhiều địa điểm, trải qua nhiều nỗi hiểm nghèo, chứng kiến và tham dự vào việc tạo ra nhiều điều bi thảm, nhiều điều hùng tráng, nhiều điều tàn bạo. Và trong suốt mười năm dài, anh vẫn nghĩ đến Xuyến, như anh đã từng thương nhớ cô mười năm xa vắng trước đó. Cho dù không có tin tức nào chính xác về hành tung của cô, anh vẫn cho rằng cô luôn bình an và luôn mong chờ ngày anh trở về.

Rồi anh cũng trở về, với tư cách một thành viên của phe thắng trận. Nhưng Xuyến không còn ở đó. Không còn ai ở đó. Ngôi làng đã trở thành bình địa từ lâu trong cơn binh lửa, và những người cư dân cuối cùng nếu không chết vì tên bay đạn lạc thì cũng đã dắt díu nhau đi mất. Thuận còn đang lúng túng thì có người đến tìm. Người đàn ông nằng nặc đòi gặp riêng anh. Thuận ra hiệu cho người cần vụ lui ra khi cái tên Xuyến được nhắc đến. Và người đàn ông nói ra cái tin chẳng lành mà Thuận đã cảm thấy được ngay trước khi anh ta lên tiếng. "Cô ấy chết thảm lắm, ngay buổi sáng ngày giỗ mẹ, hai hôm sau khi ông đi..."

Lúc này Thuận đã nhận ra người đàn ông là ai. Chú du kích trẻ măng năm nào! Người có trách nhiệm canh chừng cái "bẫy" không cho ai khác ngoài "đối tượng" chọn lựa. Hắn nói gì vậy? Sao lại ngay hôm giỗ mẹ của Xuyến? Anh chồm lên, nắm ngực người khách lắc tới lui, nói như mê sảng,"Chú nói gì vậy? Sao lại vào ngày giỗ mẹ?" Lòng anh quặn lại trong nỗi kinh hoàng cùng cực. Người đàn ông từ tốn gỡ tay Thuận ra khỏi người mình. Nét mặt hắn trầm tĩnh, có chút lạnh lùng. "Tôi có món đồ này cho ông!" Anh ta lôi trong túi ra một gói giấy ny lông nhỏ đưa cho Thuận. Đó là một vỏ bao thuốc lá cũ mèm nhăn nhúm gấp làm đôi, màu hồng nguyên thủy đã bay mất, chỉ còn lờ mờ nhận được hàng chữ "Ruby Queen" ở mặt trước. Ở mặt sau chỉ có vỏn vẹn một hàng chữ viết tay nhòe nhoẹt, không còn đọc được nữa. Nhưng điều đó thực không còn cần thiết đối với Thuận. Anh biết hàng chữ đó nói gì. Chính anh đã viết xuống cái vỏ bao thuốc lá mà Tấn đã gởi cho anh cùng với lời "đuổi khéo" hơn mười năm về trước. Tờ giấy chứa vỏn vẹn có mỗi ngày đám giỗ sắp tới của mẹ Xuyến. Thuận còn nhớ mình trao mảnh giấy này cho người đồng chí chỉ huy du kích địa phương trước khi lên đường. Lúc đó anh đã dặn dò

kỹ càng về việc cái bẫy phải được canh chừng cẩn thận để tránh tổn thất cho nhân dân. Chính là người đàn ông trước mặt anh chịu trách nhiệm về khâu này. "Tôi đau bụng, đi ngoài có một chút thôi. Ai dè! Cô ấy chết tay còn nắm cứng tờ giấy này!" Người đàn ông thở hắt ra sau câu nói. Thuận muốn nhảy lên bóp cổ hắn, nhưng anh đứng im. Chính anh ra lệnh thực hiện cái bẫy để tiêu diệt Tấn, kẻ thù của nhân dân, như anh đã tuyên bố trong buổi họp cuối cùng với nhóm thuộc hạ ở địa phương. Anh cảm thấy đau nhói như thể có một ngọn chông nhọn hoắc đang xuyên vào hạ thể lên đến bụng dưới. Chông ba cạnh sắc lẻm, được chuốt từ cật tre đặc ruột, lún sâu vào cơ thể nạn nhân ngọt xớt. Mỗi cử động dù nhỏ đến đâu cũng làm ngọn chông đâm vào sâu hơn, những dăm tre sẽ gây ra cái cảm giác nhói buốt rợn người bên cạnh cơn đau xé ruột xé gan đến từ cây chông tre. Và Xuyến của anh đã chết như vậy đó, tay nắm chặt cái vỏ bao thuốc có thủ bút của anh! Nếu mà anh có thể biết được Xuyến đã nghĩ gì vào lúc đó!

"Ông Tấn không về hôm giỗ mẹ..." Người đàn ông kể tiếp. Tất nhiên là Tấn không về. Con gà nòi Điện Hồng mưu lược không dễ dàng gì mắc cái bẫy do chính mình giương ra. Thuận không hề có ý định sát hại Tấn, người em kết nghĩa và là anh ruột của người yêu. Cái hầm chông bên cạnh ngôi mộ của mẹ Tấn chỉ là cái cớ. Không khó khăn gì để Tấn hiểu ra tại sao Thuận có mặt ở vùng kiểm soát của anh. Mục tiêu chính là Tấn, và Thuận phải là người triệt hạ mục tiêu, không còn cách nào khác. Việc Thuận bại lộ tung tích buộc anh phải rời vùng kiểm soát của Tấn tức khắc, và những ngọn chông tre ba khía chứng minh quyết tâm của anh. Một lối thoát tuyệt hảo, và chính là Tấn đã cho anh cái cơ hội đó. Chỉ có một việc cả hai đều không nghĩ tới, Xuyến! Thuận có thể hiểu được nỗi đau đớn và phẫn nộ của Tấn, trong đó nhất định có niềm ân hận mênh mông về cái ý nghĩ chính anh cùng Thuận là thủ phạm của cái chết đau thương của người con gái mà cả hai yêu quí vô cùng. "Ông ấy lồng lên như con hùm xám..." Tấn trở nên hung dữ như hùm xám, độc ác như rắn cạp nia, và quỷ quyệt như chồn đèn. Những ngày tháng sau đó là cơn ác mộng của hạ tầng cơ sở địa phương. Tấn đã gây nhiều tổn thất trầm trọng cho đối phương. Vào năm kế tiếp, đến phiên Tấn chết dữ dằn trong một cuộc đột kích táo bạo của phe Thuận, cũng dữ dằn như những cái chết anh gây ra cho họ. "Ông ấy không giết tôi vì tôi có công mang cô Xuyến về quận. Hơn nữa, ông Tấn muốn tôi giao lại cho ông cái món đồ khi nãy." Thuận không còn muốn nghe thấy gì nữa!

Ít lâu sau đó, Thuận bắt đầu thấy lại Xuyến trong chiêm bao mỗi

đêm. Thuận không chắc những giấc mơ có thực giống nhau không, nhưng anh luôn luôn có cái cảm giác là mình đã sống qua những điều đang xảy ra trong giấc mơ ở một nơi nào khác trước đó. Trong những giấc mơ mà anh thấy hằng đêm, anh không thể nào đến gần Xuyến. Luôn luôn có một điều gì đó ngăn cản hai người đến gần nhau. Có khi là những mũi chông tre ba cạnh bén ngót cứ mọc dài ra mãi từ mắt, từ mũi, từ tóc, từ tai Xuyến, và tiếng thét đau đớn của cô làm Thuận giật mình thức giấc. Có khi là ngọn lửa từ đâu kéo đến, vẽ nên hàng chữ Ruby Queen chập chờn quấn lấy Xuyến, cô bốc lửa và cháy bùng lên như cây đuốc. Có khi là Tấn hai tay vung vẩy hai khẩu súng ngắn bóp cò nổ đoàng đoàng. Và Thuận cứ phải thức giấc trước khi được phân giải với Xuyến một lời! Không phải là Thuận chưa hề trải qua những cơn mộng dữ trước đó. Trong suốt chiều dài của cuộc chiến tranh, anh đã nhiều lần chứng kiến những cảnh tượng khủng khiếp, những cái chết quái đản của đồng đội và của đối phương. Anh cũng đã nhiều lần chịu trách nhiệm về cái chết của những người khác, những người mà anh trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia vào việc lên án, xét xử, và hành quyết. Nhưng anh chưa hề biết đến niềm ân hận lớn lao đeo đuổi anh từng giờ từng phút như hiện giờ. Cái chết của Xuyến chỉ là một tai nạn, anh biết thế. Tai nạn vẫn xảy ra hàng ngày, kể cả trong thời bình, cả điều này anh cũng hiểu. Ngoài nỗi buồn vì mất mát người mình thương yêu, anh không nên để mình bị cắn rứt vì cái chết của cô. Anh muốn lắm, nhưng làm sao được?

Những cơn mộng dữ cứ đến mỗi đêm, và Thuận vẫn không có được cơ hội nói cùng Xuyến một lời. Anh đâm ra sợ hãi. Anh không muốn ngủ, nhưng lại không thể không ngủ. Mà anh cũng không thể chia sẻ với ai về những giấc mơ dữ dội của mình. Người ta sẽ cho đó là triệu chứng của suy sụp về mặt tinh thần! Dần dần anh nhận ra một điều kỳ lạ: những gì anh nhìn thấy trong giấc mơ trở nên quen thuộc đến độ anh không còn cảm thấy khó chịu nữa. Chính cái cái việc anh phải nằm mơ làm anh khó chịu. Anh đâm ra thù ghét những giấc mơ, tất cả những giấc mơ. Anh không muốn có một giấc mơ nào hết. Nhưng anh cứ phải nằm mơ, những giấc mơ với nội dung tương tự, hàng đêm, hàng tháng, hàng năm.

Một buổi sáng anh thức dậy, lòng vô cùng hoang mang. Giấc mơ đã không đến đêm qua. Không có gì đến với anh trong giấc ngủ đêm qua. Anh cũng không chắc mình đã thực sự có một giấc ngủ! Nhưng tất cả những điều chung quanh anh cho biết anh đã trải qua một đêm yên lành. Anh lên giường lúc mười giờ đêm, và bây giờ những tia nắng đầu tiên

ngoài kia có thể được nhìn thấy sau khe hở của màn cửa. Chiếc đồng hồ báo thức ở chiếc bàn đêm chỉ sáu giờ bốn mươi, và bản tin buổi sáng đang vọng ra từ chiếc máy thu thanh của nhà hàng xóm. Nhưng anh đã không có một ý niệm nào về khoảng thời gian dành cho giấc ngủ. Cứ như bị thuốc mê! Chợp mắt, mở mắt, và không có gì ở giữa hai động tác đó! Điều anh thù ghét –những giấc mơ– đã không còn ám ảnh anh nữa, nhưng điều này chẳng làm anh vui hơn chút nào. Mà anh cũng chẳng than phiền gì được, chẳng phải chính anh đã mong muốn không còn bao giờ phải nằm mơ nữa hay sao? Từ đó về sau, đời sống của Thuận là một chuỗi dài của những ngày nối kết nhau, bởi vì những giấc ngủ chỉ còn là một hoạt động thuần túy sinh học, không để lại trong anh một khái niệm nào về sự hiện hữu của chúng. Trên một nghĩa nào đó, đời sống của anh bị rút ngắn lại, bị dồn nén, bị cắt đi. Nhưng đồng thời điều này cho anh sự liên tục trong những suy nghiệm về những vấn nạn của đời sống. Anh có thể nghĩ ngợi về cùng một điều trong nhiều ngày liên tiếp, bởi vì không có gì chen vào giữa những mốc thời gian đó. Trong những năm tháng kỳ lạ này, anh thăng tiến rất nhanh và tạo được sự kính nể của những người chung quanh. Nhưng anh không cảm thấy hào hứng bao nhiêu. Thực ra, trong thâm tâm, anh lạnh nhạt với tất cả những thành tựu của mình. Anh vẫn nhớ về Xuyến với niềm tiếc hận lớn lao, và những cơn đau buốt lòng bây giờ đã trở nên một phần không rời của đời anh.

Vào một buổi chiều anh chợt nghe tiếng chim gáy. Anh mới vừa về đến cổng nhà sau một ngày quần quật ngoài cánh đồng trồng dâu cạnh bờ sông. Tiếng gáy rụt rè, thiếu tự tin phát ra từ nhà bếp, nơi có chiếc lồng tre nhỏ tự tay anh đan cho Xuyến. Con chim non nay đã trổ lông cườm, những đốm đen tròn đỏm dáng viền quanh cái ức màu xám lợt. Xuyến đứng bên cạnh, ngắm say mê, mái tóc "bôm bê" ngày nào nay đã dài chấm vai, che hết một bên chiếc má có lúm đồng tiền xinh xắn. Cô quay lại nhìn anh mỉm cười, và ngay lúc đó, Thuận biết mình đang nằm mơ. Thực là một cảm giác kỳ lạ, ý thức được rằng mình đang nằm chiêm bao ngay giữa cơn mơ. Giấc mơ thầm kín nhất, bí mật nhất, không dám thổ lộ cùng ai, không dám cả thừa nhận bởi chính mình. Cái ước mơ trong đó lần chia tay cùng Xuyến ở khu vườn mít cạnh bờ sông Cái đã không hề xảy ra, những năm tháng gian truân, những cái chết của người bên này hay bên kia, những cây chông tre ba khía bén ngót , tất cả đều không hề xảy ra. Tất cả đều không cần thiết phải xảy ra. Chỉ có cánh đồng dâu xanh um và con chim non với tiếng gáy đầu đời bỡ ngỡ. Và Xuyến tóc chấm vai nhìn anh cười dịu dàng. Thuận quyết định không ra khỏi giấc mơ của mình, giấc

Tình gọi
TRẦN MỘNG TÚ

Em đi buổi sáng mù sương
Dấu chân có tỏ trên đường em qua

Em đi buông một đóa hoa
Hương thơm dội lại cánh xa cuối trời

Em đi đuôi mắt ngậm ngùi
Rừng phân ưu đứng lá ngồi tịnh tâm

Em đi sông gọi tiếng thầm
Lục bình chia nhánh đá trầm mình đau

Em đi trời xuống thật sâu
Mây chia trong tóc gió nhầu trên vai

Em đi biển có thở dài
Muối tìm mãi dấu chân ai trên bờ

Em đi rách một trang thơ
Sách nằm ôm mặt u ơ gọi tình

Em đi xóa một bình minh

mơ mà sau cùng anh đã tìm thấy, cái giấc mơ như một phủ định mọi ý nghĩa gán ghép cho những biến cố đã xảy ra cho đời anh trong mấy chục năm qua. Và bằng một cách nào đó không thể giải thích được, anh đã toại nguyện.

Tin Thuận qua đời được loan báo rộng rãi trên hệ thống truyền thông cả nước ngày hôm sau. "Sự ra đi của ông là một tổn thất không nhỏ cho công cuộc đổi mới của đất nước." Bản tin đã chấm dứt như vậy. Không có lời nào đề cập đến giấc mơ sau cùng của Thuận. Có thể không ai biết đến một giấc mơ như vậy. Có thể những giấc mơ như vậy không nên biết đến.❐

Mãn thiên hoa vũ

Hồ Đình Nghiêm

Tấm vải đỏ buông mình nằm dán xuống mặt đường. Những con chữ tuột trôi về lỗ thoát nước. Cây lá vật vã và gió thổi cơn mưa đi ngang, chập chùng như tấm lưới trắng vừa ném ra khỏi tay ngư phủ. Cánh cửa gương nhỏ, chỉ nhìn được một góc phố bên dưới. Cây cột điện bằng xi-măng, tấm bảng hiệu "Cửa hàng may mặc Ngọc Nữ" loáng ướt và những tấm ny-lông phập phồng lên xuống suốt dãy hè vắng bóng người. ở xa, mờ ảo những ngọn đèn xanh đỏ, mưa xóa bôi dáng đứng thấp cao của dãy nhà gọi là trung tâm thành phố.

Điếu thuốc ngắn ném ra ngoài cửa sổ. Mưa xứ nhiệt đới hầm hập một thứ mùi khác thường. Mùi rêu phong cũ kỹ, mùi mái ngói tường vôi, mùi rác rưởi, mùi đầu tôm xương cá... Như ăn một miếng phó-mát chẳng rượu chát, như cởi từ chân một đôi vớ ẩm suốt ngày bó chân. Mưa mới rơi nên mưa xông đầy mùi trinh nguyên, như nước mắm lấy đi từ nước rỉ đầu tiên ở vựa chứa cá.

Hổ tính thắp điếu thuốc mới thì nghe tiếng gõ cửa. Người con gái hiện ra giữa một hành lang xông đầy bóng tối.

"Em đi xe ôm, nửa chừng bị mắc mưa nên phải đổi sang xích-lô..."

"Vào trong rồi hẳn nói".

"Ông đạp xích-lô chờ em ở dưới... Anh sẵn tiền lẻ không?"

Hổ bước tới giường, thò tay dưới gối và cầm bóp tiền lên. Những tờ giấy nhỏ nhắn in lem nhem như tiền vàng mã cúng đốt cho người khuất mặt. Họ in làm gì những con số lớn lao đến thế? Một tờ mười ngàn. Chẳng biết có đủ không? Hổ rút thêm năm ngàn.

"Sẵn xuống dưới mua giúp anh ly cà-phê đá".

Người con gái cầm tiền bước đi. Cô như bị thấm nước, những bước chân sột soạt và đôi dép nhựa phát tiếng rít rát. Hổ mở ngọn đèn treo giữa

phòng. Bóng tròn, vàng đục. Người bắt đèn khéo tính toán, luồng sáng 30 watts vừa đủ để chạy quanh giữa bốn bức tường hẹp. Cửa phòng vẫn mở, hào quang của nó chẳng đủ sức lấn lướt ra cái ô vuông đen đúa đang dựng đứng kia. Không mấy lâu, hành lang vắng tiếng lạch bạch và khung cửa giống một bức tranh đóng khung người con gái tay cầm ly cà-phê đá. Tóc ướt, áo thấm nước vào hai bờ vai làm thấy rõ sợi dây của chiếc nịt vú. Người con gái quay lưng đóng chặt cửa. Bùn lấm tấm vấy lên sau ống quần.

"Em không biết khẩu vị của anh, bỏ đại hai muỗng đường cát".

Cô trao ly cà-phê khi nói. Hổ đón lấy và như ngửi thấy thân nhiệt của cô gái tỏa ra. Nó giống một đoạn đường nằm phơi mình giữa nắng lửa và rồi thì mưa cuồng loạn xối xả lên trên. ừ, mùi hơi đất. Mấy ông bà già lúc nào cũng hù dọa con dại: "Tụi bây coi chừng đó, trời mới mưa hít phải mùi hơi đất thì chỉ có nước đau".

Cô gái tần ngần đứng ngó quanh căn phòng trong khi Hổ nhăn mặt uống cà-phê. Ly nước ngọt lơ lớ, mặn, chát và chua. Hình như một ly nước đen được gọi là cà-phê thì phải có đủ những yếu tố ấy?

"Họ tính có hơi mắc bởi vì em mua luôn cả cái ly".

"Em uống không?"

"Em không khát. Cho em điếu thuốc, có được không?"

Cô gái đến bên cái bàn nhỏ kê sát giường. Cô rút một điếu 555 và ghé mông xuống nệm ngồi bật lửa. Cô ngắm nghía cái zippo, đóng mở lắc cắc lắc cắc cái hộp quẹt như một đứa trẻ nghịch ngợm lúc nào cũng buồn tay. Hổ hút chung điếu thuốc với người con gái, nhìn những nốt mụn đỏ mọc cách khoảng trên trán cô. Vầng trán đó có hơi nhăn khi nghe Hổ hỏi:

"Em mấy tuổi rồi nhỉ?"

"Người ta chưa cho anh hay à?"

"Anh đã khuấy quên".

"Hai mươi tuổi. Cần xem thẻ chứng minh nhân dân không?"

Điếu thuốc tàn lụi chóng vánh. Không có gạt tàn, người con gái ném xuống đất rồi dí dép nhựa lên trên:

"Hai mươi. Già hay trẻ?'

Những nốt mụn đỏ và khuôn mặt ngước lên khiêu khích. Mắt người con gái nhìn thẳng, bất cần. Nước mưa làm trôi đi phần nào son phấn và thứ mỹ phẩm dùng để kẻ mắt hoen ố loang ra thành vũng tròn tối ám. Như một kẻ mới bị đòn ghen, như đêm hôm ở công viên sơ ý vấp chân vào rễ cây và đập đầu xuống ghế đá.

"Biết hút thuốc từ bao giờ?".

"Từ khi biết buồn".

"Bây giờ thì sao? Buồn hay vui?"

"Vui? Anh làm ơn định nghĩa chữ vui cho em nghe thử".

"Mất thì giờ! Hãy tắm rửa đi, rồi ra anh cho cái này".

"Cho hay tước đoạt?"

Người con gái đứng lên. Tấm nệm có hơi nhún nhẩy. Cô đến bên cửa gương mờ xám vác mặt ngó xuống đường. Có hai người đàn ông mặc áo mưa đang cố gỡ tấm biểu ngữ màu đỏ xuống. Nó đã đứt dây một đầu khi mưa gió đổ về và những chữ tự do hạnh phúc dán trên đó đã nhã keo trôi phăng về ống cống. Chẳng có gì quan trọng cả, mai mốt người ta sẽ làm tấm băng mới để điền thế. Cái khó hiểu là sao người ta cứ mãi nhai đi nhai lại những chữ sáo mòn đó, trường kỳ suốt mấy mươi năm? Có phải trường kỳ thì nhất định thắng lợi? Nhọc công! Tự do và hạnh phúc bất quá chỉ là hành động tụt phăng chiếc quần xuống và rồi nằm ngửa ra trên mặt nệm chờ đợi. Buồn, vui; cái đó đáng quan tâm hơn.

"Thấy cái bảng hiệu Ngọc Nữ không?"

Hổ hỏi.

"Thấy".

Người con gái trả lời.

"Hôi sáng anh có tạt ngang và mua cho em bộ áo quần".

Hổ kéo hộc tủ dưới bàn ra gói giấy:

"Thử xem có vừa kích không? Cô bán hàng bảo đảm là nếu không vừa có thể mang lại đổi bộ khác"

Người con gái quay đầu nhìn. Trong mắt cô có hai đốm sáng của ngọn đèn 30 watts đọng vào đó. Ngọn đèn vẫn cố định trên trần, nó phóng lớn cái bóng đen của cô gái và rồi thì bẻ gãy hình thù, dán cô ta lên vách dị dạng khi cô bước tới sát giường. Gói giấy được mở ra, bộ đồ bằng vải soie màu rêu thêu những cánh hoa vàng trên ngực áo.

"Em tên Cúc nên anh chọn bộ này cho hợp. Thích không?"

Người con gái sờ soạn chất vải. Cô nhìn đường kim mũi chỉ và cánh hoa thêu cộm trên áo.

"Sao không nói gì cả?"

"Hoa này là hoa cúc hở anh?"

"Đâu biết. Anh làm sao rành mấy thứ bông hoa bằng Cúc được. Tắm đi, rồi đợi trời tối tụi mình đi ăn".

Người con gái ôm bộ áo quần vào lòng, cô nhìn xuống gã thanh niên đang ngã lưng trên mặt nệm. Hắn dùng hai chiếc gối để kê đầu, một cánh tay vắt ngang trán như muốn che bớt ánh sáng hơn là kẻ có nhiều điều nghĩ ngợi.

"Anh có áo mưa không?"

Cánh tay buông xuống nệm, khuôn mặt có râu lún phún với đôi mắt hơi nheo trỏi cao khỏi gối:

"Áo mưa?"

"Không phải là anh bảo dắt em đi ăn tối sao?"

"Đi taxi. Anh không có áo mưa".

Cửa phòng tắm đóng chặt lại. Tiếng móc sắt cài vào nhau và chẳng mấy lâu người con gái hiện ra với bộ áo quần mới thay.

"Trước khi đến đây em đã tắm rửa rồi".

Hổ nhìn những cánh hoa rung động trước ngực cô gái.

"Kỳ lạ thật, sao nó vừa vặn như chính em đi lựa mua?"

Người con gái nói. Cô bước gần tới giường, ngập ngừng như một cô dâu ngày đầu chính thức giao mạng cho chồng.

"Suốt đời, chưa có ai mua tặng em một món đồ. Chưa có ai đối xử tốt như anh. Em nói thật, anh tin không?"

"Anh hỏi Cúc một câu có được không?"

"Anh hỏi đi. Bao nhiêu câu cũng được, miễn đừng hỏi những câu của bọn công an".

"Vậy thì thôi. Công an thì cái gì nó cũng hỏi cả, đúng không?"

"Đúng. Hỏi mà làm gì, dạy cho kẻ kia phải đặt điều man khai. Đôi khi biến đổi kẻ thành tâm thành đứa dối gian. Cúc nói mẹ già đau nặng nằm nhà thương cần tiền thuốc thang nên Cúc phải đi khách thì anh tin không? Anh không tin và Cúc thì vô tình mà mang tội bất hiếu. Đừng hỏi, cách hay nhất là tôn trọng hợp đồng và người nào chu toàn công việc của người đó".

"Không có trường hợp ngoại lệ?"

Người con gái nằm xuống giường, cô lấy ngón chân để kéo tấm chăn mỏng lên đắp trên bụng, hai tay ôm cứng lấy nó.

"Có chứ. Hôm nay được mặc áo quần mới là ngoại lệ rồi chứ còn gì nữa... Tắt đèn đi, anh nhé?"

"Tại sao lại phải tắt đèn?"

"Cúc ghét ánh sáng".

"Nhưng mà anh thích. Và ai cũng vậy cả, họ thích thấy ánh sáng cuối đường hầm".

"Nhảm nhí. Nằm đó mà nói chuyện tào lao!"

"Cúc chịu cho kẻ khác nằm trên bụng mình mà Cúc lại ngại kẻ đó nhìn rõ thân thể mình? Sao kỳ lạ vậy?"

"Hai chuyện khác nhau. Ăn thịt chó khác với ngó làm thịt chó".

Người con gái trải rộng tấm chăn và đắp phủ kín mít. Cô nằm yên,

thiếu con dao đặt trên chăn thì chẳng khác một thây ma chờ tẩm liệm. Khách sạn bình dân nên tấm chăn chẳng được thơm tho sạch sẽ. Tiền mướn rẻ nên tấm nệm chông chênh những cái lò xo nằm sai vị trí.

"Anh còn chờ đợi gì nữa? Tắt đèn rồi làm việc đi thôi... Anh không có áo mưa thật à?"

"Anh không làm việc. Anh không có áo mưa..."

"Vậy chứ anh thích chơi trò gì bây giờ?

Người con gái hỏi, ngập ngừng. Cô đợi cơn địa chấn sẽ làm chao đảo chỗ đặt lưng nhưng chiếc giường thủy chung vẫn bất động, như thể thằng đàn ông đang luyện yoga tới mức thượng thừa và bàn tọa của hắn đã nhấc bổng lên khỏi tấm nệm một cách êm thắm. Cúc thò đầu ra khỏi chăn, những sợi tóc rối phủ trước mắt. Hắn vẫn còn nằm một bên. Hắn mở mắt và hắn ngó chăm cái gì đó trên tường vôi ẩm mốc. ở dưới đường vọng lên tiếng rao hàng nghe không rõ câu kệ của một đứa bé. Có thể là bánh mì nóng mới ra lò. Có thể là ai ăn hột vịt lộn không? Tiếng rao nhão, đuối hơi. Nước mưa trộn lẫn trong đó, gửi âm thanh đi xa, nghe thảm não.

"Cúc đói bụng chưa? Mình đi ăn".

"Ừ. Có thực mới vực được đạo. Bao giờ cũng vậy, ăn no mới bò cỡi. Đúng không?"

Người con gái vùng dậy khỏi chỗ nằm, cô đi lại cuối phòng, săm soi nhìn mình trong gương, sờ soạn những cánh hoa thêu trên ngực áo. Chiếu động trong gương là cái nhân dáng của thằng đàn ông đang đứng nhét áo vào quần.

"Em chưa thấy ai kỳ lạ như anh".

"Về chuyện gì?"

"Anh không giống như bọn đàn ông khác. Tại em không được đẹp, không hấp dẫn, phải không?"

"Người đàn bà đưa cho anh một cuốn album nhét tới mười tấm ảnh, chính anh đã có sự lựa chọn. Anh cần vẻ hiền lành nơi khuôn mặt Cúc".

"Hiền lành mà được gì? Người xem ảnh bao giờ cũng để ý trước tiên tới thân xác nẩy nở, những ngực những mông những đùi...

"Không có trường hợp ngoại lệ?"

"Ngoại lệ... Sao anh thích dùng chữ ngoại lệ vậy?"

"Ừ... Bao giờ thì Cúc sẽ lấy chồng?"

"Em chưa bao giờ có ý nghĩ ấy cả. Những nhân vật trong tiểu thuyết làm sao xuất hiện được trên trần gian?"

"Trước đây Cúc học tới lớp mấy rồi?"

"Lớp mười... Chuyện học hành đâu liên quan gì? Đôi khi Cúc ước ao mình là kẻ vô học mà hơn. Những đứa không ăn học thường làm được

những chuyện lớn hơn là kẻ có suy nghĩ, đúng không? Mà thôi, tại sao mình lại nói tới những chuyện xa rời thực tế. Anh tính dắt em đi ăn ở đâu?"

"Quán Hải Âu. Cúc biết quán ấy không?"

"Là cái máy chém đó. Nó thuộc loại xịn, có phải vì thế mà anh mua cho em bộ đồ mặc cho tử tế?"

Có tiếng gõ cửa chen lẫn trong câu nói của cô gái. Cách khoảng, từ nhỏ tới to. Hổ nhìn đồng hồ khi đưa tay mở cửa.

"Sao rồi? Xong xuôi hết chưa?"

Vừa hỏi, người đàn ông vừa rảy cây dù vừa lách người bước vô. Mắt đảo tới mặt nệm và sau cùng dừng lại ngó cô con gái.

"Đây là người anh tôi, tên Long".

Hổ nói. Cô gái đứng yên. Trong gương soi, hứng đọng khuôn mặt gầy đen, trán hói, láo liên.

"Bây giờ tao về chở bà già nhé? Quán Hải Âu phải không?"

"Anh thấy ổn không?"

"Tùy thuộc vào mày và cô em này một phần. Tại sao lại không ổn?"

"Hai anh đang chơi trò gì đây?"

"Em đừng lo ngại. Bà già bọn này gần qua đời, bà muốn chính mắt nhìn thấy thằng Hổ cũng có vợ như ai. Em giả làm vợ nó một đêm thì có chết ai, phải không? Chỉ có vậy thôi. Vui vẻ cả làng..."

Người đàn ông thấy bao thuốc để trên bàn, ông bước tới rút một điếu và châm lửa thở khói.

"Giản dị thôi mà. Chẳng có gì phải tranh thủ khẩn trương động não cả!"

Ông ta ngồi xuống giường, nhún người đo lường thử độ co giãn của tấm nệm.

"Chỗ này cũng khá tốt. Yên tĩnh mà giá cả cũng phải chăng. Hai người tới quán bằng cách gì?"

"Em đi taxi".

"Ừ. Mưa đã ngớt đâu... Mày đừng phung phí nhiều nghe Hổ. Còn phải dắt bà già đi thăm một vòng bà con nữa đó. Hình như đã là Việt kiều thì ai cũng chộn rộn lu bu chuyện ấy cả".

Người đàn ông đứng lên. Kéo tay Hổ bước ra ngoài hành lang. Ông rít sâu hơi cuối rồi ném điếu thuốc xuống đất:

"Con nhỏ ngó cũng đặng lắm. Mày làm ăn gì chưa?"

"Chưa".

"Mày nhớ đả thông tư tưởng nó chứ không thì bể mánh trước mặt bà già".

"Tôi thấy mưu kế của anh không được vẹn toàn cho lắm".

"Chứ đòi gì nữa?"

"Qua mặt Má kiểu này thì đoản hậu quá".

"Mày không biết đó thôi. Bả đi coi bói ở đâu về nói là dòng họ nhà mình đàn ông con trai tất cả đều bỏ đi. Chẳng đứa nào lập nên công trạng đã đành, mà đường vợ con cũng xem như bế tắc luôn. Mày có vợ, mai mốt sanh con, nghe thế thì bà mừng muốn chết".

"Tôi không biết. Có gì anh gánh hết..."

"Ừ, để tao gánh cho. Mày chưa làm gì nó thật sao? Ngó nó cũng thơm như múi mít!"

Người đàn ông trương cây dù ra, xoay xoay ở tay.

"Mày giả làm chồng nó khi tới quán ăn rồi khi tan tiệc đưa chìa khóa phòng cho tao để tao làm chồng thiệt của nó. Mẹ kiếp, lâu rồi thằng Long này có biết qua mùi vị đàn bà con gái đâu! Để con nhỏ lành lặn ra về thì cũng phí đi".

"Này, anh cầm ít tiền mà lận lưng".

"Đưa đây, lận làm gì mày. Để tao mua ít sâm cho bà già bồi bổ. Cả tao cũng vậy, cho sung cuộc đời".

Người đàn ông cười tiếng đục, khô. Hổ vào lại phòng, đóng cửa bằng lưng. Đứa con gái đang ngồi ở giường ngoảnh mặt lại:

"Anh ta bày mưu lập kế gì nữa?"

"Không, anh ấy bảo em thơm như múi mít".

Hổ bước tới giường đè đứa con gái xuống.

"Chuyện gì vậy? Không đi nhà hàng nữa sao?"

"Để em lành lặn vậy anh đây không đành".

Tấm nệm phát tiếng kêu oán than, oằn oại.

"Khoan, để em cởi từ từ kẻo rách mất bộ đồ xịn".

"Ối, tưởng rách cái khác mới đáng ngại... Cúc, em mất trinh từ bao giờ?"

"Hỏi nhảm. Mất từ khi chào đời lận. Quỷ, làm gì mà như hổ đói vậy?"

Hổ thở hào hển. Mưa tự dưng trút nước rầm rộ ngoài trời.

"Này, anh không cần mặc áo mưa sao?"❐

Bài thơ ngày trước

TRIỀU HOA ĐẠI

mùa hạ. quên trở về bữa nọ
xuyên cành lá lửng lơ phai
chim bay - không lời để lại
ngày xanh, xót chút ngậm ngùi

không là mây mà nhớ trời, nhớ nắng
đường quen, nhà khói phủ êm đềm
gió ơi! khua giùm lên tiếng trống
nhủ nhau về mấy ngã hoàng hôn

ngồi với mùa thu, mây bay quyện tóc
lòng mênh mang nhớ đến ai kia
gió khuya. rụng, bám đầy nỗi nhớ
tơ chùng. đàn dỗi. tay lìa

gọi nhau ngày khơi lên ấm bếp
áo bạc phai, loáng chút mưa thưa
căn nhà cũ. buồn, vui hoa khế nở
phố lên đèn. mái ngói, chim xưa

đêm nay. vâng, đêm cuối thu trở lại
trăng lên ngày thơ ấu không còn
bỗng dưng nhớ bài thơ thuở trước
hồn chùng. nhang khói ai ơi!

Bất chợt một buổi chiều

Quan Dương

Chai rượu ngã chúi nhào vô đáy cốc
Dập tím bầm khuôn mặt gã đàn ông
Đáy cốc nhỏ chỡ lòng chai quá chật
Một giọt thừa tràn lên mắt rưng rưng
* Quan Dương

Nàng là người đàn bà không đẹp, khuôn mặt trông phách lối. Còn gã chỉ là một tên làm công trong một tiệm grocery nhỏ. Nàng có thói quen mỗi chiều đều ghé lại để mua một xâu Budweizer 6 lon 12 oz. Mỗi lúc nàng đến, gã thường lẳng lặng đứng nhìn. Chưa bao giờ nàng nở một nụ cười, dù chỉ một nụ cười dùng để xã giao giả tạo. Chắc có lẽ nàng nhận thấy gã quá tầm thường. Trái lại gã rất chú ý đến nàng, bởi vì nàng có một bản mặt khó ưa, nếu không nói là dễ ghét. Cứ thế, ngày tháng lẳng lặng đi qua, sự ghét trong gã âm thầm tăng dần tỷ lệ thuận với thời gian . Gã có thể cảm nhận biết nàng khinh khi mình, nhưng không làm gì được, vì xét ra gã còn tầm thường hơn mức nàng nghĩ. Đôi lúc gã cũng với vị thế quá hèn mọn của mình. Dù gì gã cũng từng có học, dẫu không nhiều lắm nhưng cũng vừa đủ làm cho gã mỗi lúc tiếc nuối về bao ước vọng tuổi trẻ không thành trong quá khứ để ấm ức cho một hiện tại không giống ai.

Đồng lương nhận hàng tháng là đồng lương thấp nhất, chẳng dư dã, nhưng gã cũng tạm lây lất mà không cần phải bon chen này nọ. Đôi khi gã tự xem đời mình kể như kết thúc. Sống để chờ ngày tháng trôi qua mỏi mòn ...và chết. Thế thôi. Chuyện thế sự trần gian không còn màng đến, nếu không nói gã quá chán ba chuyện dài tị nạn lắm rồi. Cũng chỉ là những mị ngữ hô hào để che đậy những thê thảm trong tận cùng tâm ức thối rửa từ sự no đủ vật chất trên đất nước tạm bợ này thành những viên

sáp hóa trang cho từng khuôn mặt. Lúc mới đến, gã có quá nhiều kỳ vọng một sự đổi thay đến nỗi dư thừa thành mòn mỏi và thất vọng. Cuối cùng, tự khoanh cuộc sống vào manh đời rách nát, gã cầu xin tâm linh chỉ lối đưa đường để mai kia mốt nọ có về với cát bụi cũng đừng nên vương lại một chút gì có thể làm ô nhiễm thêm bầu không khí mà loài người vì cần sống đã phải hít vào thở ra hàng ngày.

Trong lúc gã yên chí đời mình như thế đó thì nàng lại xuất hiện, dễ ghét đến nỗi khuấy động sự yên lành trong tâm tư. Gã đâu còn trẻ để nôn nao bồi hồi, cũng chưa đến nỗi già để mất đi cảm giác trần tục của một con đực động tình trước một con cái do bản năng tự nhiên Thượng Đế ban phát. Nàng là người Việt họa hoằn đi lạc vào cái tiệm bán bia rượu vốn phần đông khách hàng người Mỹ. Nàng là người Việt, nhưng chưa bao giờ gã nghe nàng nói tiếng cha sanh mẹ đẻ ngay cả lúc đứng ở quày cashier tính tiền với thằng chủ cũng là người Việt một trăm phần trăm. Gã rất gai tính, gai đến nỗi hằn học tự nhủ: "Con quỷ cái này phách lối, khinh mạn không đáng cho ta để ý." Tự nhủ chỉ là tự nhủ vậy thôi, chứ con mắt trần tục của gã không thể nào không khẻ liếc vào cái vóc dáng thon thả với bộ ngực , cái mông quá tiêu chuẩn của một phụ nữ Á Đông. Nàng thường mặc loại áo pull thun, sát nách thành thử những gì chứa bên trong làn áo đó gọi là che đậy bị lớp vải thun bó chặt cứ lồ lộ hiện ra, lắc lư, lắc lư. Tóm lại ghét nhưng lại thèm, dù gì gã cũng chỉ ngoài 40 còn sung sức chán. Đâu ở cái tuổi 20, gã nhớ, cũng đã có một vài lần biết mùi vị đàn bà, rồi thôi. Cuộc chiến tranh Quốc Cộng cuốn hút vào nhu cầu đòi hỏi chiến trường quá ư bận rộn, gã chưa kịp chuẩn bị xả láng đời trai một ngày thiệt đúng nghĩa thì thua trận. ở tuổi nào bước vào đời, gã không còn nhớ. Bước vào đời hay bước ra đời nhỉ? Đằng nào thì cũng thê thảm chừng ấy thôi. Cái mốc thời gian để gã cảm nhận chắc có lẽ ngày vứt áo thư sinh lên đường. Gã là một sinh vật có cảm giác như trăm ngàn sinh vật khác. Tuổi chớm lớn làm sao tránh khỏi những nhu cầu rạo rực, những đòi hỏi thầm kín của con người. Gã cũng đã từng mơ ước một bàn tay, một làn môi dịu ngọt để điểm trang cho ngày tháng khô cằn. Chiến tranh, sau 9 tháng quân trường tần mần cùng súng đạn, học cách bắn giết, gã được vứt ra chiến trường khi sương nắng thời gian chưa kịp cháy đen làn da thư sinh trắng trẻo. Gã giữ chức trung đội trưởng tác chiến của một đại đội biệt lập trực thuộc Tiểu Khu Darlac. Đại đội có nhiệm vụ trấn giữ buôn M ' Rê, tiền đồn tỉnh lỵ về hướng Nam , cách Ban Mê Thuột 14 cây số. Ngày thứ ba, tính từ lúc về đơn vị, đang nửa đêm, đại đội bị một tiểu đoàn Việt Cộng tấn công biển người. Thằng lính mang máy PRC 25 lãnh nguyên một quả 82 ly biến mất ngay trước mắt gã trong những giây phút đầu tiên.

Chỉ cần giây phút đó thôi, gã bỗng lớn bằng 20 năm gom lại. Hoa bướm thuở nào cho phút thăng hoa đã nhuộm đỏ trang giấy trắng học trò. Lòng gã bỗng dưng biết hận thù cho cuộc chiến mà trước khi bước vào gã cứ ngỡ là một cuộc chiến huynh đệ tương tàn phi lý. Gã nhớ, lúc đó cảm giác mình nôn nao khó tả. Sương đêm lẫn vào khói súng mờ mịt cuồn cuộn. Dưới ánh hỏa châu soi sáng từ Tiểu Khu Darlac bắn lên yểm trợ, gã ngơ ngác kiếm tìm một cái gì còn sót lại để chứng minh chỉ vừa mới đây thôi thằng lính mang máy còn đứng trước mặt mình. Nếu không chứng kiến vùng lửa sáng lóe up lên một sinh vật biết khóc cười, thì gã cứ ngỡ thằng mang máy ba gai bỏ trốn đi đâu thôi. Vậy mà chớp mắt lại thêm 20 năm nữa trôi qua kể từ đêm lớn lên đó. Đất nước lọt vào tay giặc, gã bước vô trại tập trung năm 22 tuổi. ở tù vào cái tuổi tràn đầy sức sống. Tám năm sau gã được vứt ra lề, trẻ không ra trẻ, già không ra già, ngơ ngơ ngác ngác không biết mình đang sống hay đang chết. Lẩn thẩn tính sổ cuộc đời thấy thật phi lý. Qui luật tạo hóa ban cho loài người, trước khi già, ai cũng phải đều trẻ. Thế mà gã không có, gã thảm thương đến nỗi không có tuổi trẻ để đánh rơi. Hoặc giả, tuổi trẻ bỏ quên gã trên niềm đau không tưởng, hoặc giả bởi gã hăm hở kỳ vọng vào lẽ tất nhiên quy luật điều thiện ác quên cả thanh xuân. Con quỉ thời gian từ lâu ẩn mình trong bộ nhớ đưa tay gõ nhẹ vào một sợi dây nào đó trong hệ thần kinh não tủy, gã đau đến nổ đom đóm, nước mắt chạy ngược vào trong, gã càng thấm thía nỗi phủ phàng. Tình yêu tổ quốc thực sự giữa những con người đúng nghĩa bị mất quê hương cứ muôn trùng. Muôn trùng vời vợi. Thế là gã đâm ra ươn hèn., co đầu rút cổ biến mình thành loài gỗ mục nép bên lề cuộc đời. Gã sắp trở thành tro bụi thì nàng lại xuất hiện.Một hôm, sau khi nàng rời khỏi quày cashier bước ra cửa, bắt gặp đôi mắt ngây dại của gã dán theo cái mông, thằng chủ cười cười gọi lại:

- Anh Việt, anh thấy con đó thế nào?

Gã làm bộ ngơ ngác:

-Con nào?

-Thôi đừng làm bộ. Con mẹ vừa bước ra đó. Băm mấy mà vẫn còn ngọt nước quá hén. Chửa chồng con gì, hết xẩy.

Đưa tay ngoắc ngoắc gã:

- Anh đến đây nói nhỏ cho mà nghe.

Thằng chủ liếc xung quanh làm ra vẻ xem có ai nghe lén không. Thật ra trong cái tiệm này, ngoài thằng chủ với gã là người Việt Nam, tất cả đều là người Mỹ. Cho dù thằng chủ có bắt loa hét lên cũng chẳng ai hiểu hai người nói gì. Tuy thế, tiếng nói chỉ nhỏ vừa đủ:

- Con mẹ đó chê người mình nhỏ con yếu sức nên ở vậy. Nó đang đợi

thằng Mỹ nào vừa to vừa sung sức để thử.

- Bôi bác vừa phải thôi ông.

-Anh không tin? Cô ta vẫn thường nói với tôi như thế.

-Ông giỏi phịa, nhưng mà tôi thấy con mẹ đó ngạo mạn thấy mồ. Ông biết đó vào đây hằng ngày có bao giờ thèm chào tôi được một tiếng

-Không thèm chào nhưng mà kết anh mới chết

-Ông căn cứ vào đâu bảo con mẹ đó kết tôi?

-Thì cô ta thường bình phẩm anh với tôi hoài

-Bình phẩm thế nào?

-Cô ta bảo ông giống con gà nuốt dây thun

-Bình phẩm vậy mà ông bảo kết?

-Chứ sao. Đàn bà kết đàn ông thường nói điều ngược lại

-Còn gì nữa?

-Cô ả nói cái mặt ông lịt lịt, nhưng coi chừng địt chết voi

-Tôi mà địt chết nổi ai, thân cu ly lây lất qua ngày lo giữ mình chưa chắc đã nổi. Nhưng mà bổng dưng nói chuyện thiên hạ làm gì không biết nữa.

-Thì thấy cặp mắt anh cứ dán vào đôi mông cô nàng muốn lọt tròng nên tôi nói cho vui vậy mà

Gã đỏ mặt hơi ngượng, thầm công nhận thằng chủ thuọac loại không phải tay vừa:

-Hay suy bụng ta ra bụng người đó ông?

- Cho kẹo tôi cũng không dám. Con vợ tôi dữ như cọp cái, tôi đâu dám léng phéng. ở cái xứ đàn bà ưu tiên một này, lạng quạng có ngày bạch bu ra đường không còn một cắc. Mà tôi, như anh biết, giờ no đủ quá đâm ra hèn, thủ phận. Tôi rất sợ bất cứ rủi ro nào xảy đến có thể thay đổi cuộc sống ngày hôm nay.

Tự nhiên gã thấy thương thằng chủ. Dù sao hắn cũng thật tình ở một điều mà hầu hết những người qua hơn 20 năm trước đây đều không dám nhận. Gã nhìn lại mình, thầm nghĩ vài ba năm, sau khi quen nước quen cái ở đây rồi có bằng một nửa "thật tình" của hắn hay không về cả hai phương diện vật chất lẫn tinh thần ? Cũng có thể do tính tình thằng chủ như thế, nên suốt hai năm rồi gã vẫn bám vào làm công cho hắn, mặc bạn bè đôi lúc trà dư tửu hậu nhắc nhở nên tìm một cái job Mỹ nào thủ chắc tượng lai. Người Việt Nam nói riêng, người Á Đông nói chung vừa bủn xỉn vừa bóc lột tham công tiếc việc, không tình không nghĩa. Gã hiểu điều đó bởi cũng từng thấm đòn với thứ tình nghĩa giả tạo ban phát mà người ban vì lý do thừa nứa cần phải ngụy trang để khỏi mang tiếng là người mất gốc. Riêng thằng chủ này thì gã không nghĩ như vậy, ít nhất là

trong lúc này.

Chiều chủ nhật, gã định nằm nhà đọc sách thì thằng chủ ào đến như ăn cướp lôi đầu gã dậy để dẫn đi uống cà phê. Gã định từ chối nhưng bản tính vị nể nhút nhát khiến cho gã khó mở miệng. Thế là gã mặc áo quần, giao hồn lẫn xác mặc thằng chủ đưa đi đâu thì đi. Nơi hai người đến là một quán cà phê nhỏ nằm trên đường Manhattan, chung quanh cửa kính. Ngồi bên trong có thể nhìn được mọi sinh hoạt bên ngoài. Chẳng có gì thơ mộng để thả hồn từ quán cà phê trên đất khách . Gã nhìn xe cộ qua lại như mắc cửi, chỉ bấy nhiêu thôi. Chả bù những quán cà phê xa xưa tại quê nhà ngồi đốt hết nửa gói Capstan để qua làn khói mờ lảng đảng phất phơ những tà áo dài của người dưng khác họ qua đường cũng đủ làm ngây ngất. Bỏ cả buổi chiều ngày cuối tuần đâm đầu vào đây thiệt là uổng phí. Gã chẳng hiểu tại sao thằng chủ của mình khùng điên như vậy. Tất cả sẽ không còn gì đáng nhớ, đáng bận tâm nếu phải ngồi tán dóc cho qua hết những giờ vàng ngọc rồi lặng lẽ ra về. ở đời, bởi những gì xảy ra đều mắc míu vào chữ "nếu" đầy oái oăm, nên chỉ năm phút sau gã chợt hiểu tại sao tmột người kinh nghiện như thằng chủ của gã lại chọn quán cà phê nhỏ này để không uổng phí buổi chiều cuối tuần. Người xuất hiện để tiếp hai người chính là nàng, mụ đàn bà gã ghét nhất trên đời. Nàng nhoẻn miệng cười , không biết cười với ai, nhưng gã vẫn cảm thấy mình ngầy ngật vô cớ. Nàng chào thằng chủ chưa chắc gã có phần, thế mà gã vẫn lớ ngớ, tay chân vụng về thừa thải. Thằng chủ nói:

- Đâu cần phải lýnh quýnh lên như vậy, hồi hộp lắm à?

Gã chữa thẹn:

- Không ngờ ông ghê thiệt !

- Ghê gì mà ghê. Bình tĩnh đi.Hà cớ gì phải lýnh quýnh, nước Mỹ có nhân quyền, sau những giờ đi cày cho vấn đề cơm áo, tất cả mọi người đều bình đẳng. Lúc này anh là khách, anh phải trưng dụng quyền làm khách của mình.

Lời nhắc nhở vàng ngọc khiến gã chợt nhớ chiều nay gã là người khách đến uống cà phê chớ không phải tên làm công của tiệm Grocery nơi nàng thường ghé lại. Điều đó giúp gã bình tĩnh phần nào.

- Xin lỗi, ông uống gì?

Nàng hỏi. Lần đầu tiên sau nửa năm đụng mặt. Khi con cóc mở miệng gọi trời mưa, lòng gã bỗng choáng ngợp. Gã lúng túng:

- Chị cho uống gì cũng được.

Nàng lại nhoẻn miệng cười, lần này gã hiểu nụ cười dành cho mình. Chỉ một nụ cười xã giao thôi nhưng không biết sao máu trong cơ thể rần

rần dồn lên mặt. Gã ghét nàng lắm mà. Tại sao kỳ vậy? Mùi nước hoa ... nhè nhẹ lùa vào khứu giác. Hơn hai mươi năm mới ngửi được mùi đàn bà dù qua không khí vẫn thảm thiết đầy êm ả như thường.

- Cho ảnh một cốc Hennessy.

Thằng chủ đỡ lời, gã hơi thắc mắc, tại sao quán cà phê lại bán rượu:

- Có gì đâu ngạc nhiên, ở đây bán cà phê cho Mỹ và rượu cho người Việt Nam, đặc biệt cho anh.

Cái mặt thằng chủ trông điếm đàng sao sao ấy. Hình như giữa hắn với nàng có một sự toa rập.

- Uống rượu nhé!

Nàng hỏi, không cần gã trả lời, bước vào trong quày đem ra cho gã một ly. Rất tự nhiên nàng kéo ghế ngồi vào bàn hai người.

- Anh có vẻ hiền ít nói quá nhỉ? Ở đây hiền lắm chỉ thiệt vào thân. Anh phải tự cải tạo mình mới được.

Gã ngu ngơ:

- Tôi đã từng cải tạo.

- Không, không phải cải tạo kiểu đó đâu. Ý tôi muốn nói, anh phải tự cởi bỏ quan điểm tự ti trong đầu để thực tế hội nhập vào chốn bình yên đầy hỗn loạn này.

Văn hoa gớm, không ngờ con mụ đàn bà khinh khỉnh cái mặt dễ ghét xài toàn tiếng Mỹ, khi nói chuyện trực diện với kẻ cùng đinh như gã lại dùng từ bóng bẩy mà giản dị, sâu sắc. À, thì ra nàng là người có học, còn yêu tha thiết tiếng cha sanh mẹ đẻ thiêng liêng đó. Nàng còn dùng trôi chãy thứ ngôn ngữ đã sắp trở thành xa xí phẩm giữa những tầng lớp mặc nhiên tôn ti trật tự sau cuộc đổi đời. Sự tôn ti lớp lang rạch ròi, kẻ trên người dưới. Kẻ trên bao gồm những ai có tiền của, địa vị, xài ngôn ngữ nước ngoài như một mốt thời thượng. Người dưới thuộc loại ương ương, dở dở như gã, khi thưa thốt, khi dựa cột lắng nghe, phải uyển mình trong mọi tình huống lý lẽ không thì dễ trở thành kẻ phá hoại gây chia rẽ cộng đồng. Ôi, gã tự biết lòng mình thèm muốn vô bờ, tất cả dù ác độc, hiền lành, dù giàu sang hay nghèo khó, lúc nào cũng nhớ canh cánh bên lòng thân phận của người mất nước, chín bỏ làm mười, nhường nhịn thương yêu nhau cùng hướng về một phía. Điều mơ ước đó chỉ là không tưởng. Gã chỉ là người dưới, còn lâu kẻ trên thống hiểu một cách thật lòng. Ly rượu nàng đưa, đủ thấm sự can đảm,gã nóng mặt:

-Tại sao chị biết tôi tự ti?

-Gặp anh hoài tôi biết chứ. Nếu không thì tôi đâu có sắp đặt để chiều nay gặp anh.

Thì ra cuộc gặp gỡ này, nàng đã nắm thế chủ động. Hèn chi thằng

chủ bắt cóc gã một cách cương quyết.

- Tôi có đáng cho chị sắp đặt hay không?

- Đáng chớ.

- Tại sao?

- Tại vì anh thù ghét tôi.

- Tại sao chị nghĩ tôi thù ghét chị?

-Hai con mắt anh đầy "thù hận"như thế làm sao tôi không biết

-Vậy mà tôi nghĩ chị không biết

Nàng hỏi ngược lại:

-Tại sao?

-Tại vì chị không được thông minh cho lắm

-Chứ không phải tại đầu óc anh u ám chưa có người khai thông?

Nàng thông minh hơn gã tưởng

-Nhưng sao chị lại muốn gặp tôi chiều nay?

-Tại vì anh giống một người đàn ông tôi từng gặp trong đời

-Thì ra vậy. Người đàn ông đó giờ ở đâu?

- Bỏ tôi rồi. Anh ta sau khi leo lên được chức giám đốc một công ty Mỹ chê tôi là một com mẹ nhà quê, không xứng đáng nên chia tay. Cũng may tôi chưa kịp cưới anh ta làm chồng.

- Chị có hận anh ta không?

- Ban đầu thì có. Sau đó thấy anh ta tự mãn với sự thành công quên cả cội nguồn, suy gẫm lại triết lý sống ở đời, ăn để ỉa, sống để rồi chết, đời người rốt cuộc chẳng còn gì . Cái còn chăng là nỗi nhục thiên thu. Tôi thấy anh ta quá nhỏ bé nên không thèm hận, đôi lúc muốn lấy đại một thằng Mỹ trắng hay đen nào đó để trả thù, nhưng niềm tự ái dân tộc vẫn còn tiềm tàng trong máu nên thôi.

- Hèn chi thấy mặt chị khinh khỉnh, đến nỗi dù muốn, tôi cũng không dám hạ mình làm quen.

- Tại anh mụ mẫn nên tự bế tắc mình. Anh nên nhớ mình muốn làm điều gì cứ làm. ở đời tất cả mọi chuyện đều có thể xảy ra kể cả những chuyện không tưởng. Lúc trước tâm trạng tôi giống như anh bây giờ, hy vọng chút ít kinh nghiệm trải qua khai thông cho anh một lối thoát.

- Cám ơn .

- Anh khỏi phải cám ơn. Tôi làm việc này cũng chỉ là để kiếm thêm cho tôi một người bạn còn chất phác. Sự thật thà chất phác ở một con người là thứ xa xí phẩm cao cấp không phải có tiền là mua được.

- Chắc lúc bị ruồng rẫy chị đau khổ lắm?

- Tức tối nhiều hơn là đau khổ.. Còn anh đã từng đau khổ chưa?

- Làm gì tôi được diễm phúc đó.

- Sao vậy?

- Có ai rảnh rỗi thì giờ để yêu rồi "đá" tôi một phát để tôi được nếm mùi đau khổ. Nhưng mà tôi từng có cảm giác đau đớn.

Với một giọng điệu kể lể nỉ non của một chính khách hoạt đầu đang bán buôn thiện nguyện từ tâm mà vẫn bị mọi người ruồng rẫy, gã lẩm bẩm tâm sự với nàng:

- Cảm giác đau đớn một phần phát nguồn do cuộc chiến đã ném tôi vào cơn xoáy quê hương quá sớm. Đâu từ ở cái tuổi chưa kịp đón nhận lòng ưu ái của một bóng hồng thì trái tim bị bức tử. Chắc chị cũng hiểu khi trái tim đã chết thì đâu còn đau khổ nửa phải không?

- Nghe anh nói thảm thương, tôi có cảm tưởng dường như anh chưa từng là lính, chưa từng bị tù tội hành hạ để thấu hiểu hơn, ngoài sự đau đớn nhỏ bé của một sinh vật trót sinh lầm thế kỷ, chúng ta còn có nỗi đau đớn lớn hơn phải chia xẻ, đó là nỗi đau ly tan mà hàng triệu người Việt Nam đang gánh chịu.

Gã chỉ biết trố mắt nhìn nàng. Con mụ đàn bà gã từng ghét cay ghét đắng càng kúc càng đưa gã vào mê hồn trận. Hèn chi thằng chủ tiệm Grocery thường nói nàng trông vậy mà không phải vậy. Lòng ghét nàng không vì thế mà giảm, tuy nhiên lúc này gã bắt đầu cảm thấy thích thú. Mạnh dạn, gã đứng dậy vào trong quày hàng lấy nguyên chai Hennessy mời nàng.

- Tôi phải mời chị uống cùng tôi mới được. Có gì gây trở ngại cho chị không?

- Không có gì, đêm nào trước khi ngủ tôi phải uống đủ 6 lon Budweizer mới chợp mắt được. Hôm nay phá lệ thử uống rượu xem sao.

Gã nhìn quanh quẩn tìm thằng chủ của mình, hắn biết điều lặn mất tự lúc nào. Chỉ còn gã với nàng trong quán cà phê vắng khách. Khung cảnh thật tuyệt vời cho một cuộc tấn công. Lòng gã nôn nao. Bỗng nhiên gã có cảm giác bồi hồi như lúc mới biết dậy thì. Thật là trái khoáy, gã tự sỉ vả mình , giữa lúc này lại loay hoay cùng dĩ vãng thiệt là không hợp thời, hợp cảnh. Gã nhắm mắt hít một hơi dài nhìn thẳng vào làn vải thun bó sát, tưởng tượng đó là con mẹ đàn bà lắc lư lắc lư chọc tức gã hằng ngày. Cuộc dằn co giữa thú và người trong nội tâm gã thật là dữ dội. Thoảng trong vô cùng gã nghe tiếng kiểng báo thức từ trại tập trung cải tạo boong... boong vang lên ngân nga dài vô tận. Tiếng kẻng ngộ trong gã đôi điều, gã buông nhẹ tiếng thở dài:

- Ước gì được trẻ lại, tôi sẽ cua chị.

- Sao bây giờ anh không cua?

- Vì tôi đã già.

- Nhưng tôi đâu còn trẻ. Năm nay tôi đã ngoài 30. Hay là anh mong trẻ lại để gọi tôi là chị hai?

- Chị quá trẻ so với tuổi, còn tôi thì ngược lại.

- Đó là lý do anh chùn bước?

- Có lẽ.

- Anh lại khiếp nhược không thực tế. Anh đang sống trên một đất nước chủ nghĩa thực dụng, cơ hội đến hãy bám chặt. Anh muốn cua tôi thì cứ cua. Còn vấn đề chịu hay không là vấn đề của tôi.

- Nhưng mà tôi đã từng ghét chị.

- Bây giờ còn ghét không?

- Còn, có lẽ ghét hơn lúc trước.

Nàng chợt hỏi gã một câu gần như lạc đề:

- Anh có biết trong toán học, cộng với cộng thành trừ, trừ với trừ thành cộng?

- Biết.

- Biết là tốt, anh có muốn nghe tôi đọc thơ không?

- Đọc thử xem.

- *Ghét là thương, thương thương là ghét.*
Thương là ghét, ghét ghét là thương.

- Ai là tác giả?

- Tôi chứ ai.

- Chị? Hèn gì?

- Hèn gì. .. sao?

- Hèn gì ...hay quá.

-Chê tôi không biết làm thơ phải không?

Đôi mắt nàng thoáng lẳng lơ rất dễ chết người. Trong cơn say loáng choáng của hương vị Hennessy, gã nhìn nàng bằng đôi mắt thật của thằng con trai chưa thấm đòn đớt. Nàng không đẹp, Thượng Đế khi tạo hình hài đã ban cho vóc dáng nàng quá hấp dẫn để bù lại phần nào nét đẹp sắc sảo thiếu trên khuôn mặt. Gã lẩm bẩm như thằng điên:

- Nếu bây giờ tôi nói với chị một điều rất thật, chị có tin hay không?

- Hôm qua thì không tin , ngày mai còn xét lại. Còn hiện tại thì tin . Anh nói đi.

- Chị...

Thấy gã ấp úng hoài, nàng bèn mớm lời:

- Nếu không đủ can đảm thì đưa bàn tay đây tôi nắm để lấy bình tĩnh

.

Bàn xì phé gần như nàng "xuống núi" xả láng, thiếu điều lật con bài tẩy cho gã xem. Vậy mà thay vì đưa tay cho nàng nắm, gã lại đứng bằng

đôi chân... run lẩy bẩy. Giờ phút này nếu hình ảnh trong quán được thu vào video, khán giả có cảm tưởng như sắp sửa được xem một đoạn phim tình cảm Hồng Kông đến đoạn mùi nhất. Một gã đàn ông ngây dại chuẩn bị sụm đầu gối xuống để thú nhận nỗi lòng. Nàng cũng tưởng thế nên sẵn sàng đón nhận điều đó như một lẽ tất nhiên. Trong lúc tất cả đều nghĩ như vậy thì gã lại nhoẻn miệng cười:

-Cái điều rất thật tôi muốn nói là chị đã ban cho tôi niềm tin

Tiếp theo câu nói lãng xẹt đó, gã thòng thêm:

-Ngay từ bây giờ và mãi mãi.

Ngay từ bây giờ, mãi mãi. Năm tháng bé thơ ngờ nghệch, tuổi trẻ bỏ quên trong chiến tranh tù ngục có phải đến lúc lãng quên? Với hai mươi năm ruồng rẫy tình người, bao đắng cay cằn cỗi đã ngọt ngào trở lại. Lòng tự ti mặc cảm được che giấu vỗ về bằng sự tự tôn không còn nữa. Kẻ đến trước, người đến sau, tất cả cuối cùng đều đã đến . Chỉ còn "sự đi " từ nơi đã đến , dù mù mịt xa vời vợi, nhưng mọi chuyện trên đời, như nàng đã nói có gì mà không thể xảy ra. Hãy trang bị nồng nàn khi còn sung sức, bỏ mặc ngoài tai những mỉ ngữ, ganh ghét nhỏ nhoi. Gã phải lấy lại những gì mà gã đã mất, đó là tuổi trẻ. Tuổi trẻ già nua, cứ xem cuộc đời mình không có hai mươi năm trôi tấp. Hai mươi năm dư thừa, xin mi hãy là vết sẹo.

Gã nói với nàng:

- Bắt đầu từ lúc này tôi sẽ gọi chị bằng Em.

- OK.

Nàng trả lời bằng tiếng Mỹ thay vì tiếng Việt Nam.

Nhưng bây giờ điều đó chẳng sao.❐

Đọc và cổ động tạp chí Văn Học

Xin bạn đọc yểm trợ tạp chí Văn Học bằng cách:

- Ghi danh mua báo dài hạn (phiếu mua báo ở trang cuối)
- Mua báo năm tặng cho các bạn thân yêu văn chương
- Giới thiệu tạp chí Văn Học với thân nhân, bạn bè.
- Đóng góp bài vở, ý kiến để nội dung tạp chí càng ngày càng phong phú và trang nhã hơn

Riêng bạn đọc đã là độc giả dài hạn, xin tái hạn mua báo kịp thời để bộ sưu tập Văn Học được đầy đủ. Trên nhãn gửi báo ngoài phong bì, hàng số đầu tiên sau mã số độc giả là thời hạn hết hạn báo. Ví dụ: **7/1/98** có nghĩa là phiếu mua báo của quí vị sẽ hết hạn vào **ngày 1 tháng 7 năm 1998**.

Người chị dâu

Trần Bình Nam

Bà Linh trở mình thức giấc, ánh nắng chiếu qua màn cửa sổ đã lâu, bà cảm thấy ấm trên má. Ngoài vườn tiếng chim sẻ kêu ríu rít; trong nhà yên tĩnh, các cháu đã đi học.

Về thăm quê lần này bà ở chơi lâu nên không vội vàng giờ giấc như những lần trước. Hôm nào bà cũng dậy trễ, nằm trên giường mơ màng đủ thứ chuyện trước khi dậy, chải chuốt đôi chút, rồi ra nhà bếp nói chuyện với người em gái. Em bà, cô Thúy nhỏ hơn bà mười tuổi cùng chồng là chủ ngôi nhà bố mẹ bà để lại.

Bà Linh rời khỏi ngôi nhà này năm 26 tuổi, khi bà tái giá. Bà lấy chồng lần đầu năm 17 tuổi. Chồng trước, ông Bình, thương yêu bà rất mực, nhưng chỉ sống hạnh phúc với nhau một năm thì ông Bình tử nạn. Phong ba bão táp dồn dập đổ xuống cuộc đời con gái của bà. Tám năm sau bà mới có một đời sống ổn định với Hùng, người chồng sau.

Sau năm 1975 bà Linh cùng Hùng và ba người con sang định cư tại Thụy Sĩ. Hai vợ chồng mua một căn nhà rộng rãi ở Geneve cạnh bờ hồ Leman.

Bà Linh có ba anh chị em. Một người anh, một em trai và Thúy. Song thân bà qua đời đã lâu, ngôi nhà quen thuộc, nơi bà sinh ra và lớn lên để cho người em gái ở. Anh bà đi kháng chiến, sau đó tập kết ra Bắc, năm 1975 trở về, có quyền thế và một đời sống ổn định, nhưng ít quan hệ với các anh chị em khác. Người em trai, sĩ quan quân đội Cộng Hòa bỏ mình trong chiến tranh. Căn nhà bằng gỗ, làm đã lâu năm vẫn còn chắc chắn, chỉ có mái tranh hai năm phải lợp lại một lần, nằm trong một khu vườn hai mẫu đất có nhiều cây ăn trái, nhiều nhất là thơm, cau, mít và nhãn. Năm ngoái trong chuyến trở về thăm nhà, bà Linh giúp em lợp lại mái tranh, nay còn tốt.

Trước năm 1986 người em gái và chồng làm việc cho một hợp tác xã đóng giày của thị xã Huế. Bà Linh về thăm mấy lần thấy đời sống em chật vật, vợ chồng đi làm cả ngày, con cái ở nhà lêu lổng, khu vườn cây ăn trái không ai chăm sóc, bà Linh bỏ tiền giúp em thuê người xới đất, làm cỏ, đào giếng đặt bơm nước chăm bón lại khu vườn. Sau một năm thấy hoa lợi đủ chi tiêu, hai vợ chồng xin nghỉ việc hợp tác xã dùng toàn thì giờ săn sóc khu vườn cây ăn trái và trồng rau. Hoa lợi chẳng những đủ chi tiêu còn dành dụm được chút ít trả dần vốn cho bà Linh. Có em ở nhà vừa coi vườn vừa bầu bạn, năm nay bà Linh về ở chơi lâu.

Thường ngày bà Linh dậy trễ, hôm nay bà dậy trễ hơn. Đêm hôm qua bà ngủ không yên giấc. Trằn trọc với ý định, nhưng chưa quyết, đến thăm ngôi nhà bố mẹ chồng cũ, nơi đó Linh đã sống với Bình một tuần lễ trước khi theo chồng vào Nam.

Năm 17 tuổi bà Linh là thiếu nữ đẹp nhất làng, nhiều thanh niên trong xóm ngấm nghé, nhưng để mơ ước nhiều hơn hy vọng. Gia đình bà Linh sung túc, thân phụ là một y tá lành nghề của bệnh viện Huế, được làng xóm vị nể. Thanh niên trong làng con nhà nghèo sống bằng nghề làm rẫy, thợ mộc hay thợ hồ. Họ thích ngắm bà, hát những câu ca dao trữ tình trêu chọc, nhưng họ biết bà Linh không thuộc về họ.

Bình quê Kim Long, làm việc ở Sài Gòn sau khi đỗ bằng Thành Chung. Mẹ Bình quen với mẹ bà Linh. Thấy bà Linh đẹp, nết na bà ngỏ ý cho con trai. Sau khi xem tấm hình vận âu phục khôi ngô tuấn tú với chiếc răng cười có duyên ẩn dưới đôi môi nghiêm trang của Bình mẹ bà Linh rất ưng ý. Bà khéo léo đưa tấm hình cho bà Linh xem, gián tiếp cho biết bà đã chọn được rể.

Tết năm đó mẹ Bình dẫn Bình đến thăm gia đình bà Linh. Đứng ở phòng sau, bà Linh nhìn trộm Bình qua bức màn vải mỏng trong khi mẹ bà vừa uống trà vừa nói chuyện với mẹ Bình một cách tương đắt, thỉnh thoảng hỏi Bình những câu hỏi vô thưởng vô phạt. Bà thấy Bình ngồi yên nghe, nhỏ nhẹ vâng dạ, nhưng đôi mắt không giấu được sự bồn chồn nóng lòng chờ thấy mặt bà. Bà Linh cảm thấy vui vui, nôn nao, nhưng không có một cảm giác gì rõ hơn đó là người chồng tương lai của mình, và cuộc đời của mình sẽ thay đổi theo người thanh niên đó. Bà không choáng váng như người vừa được ai yêu. Bà chưa từng yêu, nhưng bà yên tâm chấp nhận sự xếp đặt của mẹ. Bình ngồi đó, đẹp trai, cao lớn với chiếc răng cười có duyên bà đã thấy trên tấm hình.

Bỗng tiếng mẹ gọi: "Linh! con dẹp giúp mẹ mấy tách trà và ra chào bác và anh Bình."

Bà Linh vén vội mái tóc nhanh nhẹn bước ra cúi chào mẹ Bình, mắt

liếc nhanh về phía Bình. Đôi mắt gặp nhau và hai người tìm thấy trong ánh mắt sự chấp nhận lẫn nhau.

Lễ cưới được tổ chức sáu tháng sau, khi Bình về phép đặc biệt. Cưới xong bà Linh về nhà chồng một tuần lễ trước khi theo chồng vào Nam. Hạnh phúc chưa được một năm, chưa có con đầu lòng, biến cố tới, chồng Linh bị lính Pháp giết khi tái chiếm các tỉnh miền Nam năm 1946.

Giữa cảnh loạn ly, bà Linh vượt gian lao trở về quê, định ở với bố mẹ chồng cho phải đạo dâu con. Bà cho bố mẹ Bình biết hoàn cảnh Bình bị lính Pháp giết và tại sao bà không tìm được xác chồng. Bố mẹ Bình quá đau khổ trước tin dữ, quên nỗi đau khổ riêng của bà, thống trách bà thiếu đạo vợ chồng, nỡ bỏ chồng bơ vơ không mồ mả. Phần đau khổ vì chồng chết, phần gia đình bố mẹ chồng thiếu thương yêu hất hủi, bà Linh gạt nước mắt trở về nhà bố mẹ.

Sau đó mấy năm bà Linh gặp Hùng. Gia đình Hùng cùng làng. Thân phụ Hùng được bổ dạy học tại một tỉnh xa và mang cả gia đình theo. ở làng ít ai còn biết đến gia đình của Hùng, chỉ thỉnh thoảng cha Hùng đưa Hùng về thăm quê cho biết. Lần cuối cùng vào năm 1943, Hùng gặp bà Linh khi đó là một cô gái vừa đến tuổi dậy thì. Hùng ra đi mang theo hình ảnh của bà, chờ dịp trở về. Rồi Hùng đi biền biệt. Xong cử nhân Hùng thi tham vụ ngoại giao, sau đó biệt phái làm việc cho ủy ban Văn hóa Liên hiệp quốc tại Sài gòn.

Hùng gặp lại bà Linh năm 1954 tại Huế khi về nghiên cứu kế hoạch trùng tu Đại nội trong chương trình phục hồi di tích văn hóa thế giới của Liên hiệp quốc. Tình bạn, rồi tình yêu đến dễ dàng giữa hai người. Năm sau lễ cưới được tổ chức đơn giản tại Huế. Hùng không biết bà Linh đã có một đời chồng. Bà Linh không định giấu. Bà dự tính cho Hùng biết trước khi cưới nhau nhưng cơ hội đó không bao giờ tới. Sau khi ổn định tại Thụy Sĩ bà sống hạnh phúc với Hùng và 5 con. Bà dần quên quá khứ, và ý muốn nói sự thật với chồng dần dần tan biến. Nhiều đêm trở mình thức giấc, nằm bên chồng bà Linh có cảm tưởng như mình thiếu trong trắng, nhưng khi muốn nói với chồng bà lại sợ làm mất cái yên tĩnh của gia đình.

Lần này về quê ở lâu, ý muốn nhìn lại ngôi nhà cũ nơi đó bà Linh đã sống với Bình và đã đau khổ buồn giận bố mẹ chồng bỏ đi trở lại thôi thúc bà mãnh liệt. Nhưng bà còn do dự. Bà tự hỏi: "đi thăm gì và còn gì để thăm?" Bà sợ khơi lại đống tro tàn dĩ vãng.

Nhưng bây giờ bà đã quyết. Chiều hôm qua ra vườn chơi với Thúy đang chăm mấy luống rau, vừa lúc mặt trời đang xuống, bầu trời sáng rực, nắng vàng chiếu vắt lên qua đám mây trắng in rõ giữa bầu trời một đàn

chim đang đập cánh lơ lững bay về hướng tây thấp dần như đang chui xuống chân trời. Bức tranh gợi lại hình ảnh bà thường thấy khi cùng sống với Bình. Mỗi chiều, cơm nước xong, bà và Bình thường mang ghế ra trước sân nhà nhìn mặt trời lặn và nhìn những đàn chim lạc lõng bay vội về tổ. Mùa thu, Bình thích vừa nhìn chim bay vừa hát đủ cho bà Linh nghe: "Đến nay thu tàn, phương xa kìa chiếc én bay về à Khuất trong mây ngàn, riêng ta nhìn đâu thấy bóng quê à". Tiếng hát của Bình như còn vẳng vẳng đâu đây. Linh bỗng thấy nhớ Bình tha thiết, nhớ nơi bà đã hưởng mộng đẹp thuở ban đầu của người con gái.

Tắm xong, bà Linh chọn một chiếc áo màu hoa cà là màu Bình thích nhất, trang điểm vội vàng rồi ra đi. Băng qua mấy con đường làng quen thuộc dẫn về phía bờ sông Hương bà thấy khung cảnh lạ dần, cây cối không còn um tùm như trước, nhường chỗ cho nhiều nhà mới mọc chen chúc nhau, mái tranh xen lẫn mái ngói. Đến một cánh đồng nhỏ trồng lúa, bà Linh thấy con đường tỉnh lộ chạy sát bờ sông. Một kiệt nhỏ rẽ từ tỉnh lộ là đường dẫn đến nhà Bình. Bà Linh không chắc mình vào đúng lối nếu đầu kiệt nhỏ không có chiếc miếu thần hoàng nay đã bỏ hoang. Thời gian ngắn ngủi ở với Bình mỗi lần về nhà thăm mẹ trở lại bà Linh đã lấy miếu thần hoàng này làm chuẩn để nhận ra đường. Bà bồn chồn. Gần năm mươi năm chẵn bà mới trở lại con đường nhỏ này. Cũng gần 50 năm bà không giữ quan hệ nào với gia đình Bình. Bố mẹ Bình chắc không còn, nhưng còn mấy em của Bình? Hai người em, một trai một gái xê xích tuổi với bà, và một chú em út tên là Văn hồi đó độ 12 tuổi chưa biết gì và là người độc nhất trong gia đình có cảm tình với bà. Nhiều khi thấy bà khóc một mình, chú bé Văn đến bên cạnh ngây thơ hỏi: "sao chị khóc?" rồi hôn lên má chị trước khi bẽn lẽn chạy đi.

Kiệt nhỏ đầy con nít, chỗ này mấy đứa đánh bi cải nhau chí chóe, chỗ kia mấy đứa tụ lại bên cạnh một quán nhỏ mua bánh kẹo. Mấy đứa lớn ngẩng nhìn bà Linh như nhận ra người khách lạ. Bà nghe chúng thì thào: "Việt kiều tụi bây ơi!" Bà mỉm cười. Danh hiệu Việt kiều từng mang đến cho bà vui cũng như buồn. Vui khi được cưng chiều vì Việt kiều có nghĩa có khả năng tiêu rộng rãi, buồn khi bị đối đãi như một người khách lạ trên chính quê hương mình. Bà Linh cảm thấy lạc lõng.

Mặt trời lên đã khá cao. ẩm độ làm khí trời thêm nóng bức. Làn gió nhẹ thổi từ sông Hương im lìm không làm cho bà Linh cảm thấy mát. Bà bước vội để xua đuổi mấy ý nghĩ bực mình. Bà đã nhận ra ngôi nhà ngày xưa, hiện rõ dưới ánh nắng. Bà Linh lấy chiếc nón đang đội xuống cầm tay để quan sát ngôi nhà cho rõ hơn. Ngôi nhà mái ngói trông khô khan, quét vôi trắng, nằm gọn giữa chiếc vườn rộng không còn nhiều cây ăn trái

như xưa, mấy luống khoai mì lá vàng thân thể khẳng khiu như thiếu nước.

Trong nhà vắng vẳng tiếng một phụ nữ đang mắng con. Nghe giọng bà biết ngôi nhà đã đổi chủ. Lòng bà bỗng dưng tê lạnh. Quá khứ chôn chặt 50 năm muốn khơi lại một lần, một chút, cũng không còn . Tất cả đã trở thành dĩ vãng, ngay cả con đường này, ngôi nhà đó, nơi bà đã sung sướng sống với Bình. Tất cả đều xa lạ. Thời gian đã chết. Bà Linh thấy chơi vơi.

Giấu vội mấy giọt nước mắt dưới chiếc nón lá, bà Linh bước nhanh, rẽ vào lối khác trở về.

Ngồi trên máy bay trở về Thụy Sĩ, bà Linh thấy trong lòng bớt nặng nề. Âm thanh của hoạt động máy bay khi cất cánh, lời chỉ dẫn an toàn của các nữ chiêu đãi viên không làm cho bà thấy lo lo như những chuyến bay trước. Bà tìm thấy sự bình an của tâm hồn sau giây phút xúc động mãnh liệt khi tìm về kỷ niệm xưa. Bà tìm cách lấp một khoảng trống để chỉ thấy một khoảng trống khác, nhưng ít nhất bà đã trở về thăm nơi đó.

Chiếc máy bay Jumbo 747 hạ thấp cao độ, bà Linh thấy cảnh vật quen thuộc bên dưới hiện dần ra. Bà thoải mái xem lại dây lưng an toàn, sửa thẳng lại lưng ghế, sung sướng sắp được gặp Hùng và các con.

Phi trường Geneve nhiều hành khách ngoại giao chỉ thua Nữu Ước, rộn rịp như thường lệ. Nhân viên quan thuế và di trú làm việc nhanh chóng và lễ độ. Bà Linh theo đoàn hành khách thông qua thủ tục quan thuế và nhập cảnh xong, vội vàng bước ra ngoài. Nhận ra nét mặt rạng rỡ của mẹ, cô gái út vừa đỡ hành lý cho mẹ vừa ríu rít:

"Mẹ! Mẹ về quê ngoại chuyến này lâu vui lắm hả mẹ?"

Hùng hôn nhẹ lên má vợ phụ họa:

"Con nói đúng, anh thấy em gầy đi chút ít nhưng khuôn mặt thật bình an như người vừa đắc đạo. Mấy lần trước mỗi lần thăm nhà trở về anh thấy em buồn như luyến tiếc một cái gì muốn mang theo chẳng được. Em nghiên cứu giáo lý nhà Phật và tập thiền định đã có kết quả."

Bà Linh mỉm cười sung sướng.

Một buổi sáng đi chợ về, bà Linh thấy một phong thư đóng dấu bưu điện Việt Nam gởi đi từ Đà Lạt. Linh tính báo cho bà một cái gì lại đến xáo trộn đời bà? Vừa bóc thư bà vừa soát duyệt trí nhớ xem còn bạn bè nào ở Đà Lạt. Bà không còn ai thân thích ở Đà Lạt.

Bà Linh nín thở đọc lá thư, sắc mặt biến từ ngạc nhiên đến xúc động. Đọc xong, không kềm chế nổi bà đặt lá thư xuống bàn ôm mặt khóc nức nở. Vừa lúc đó Hùng đi chơi quần vợt về. Thấy vợ khóc, phong thư còn

mở bên cạnh, Hùng thoạt nghĩ chắc có chuyện chẳng lành trong gia đình vợ ở Việt Nam. Nhưng Hùng không tin. Hùng biết vợ là người giỏi chịu đựng và quen kềm chế cảm xúc. Xưa nay buồn khổ gì bà chỉ để thoáng lên nét mặt, chưa bao giờ khóc, ngay cả lần đứa con trai thứ nhì năm đó mới 8 tuổi đi học về bị xe cán phải nằm phòng hồi sinh mấy ngày mới biết thoát chết bà cũng cắn răng chịu đựng không khóc. Hùng yên lặng đến ngồi cạnh bà Linh, âu yếm đặt nhẹ bàn tay lên vai vợ, đôi mắt hỏi han nhìn bà không nói, sẵn sàng chia sẽ thống khổ với bà.

Bà Linh ngừng khóc, cầm lá thư đưa cho Hùng nhẹ nhàng bảo: "Anh đọc đi."

Hồi hộp Hùng mở bức thư:

"Đà Lạt ngày 4 tháng 6 năm 1994

Chị Linh,

Tôi xin giới thiệu để chị khỏi ngỡ ngàng. Tôi là Nguyễn Văn Giang, em ông Nguyễn Văn Bình ở Kim Long. Chắc chị còn nhớ người chồng bất hạnh chỉ được hạnh phúc sống bên chị một năm rồi tức tưởi qua đời trong chiến tranh.

Bốn mươi tám năm nay, từ hồi anh tôi bị lính Pháp bắn chết rồi xô xác xuống sông như lời chị thuật lại, ba má tôi vì quá đau khổ đã không biết phải đối xử với chị như thế nào cho phải. Thế rồi chị trở về với hai bác.

Một phần vì chiến tranh, một phần chúng tôi còn nhỏ không ai nghĩ đến việc tìm xác anh tôi xem đã trôi dạt phương nào, hơn nữa chỉ có chị là người duy nhất biết những chi tiết cuối cùng trước khi anh tôi qua đời, thì từ đó đến nay gần 50 năm chúng tôi không hề biết tin tức của chị. Do hoàn cảnh thực tế của một đất nước bị chiến tranh và tâm lý, chúng ta hoàn toàn cắt đứt quan hệ với nhau.

Cách đây mấy năm ở Việt Nam có phong trào truy tầm thân nhân thất lạc trong chiến tranh, tôi về Huế hỏi thăm tin chị như bước khởi đầu truy tìm xác của anh tôi. Hơn nữa, chị còn nhớ chú Văn hồi đó 12 tuổi thương chị nhất nhà, thỉnh thoảng chú vẫn hỏi tôi biết tin tức chị ở đâu không.

Ở Huế tôi được biết chị vừa về thăm quê ở gần 6 tháng và mới trở về Thụy Sĩ. Cô An bạn chị cho tôi địa chỉ của chị.

Vậy xin chị, vì tình cũ nghĩa xưa với người chồng đã khuất cho tôi biết thật đầy đủ chi tiết những gì chị còn nhớ vào những ngày kinh hoàng năm 1946 đó, may ra được người ta gói ghém chôn cất tại một nghĩa trang tử sĩ nào đó. Hiện nay tỉnh nào cũng có nghiã trang liệt sĩ dành cho những người đã bỏ mình trong cuộc kháng chiến chống Pháp giành độc lập. Tại

nghĩa trang liệt sĩ Bến Cát có một ngôi mộ vô chủ đề tên Nguyễn Văn Bạc. Tôi sẽ xin khai quật để xác minh xem có phải đó là mộ phần của anh tôi không sau khi có thêm chi tiết nơi chị để kiểm chứng. Anh tôi có một chiếc răng cời. Năm về Huế cưới chị, tôi nghe anh tôi định sẽ nhổ đi, nhưng tôi không biết đã nhổ chưa trước khi anh tôi lâm nạn.

Năm 1946 chị trở lại Huế sau khi anh tôi qua đời, nhớ lại tôi rất tiếc ba má tôi và chúng tôi đã đối đãi thiếu thông cảm với chị. Mới rồi tôi đã lên Bến Cát, lên cầu Bến Củi, nhìn con sông khá rộng chảy dưới cầu, vào làng Hòa Định nghe các cụ già kể lại chuyện Tây khủng bố trắng dân làng khi tái chiếm, băn hằng loạt người không phân biệt phụ nữ, trẻ em chúng tôi biết chị không có cách gì khác hơn là chạy lấy thân để về cho ba má tôi biết sự tình. Lúc này có cơ hội hiểu nỗi khổ tâm của chị thì ba má tôi đều đã qua đời.

Tôi rất mong thư chị hồi âm để chuẩn bị đi Bến Cát một lần nữa."

Đọc xong thư Hùng thấy đau nhói. Buồn và giận làm Hùng choáng váng. Nhưng Hùng kịp trấn tĩnh. Hùng hiểu, nếu Linh đã không thổ lộ sự thầm kín của cuộc đời nàng với Hùng trước khi cưới nhau thì nàng sẽ không đủ can đảm tỏ bày khi có đứa con đầu lòng và hạnh phúc gia đình dồn dập tới. Hùng nhớ thời gian thân mật với Linh trước khi cưới, hơn một lần khi đang vui bỗng nhiên Linh trở nên trang nghiêm nói: "Anh Hùng, có chuyện quan trọng này Linh phải nói với anh." thì Hùng sợ mất giây phút thần tiên quí báu trước vẻ đẹp lộng lẫy của Linh gạt phắt: "Không có gì quan trọng hơn giây phút anh và em ở bên nhau." Hùng thấm thía nỗi đau của vợ, một mình chôn chặt sầu muộn trong lòng suốt nửa thế kỷ qua, và bỗng thấy thương vợ vô cùng.

Thấy Linh im lặng chờ đợi, Hùng âu yếm:

"Anh biết anh đã không cho em cơ hội nói chuyện này với anh từ những ngày chưa cưới nhau. Lỗi tại anh. Vấn đề bây giờ là chúng ta có nên cho các con biết không?"

Linh dứt khoát: "Không, không anh. Chúng ta không có quyền đó."

Ba hôm sau, Linh viết cho Giang.

"Chú Giang,

Thú thật với chú, chị đã ngạc nhiên và ngỡ ngàng lúc nhận được thư từ thành phố Đà Lạt gởi đến, ở đó chị không còn ai quen, lục trong ký ức cũng không nhớ ai là Nguyễn Văn Giang. Chị vội vàng đọc thư, đến hàng

thứ nhì thấy chữ Nguyễn Văn Bình lòng chị quá xúc động. Một dĩ vãng rùng rợn thoáng hiện lại trong trí óc chị, vui buồn đau khổ trên 48 năm trời xuyên qua các biến chuyển của đất nước mà chị đã chôn vùi tận đáy lòng chỉ một mình biết một mình mình hay.

Chị đã đọc đi đọc lại thư chú. Trước hết chị cảm tạ chú và chú Văn đã nghĩ đến việc tìm kiếm hài cốt người anh quá cố, cũng là người chồng đầu của chị, để mang về quê quán cho được gần mộ phần của cha mẹ.

Chị cũng tự thấy lòng mình được bình thản hơn, nhất là sau khi đọc đoạn thư chú cho biết các cô các chú sau khi nghe chú tường thuật chuyến đi Bến Cát, đến cầu Bến Củi, xuống tận xã Hòa Định hỏi han các cụ già còn sống sót đã chứng kiến cảnh người Pháp khủng bố dân làng và giết những người theo kháng chiến như thế nào, đã rõ nguyên nhân cái chết bi thảm của anh Bình và thông cảm tại sao chị không thể ở lại tìm cho ra xác chồng trước khi trở về.

Hồi tưởng lại năm xưa khi trình bày về cái chết của anh Bình, cha mẹ và các cô chú lớn tuổi đều không tin đó là sự thật, nghĩ có một bí ẩn nào bên trong, rồi tìm cách không chấp nhận chị trong gia đình không một lời an ủi thương hại tội nghiệp cho tuổi đời xuân xanh của chị sớm góa bụa. Chị đành gạt nước mắt trở về nhà bố mẹ.

Như đã thuật lại cho cha mẹ cách đây 48 năm, chị xin ghi lại các nét chính để chú dùng làm dữ kiện xác minh mồ mả của anh Bình. Chú còn nhớ anh Bình là nhân viên quản lý nhà giam Ông Yệm nơi giam giữ trẻ vị thành niên phạm tội. Khi Việt Minh cướp chính quyền năm 1945, anh Bình và một số nhân viên tiếp tục làm việc cho chính quyền cách mạng. Qua các hoạt động của anh Bình chị biết anh đã tham gia phong trào chống Pháp từ trước. Năm 1946 khi Pháp tái chiếm Nam bộ, anh Bình hướng dẫn một số nhân viên sở Ông Yệm, trong đó có anh giáo Trinh, tham gia các tổ du kích tiếp tục chống lại người Pháp. Anh Bình giả làm dân lành sống như các gia đình khác tại một căn nhà cạnh bìa rừng để hoạt động. Cuộc sống rất nguy hiểm bất trắc vì quân Pháp bố ráp thường xuyên. Một hôm anh Bình bảo chị: "Em nên tìm cách về Sài Gòn liên lạc với bà con bên ngoại của anh tìm đường về Huế ở với cha mẹ một thời gian. Kháng chiến thành công anh sẽ về đón em." Thế rồi lần lửa quen với hiểm nguy chị bịn rịn không rời anh được.

Một buổi sáng trước rạng đông, một tiểu đội lính Pháp ập vào chòi lá anh chị đang ẩn náu, chĩa súng nạt nộ bắt anh dong tay, lục xét muốn đánh anh Bình ngay. Thấy anh Bình nói tiếng Pháp lưu loát chúng cũng nể không hành hung anh tại chỗ.

Khi bị dẫn đi anh mặt một sơ mi trắng đã ngả màu, bên ngoài khoác

một chiếc áo len màu đà do chính tay chị đan, quần sọt kaki vàng, chiếc răng cời của anh như chú hỏi vẫn còn nguyên.

Hôm sau, chị bôi mặt mày giả dạng bà già đi với chị Bảy, bạn cùng xóm tìm đến đồn lính Pháp. Họ cho thăm. Anh Bình khuyên chị trốn đi, vài hôm được thả anh sẽ kiếm chị.

Chị trở về nương náu nhà anh chị giáo Trinh chờ tin anh. Bốn hôm sau, một buổi sáng chị và chị Trinh vào rừng kiếm củi trở về, vừa trông thấy chị, anh giáo Trinh vừa khóc vừa nói: "Chị ơi! liên lạc vừa đến báo tin anh Bình đã bị chúng giết chết rồi. Chúng bắn anh trên cầu Bến Lức trước mắt dân chúng để thị uy, xong đá xác anh xuống sông."

Chưa nghe hết câu chị ngã lăn bất tỉnh không biết bao lâu, nhờ vợ chồng anh giáo Trinh cứu chữa mới tỉnh lại. Sau đó chị lên cơn sốt liên miên. Nằm trong chòi lá chị chờ tin liên lạc viên kiếm xác anh. Các cụ già nói xác trôi sông nhiều lắm ba ngày sẽ nổi lên. Chờ mãi không có tin tức gì. Chị nghe nói sông Bến Lức chảy về Thủ Dầu Một rồi ra sông lớn.

Không còn hy vọng kiếm được xác anh Bình để chôn cất, chị cùng gia đình anh giáo Trinh tìm đường về Thủ Dầu Một . Từ đó chị về Sài gòn, may kiếm được gia đình anh Khánh, bà con xa bên ngoại của anh Bình. Chị bán mấy chiếc áo cưới, thêm chút tiền giúp đỡ của anh chị Khánh ra Vũng Tầu, đi tàu thủy ra Hải Phòng, từ đó lấy tàu điện lên Hà nội, rồi đi xe lửa về Huế. Chị không thể kể lại hết mọi gian truân của chuyến đi hai tháng đó. Nhiều lúc tưởng chừng không thể mang xác về đến quê hương. Lúc đó chị vừa 18 tuổi.

Chị hy vọng với những chi tiết trên và vong hồn linh thiêng của anh Bình sẽ giúp chú định được mộ phần của anh Bình.

Chị cầu nguyện và chờ thư chú."

Được thư Giang thông báo, năm sau từ Los Angeles Văn đến Genève thăm gia đình chị Linh. Trở về Văn viết cho anh:

"Anh Giang,

Nhân có việc đi Thụy Sĩ em có đến thăm chị Linh và gia đình. Đã hẹn trước nên chỉ có anh chị Linh ở nhà. Chị nhìn em bỡ ngỡ không ngờ gặp lại chú bé em chồng cũ năm xưa. Chị nấu bún bò Huế đãi em, và anh Hùng tự tay mở rượu chát đỏ mời em.

Câu chuyện trao đổi thân tình ấm áp mặc dù đối với anh Hùng em là người xa lạ, và đối với chị Linh em là hiện thân của một kỷ niệm đau buồn nhất của đời chị. Cả ba người đều không nhắc đến anh Bình, mặc dù không ai quên.

Đêm trên quê hương
CAO XUÂN TÚ

đêm chửa hoang
đàn chuột dẻ non mò không thấy mẹ
gã mèo ngoại tình
quơ cặp sừng gỗ mõ
giọt kinh loang trên giọt sữa
thơm mùi bưởi biên hòa
nhám vỏ dưới tay tôi
như đầu em mới cạo hôm qua
quà quê hương gửi khúc ruột thừa
ba phân ngắn lại một giờ
về đâu em punk ơi
giữa phố câm quá giờ gọi cửa
tấm quảng cáo thấm dòn chữ nghĩa
giữa đêm giăng bủa
giam lũ tội đồ mắc lưới tình khờ
bên mép công trường
rùa vàng lột xác
apocalypse
nào

Khi em đến chị Linh chào em, không ôm em vào lòng theo lối tây phương, nhưng lúc đưa em ra cửa chị ôm em vào lòng dấu vội mấy giọt nước mắt nói nhỏ: "Chú giống anh Bình quá!" Chị không cùng với anh Hùng tiễn em ra xe, chỉ đứng ở ngưỡng cửa nhìn theo."

Từ đó mỗi lần đi Âu châu Văn không đến thăm chị Linh nữa. Vào dịp Tết Văn cũng không viết thiệp mừng Tết chị. Văn nghĩ chị Linh có quyền được sống bình yên.

Nhờ chiếc răng cời, Giang xác minh được liệt sĩ Nguyễn Văn Bạc chính là Nguyễn Văn Bình, và mộ phần đã được phép dời về Huế chôn bên cạnh song thân.❐

Ba sẽ về...ngày mai

Thơ Thơ

(Theo lời kể của mẹ - Kính dâng hương hồn Ông Ngoại Hoàng Đạo)

Ba đã mặc xong bộ complet xám và đang đứng trước gương thắt cà vạt. Đó là một tấm gương lớn, khung gỗ mun có chạm trổ hoa văn. Ba vừa thắt nút, chỉnh lại cổ áo, vừa trả lời những câu hỏi của me – khi ấy ngồi khuất ở một góc phòng. Có vẻ như ba đang nói với người ở trong gương. Từ chỗ đang đứng, tôi có thể nhìn thấy rõ cả hai người đàn ông, với hai cái miệng mấp máy. Tự dưng tôi có ý nghĩ: Nói chuyện xong một người sẽ ra đi, còn người kia ở lại.

Ba bảo: Con Chó xù đâu rồi? Lại đây ba mi rồi ba đi.

Ba nhấc bổng tôi lên, tôi không nhớ là tôi hôn ba hay ba hôn tôi trước.

"Con Chó Xù dạo này nặng quá, ba không bế nổi nữa rồi".

Đó là lần cuối Ba gọi tôi là Con Chó Xù.

Ba đi lâu lắm mới có thư về, lâu như từ lúc tôi nhập học đến lúc được nghỉ hè. Trước nay thỉnh thoảng ba cũng có vắng nhà, nhưng kỳ này là lâu nhất, lâu hơn cả khi ba bị Pháp bắt nữa. Có những người rất lạ mang thư ba đến, rồi vội vã đi ngay.

Tôi hỏi me: Bây giờ ba ở đâu? Me bảo ở tỉnh Q., ở thành phố D. Có khi me đổi một địa danh khác, nghe có vẻ xa hơn, ở nước T.; ở nước H. Dù không biết đó là đâu, cách nhà bao xa; tôi vẫn thấy yên lòng, biết là ba đi nhưng rồi ba sẽ về. Tôi cao hơn, nặng hơn. Chắc ba về sẽ không cõng nổi tôi trên lưng nữa. Tôi nhìn thấy mình trong gương, tấm gương khung gỗ mun mà ba đã đứng nói chuyện thắt cà vạt trước khi đi, tôi nghĩ ra một vai trò và bắt đầu nói chuyện với người trong đó. Tôi có thể chơi rất lâu như vậy, một mình.

Me bảo dạo này tôi hay thức nửa đêm, đi lạng quạng trong nhà. "Con có sao đâu. Con khát nước, con dậy uống nước mà". Mẹ không biết có lần tôi nửa tỉnh nửa mơ vớ chai nước tu ừng ực, sặc ra mới biết mùi nước mắm. Đó là hôm tôi nằm mơ thấy đám ma dừng lại trước nhà, tôi và các em chui xuống gầm bàn trốn. Chúng tôi luôn luôn ẩn núp như thế mỗi lần có đám ma đi ngang nhà, và chờ cho nó đi khuất góc đường mới dám chui ra. Nhưng cái đám ma này rất lì lợm, họ gõ cửa đòi vào, rồi họ khóc lóc dai dẳng. Chúng tôi nhắm nghiền mắt, bịt chặt tai, nhưng tiếng khóc cứ mỗi lúc một to dần: thì ra đám ma đang chui qua khe cửa vào nhà.

Cỗ xe tang vàng chóe nằm ép dẹp xuống đất, vào được trong nhà nó lại to dần lên. Đoàn người áo xống xốc xếch vừa than vãn vừa đặt chiếc quan tài đỏ lên mặt bàn bên dưới chúng tôi đang ngồi trốn. Rồi họ cứ đi lòng vòng quanh bàn, trên tay mỗi người là những nhạc cụ kỳ quái; tôi nhận ra rằng tiếng khóc phát ra từ đống đàn sáo đó. Tôi cảm thấy một hơi nóng khủng khiếp ngay đỉnh đầu, những ngọn nến trên quan tài đã chảy tan và nhỏ những giọt sáp bỏng xuống bàn..., tôi nghe từng giọt-từng giọt gõ vào sớ gỗ. Mặt bàn thấp dần, thấp dần. Chiếc quan tài đè chúng tôi nằm sát mặt đất, nó nặng như đá. Tôi bị cả một ngọn núi chặn lên ngực, tôi không thở được nữa. Tôi biết mình sắp chết nên ráng vùng vẫy gào thét. Rồi tôi thức dậy bởi chính tiếng la của mình.

Tôi kể cho em tôi nghe về giấc mơ đó, nó trợn mắt: Em cũng nằm mơ thấy đám ma chui vào nhà nữa! Tôi rợn người: Thật không? Nó nhìn tôi, gục gặc đầu. Ánh mắt nó hoang mang, không có vẻ gì là xạo cả. Nó còn nhỏ nhưng gan dạ hơn tôi, thích nghe chuyện ma, không sợ bóng tối. Ban đêm, khi chúng tôi phải đi ngang qua một hành lang không đèn về phòng ngủ, nó luôn đi trước xung phong làm rào chắn cho tôi.

Dạo này tự dưng me đâm ra hay bói bài. Chúng tôi vừa sợ, vừa thích theo dõi cảnh me trịnh trọng trang bài, rút khẽ từng lá, gượng nhẹ xếp đặt chúng nối tiếp liên kết với nhau. Me cau mày, như cố đọc những dòng chữ vô hình. Chúng tôi không dám thở mạnh, thấp thỏm nhìn me, nhìn nhau. Những lá bài luôn luôn nói lên một điều gì đó, và thường thì me luôn luôn hiểu. "Đây là ba. Ba đang buồn, ba đang nhớ nhà". Hoặc "Mình sắp nhận thư ba. Bài hôm nay nhiều lá rô lắm". Vài hôm sau có người lạ mang thư đến nhà thật.

Đã lâu rồi không có tin gì của ba cả. Tôi cứ hỏi me bây giờ ba ở đâu. Nhưng me không trả lời, hay me chỉ nói: Không biết. Có lần me cáu gắt: Đừng hỏi nữa! Me làm tôi sợ, tôi chỉ muốn biết ba ở đâu thôi mà. Tôi muốn nghe một cái tên nói lên một nơi chốn nào đó, để tôi yên lòng, biết mình còn liên lạc được với ba. Me bảo ba đang bịnh nặng, me chỉ cho

chúng tôi bản mệnh ba giữa những con ách đen ngòm; me dặn tối đi ngủ nhớ cầu nguyện cho ba. Tôi đâm sợ cỗ bài, không dám đụng tới, không dám nhìn, như thể nó chính là điềm gở. Tối đến tôi không ngủ được, tôi trùm chăn kín mít, tôi đọc kinh, tôi cầu nguyện, tôi niệm Phật, tôi lạy Chúa. Nhưng nỗi sợ vẫn đè nặng. Tôi không rõ mình sợ gì, tại sao; chỉ biết nó ở ngay bên mình, nó sờ sờ trước mặt dù tôi mở mắt hay nhắm mắt. Trong bóng đêm thật rộng, thật sâu tôi cảm thấy hãi hùng như mình bị cắt đứt khỏi ba hoàn toàn. Tôi mệt lả, tôi kêu thầm: Ba ơi ba, ba ơi ba, cứu con với. Tôi vừa kêu thầm vừa khóc, một hồi sau tôi thấy nhẹ nhõm hơn – giống như vừa thoát khỏi một tai nạn. Tôi gọi ba cho đến khi ngủ thiếp.

Giấc mơ đám tang cứ diễn ra nhiều lần, mỗi lần nó nghĩ ra một cách mới để hành hạ tôi. Trong lần gần đây nhất nó đuổi theo tôi ráo riết. Tôi nghe đoàn người áo trắng nói với nhau: Bắt lấy nó nhốt vào cỗ áo! Tôi hiểu ra trong áo quan không có người nằm, và họ muốn để tôi vào trong đó. Tôi chạy như điên từ phòng này qua phòng khác, từ dưới nhà phóng lên lầu, đám ma theo tôi sát gót. Tôi lọt vào một căn phòng tường treo đầy những tấm gương thật lớn, khung gỗ mun, có chạm trổ hoa văn. Và tôi nhìn thấy ba.

Ba đã mặc xong bộ complet xám và đang đứng trước gương thắt cà vạt. Mặt ba nghiêm nghị và điềm tĩnh. Một vẻ bình thản vô bờ toát ra từ mắt môi ba. Tự dưng tôi thấy nỗi sợ của mình là vô lý, hết sức vô lý. Ba nhìn tôi – vẫn im lặng – ba làm một dấu hiệu mơ hồ. Đám tang đã bước vào phòng, rất chậm rãi và hòa hoãn. Họ từ từ tiến về phía bức tường, họ bước qua khung gỗ mun vào trong gương như đi qua một cánh cửa trong suốt. Đó là lần đầu tiên tôi biết rằng tấm gương ấy có thể mở ra một con đường mới. Đám tang đi sâu hút vào trong, rồi biến mất.

Chiều hôm sau có người lạ đến tìm me. Tôi đã quen với những người lạ khác nhau ấy, họ đều mang thư ba đến cho chúng tôi. Buổi tối, me kêu chúng tôi vào phòng, ngồi trên giường me. Tôi nhìn quanh không thấy tờ giấy nào cả. Me ôm chúng tôi vào lòng: Các con ơi, ba các con đã mất rồi!

Tôi không thể nào nhớ nổi chính xác cách me báo tin buồn. Ngay lúc đó, tôi tự hỏi me mới nói gì nhỉ. Chuyến xe lửa đi từ tỉnh T. đến tỉnh L., không phải ở đây, ở một nước khác. Ba đi trên chuyến xe ấy. Ba đang đọc báo, rồi ba gục xuống. Người ta tưởng ba ngủ. Khi tàu đến ga thì ba đã chết rồi.

Tôi ngẩn ngơ, hầu như không có phản ứng gì. Những điều me kể nghe xa lạ quá, tôi cố tập trung xem có phải me đang nói về ba – hay là chuyện về một người nào khác. Tôi không tin, nhưng không biết nói gì, không đủ sức mở miệng hỏi. Tôi nhớ mình không khóc, chung quanh tôi

cũng không ai khóc. Tôi nghĩ, nếu ba mất thật thì mình phải khóc; vậy mà tôi không sao khóc được. Có một cái gì đó bên trong, trơ trơ, lì lợm, và xơ cứng – mạnh mẽ hơn tất cả mọi cảm xúc – nó làm tôi không cảm thấy sợ, không cảm thấy đau, không gì hết.

Cuối cùng thì đám tang cũng vào nhà tôi thật. Cả thành phố kéo đến chia buồn, lễ phát tang có đến cả trăm vòng hoa phúng. Me cứ lăn ra khóc rũ rượi rồi lại ngất đi. Mùi tàn rữa thoảng ra từ những vòng hoa làm tôi buồn nôn. Người ta dự định làm lễ truy điệu, lễ tưởng niệm, nhiều thứ lễ khác cho ba. Tôi nhìn những đôi môi mấp máy một vẻ u sầu của người đến viếng:

- Tội nghiệp còn nhỏ quá mà đã mất cha rồi.
- Nó không khóc đâu nhé, can đảm đấy chứ!

Họ đều là những người dễ tin, sao họ không chịu khó suy nghĩ một chút, và họ sẽ thấy đám tang này không bình thường; bởi vì không có áo quan, không có ai nằm chết bên trong. Bất kể me giải thích ra sao, tôi không thể tin mình đang dự đám tang ba được. Chắc chắn ba đang ở một nơi nào đó, và có thể ba sẽ về nhà nay mai.

Từ lễ phát tang đến lễ truy điệu kéo dài hơn mười ngày. Trong thời gian đó tôi trông ngóng ba, chưa bao giờ tôi lại mong gặp ba đến thế. Tôi lên lầu, đứng chờ ở balcon, nhìn xuống đường. Ba có thể về bất cứ lúc nào, ba sẽ đuổi cái đám tang kỳ quặc này ra khỏi nhà. Ba sẽ lại chơi ném giấy với tôi. Buổi chiều ba đi làm về, tôi sẽ canh sẵn ở cổng đón. "Sao Con Chó Xù lại biết ba về?" – Ba sẽ vừa hỏi vừa bế tôi lên, tôi sẽ ôm chặt lấy ba.

Tang lễ đã qua rồi. Khi không còn ai đến nữa, ngôi nhà bỗng trở nên quạnh quẽ. Chiều đến, tôi vẫn chờ ở balcon, trông ra góc đường, để ý tìm một người mặc complet xám thất cà vạt – bộ đồ ba mặc trước khi đi. Tôi chỉ bắt đầu thấy thất vọng khi trời xẩm tối, và không còn ai xuất hiện ở góc đường nữa. Một điều gì đó, hiu quạnh và trống rỗng, dâng lên từ lòng đường, lùa theo từng đợt gió âm thầm. Tôi ngồi khóc cho đến khi đèn đường bật sáng, con phố bừng lên một sinh khí mới – tôi thấy nguôi ngoai và nghĩ: Chắc ngày mai ba sẽ về.❐

7-26-98

Kho tàng của quá khứ

Nguyễn Mộng Giác

Tôi nhớ chiều hôm đó có buổi tiệc tất niên tổ chức tại nhà tôi khoảng mười ngày trước Tết Ất Hợi 1995. Những người tham dự đều là bạn văn thân tình của tòa soạn, người nào cũng đọc và viết thường xuyên cho Văn Học. Có thể họ đã đọc "Tháp Ký Ức", một truyện ngắn lần đầu đăng trên Văn Học của một bút danh lạ hoắc: Phùng Nguyễn. Sáng hôm đó, Phùng Nguyễn gọi điện thoại ngỏ ý muốn tới thăm "tòa soạn Văn Học", và tôi vui mừng bảo nên đến vào buổi chiều để gặp đông đủ những người viết trên Văn Học hơn. Giọng Phùng Nguyễn trên điện thoại ngập ngừng, hình như e ngại điều gì. Tôi bảo nếu không có gì bất tiện thì ghé một chút rồi về Bakersfield cũng không muộn, anh em ở đây muốn biết mặt tác giả "Tháp Ký Ức".

Gác máy điện thoại, tôi đâm lo. Vì tôi đã nói dối với một người bạn văn mới quen mà chưa gặp mặt. Những nhà văn có mặt trong tiệc tất niên chiều hôm ấy chưa chắc đã có thì giờ đọc hết Văn Học số Tết, còn đã đọc "Tháp Ký Ức" hay chưa, tỉ lệ xác suất lại càng thấp hơn. Tôi ngại giây phút Phùng Nguyễn đến nhà tôi, theo lời tôi giới thiệu sẽ bắt tay người này người nọ để phải nghe những lời xã giao thiếu nội dung mà một người cầm bút tinh nhạy như Phùng Nguyễn phải nhận ra. Tôi nhớ cảm giác của mình khi lần đầu có một bài viết được đăng trên Bách Khoa, nhớ niềm tin ngây thơ hồi ấy, nghĩ rằng tất cả những người mình gặp đều là độc giả của Bách Khoa, hoặc nếu không phải là độc giả trung thành của Bách Khoa họ cũng phải đọc số Bách Khoa có đăng bài của tôi...

Hôm ấy Phùng Nguyễn đến trễ, và như anh báo trước, anh không thể ở lại cho đến hồi tan tiệc. Anh hơi bối rối, dè dặt. Chuyện ấy dễ hiểu. Lần đầu anh gặp những người anh từng đọc tác phẩm của họ. Lần đầu anh tới một "tòa soạn" mà chẳng thấy có chút gì giống như anh tưởng tượng về

một tòa soạn. Chưa kể tuổi tác: anh là người trẻ nhất. Anh lúng túng không biết phải xưng hô làm sao cho phải. Nhưng thời gian ngỡ ngàng làm quen và dò la thích nghi không kéo dài lâu. Nhà văn Võ Phiến hỏi về cô giáo Tố Quyên. Nhà văn Ngự Thuyết hỏi về người thầy nhân từ thuộc hoàng tộc. Lan qua chuyện tháp Chàm, chuyện đất Quảng. Không cần giáo đầu dài dòng, "Tháp Ký Ức" nghiễm nhiên trở thành đề tài bàn luận. Tôi tin buổi chiều tất niên hôm ấy ghi một ấn tượng đậm trong trí nhớ của Phùng Nguyễn, và biết đâu, đó cũng là động cơ giúp anh hăng hái viết sau này. Tôi cũng tin rằng truyện ngắn ấy định hình cho văn nghiệp của Phùng Nguyễn. Các bạn đã đọc lời giới thiệu của nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng. Đã đọc cả tập truyện. Tôi xin trình bày suy nghĩ vừa rồi của mình, để bạn đọc xét xem có đồng ý với tôi không.

"Tháp Ký Ức" là một truyện ngắn cổ điển, kể lại những kỷ niệm thời thơ ấu ở nhà trường. Thầy xưa, bạn cũ, tên trường, cấp lớp, và có lẽ tất cả những biến cố trong truyện đều có thật. Viết một truyện như thế cho tập san kỷ yếu của Hội ái hữu cựu học sinh Trần Quí Cáp, hoặc đặc san Tết của Hội đồng hương Quảng Đà, thật không khó khăn bao nhiêu. Lòng người viết chùng lại , bùi ngùi trước bao nhiêu vật đổi sao dời, bâng khuâng với những kỷ niệm đã mất, người cựu học sinh sắt đá đến mấy cũng dễ trở thành một người mơ mộng, mẫn cảm, bao dung, lãng mạn. Tuổi thơ hiển hiện trở về, và vô cùng quí giá vì chất mong manh của nó. Không phải ai cũng có thể kể lại gẫy gọn và chính xác những kỷ niệm ấu thơ. Nhưng kể được chuyện xưa không khó. Bằng chứng là những đặc san của các hội ái hữu cựu học sinh Pétrus Ký, Chu văn An, Đồng Khánh, Quốc Học, Gia Long, Trưng Vương, Lê văn Duyệt, Bùi thị Xuân, Trần Hưng Đạo, Võ Tánh, Cường Để, Trần Quí Cáp, Phan Chu Trinh...không bao giờ thiếu bài.

Vậy thì cái gì đã khiến cho "Tháp Ký Ức" vượt lên trên những bài viết dành cho đặc san các hội ái hữu cựu học sinh, trong đó có cựu học sinh Trần Quí Cáp, Hội an?

Cái nổi bật đầu tiên là cách lựa chọn những kỷ niệm để kể. Cuộc đời của một cậu học trò nghèo ở một làng quê heo hút trong một gia đình nghèo khổ neo đơn, vốn đã có nhiều kỷ niệm đáng kể. Những trò tinh nghịch của đời sống học đường cũng hấp dẫn lắm. Phùng Nguyễn kể chuyện xưa, cũng theo các thông lệ của hội viên các hội ái hữu cựu học sinh. Nhưng anh không dừng ở đó, để kín đáo khoe sức phấn đấu và sự thành công của mình trong hiện tại. Cũng không dừng lại ở những trò tinh nghịch mà mấy ông ngoại bà nội lâu lâu gặp nhau lật album cười đùa hí hí

với nhau, khi đám con cháu đã ở ngoài tầm nghe tầm nhìn. Trong những kỷ niệm của thời thơ ấu, anh chọn một kỷ niệm khác thường: lần bị nhà trường trừng phạt vì đã có những phát biểu khác thường về ý nghĩa của truyện "Vàng Tháp Hời".

"Hy vọng luôn luôn hướng về tương lai, cô Tố Quyên giải thích, hai anh em trong bài viết này hy vọng rằng họ sẽ tìm được kho vàng chôn giấu trong cái tháp Chàm cổ kính. Tôi đưa tay lên phản đối. Hy vọng không nhất thiết phải hướng về tương lai. Trước khi đi tìm vàng, hai người hy vọng đã có một kho tàng trong tháp Hời . Có vàng hay không có vàng trong cái tháp Hời là chuyện của quá khứ. Do đó, trong trường hợp này, hy vọng đã hướng về quá khứ. Đám học trò con trai, ngoại trừ thằng Thước, vỗ tay tán thành ầm ĩ. Hơi ngạc nhiên về cái lý luận...bá láp của tôi, cô Tố Quyên bắt cả lớp im lặng rồi giải thích rằng có vàng trong tháp Hời, đối với hai anh em trong câu chuyện, là một niềm tin, không phải hy vọng. Với lối lý luận cù nhầy, lũ chúng tôi vẫn khăng khăng cho rằng hy vọng có tính cách...hai chiều, không phải một chiều như cô đã khẳng định. Không còn "hy vọng" thuyết phục được chúng tôi, cô Tố Quyên trong một lúc "tuyệt vọng" bèn...khóc. Sau này, trong cuộc đời ba chìm bảy nổi của mình, tôi cũng đã có dịp chứng kiến đàn bà khóc, có khi vì tôi, có khi vì tình địch của tôi, có khi vì một lý do nào khác, cũng có khi không vì lý do nào hết. Nói chung đàn bà trông đẹp và dễ thương hơn khi họ khóc, nhưng tôi chưa thấy ai khóc... đẹp bằng cô Tố Quyên."

Kỷ niệm độc đáo ấy đưa "Tháp Ký Ức" ra khỏi những tập kỷ yếu những hội cựu học sinh trường này trường nọ. Nó cũng vượt lên trên những tấm ảnh cũ đen trắng dán trong các tập album gia đình. Hơn thế nữa, không một chút đại ngôn, truyện ngắn đầu tay của Phùng Nguyễn cũng vượt lên trên những sáng tác của những người ra đi tị nạn cộng sản từ Miền Nam thuộc thế hệ trước anh hay cùng thế hệ của anh, những sáng tác làm nòng cốt cho văn chương hải ngoại.

Thật vậy, nhìn lại hơn hai mươi năm định hình và tồn tại của văn chương hải ngoại, chúng ta thấy phần lớn người viết đều "kể lể" về quá khứ với một giọng văn khi xót xa khi nuối tiếc. Rất ít người chịu nhìn lại quá khứ trong toàn cảnh của lịch sử, chưa nói họ quên một điều hiển nhiên là quá khứ chỉ là một chặng thời gian trong cái dòng tự nhiên đưa cuộc đời chúng ta từ đầu nguồn quá khứ tới hiện tại, và xuôi dòng tới tương lai. Hoặc nếu chỉ muốn bấu víu lấy quá khứ thì cũng ít người chịu bình tĩnh phân tích quá khứ để rút ra một bài học. Phùng Nguyễn ôn

chuyện cũ như một kỷ niệm đẹp, nhưng anh không dừng ở đó. Anh nâng tấm ảnh cũ lên thành một suy niệm về nhân sinh:

"Bây giờ là sáu giờ sáng. Tôi có thói quen dậy sớm, ngồi một mình ở cái bàn ăn nhỏ. Trước mặt tôi là ly cà phê nóng với cái hương vị lai căng - cà phê bột của Mỹ và sữa đặc có đường hiệu Ông Thọ - và điếu thuốc lá đầu ngày. Có lần tôi đọc một truyện ngắn, hình như của Phan Du, về một ngọn đèn vàng ở một góc cầu thang nào đó đã nhắc nhở tác giả về một ánh đèn vàng ở một nơi chốn khác trong quá khứ. Ngọn đèn như chiếc chìa khóa thần diệu mở ra một ngăn kéo của ký ức, ở đó tác giả tìm thấy lại hình ảnh của người tình chìm khuất. Còn tôi? chìa khóa nào đã mở ra cho tôi tuổi hoa niên, ngôi tháp Chàm đổ nát, mái trường thân yêu, những cái tên đã tưởng không bao giờ còn nhớ nổi, nụ hôn đầu đời sướng tê người, chùm hoa phượng đỏ rực, và những con sâu đo gớm ghiếc? Tôi không biết. Tôi chỉ biết cảm ơn cái quyền lực huyền nhiệm nào đó đã cho tôi khả năng sống lại những kỷ niệm xa xưa.

Tôi mong một ngày nào đó được gặp lại Thước để xin hắn tập thơ hắn làm cho cô Tố Quyên vào năm mười hai tuổi, nếu hắn còn sống và còn giữ tập thơ. Tôi cũng rất mong gặp lại cô Tố Quyên để hỏi cô một lần nữa "Phải chăng hy vọng chỉ hướng về tương lai?". Nếu phải, thì buồn quá, bởi vì chẳng lẽ những ngăn kéo ký ức tôi mở ra cùng với ly cà phê lai căng và điếu thuốc đầu ngày chỉ chứa có mỗi một niềm tuyệt vọng thôi sao?"

Tôi hiểu vì sao những bạn văn thuộc nhiều thế hệ khác nhau hỏi han ân cần về cô Tố Quyên chiều hôm ấy. Đó là một cách gián tiếp xác nhận một văn tài. Hơn thế nữa, xác nhận một niềm hy vọng khá phức tạp (giống y như sự phức tạp trong cách lý giải truyện Vàng Tháp Hời trong truyện của Phùng Nguyễn). Hy vọng rằng thế hệ những nhà văn như tác giả "Tháp Ký Ức" thực hiện được một công việc mà những người thuộc thế hệ trước, do nhiều nguyên nhân, chưa thực hiện được: nhìn lại quá khứ, một cách thiết tha nhưng trầm tĩnh, để rút một bài học cho tương lai. Văn chương không còn là những lời kể lể tiếc nuối khôn nguôi về một thời vàng son đã mất. Cậu bé học trò nghèo của trường Trần Quí Cáp đã làm cho cô giáo Tố Quyên bật khóc vì bảo hy vọng có thể hướng về quá khứ. Cậu ấy nói đúng. Quá khứ cũng là một kho tàng cho hy vọng, nếu chúng ta biết dùng quá khứ.

Nguyễn Mộng Giác
Tháng 5.1998

Những ngày đánh mất

Dino Buzzati

Duy Phương chuyển ngữ

Dino Buzzati sinh năm 1906 tại Belluno (Ý) và mất ở Milano năm 1972, là tác giả của tiểu thuyết nổi tiếng Sa Mạc Tartari *đã được dựng thành phim và được dịch ra nhiều thứ tiếng. Nhiều tác phẩm của ông đã được chuyển thành kịch bản để trình diễn trên sân khấu, qua đài phát thanh và vô tuyến truyền hình. Truyện* Con Chó Gặp Chúa *đã được trình diễn trên đài truyền hình Pháp.*

Ông viết khá nhiều tiểu thuyết nhưng hình như thể loại yêu thích nhất của ông là truyện ngắn. Đề tài là những ám ảnh và nỗi bất an của kiếp người.

Bằng bút pháp độc đáo ông dắt người đọc đi ra khỏi đời sống thường ngày để bước vào một thế giới khác lạ kỳ, rồi đẩy họ đối mặt với những sự kiện nghịch lý đầy bí ẩn. Bí ẩn vì nằm ngoài cánh cửa của đời sống thường nhật nhưng cũng có thể đồng hiện hữu với diễn biến thường ngày mà chúng ta vô tình không nhận thấy để cuối cùng phải kinh ngạc, và suy nghĩ, trong niềm xúc động sâu xa...

Vài ngày sau khi mua biệt thự, một bữa về nhà Ernst Kazirra thấy một gã đàn ông đang lách ra ngõ phụ trổ qua tường, vác trên vai một thùng gỗ và chất lên xe cam-nhông.

Anh chưa kịp chận thì gã đã bỏ chạy. Anh phải đuổi theo bằng xe hơi. Chiếc cam-nhông chạy ngoằn ngoèo đến tận ngoại biên thành phố mới chịu dừng chân trên lề một bờ vực.

Kazirra xuống xe và bước đến. Gã lạ mặt đang khuân một thùng gỗ, khệnh khạng đi vài bước rồi quăng xuống hố. Dưới đó đã có hằng ngàn thùng gỗ khác, rất giống nhau.

Anh đến trước mặt gã đàn ông và hỏi:

"Tôi thấy anh mang những thứ này từ khuôn viên nhà tôi. Anh bỏ cái gì trong đó? Còn những cái thùng gỗ này là đồ quái gì vậy?"

Gã lạ mặt nhìn anh rồi tủm tỉm cười:

"Tôi còn nhiều lắm, trên xe cam-nhông, để vất đi. Ông không biết à? Chúng là những ngày."

"Những ngày gì?"

"Những ngày của ông."

"Những ngày của tôi?"

"Những ngày đã mất của ông. Những ngày mà ông đã phí mất. Có phải ông đợi chúng không? Chúng đến rồi đấy. Nhưng ông đã dùng để làm gì? Đấy, ông xem, còn nguyên vẹn. Bây giờ thì..."

Kazirra đảo mắt. Những thùng gỗ chất thành một đống lớn. Anh lần xuống hố rồi đến mở một thùng.

Trong đó có một con đường mùa thu, và ở cuối đường người yêu của anh, Graziella , đã vĩnh viễn bỏ đi. Nhưng anh đã không thèm gọi.

Anh mở thùng thứ hai. Trên chiếc giường trong một căn phòng bệnh viện, người em trai Giosué đang đau nặng và có ý mong anh. Nhưng anh đang bận áp-phe ở một nơi nào đó.

Anh mở thùng thứ ba. Ngoài cổng một căn nhà cũ nghèo nàn, con chó Duk trung thành đã đợi anh từ hai năm nay, gầy đến trơ xương. Mà anh đâu có muốn quay về.

Anh chợt nghe nhói lên ở chỗ này, ngay cuống bao tử. Gã lạ mặt đang đứng hiên ngang trên bờ vực, bất động như một kẻ thi hành công lý.

"Ông ơi" anh gọi lớn. "Ông làm ơn nghe tôi nói. Ông cho tôi xin lại ba ngày. Tôi van ông. Ít nhất ba ngày này. Tôi giàu lắm. Tôi sẽ trả cho ông bất cứ giá nào ông muốn."

Gã lạ mặt phát một cử chỉ bằng tay phải, nửa như ngầm chỉ một nơi nào không thể đến, nửa như muốn nói là đã quá trễ rồi và không còn cách nào cứu nữa. Bóng gã vụt nhòa đi trong không gian và lúc đó đống thùng bí ẩn cũng đột nhiên biến mất. Và bóng đêm tràn xuống.

MỖI THÁNG TÌM MUA VÀ ĐỌC **VĂN HỌC** ĐỂ:
* THEO DÕI SINH HOẠT VĂN CHƯƠNG Ở HẢI NGOẠI
* THƯỞNG THỨC NHỮNG SÁNG TÁC MỚI NHẤT CỦA VĂN GIỚI

Thằng già ngu xuẩn

Alberto Moravia

Nguyễn Mạnh Tiến dịch

Alberto Maravia sinh tại La Mã vào năm 1907, là con của một kiến trúc sư nổi tiếng. Thuở nhỏ ông bị bệnh nặng trong nhiều năm, và học nhiều ngôn ngữ (tiếng Pháp, tiếng Đức và tiếng Anh) trong thời gian đó. Ông khởi sự viết truyện vào năm 1925, khi đang làm phóng viên cho hai tờ báo La Stampa *và* La Gazzetta del Popolo *ở Turin. Trong những năm chót của thời kỳ Phát-xít, truyện của ông bị cấm, và ông phải ký tên giả để có thể tiếp tục sáng tác. Trong giai đoạn Ý bị Đức chiếm đóng, ông phải lánh lên núi cao ẩn náu cho đến ngày giải phóng vào năm 1944. Ông được coi như nhà văn hàng đầu của văn chương Ý hiện đại, Trong số những tác phẩm xuất sắc của ông, có thể kể tập truyện ngắn* Roman Tales *(truyện ngắn trên đây được trích từ tập này), các truyện dài* Two Women, Conjugal Love, The Conformist, The Fancy Dress Party ...vv.

Khi bạn có thói quen lả lướt với đàn bà thì thực khó để nhận biết khi nào bạn đã hết thời và đàn bà bắt đầu nhìn bạn như bậc cha chú - hoặc tệ hơn, như ông nội ông ngoại của họ. Khó nhất hạng là trường hợp của những anh trung niên, anh nào cũng có hai cái đầu lồng vào nhau : cái đầu bên ngoài thì da nhăn, tóc bạc, răng sâu, mắt đục. Còn cái bên trong thì vẫn y hệt như thời anh ta còn trẻ, tóc đen dầy, mặt nhẵn nhụi, răng trắng tươi và mắt sáng quắc. Chính cái đầu bên trong này là cái nhìn đàn bà một cách khao khát, những tưởng rằng họ trông thấy được nó. Thế nhưng dĩ nhiên là đàn bà chỉ trông thấy cái đầu bên ngoài, và họ nói: "Thằng cha hình nhân già này muốn gì đây? Bộ chả không thấy là chả đáng tuổi ông nội tui sao chớ?"

Năm ấy, tiệm hớt tóc nơi tôi làm việc gần ba mươi năm nay được nới

rộng: họ thay gương soi và bồn rửa mặt, sơn lại tường và tủ. Sau rốt, ông chủ nghĩ tốt hơn nên mướn thêm một cô làm móng tay, tên cô ta là Iole. Trong tiệm ngoại trừ ông chủ có cả thảy ba người: ngoài tôi ra còn một tay trẻ khoảng hai mươi lăm tuổi tên Amato, da ngăm đen, nghiêm trang, trước từng làm cảnh sát; và Giuseppe, hơn tôi độ năm tuổi, lùn, mập và hói.

Như thói thường khi có một người đàn bà lọt vào một nơi toàn là đàn ông, chẳng bao lâu tôi để ý thấy cả ba đứa tôi đều chằm chằm nhìn Iole. Có thể nói rằng nàng là một cô gái bình thường, thuộc loại mà ta hay thấy hình in trên bưu ảnh - tóc đen, coi được, đỏm đáng, có nét; trên đời này có cả triệu cô như vậy. Đến lúc này đây, xin bạn ghi nhận cho rằng mặc dù không muốn khoe khoang, tôi cũng phải tự nhận rằng mình là người đẹp trai. Dáng tôi gầy, cao vừa phải, vẻ mặt hơi xanh nhưng cứng cỏi; đàn bà thường nói là tôi có nét hấp dẫn. Điều chắc chắn là tôi có đôi mắt khá nổi, nhất là khi tôi liếc ngang, trông chúng hiền hòa, đầy tình cảm, nhưng lại phảng phất chút vẻ hoài nghi. Nhưng phần trội nhất trong con người tôi là mái tóc. Tóc tôi màu nâu hạt dẻ nhạt, mảnh, sạch và dợn sóng, cắt kiểu alla narrazena, nghĩa là dựng đứng lên như ngọn lửa, hai vạt tóc mai chạy dài xuống đến giữa má. Hơn thế nữa, tôi luôn luôn ăn mặc chỉnh tề. Khi ra khỏi chỗ làm, lúc nào tôi cũng mặc đồ chững chạc. Cà vạt, vớ và khăn tay luôn luôn hợp màu với nhau. Ở tiệm thì tôi khoác một chiếc áo choàng trắng tinh, lẽ ra nên để cho một bác sĩ giải phẫu mặc thì hợp hơn là một anh thợ hớt tóc. Với những đặc tính như trên, nếu tôi có thường thành công đối với đàn bà thì cũng chẳng lấy gì làm lạ. Và vì luôn nắm chắc phần thắng như vậy. đối với cô nào tôi thích, tôi có cái thói quen nhìn chòng chọc một cách khêu gợi như thể gửi đến cô ta ngàn lời ca tụng. Để tới lúc tôi đến gặp cô ta sau khi đã cố ý chiếu tướng một hồi lâu thì trái đã chín mùi, chỉ việc đưa tay ra mà hái lấy.

Về chuyện Iole, người ở trong tiệm mà tôi gờm nhất là Amato. Hắn tuy xấu người và vô duyên nhưng được cái còn trẻ. Còn Giuseppe thì hoàn toàn không đáng kể: như đã nói, chả già hơn tôi, lại xấu xí hết thuốc chữa. Suốt ngày Iole ngồi ở cái bàn làm móng tay nhỏ, người đờ đẫn vì chán và vì ngồi yên một chỗ, mê mải đọc đi đọc lại hai ba tờ nhật trình để trong tiệm, hoặc tự làm móng tay cho mình trong khi chờ khách. Do bản năng, và hầu như ngược lại ý muốn của chính mình, tôi cứ nhìn nàng liên tục. Một người khách bước vô tiệm và ngồi vào ghế, tôi lấy một tấm khăn và với vẻ điệu nghệ giũ một cái một để trải nó ra, đồng thời ném về phía nàng một cái liếc dài. Hoặc khi đang gội đầu cho khách, hai tay xoa vò cái đầu đầy xà-bông, tôi lại liếc nhìn nàng một lần nữa. Hoặc khi đang

dùng mũi kéo tỉa viền tóc; cứ nhấp kéo bốn cái tôi lại liếc nàng một cái. Hoặc khi nàng chậm rãi đi ra chỗ tủ để lấy một dụng cụ gì đó, tôi cũng đưa mắt dõi theo trong gương.

Tôi phải nhìn nhận rằng Iole không nhanh nhảu mà cũng chẳng rụt rè: nàng có cái vẻ mặt lặng lẽ, dè dặt, trì độn của một con mèo to ngái ngủ. Thế rồi sau một thời gian, nàng dần dà nhận ra rằng tôi cứ nhìn ngắm nàng hoài; kế đến nàng chấp nhận việc tôi nhìn nàng; và sau rốt nàng bắt đầu liếc nhìn trả lại. Một cách vụng về, chậm chạp chứ chẳng có chút vẻ gì là diễu cợt, nhưng không thể nào nhầm lẫn được.

Lúc đó tôi nghĩ rằng cá đã cắn câu, như lời người ta thường nói. Một thứ bảy nọ tôi rủ nàng đi tắm ở bãi biển Ostia vào chiều ngày hôm sau, Chủ nhật. Nàng nhận lời ngay, chỉ yêu cầu là tôi không được chê bộ áo tắm của nàng: nàng mập hơn trước và bộ áo tắm duy nhất của nàng bây giờ có hơi chật. Thực ra, nàng nói chẳng chút e lệ: "Suốt ngày ngồi yên một chỗ thành thử người em phì thêm ra một chút." Nói được một câu như vầy phải là người hoàn toàn chẳng gian trá tí nào, và tôi khoái nàng vì lẽ ấy.

Chúng tôi hẹn gặp nhau ngày hôm sau ở ga xe lửa San Paolo. Trước khi rời nhà, tôi sửa soạn thật cẩn thận: râu cạo nhẵn nhụi, thoa tí phấn rôm lên má, chải kỹ tóc bằng lược bí để không còn qua một tị gầu nào, vài giọt nước hoa vẩy lên đầu và vào khăn tay. Tôi mặc sơ mi hở cổ và áo khoác ngoài mùa hè mỏng, mang quần dài trắng.

Iole rất đúng hẹn. Vào đúng hai giờ tôi trông thấy nàng rẽ đám đông người tiến lại phía tôi. Nàng mặc đồ toàn trắng, trông hơi lùn và đẫy đà nhưng vẫn trẻ trung và hấp dẫn. "Đông đến thế!" nàng nói khi gặp tôi, "Em sợ rằng mình phải đứng quá à." Vốn có máu hào hiệp, tôi bảo nàng là cứ việc yên chí để mặc tôi, tôi sẽ kiếm ra chỗ ngồi cho nàng. Trong khi đó xe lửa đã vào đến ga, và đám đông đang chờ trên sân ga bắt đầu chuyển động một cách hoảng loạn, như thể là họ đang bị cả một đội kỵ binh rượt đuổi. Người ta la hét, gọi nhau ơi ới. Tôi phóng tới trước, bíu lấy cửa, rướn lên cao khỏi đám đông và sắp sửa vào được bên trong toa thì bị một tên trẻ tuổi nước da đen xạm xô đẩy và ráng lấn qua mặt. Tôi xô mạnh trả đũa và lao lên trước. Y nắm tay áo tôi mà kéo nhưng tôi huých cho y một cùi chỏ vào bụng, giựt tay ra và xông vào toa. Vì đã bị mất một ít thì giờ với thằng con nít vô lại này, trong toa đã chật ních người, chỉ còn có mỗi một chỗ trống. Cả tôi lẫn y tranh nhau nhào đến, và gần như cùng một lúc, tôi quẳng bộ quần áo tắm còn y ném chiếc áo khoác lên cái ghế sau cùng này để xí chỗ. Rồi chúng tôi đối diện nhau. "Tôi tới trước," tôi nói. "Ai bảo thế?" "Tôi nói vậy đó!", tôi vừa trả lời vừa ném trả chiếc áo khoác vào

mặt y. Đúng lúc ấy Iole trờ tới và xà vào ngồi ngay không do dự, miệng nói: "Cảm ơn nhiều, Luigi." Tên trẻ tuổi lượm cái áo lên, ngần ngừ một lúc. Và rồi thấy rằng không thể nào đuổi Iole đi chỗ khác được, y đành bỏ đi, miệng chửi lớn: "Thằng già ngu xuẩn!"

Xe lửa chuyển bánh gần như ngay lúc đó. Tay nắm lấy thanh sắt thành toa, tôi đứng sát ngay cạnh Iole. Thế nhưng giờ đây tôi đã mất hết hứng thú, và chỉ muốn ra khỏi xe đi về nhà quách. Cái câu "Thằng già ngu xuẩn" đã điểm trúng yếu huyệt tôi giữa lúc bất ngờ nhất. Tôi nhớ rõ là mình có hai cảm nghĩ khác biệt khi nghe câu chửi của thằng nhỏ. Ý chửi nằm ở mấy chữ "thằng ngu xuẩn", nhưng chuyện ấy chẳng nhằm nhò gì: y gọi tôi là đồ ngu là để cố tình làm cho tôi tức. Còn cái chữ "già" thì không nhằm mục đích chửi. Y phát ngôn chữ "già" như thể đó là một sự thật hiển nhiên. Giả dụ như tôi chỉ mới mười sáu tuổi thay vì năm mươi, thì có lẽ y đã chửi: "Thằng nhóc này sao đần độn quá chừng!" Đối với y, và thực ra, đối với tất cả mọi người khác kể cả Iole, tôi là một ông già, thế thì nếu y gọi tôi là thằng ngu mà Iole có cho rằng tôi thông minh đi nữa thì cũng chẳng khác biệt gì mấy. Có lẽ ngay cả Iole cũng chẳng cần phải đến chiếm cái ghế. Cuối cùng thằng nhỏ chắc cũng sẽ nhường chỗ cho tôi vì nể nang tuổi tác. Điều này được xác định qua lời phát biểu của cái ông ngồi đối diện với Iole, người đã mục kích sự việc từ đầu: "Cậu nhỏ thiệt thô lỗ... Nhẽ ra cậu ấy phải nhường ghế cho người có tuổi như ông mới phải..."

Tôi bàng hoàng và cảm thấy lạnh toát cả người. Chốc chốc tôi lại đưa tay lên sờ mặt như thể là vì thiếu gương soi nên phải dùng ngón tay để xét xem mình già cỡ nào. Lẽ dĩ nhiên Iole chẳng hề để ý đến chuyện gì xảy ra. Nửa đường đến Ostia, nàng nói với tôi: "Em rất tiếc ông phải đứng." Không thể nào đừng được, tôi nói: " Tôi biết tôi già thật, nhưng chưa đến nỗi không đứng nổi nửa tiếng đồng hồ." Tôi nửa mong đợi rằng nàng sẽ đáp: "Luigi!... Anh mà già ấy à?...Anh nói gì lạ vậy?" Thay vì thế, cô em tối dạ này chẳng trả lời gì cả, và như vậy tôi hiểu rằng mình đã nói lên sự thật.

Đến Ostia, nàng đi thay đồ trước và ra khỏi nhà thay đồ trong một bộ đồ tắm chật đến nỗi gần muốn rách toạc. Thân thể nàng trắng trẻo, tươi mát và rắn chắc, trẻ trung quá khiến người ta trông mà phát nực. Khi tới phiên tôi vào nhà thay đồ, việc trước tiên là tôi đến soi ngắm mình trong mảnh gương vỡ treo trên tường. Tôi quả có già thật: tại làm sao mà từ hồi nào đến giờ tôi lại không nhận ra được điều này? Chỉ mới liếc sơ tôi đã thấy ngay đôi mắt mình mờ đục chìm lỉm giữa những nếp nhăn, tóc thì đầy sợi bạc, da bèo nhèo nơi má, răng vàng xỉn. Cái áo sơ mi hở cổ xuân

tình quá sức đến nỗi tôi phát ngượng: nó để lộ nguyên cái cổ, da xếp nếp chảy xệ che lấp yết hầu. Tôi cởi đồ ra, và khi cúi xuống để mặc quần tắm vào thì cái bụng phệ của tôi nhô lên rồi lại rơi thõng xuống, hệt như một cái bao bị xì hơi. "Thằng già ngu xuẩn", tôi tự nhắc lại câu đó một cách giận dữ. Ngẫm nghĩ lại, tôi thấy đúng là cuộc đời có lắm cái bất ngờ. Chỉ mới trước đó có một giờ đồng hồ tôi vẫn tin chắc rằng mình còn đủ trẻ để đóng vai hào hoa phong nhã với Iole. Thế mà giờ đây, chỉ vì bốn chữ đó, tôi thấy tôi già đáng tuổi bố của nàng. Và tôi cảm thấy xấu hổ là đã nhìn nàng quá nhiều ở chỗ làm và rồi lại còn rủ nàng đi chơi. Tôi tự hỏi: nàng nghĩ cái quỷ gì về tôi? Dưới con mắt của nàng tôi trông ra sao?

Một lát sau rồi tôi cũng biết là nàng nghĩ gì về mình. Chúng tôi đứng, tay bám sợi dây thừng an toàn để mặc sóng đánh lên người, vì hôm nay biển động. Sau mỗi đợt sóng, tôi thở không nổi và tự bảo: "Mình ngộp thở như vầy là vì mình già." Thế nhưng Iole, cực kỳ vui vẻ, la lên với tôi: "Luigi, em thật không ngờ ông thể thao như vậy đấy." "Tại sao vậy," tôi hỏi, "cô nghĩ tôi là người thế nào?" Nàng trả lời: "Những người ở tuổi ông thường không thích ra biển...Thường là bọn trẻ..." Đến đây thì một đợt sóng lớn ngầu bọt đánh phủ lên người chúng tôi. Tôi té đè lên người Iole, và để gượng lại tôi chụp lấy cánh tay nàng - một cánh tay rắn chắc tròn lẳn, bắp thịt trẻ trung và mềm dẻo. Tôi hét to cho nàng nghe, miệng đầy nước biển: "Tôi đáng tuổi ông già cô." Đứng giữa đám bọt nước sôi sục, nàng cười lớn: "Làm gì đáng tuổi bố em lận...Chắc chỉ cỡ chú em thôi!"

Đến lúc tắm xong, vừa quê vừa nhục nhã, tôi nói hết nổi. Tôi có cảm tưởng như có một cái bẫy dương ra ngay trong miệng mình và đã xập lại, giờ phải cần một cây xà-beng mới mở nó ra được. Iole đi phía trước, tay kéo áo tắm để che đùi và ngực, vì khi ướt trông chúng lộ liễu quá. Rồi nàng nằm lăn xuống bãi cát, thịt nàng săn cứng đến độ cát không bám nổi vào người nàng và rơi ra từng tảng ẩm ướt. Tôi ngồi xuống cạnh bên nàng, vừa câm vừa tê liệt, không tài nào mở miệng hoặc nhúc nhích nổi. Mặc dù vô cảm còn hơn cả loài tê giác, rất có thể là Iole đã cảm biết được nỗi đau khổ của tôi, vì liền khi đó nàng hỏi thăm xem tôi có mệt trong người không. "Tôi đang nghĩ về cô," tôi nói, "Trong tiệm mình, cô thích ai nhất? Amato, Giuseppe hay là tôi?". Sau một hồi lâu nghĩ ngợi, nàng thẳng thắn trả lời: "Sao ông lại hỏi thế, em thích cả ba." Thế nhưng tôi nằn nì: "Dĩ nhiên là Amato còn trẻ..." "Đúng thế," nàng đáp, "ảnh còn trẻ thật." Một lát sau tôi nói tiếp: "Tôi tin rằng ảnh mê cô." "Thiệt vậy hả?" nàng trả lời, "em chẳng để ý gì cả." Rồi nàng trầm ngâm như thể là đang lo nghĩ việc gì. Sau cùng nàng nói: "Luigi, em gặp rắc rối rồi: cái áo tắm của em bị bục chỉ ở phía sau...Đưa hộ em cái khăn, em phải đi thay đồ đây."

Thật ra mà nói, tôi lấy làm mừng trước cái tai nạn này. Tôi đưa chiếc khăn tắm để nàng quấn nó quanh hông và chạy vào nhà thay đồ. Nửa giờ sau, chúng tôi đã ở trong một cái toa trống lốc trên xe lửa. Tôi đã gài kín cổ áo, và đang suy gẫm rằng đối với tôi mọi sự đã chấm dứt, và sự thực tôi là một anh già.

Bữa đó tôi thề nhất quyết từ nay sẽ không nhòm ngó gì tới Iole cũng như tới bất cứ người đàn bà nào khác nữa, và tôi đã giữ lời. Tôi thấy dường như Iole có vẻ hơi ngạc nhiên, bởi đôi lúc nàng trân trối nhìn tôi với vẻ trách móc, nhưng cũng có thể đó chỉ là cảm tưởng của tôi mà thôi. Một tháng trời trôi qua mà tôi chỉ nói chuyện với Iole vỏn vẹn độ bốn, năm lần. Trong thời gian đó, nàng kết thân với Giuseppe. Tuy nhiên ông ta luôn luôn đối xử với nàng bằng tác phong cha chú, luôn nghiêm trang, tốt bụng và không chút nào lộ ý tán tỉnh. Tôi cảm thấy già hơn bao giờ hết, vẫn tiếp tục hớt tóc, cạo râu và nhận tiền thưởng khách cho, lẩm lì chẳng nói chẳng rằng.

Thế nhưng một hôm vào lúc đóng cửa tiệm, trong khi tôi đang thay đồ ở phòng kho phía sau thì ông chủ tôi, vốn là người tốt bụng, tuyên bố: "Này, anh em nào không bận gì tối nay thì đi ăn chung...Tôi mời tất cả mọi người... Chả là Giuseppe và Iole vừa mới đính hôn..."

Tôi nhìn ra: Iole đang còn ngồi ở cái bàn làm móng tay nhỏ trong góc, miệng tủm tỉm. Phía bên kia thì Giuseppe vừa rửa dao cạo vừa mỉm cười. Đột nhiên tôi thấy nhẹ cả người: Giuseppe già hơn tôi, lại xấu xí, thế mà Iole lại chọn anh chàng chứ không phải là Amato. Hai tay giang rộng, tôi chạy nhào tới ôm Giuseppe, miệng la lớn: "Chúc mừng các bạn, nồng nhiệt chúc mừng...". Rồi tôi ôm Iole và hôn lên cả hai má nàng. Giữa ba đứa chúng tôi, đúng ra tôi chính là người vui sướng hơn cả.

Ngày hôm sau là một ngày Chủ nhật. Vào buổi chiều, tôi ra đường đi tản bộ. Trong lúc đang đi, tôi nhận ra rằng mình lại bắt đầu ngắm nghía các cô như dạo trước, ngắm kỹ lưỡng từng cô một, cả phía trước lẫn đằng sau.❐

Chùm truyện ngắn của Spiró Gyorgy - Hungary

Nguyễn Hoàng Linh dịch

Động đất

Họ đến và bảo y phải bán khách sạn, vì theo các nhà khoa học, vùng y sống có nguy cơ bị động đất.

Y không hiểu chuyện này. ở vùng này, từ ngày xửa ngày xưa không hề có động đất. Y xây khách sạn bên bờ biển, bỏ vào đó cả gia sản của y và bây giờ công việc bắt đầu khấm khá. Vùng y sống không nổi tiếng là mấy, tuy nhiên các hãng du lịch nội địa đã phát hiện ra nó: đây một miền quê yên tĩnh, thích hợp cho việc trầm tưởng và là nơi lý tưởng cho những cặp vợ chồng mới cưới, đi hưởng tuần trăng mật.

Những chuyên gia - có trời biết được, họ là ai! - thuyết phục y một hồi rồi bỏ sang nhà bên. Họ cho biết ông thị trưởng đã được thông báo về chuyện này.

- Lũ này phát rồ rồi hay sao ấy! - y nói với vợ. Cô vợ lặng thinh, cô đã im lặng kể từ khi y báo cho cô biết việc y sẽ mở một khách sạn. Họ chưa có con, y luôn nói: "Để lúc nào hoàn toàn yên ổn hẵng hay". Bây giờ lẽ ra mọi chuyện đã yên ổn...

Mặc dù không phải kẻ ham rượu chè, nhưng tối đến y cũng nhảy vô quán rượu. Quán này khá vắng vẻ, chỉ có hai người chơi bi-a. Một thời, y cùng tay chủ quán dự định xây khách sạn, nhưng tay này đã chọn phương án dễ hơn: có thể nhanh chóng mở một quán rượu và điều hành nó cũng đơn giản hơn. Từ dạo đó họ trở nên lạnh nhạt, dù không bao giờ đụng chạm đến nhau.

- Chúng cũng đến chỗ cậu chứ? - y hỏi.

Tay chủ quán gật đầu.

- Làm gì có chuyện động đất! - y càu nhàu. - Bọn chúng cũng nói như thế với cậu à?

- Ừ.

- Động đất, rõ trò hề! ở đâu? Khi nào?

- Theo chúng, động đất sẽ đến từ bờ biển.

Quán rượu nằm cách bờ biển chừng một dặm, như vậy nó không bị hiểm nguy trực tiếp đe dọa.

- Chúng bảo cậu phải di chuyển chứ?

- Ừ.

- Vậy cậu sẽ chuyển đi?

- Để làm quái gì?

Rồi họ ngẫm suy tính trong lòng. Y nghĩ một lượt: thử hỏi ai có lý do gì để đuổi các thổ dân xứ này? Hay dưới lòng đất vùng y sống có mỏ dầu? Hoặc giả người ta muốn xây dựng hải cảng quân sự ở đây và nhà nước muốn tiết kiệm khoản tiền thu mua. Bọn chúng có thể có hàng ngàn lý do.

Y uống cạn cốc bia và giả tiền, rồi về nhà.

Vài ngày sau, ông thị trưởng triệu tập một cuộc họp. Ông thông báo cho mọi người ý kiến các chuyên gia. Người ta phát hiện ra một đường nứt gì đó ở chính ngay dưới vùng này, điều này rất nguy hiểm. Vài người chất vấn tại sao đến giờ chưa hề có động đất, phải chăng là vì cho đến giờ người ta chưa phát hiện ra vết nứt? Ông thị trưởng cười khẩy chua chát. Quyết định là tùy vào suy xét của từng người. Mọi người hỏi nhà nước hoặc tỉnh lỵ có phát cho họ trợ cấp di chuyển không, nếu họ muốn đến nơi khác sinh sống? Về điểm này, ông thị trưởng không biết trả lời ra sao.

Trong hai ba ngày, động đất là đề tài cửa miệng, vài gia đình còn ngủ đêm ngoài trời nhưng cơn động đất không xuất hiện và người ta lại dần dần về nhà ở.

Chừng hai tháng sau, ông bác sĩ khu vực chuyển đi, ông ta có việc ở nơi khác, hình như ở đó lương khá hơn. Mọi người tiếc rẻ, đó là một bác sĩ chu đáo và có lương tâm. Người ta tuyển chọn để thế chân ông bác sĩ, trong khi chưa xong, phải đáp tàu hỏa hoặc đi xe hơi sang vùng bên cạnh. Cũng ít khi phải làm việc đó, ở miền này dân cư không mấy khi ốm yếu.

Mùa hạ trôi qua, việc làm ăn không đạt. Mặc dù người ta không tiết lộ dự đoán về trận động đất trên báo chí, nhưng tin ấy hẳn vẫn lan truyền bằng một cách nào đó, chắc chắn các vùng ganh đua lân cận - nằm ven bờ biển - đã tận dụng khả năng này. Kể ra cũng không thể chứng minh điều đó, nhưng ai nấy đều nghĩ vậy. Người ta còn lan truyền rằng chính những kẻ có đầu óc cạnh tranh đã bịa đặt ra toàn bộ câu chuyện động đất này. Mặc dù nếu thế, họ cũng chẳng được gì tốt đẹp, bởi lẽ động đất không lựa chọn, cả vùng xa nhiều dặm có thể nguy hiểm, nếu...

Đầu mùa đông, ông dược sĩ cũng ra đi. Ông ta tuyên bố sẽ làm nghề khác. Tuy vậy không có gì xảy ra, mọi người vẫn sống cuộc đời như trước

đó.

Một buổi sáng khi tỉnh giấc, y cảm thấy cổ đau dữ dội. Chắc lại một thứ phong thấp gì đây. Hơi sớm, cha y cũng bị căn bệnh này nhưng muộn hơn y ít nhất hai mươi năm. Không chỉ đau đớn, y còn không xoay nổi đầu. Dường như trong đêm, cổ y bị ngắn lại. Y soi gương và có cảm giác như thế. Và cũng chẳng phải cổ y ngắn lại, mà đầu y ấn một phần cái cổ xuống lồng ngực, hoặc đi đâu đó. Y nói với vợ, nhưng cô vợ không thấy gì cả. Y uống một viên thuốc cảm.

Ngày hôm sau, cảm giác đau đớn càng tăng và hình như cổ y tiếp tục ngắn đi. Một điều chắc chắn: yết hầu y tụt xuống thấp. Y nuốt khó khăn và cái yết hầu như chưa quen với vị trí mới của nó. Y cũng phàn nàn điều này với vợ, cô vợ lại nhìn, nhìn mãi, nhưng không thấy gì cả.

Không còn sức lau chùi nhà cửa, y quyết định đến bác sĩ phụ trách khu vực bên cạnh. Đã ngồi vào xe, nhưng y không thể nhìn được tấm gương chiếu hậu, cổ y cứng nhắc đến mức ấy. Y vãng tục và khó khăn lắm mới bò nổi khỏi xe.

Trong những ngày tiếp nối, y thường xuyên thấy đau, có điều cảm giác ấy không tăng lên. Nhưng sau một tuần y nhận thấy cái yết hầu của mình biến đâu mất trong lồng ngực. Y gọi vợ đến. Cô vợ không thấy cái yết hầu và cô hoảng hốt. Rồi cô lặng thinh dìu chồng vào ghế sau chiếc xe hơi và đích thân lái xe đến bác sĩ.

Bác sĩ khám hồi lâu, ông ta không tìm thấy cái yết hầu nhưng ông bảo không phải ai cũng có yết hầu phát triển.

- Nhưng tôi từng có mà! - y giận dữ khẳng định.

Bác sĩ mỉm cười độ lượng và để chắc chắn, ông ta cho chụp điện quang. Sau đó, ông ta lặng thinh hồi lâu.

- Tôi không dám chắc lắm - ông ta nói -, cần phải tiếp tục khám, có lẽ nên điều trị trong viện nữa... Thế này anh ạ, không hiểu vì sao những đốt xương cổ của anh lại tụt vào trong... Nói thế nào nhỉ?... Mặc dầu vô lý về mặt giải phẫu học... nhưng thanh quản anh cũng tụt xuống phía dưới... Trong nghề, tôi chưa bao giờ gặp trường hợp nào như thế.

- Đây là một thứ phong thấp gì đó? - y hỏi vẻ hi vọng. - Cha tôi cũng bị bệnh này.

- Tôi không biết, anh ạ - bác sĩ đáp -, tôi chưa bao giờ thấy chuyện này. Anh có muốn vào viện không?

Y không muốn. Y trườn vào xe, cô vợ đưa y về nhà.

Vài ngày sau, đầu y tụt hẳn xuống giữa các xương quai xanh và xương bả vai phải của y tiến vào giữa, vì thế y không làm sao cử động được cánh

tay phải.

- Em thử xem trong vùng mình còn ai cũng bị bệnh không? - y bảo vợ.

Cô vợ đi một vòng trong vùng.

- Không phải nhà nào cũng mở cửa - cô ta thuật lại -, không biết điều gì xảy ra với họ. Những nhà mở cửa cho em vào đều bình thường.

- Em có tạt qua quán rượu không?

- Quán đóng cửa, họ nghỉ kiểm kê.

- Em thử quay lại hỏi xem.

Chẳng bao lâu, cô vợ trở về cùng tay chủ quán, lão này khập khiễng chống nạng.

- Chẳng hiểu sao chân tớ bị ngắn lại - tay chủ quán nói, hắn mỉm cười nhũn nhặn vẻ hối lỗi -, tớ đã đo, trong hai tuần nó ngắn đi một tấc rưỡi... nhưng kỳ lạ là không phải ống chân, mà đùi tớ bị ngắn đi.

- Hai tuần?

- Khoảng từng ấy.

- Tớ thì bị biến mất yết hầu.

- Thật à?

Họ rờ rẫm nhau. Lâu lắm hai người mới thân nhau đến thế.

Rồi họ được chôn cất cạnh nhau. Đến lúc ấy, cơ thể cả hai đều biến dạng hoàn toàn: xương họ bị xáo trộn hoàn toàn, hai cánh tay lão chủ quán tụt vào lồng ngực hắn, còn đầu y cuối cùng lòi ra khỏi khung xương chậu. Nhưng họ không phải là những người khốn khổ nhất. Kẻ khác, mặc dầu xương xẩu ở nguyên tại chỗ, hoặc suy nhược thần kinh, hoặc bị chảy máu não. Nhưng đấy cũng chưa phải là tệ nhất. Vì trong số họ cũng có những kẻ bình thường, bọn này hoặc dùng móng tay chọc thủng mắt nhau, hoặc tay không bóp cổ nhau.

Cố nhiên, những ai có thể đều đã chuyển đi. Những kẻ lông bông vô nghề nghiệp và những trí thức còn lại, ông đưa thư và các nhà giáo đều ra đi, ông thị trưởng đi làm nghề đốt lò trên tàu thủy, còn vợ y tự treo cổ sau lễ tang.

Mọi người đợi cơn động đất nhưng vô ích.

(Theo nguyên bản tiếng Hung "Csuszam")

Cành củi khô

Khi người ta gọi điện thoại báo cho hắn biết hắn đã có một con gái cao 53 phân và nặng 3 cân 4 lạng, hắn cảm thấy mẹ hắn phục sinh.

Hắn rất thương yêu mẹ và khi bà ngã bệnh, hắn chăm sóc bà suốt ngày, hắn thường xuyên ngồi bên giường bệnh của bà trong viện và hắn biết mỗi một giây phút là một ân huệ hắn được hưởng. Sau ngày tang lễ, hắn thấy thế giới trống trải, kể cả hắn trong đó. Hắn vật vờ ở nơi làm việc, người ta tống hắn về nhà, cho hưởng lương bảo hiểm lao động, hắn nhận ra không thể sống mãi như thế, phải lập gia đình. Hắn tự bắt mình phải chọn một phụ nữ hợp với vai trò làm mẹ, hắn kiếm được một người đàn bà tốt bụng, to béo phốp pháp, cô này vốn đã có một đời chồng, rất kiên trì và cô chuyển các hoóc-môn của hắn về đúng vị trí cần thiết. Họ không yêu nhau, có gì khiến họ phải yêu nhau đâu, nhưng vô hình trung họ muốn điều này, thành thử bản hợp đồng của hai người minh bạch, không khuyết nhược và không thể chê vào đâu được.

Người phụ nữ có thai và như thế, hắn có đứa con gái cao 53 phân nặng 3 cân 4 lạng.

Lần đầu tiên khi qua cánh cửa sổ bệnh viện, hắn nhìn thấy đứa trẻ sơ sinh nhăn nheo đang vùng vẫy, hắn nhận ra bây giờ hắn đã thành cha của mẹ hắn. Đứa bé hoàn toàn giống mẹ hắn trong những tháng cuối cùng, nhăn nheo, già cỗi, cái nhìn trống trải. Hắn vào thăm vợ, một người đàn bà lạ lẫm, nhòe nhoẹt phơi thân trên giường, trông như một thứ bột nhào, hắn chờ những con giun sán chui khỏi cơ thể cô ta. Khó khăn lắm hắn mới hôn được vào trán vợ, cô ta để hắn hôn. Thực lòng hắn chỉ muốn giằng lấy đứa con từ bệnh viện và cùng nó chạy thoát thân khỏi thế giới này. Nhưng hắn đã không làm như thế, hắn đến nhà thờ dù không theo đạo và hắn thề sẽ không giết người đàn bà, sẽ nuôi nấng đứa con và hắn biết ơn Đấng Cứu Thế đã cho mẹ hắn hồi sinh tuyệt vời như thế.

Từ đó trở đi hắn không thể đụng đến cô vợ, người đàn bà mỡ màng như bột nhào ghi nhận điều đó, cô ở nhà với con, còn hắn làm đủ thứ việc để khỏi phải nhìn thấy họ. Thỉnh thoảng hắn theo chân những phụ nữ trẻ đẹp, hắn tự quan sát xem trong hắn còn gì cựa quậy không, nhưng may là không, khi ấy hắn lại ấp úng bài kinh cầu khiến Đấng Cứu Thế còn ban cho hắn sự bất lực như một ân huệ.

Họ sống như một thầy tu và một bà xơ trong một căn phòng chung, đứa bé là bức tường có tác dụng tích cực giữa họ. Không hại nếu có bức tường ngăn giữa con người, theo ngôn ngữ văn hóa người ta gọi đó là privacy, còn trong các thứ tiếng khác không có từ nào để chỉ chuyện này. Ngoài lúc thống nhất những việc nội trợ, họ chẳng cần tốn lời với nhau, cô vợ lúc thì chữa bệnh béo phì, lúc thì ăn nhồm nhoàm, đứa trẻ cứ lớn, lớn dần, nó ngủ nhiều, ít khóc, sức ăn hợp với những chỉ tiêu trong các cuốn sách chuyên ngành.

Con bé đã nói được một năm, nó ba hoa, huyên thuyên, cãi lại cho đến khi bị một trận cảm cúm và đi ngoài, phải đưa nó vào viện, người ta điều trị đến khi một bác sĩ bảo không thể cứu vãn nổi đứa trẻ.

Hắn liên tục ở bên con bé trong bệnh viện, hắn đút tiền bác sĩ, y tá để có thể ngủ lại ở đó, hắn mang đủ thứ đồ chơi mới cho đứa bé, giữa chừng trí tuệ con bé cũng mở mang trong khi nó xanh xao và gầy rộc đi, nhưng ngày nào nó cũng thoải mái, nó cố sống với lòng biết ơn, nó phát triển đến mức mới bốn tuổi mà nó đã hiểu chính xác là nó sắp chết - vì nó thấy cạnh nó, bọn trẻ con cứ biến đi khỏi phòng bệnh, thay vào đó là những đứa mới - và có thể nói chuyện thẳng thắn và thành thực với nó về cái chết. Mặt đứa trẻ trở nên nhăn nheo, cặp mắt trống rỗng và một ngày kia, có thể nói là nó biến đi.

Ít người đi dự tang lễ, hắn trả tiền cho những người đào mộ và trở về nhà cũng một phụ nữ to béo, phốp pháp, cô ta khóc hoài và cũng sống trong căn nhà hắn ở. Họ ngồi xuống, người đàn bà tiếp tục khóc rấm rứt, thật kỳ lạ, hắn nhìn cô ta. Hắn cảm thấy giờ đây đã đến lúc phải tìm ra một cái gì đó.

Hắn đến nơi làm việc, khẽ gật đầu khi được chia buồn, hắn làm việc nhiều, chỉ về nhà để ngủ, người phụ nữ to béo ở đó một thời gian rồi cô ta bỏ đi đâu đó, hắn cũng chẳng nhớ nhung gì, đằng nào họ cũng chẳng trò chuyện với nhau. Thứ bảy, chủ nhật hắn lại đến nghĩa trang thăm mộ con và mẹ, để tiết kiệm và cũng do thiếu chỗ, người ta cũng chôn đứa bé bên mẹ hắn. Hắn bò xoài, lê la bên mộ, tới khi lạnh cóng hắn mới đứng dậy và đi lại một chút, rồi lại trở về chỗ cũ. Hắn bắt đầu cảm thấy một cái gì sắp xảy ra.

Một đêm, hắn khám phá ra điều đó, trong giấc mơ.

Thứ bảy tuần sau, hắn xếp một can đầy ắp vào chiếc cặp to để khỏi bị ai phát hiện, và để ngụy trang hắn còn nhét một bó hoa vào đó, rồi hắn ra nghĩa trang, trong lúc chờ tối đến khi đóng cửa, hắn ẩn náu sau những bia đá lớn, thực ra cũng chẳng ai để ý đến hắn. Sau khi nghĩa trang đóng cửa, hắn còn chờ một lúc, hắn đi dạo một vòng dưới ánh trăng nhưng không thấy ai cả. Lúc đó, hắn mới bắt ta nhặt nhạnh củi khô, hắn quẳng chồng chất những cành cây gần ngôi mộ con và mẹ, hắn tỉ mẩn với việc ấy một chốc rồi đổ xăng và châm lửa. Hắn còn có dịp nhận thấy ngọn lửa sẽ ngoạm đều đặn cơ thể hắn và cả nghĩa trang bị thiêu hủy.

(Theo nguyên bản tiếng Hung "Rozse")

Tạp ghi

Nguyễn Quốc Trụ

● Victor Hugo: Một tiểu sử.

Khi ông chết, năm 1885, 83 tuổi, hai triệu người đưa đám, quá con số cư dân Paris. Ngày nay, thành phố nào ở Pháp cũng có một công trường, hay một đường phố mang tên ông. Thập niên 1960, một cuộc thăm dò cho thấy ông là nhà văn Pháp được biết đến nhiều nhất. Mặc dù thế giá văn chương có chiều sút giảm, sau những ngày tột đỉnh vinh quang, ông và gia đình vẫn là trung tâm của sự thờ phụng, với hàng ngàn ngôi đền ở Việt Nam, theo như Graham Robb, tác giả *Victor Hugo: Một tiểu sử* (682p. nhà xb Norton, 1998). Như con sông lớn chẩy ra biển, Hugo nhập vào nó; đời ông, trốn vào huyền thoại; tác phẩm, có lẽ được trích dẫn nhiều hơn là được thực sự đọc.

Victor Hugo, một đa tài đa năng, "hơi" nhiều quá, vượt cả ra ngoài phạm vi văn chương. Quasimodo, con quỉ với trái tim si tình, và Jean Vanjean, một cựu-tù vác cả gánh nặng lương tâm nhân loại, là những hình ảnh quá phổ thông, ngay cả với nhiều người chưa đọc, và có lẽ chẳng bao giờ có ý định đọc ông. Thi sĩ của mọi chế độ. Một bậc thầy nguy hiểm, chữ của Renee Winegarten (tạp chí *The New Criterion*, June 1998; xuất bản hàng tháng, thuộc The Foundation for Cultural Review, NY).

Sinh năm 1802 trong một gia đình không mấy hoà thuận, giữa một thời nhiễu nhương. Không phải là một người bảo hoàng, quí tộc nhà nòi, ông bố tự thân tự lập, ngoi lên tới chức một trong những viên tướng của Napoléon. Tướng Hugo, kẻ tị hiềm, ghen tuông, qua những cuộc truy lùng lực lượng phản cách mạng Vendée; con người tàn nhẫn, trong những cuộc thanh trừng lực lượng du kích, khi Pháp xâm lăng Tây-ban-nha. Bà mẹ Hugo, một quí tộc theo như nhà thơ, và một người ngoan đạo, bảo hoàng,

rất tích cực trong vụ nổi dậy Vendée. Sự thực, bà là một người hay nghi ngờ theo khuynh hướng Voltaire. Ông bố có bồ, còn bà mẹ liên can đến một âm mưu chống Napoléon, qua người tình là tướng Lahorie, ông này sau bị xử tử. Hai người anh em của ông, đều có tài, một nổi tiếng nhưng chẳng được lâu, còn một chết trong một nhà thương điên. Hugo theo mẹ, và chỉ hòa giải với bố sau khi bà mất. Vốn chăm học, và "trong trắng" (pure), kết hôn cùng người tình thời học trò, ông hết sức đau khổ khi biết được người bạn chí thân, nhà thơ và nhà phê bình Saint-Beuve, là bồ của vợ. Bà ăn nem, ông ăn chả: bị bắt gặp "tại trận" với bà Léonide Biard, Hugo trốn thoát, trong khi bà này đi tù vì tội ngoại tình. Cuộc tình của ông với nữ nghệ sĩ đẹp Juliette Drouet, một người say mê, thờ phụng ông, đã kéo dài nhiều năm, cho đến khi bà mất, trước ông ít lâu. Nhưng đây chỉ là "sân sau", ông tiếp tục lừa dối bà, với những tình nhân khác, không thể đếm được, nữ nghệ sĩ, người hầu... gần như tất cả những người đàn bà nào ông "vớ" được, và tất cả những chi tiết, khả năng "giống đực" hơn người của ông, đều được ghi vào nhật ký, cho đến thời gian bịnh hoạn sau cùng, ở tuổi tám mươi.

Kế tục Voltaire chống lại bất công, án tử hình; một phần là do ngay từ nhỏ, ông đã phải chứng kiến những thảm khốc của chiến tranh, khi quân đội Napoléon xâm lăng Tây-ban-nha. Sau đó, là cảnh xử tử người yêu của mẹ, tướng Lahorie, người mà ông coi như thần tượng. Ông tìm mọi cách ngăn chặn án treo cổ John Brown, người hô hào bãi bỏ nô lệ; lên tiếng đừng xử tử Hoàng đế Maximilian, can thiệp cho những người Do-thái bị bách hại, những người Ba-lan bị áp bức. Ông là nhà văn người Pháp độc nhất lên tiếng bênh vực những người Công-xã thất trận trong cuộc đàn áp khủng khiếp vào năm 1871. Ông ủng hộ quyền lợi của phụ nữ, nhi đồng. Ông kêu gọi thành lập một Hợp Chủng Quốc của Âu-châu, lẽ dĩ nhiên dưới sự chủ trì của Pháp, và điều này đã khiến cho có người cùng thời với ông, tin rằng ông điên.

Tự coi mình, như là tiếng nói của lương tâm thời đại, Hugo tin rằng, "chúng ta đi sâu vào linh hồn dân tộc, vào uyên nguyên lịch sử những xã hội loài người, nhờ cuộc sống văn chương hơn là cuộc sống chính trị." Về khía cạnh lịch sử và khía cạnh truyền kỳ trong tác phẩm của ông, qua bài tựa tập thơ *Truyền kỳ của những thế kỷ*, ông khẳng định yếu tố truyền kỳ "thực chẳng kém" yếu tố lịch sử. Đây chính là đề tài lớn, mang tính Hugolian, suốt đời ông chiến đấu với nó, qua những câu hỏi không có câu trả lời, và không thể trả lời.

Luôn tò mò, tra hỏi, ông là một chứng nhân, kẻ thấu thị, tiên tri vĩ đại, chẳng trễ nải trong việc "nhìn" mọi chuyện đang diễn ra trên đường

phố. Quá phẫn uất trước cảnh nghèo đói, nhọc nhằn của từng lớp thứ dân, ông đáp ứng bằng thái độ cảm thông với họ, bằng sự thù ghét bất công, áp bức. Ông đã từng bị chỉ trích, lơ là với những quan điểm tiến bộ, mang tính kinh tế, khoa học của Karl Marx (kém ông 16 tuổi), trong việc giải thích cơ cấu xã hội. Thay vì vậy, là một Hugo hoài hoài đối thoại với lương tâm, một điều gì thật người, thật vì người.

Đối với nhà thơ trẻ Victor Hugo, thi sĩ là một tu sĩ, và một nhà tiên tri. Quan niệm này không mới và bắt nguồn từ Pindar, cổ Hy-lạp. Nhưng Hugo cho rằng, đây là di sản của những nhà tiên tri Hebrew, Moses và Isaiah. Ngay từ khi bắt đầu làm thơ, ông đã ý thức về sứ mệnh của thi sĩ: sứ giả/tiên tri. Thời gian lưu đầy, Olympio (danh xưng Hugo tự ban cho mình) lắng nghe Thượng Đế. Thi sĩ, người số một, kẻ hiệp thông tuyệt vời của Thượng Đế. Những "sứ giả" như vậy, không chỉ có Hugo, nhưng "đầy rẫy", vào thời của ông, Paris của những năm 20, 30, và 40. Những "đệ tử" của 'Gracchus' Babeuf và Filippo Buonarroti, Henri de Saint Simon, Charles Fourier, và Pierre-Joseph Proudhon, và những người còn lại."Đi bất cứ nơi đâu, bất cứ chỗ nào, là (bạn) dẫm lên một sứ giả", như nhà châm biếm Henri Monnier diễn tả, vào năm 1842. "Chưa thời đại nào nhân loại có nhiều những nhà cứu chuộc, những đấng thánh nhân, như lúc này!" Ông không nhắm những nhà thơ như Hugo, mà thực sự là những nhà xã hội không tưởng, những đấng Cộng-sản, những nhà chính trị thần bí, những kẻ tiên tri với đủ mầu sắc khác nhau, tất cả đều mơ tưởng một tôn giáo hậu-Kytô, một con người mới, một thế giới "lại được" cứu chuộc. Karl Marx, vào lúc này, hình như 25 tuổi, sống tại Paris thời gian 1843-1844, đã không tránh khỏi bị môi trường cám dỗ, từ đó, ông lập ra công thức: vai trò trung tâm của cái gọi là giai cấp đấu tranh. (Ông khẳng định, lần đầu tiên ông nhắc đến từ *giai cấp đấu tranh*, là vào cuối năm 1843). Sau đó, ông còn tuyên bố, ông khám phá ra nó, qua việc đọc những sử gia "trưởng giả" của Cách mạng Pháp như Francois Mignet, Adolphe Thiers, và Augustin Thierry.

Những nhà lãnh đạo CSVN, đa số, khi được phỏng vấn về nguyên nhân tham gia "cách mạng", đều trích dẫn Victor Hugo. Những ngôi đền, mà Robb nhắc tới, là thuộc một giáo phái tại Miền Nam. (Ông chắc không biết *Ngọn Cỏ Gió Đùa* - phóng tác *Những Người Cùng Khổ* - của Hô Biểu Chánh. Cá nhân người viết, đọc Hugo sau Hô Biểu Chánh, đã ngỡ ngàng tự nhủ, có thể ông Tây phóng tác ông Ta). André Malraux, trong *Phản Hồi ký* - một tác phẩm "mắc nợ", một chút nào đó, từ giọng điệu tu từ mang chất lãng mạn, cách mạng của Hugo - tuyên bố, ông đã nhìn thấy những

ấn bản *Những Người Cùng Khổ*, cùng với những tác phẩm mang tính vô chính phủ của Bakunin, trong Cuộc Nội Chiến Tây-ban-nha. Với ông, một người đã từng theo tả phái, theo De Gaulle, một người quốc gia, "bài học Cách Mạng Pháp, cuộc chiến đấu cho công lý từ Saint-Just qua Jaures, bằng con đường Victor Hugo... thế giá của nó ít ra cũng ngang với chủ nghĩa Marxism." Theo ông, (viết thời kỳ 1967), truyền thống Cách Mạng Pháp, bao gồm Hugo trong đó, đã cùng hiện diện với kỹ thuật cách mạng Nga, tại Mỹ-châu La-tinh, và Phi-châu. Người ta có thể chắc chắn một điều, đa số độc giả khi đọc xong *Những Người Cùng Khổ*, chắc chắn cảm động hơn là đọc xong *Tư Bản Luận*!

● Alexander Solzhenitsyn: Thế kỷ ở trong ta

Một thế kỷ trong cuộc đời của ông ta, a Century in His Life. Một Dante, của Gulag. Đúng hơn, một Dante tái sinh; bởi vì nếu những độc giả của Dante hiểu ra một điều: địa ngục có thực, Solzhenitsyn vẫn (còn) phải chứng minh chủ nghĩa CS là Cái Độc Cái Ác. Lưu đầy, là bất cứ nơi nào ông tới. Mượn một hình ảnh của Shakespeare, từ cuối thập niên 1960 xuyên suốt những năm 1970, Aleksandr Solzhenitsyn bước qua thế giới như một gã khổng lồ. Giải thưởng Nobel văn chương, tháng Mười 1970; bị tống xuất khỏi nước Nga, tháng Hai 1974; *Quần Đảo Ngục Tù* xuất hiện tại Tây-phương trong cùng năm; tất cả đã làm cho ông trở thành, không chỉ một nhà văn lớn lao nhất thế giới, mà còn là nhà lãnh đạo tinh thần, nhà tiên tri, một thế giá không thể có hai, "vô địch thủ", kể từ Voltaire, hay Tolstoy. Công chúng theo dõi từng cử động, lắng nghe mọi lời tuyên bố của ông. Những cảnh tượng xen lấn, xô đẩy, tại phi trường với rừng người, rừng máy quay phim, micro. Tại "thế giới tự do", hàng triệu ấn bản *Khu Ung Thư, Tầng Đầu Địa Ngục*. Tại Nga, và Đông Âu, hãnh diện, lo sợ, nhưng đầy tự hào, người ta chuyền tay nhau, những bản sao tác phẩm: hãy làm sống mãi "hy vọng chống lại hy vọng", *hope against hope*.

Ông tới tuổi 80 năm nay, 1998. Sinh ra cùng với những biến động nội chiến tiếp theo cách mạng Bolshevik. Chỉ trong vòng 4 năm đầu đời của cậu bé, chừng 10 cho tới 25 triệu dân Nga chết vì đói, vì hung bạo. Miền Nam nước Nga, nơi ấu thời của cậu đã "chìm vào ghê rợn". Cha chết trước khi cậu ra đời, được mấy bà mẹ nuôi dưỡng, cho ăn học, có khiếu về khoa học và toán. Được huấn luyện tại trường pháo binh, huy chương Order of the Patriotic War sau những trận phản công tàn bạo giải phóng Orel đầu tháng Tám 1943. Tháng Giêng 1945 trên đường tiến tới Berlin. Vẻ u ám, thê lương của những trận đánh khi đã xế chiều, đã tác động tới trí tưởng

tượng của ông. Trong một bài thơ dài *Những Đêm Phổ* (Prussian Nights), ông miêu tả cảnh lính Nga tàn sát, hãm hiếp thường dân Đức, sát hại tù nhân chiến tranh. Bị bắt tại bộ chỉ huy pháo binh ở East Prussia, ngày 9 tháng Hai, 1945. Cuộc du hành địa ngục bắt đầu. Nhờ nó, nhân loại hiểu, "gulag" nghĩa là gì; nói rõ hơn, ông là người đem đến cho thế kỷ của chúng ta một trong những ý nghĩa "đích thực" của nó: *thế kỷ gulag*. Ông cảm nhận mớ bòng bong khổng lồ bệnh hoạn, tức vũ trụ tù đầy Stalinist: một lỗ đen rộng lớn, trong cuộc tạo thành lịch sử, với tất cả những nghi lễ, luận lý khùng, với bộ máy "nhà nước quản lý, đâu đâu cũng có con mắt", của riêng nó. Ngay mỗi lần nghe kể lại, bộ máy giết người Stalinist vẫn giữ nguyên tính thú vật của nó.

Bị ung thư, và KGB giết hụt. Với căn bệnh hiểm nghèo, thoát chết do ý chí nhiều hơn do chữa trị. Với âm mưu sát hại bằng mũi kim tẩm thuốc độc ricin, liều lượng chí tử, như sau này người ta được biết từ những người có liên can, là cơn đau "heat stroke" mà ông phải chịu đựng năm 1971.

Cách đây vài năm, ông trở lại Nga, sau những ngày tháng lưu vong tại Mỹ. Hiện sống, gần như cô độc, tại một nước Nga mới, trong không khí mafiosi và (mùi vị) McDonald; giữa những *best sellers*, thí dụ như "*Làm thế nào để trở thành một Con Mèo Sung Sướng*", hoặc "*Năm mươi cách để sụt ký*"; nơi những người trẻ tuổi tìm đủ mọi cách để tránh, chỉ nội tên ông, và tự nhủ, không biết đến nó. Ở hải ngoại, nếu bắt buộc phải nhắc tới, hoặc con người hoặc tác phẩm, thì người ta nhắc tới bằng thái độ "kính né"; hoặc thù nghịch.

Tại sao có sự rẻ rúng, "vô ơn", đối với ông? Lạ một điều, những nghi ngờ của ông về tài lãnh đạo của Stalin: ông ta quá "quốc gia" (too statist), công lực cách mạng "không thâm hậu" (insufficiently revolutionary); không có tài chỉ huy đưa đến hành động sát nhân hàng triệu binh sĩ, thường dân vô tội. Vài nhận xét bất cẩn như vậy, là đủ để ông nếm mùi gulag.

Khi Khrushchev bật đèn xanh cho *"Một Ngày Trong Đời Ivan Denisovich"*, với ông ta, đây là một hành động mang tính chính trị giai đoạn: Anh tù Ivan là một nông dân, không phải một trí thức. (Khruschev cho rằng khẩu phần nhà tù như trong cuốn sách mô tả là 'vượt định mức'). Nếu ông ta tiếp tục làm cho xong, việc "tẩy uế" chủ nghĩa Stalin, cuốn sách cũng chẳng thể kéo dài, và nhân lên mãi, niềm "vinh quang ngây ngất" của nó. Cùng với sự xuất hiện của "Một ngày" chỉ trong "một đêm", Solzhenitsyn trở thành nổi tiếng. Ông tới gặp Anna Akhmatova, nhà thơ vĩ đại nhất hiện còn sống của nước Nga. Bà hỏi: "Liệu anh chịu được lâu, vinh quang?... Pasternak chịu, thua. Thật khó kéo dài vinh quang, nhất là thứ đến muộn". Một lời cảnh cáo "nóng bỏng". Đúng ra là Solzhenitsyn

đã không bị nó đốt cháy: Ông vẫn sống như trước, một ẩn sĩ nhà quê, ăn món ăn nhà quê. Nhưng "than ôi", ông mất đi, phần nào tính bao dung; dấn mình, như chưa khi nào dấn mình như thế, vào chức năng Thượng Đế ban cho, hoặc tự mình ban cho: tố cáo, lột trần Cái Ác. Hy sinh tất cả gia đình, bản thân... cho "cuộc điều tra mang tính lịch sử-văn chương": Quần đảo Gulag.

"Nếu ông ta đừng quá bám chặt vào định kiến, nếu ông ta cho phép mình, một chút nghỉ ngơi, cho dù vui chơi cho dù sầu muộn, cũng được đi, như Puskhin chẳng hạn...", Tây-phương không thể hiểu, nhưng những bạn tù đã cho ông sự hỗ trợ cần thiết, đã ban thưởng cho ông một cách định giá còn giá trị hơn cả giải Nobel văn chương. Thật dễ dàng khi chỉ trích ông, về cách đối xử với vợ con, nhưng không ai có thể trách cứ ông, về chuyện một lòng một dạ với những bạn tù... Với hàng triệu tù gulag, một nhận định "nhân vô thập toàn" không phải là một lời an ủi, mà là một sự được phép, bởi vì, không một thói hư tật xấu nào có thể lấy đi sức mạnh "thép đã tôi thế đấy", ở con người này: *một nhà văn, một công dân.* Ý chí sắt thép của ông còn là do hậu quả của những trò khủng bố của KGB. Nó khiến ông "phát triển" kỹ năng chống lại họ, chơi trò hú tim, lẩn tránh khi bị theo dõi, tìm đủ mọi cách liên lạc với bạn tù, những người phụ giúp ông trong việc thu thập, và giấu giếm tài liệu. Bộ Chính Trị không biết đối xử với ông ra sao, sau cùng Andropov quyết định tống xuất ông ra khỏi nước, thu hồi thẻ công dân. Những Uỷ Viên khác tỏ ra khát máu hơn. "Chúng ta có hệ thống hình sự. Cứ để cho họ thẩm vấn rồi ban cho anh ta một án tù", Shelepin, trùm KGB nói. Kosygin đề nghị đưa ông tới miền bắc cực băng tuyết Verkhoyansk, "như vậy không còn một tên phóng viên nước ngoài mò tới".

Andropov đã tiên đoán đúng. Ông tin rằng lưu đầy sang Tây-phương sẽ làm hoang mang những kẻ chống đối, và những bạn bè hải ngoại của họ. Đúng hơn nữa, Sozhenitsyn không phải là một chính trị gia. Thái độ chỉ trích gay gắt Tây-phương, lời kêu gọi "làm mới đạo đức" dựa trên tinh thần Ky-tô, thêm vào đó, là một liều lượng thật nặng tay, tính lãng mạn theo kiểu Slave, hậu quả là, vào năm 1978, sau khi đọc một bài diễn văn "để đời" tại Harvard, ông lui về ở ẩn 18 năm, tại Vermont, với giấc mơ khổng lồ, hoàn thành "tham vọng" *Bánh Xe Đỏ.*

Thiếu tính khách quan của một sử gia, và thiếu khả năng sàng lọc dữ kiện, những trở ngại này khiến ông không thể miêu tả thành công tiến trình đưa đất nước của ông, trong cơn đọa đầy, sa xuống tình trạng dã man. Ông nhìn quá khứ, như là một cuộc chiến đấu kiểu Manichaean, giữa tốt và xấu, thiện và ác, với những người Nga hô hào tự do dân chủ,

nhưng ở lộn bên hàng rào. Chúng ta có thể tỏ ra "not fair", khi "hất hủi" tác phẩm *magnum opus* này, coi là một thất bại khổng lồ. Một cách nào đó, ông không viết cho chúng ta, mà là cho một hậu thế xa vời, cho những thế hệ sau: họ có thể thưởng thức tác phẩm, thấy nó xứng đáng, hơn là cái nhìn tức thời của chúng ta. George Nivat khẳng định, Solzhenitsyn đã sáng tạo ra một thể loại văn chương "đa giọng", dựa trên cấu tạo toán học, mỗi điểm thắt nối của bi kịch được nghiên cứu tỉ mỉ theo nhiều hướng, và được triển khai qua những cuộc đối thoại, trò chuyện giữa những nhân vật, và tác giả. Ông đã thành công trong việc "lật tẩy", cái gọi là đạo đức cộng sản, và từ đó, nhìn ra sự sụp đổ của nó. Cuộc đời của ông cho thấy, ngay cả trong thế kỷ hung bạo khủng khiếp như thế kỷ của chúng ta, sự can đảm của một cá nhân thôi, đã làm nên điều phi thường.

(Theo bài điểm cuốn ỏAlexander Solzhenitsyn: A Century in His Life, của D. M. Thomas, 583 trang, New York: nhà xb St. Martinõs Press 1998; của George Steiner, trên NY Times Book Review, March 1, 1998, và của John Keep, trên TLS March 19, 1998)

● Nghi lễ máu (1): Chiến Tranh là Địa Ngục

"Vua Lear, bi kịch man rợ, nơi cơn điên hoành hành, với tất cả những bộ dạng của nó. Câu chuyện nhiều tập về một cõi người, bị cô đơn nhốt cứng, bị đam mê nghiền nát. *Có phải tận thế?*, Kent tự hỏi khi tất cả những nhân vật đã chết; những cái chết hung bạo. Tận thế, khai sinh một văn minh mới... *Vua Lear*, một trong những tuyệt tác của Shakespeare, một phim quan trọng nhất..."

Tờ *Le Monde*, phụ trang tháng Tư 19, 1998, đã viết như vậy về cuốn phim của Peter Brook, khi nhà đạo diễn này "làm lại" (remake) Shakespeare. Với Peter Brook, đây còn là một câu hỏi nóng bỏng: *"Con người xử sự ra sao trong cái khí hậu độc ác, khi mà họ chỉ có những phương tiện sơ khai để tự vệ?"*...

"Điều tôi quan tâm đối với điện ảnh, là tạo một tương quan giữa lời nói, và hình ảnh". Rất ít đối thoại, chỉ có những nhân vật bị số phận dẫn dắt, như những con ngựa mù. Những phương tiện sơ khai, là do tình huống; qua những cử động được cân nhắc; bằng cơn hung bạo bất thần. Không có âm nhạc, chỉ những lời nói có khi rơi vào quãng không, những tiếng kẽo kẹt của chiến xa lăn trên đường, tiếng vó ngựa...

King Lear của nhà làm phim người Nga Kozintsev (phim cuối cùng trước khi ông mất), là một Shakespeare "khác". Nghệ sĩ Youri Yarvet với cái nhìn trong suốt, mớ tóc khùng, nụ cười ngây ngô, và những cơn giận

dữ trẻ con, của một người già, khi nhận ra quá trễ, rằng thời gian đã đổi thay. Ông vua già, kẻ bị tước đoạt, mất hết tất cả, tên thi sĩ ích kỷ, đột nhiên phải đối đầu với hậu quả của những hành động của mình, hoài hoài tra hỏi: Tôi là ai? (Liệu chúng ta có thể mường tượng ra một ông tướng về hưu, ở đây?...)

Kozintsev giải thích nghệ thuật làm phim của ông: *"Chúng ta không làm chuyện, của sử gia. Những giai đoạn, thời đại văn minh chồng lên nhau, làm sao truy ra ngày tháng, của một hành động?"* Với ông, "nhân dân" có mặt, những con người quỳ gối, bò, chạy trốn chiến tranh, cố đứng dậy dựng lại nhà cửa một khi thế lực hung bạo tạm ngưng. Ở Peter Brook, ngược lại, trước cơn điên khùng của những sức mạnh hung bạo, nhân dân vắng mặt, chỉ còn những nhân vật lang thang trong sa mạc, trong khô cằn là nỗi cô đơn của họ. Cơn điên là nơi trú ẩn của *Vua Lear*; ông muốn trốn chạy một thế giới mà ông không còn nhận ra nữa. Trong cái nhìn mệt mỏi của ông, những vực thẳm cứ thế nhân lên. Vũ trụ chao đảo, hết còn thuộc về thế giới này.

Bi kịch man rợ... người ta có thể áp dụng, những nhận định ở trên, cho chính sức mạnh hung bạo: chiến tranh. Nhìn theo cách thế đó, phim mới nhất của Steven Spielberg, *Cứu Thân Binh Ryan*, Saving Private Ryan,(1) là kinh nghiệm *King Lear*, với sự "tham gia" của cả nhân loại: Cuộc Chiến Lớn 1939-45. *Có phải tận thế? Khai sinh một văn minh mới?...*

Spielberg không phải là người làm phim thứ nhất "đổ bộ" Normandy. *Ngày Dài Nhất (1962), Nous irons à la victoire(2)* của Darryl Zanuck, là một D-Day từ phía Đồng Minh, với hình ảnh biểu tượng, về người lính vĩ đại, về một "Big Picture". Ở *The Big Red One* (1980), của nhà văn-nhà đạo diễn Sam Fuller, đổ bộ không liên quan đến chiến thuật, chiến lược, mà giản dị chỉ là sống sót. Spielberg trong một bài *essay* trên Newsweek, viết, giữa những phim như vậy, và Việt Nam, là khoảng cách 20 năm: "Vào những năm 1940, hiện thực chủ nghĩa trong những phim chiến tranh chưa được đặt ra. Sau Việt Nam, nó là tất cả vấn đề". Trong Cuộc Chiến Lớn II, bổn phận ái quốc của Hollywood, tạo những phim trợ giúp Đồng Minh - phim truyện phải được sự chấp thuận của chính quyền. Những hình ảnh quá ghê rợn có thể làm nản lòng binh sĩ. Hình ảnh một John Wayne, trong *The Sands of Iwo Jima* (1949), là biểu tượng anh-không-chết-đâu-anh của người lính Mỹ, *the never-say-die American fighting man.* Giữa *Iwo Jima*, một phim "hứng khởi" và *Born on the Fourth of July*, một phim "tức giận", của Oliver Stone, là sự khác biệt cơ bản, của ý thức nhân loại, sau hai Cuộc Chiến Lớn. Ngay từ năm 1944, John Huston, một

người đã chiến đấu "hết mình" trong chiến tranh, khi nghe một viên tướng nói về phim của ông, *The Battle of San Pietro*: một phim quá "hòa bình"; ông đã trả lời: "Well, Sir, nếu có khi nào tôi lỡ dại làm một phim 'vì' chiến tranh, xin ông mang tôi ra bắn bỏ!"

Chiến tranh thực sự là địa ngục, trong *Saving...* Nửa giờ đồng hồ mở ra cuốn phim, là những hình ảnh-kể, chưa từng được kể, chưa từng được thực hiện, về cuộc giết (the most telling battle scenes ever made. The New Yorker, August 3, 1998). Những hình ảnh hầu như chẳng nói gì cho chúng ta. Chúng chỉ bầy ra đấy. (They just show). Đây là "nghệ thuật hiện thực" ở đỉnh cao, của Spielberg: Bị kẹt cứng giữa nước biển lạnh, và những con người đang bị lửa nướng, là viễn ảnh Địa Ngục mà trí tưởng tượng của con người chưa từng vươn tới. Trong phim *Bẩy người võ sĩ đạo*, của Nhật, là cảnh tượng máu và bùn, trong *Vĩnh biệt Chiến trường*, dựa theo tiểu thuyết Hemingway, là máu và mưa, trong *Nỗi Buồn Chiến Tranh*, của Bảo Ninh, là món "dựa mận" thịt, bùn, và pháo bầy B.52.

Phim dựa theo cuốn sách của Stephen E. Ambrose, một cựu chiến binh đã tham gia cuộc đổ bộ (D-Day: *The Climactic Battle of World War II*). Theo tác giả, những hình ảnh "nước biển đổ máu đỏ lên cát, là chân thực". "Họ đều là những đứa trẻ, đã thay đổi bộ mặt Thế Giới; những đứa trẻ thay vì chọn trung học, đã đối lấy những ghê rợn của chiến tranh"; ông viết về những bạn bè đã chết (Newsweek July 13, 1998).

Quân trường đổ mồ hôi... đó là cảm tưởng của Lane, khi coi *Saving...*, một cuốn phim trung thực nhất: Anh hùng không xuất hiện, từ "lò cừ" bi kịch. Họ được huấn luyện, và may mắn. Chiến tranh là địa ngục. Khi may mắn ra khỏi, người ta ngần ngại nói về nó, ngay cả với người thân trong gia đình. Có thể là do người tốt cũng chết, rất nhiều người. Những lời tuyên bố hào hùng của Churchill từ London, đôi khi nghe thật bực mình. (Newsweek). Cuối cùng (trong phim), họ cũng kiếm ra "thân binh" Ryan, nhưng anh từ chối "ân huệ" được cấp cứu.

Shakespeare thuộc về ai? Thuộc về những nghệ sĩ trình diễn. Al Pacino đã cắt ngang mọi tra vấn, khi làm phim *Tìm Richard, Looking for Richard*. Giữa "look", và "for", là khoảng cách kịch nghệ và điện ảnh. Với Al Pacino, là một toan tính làm đầy khoảng trống: như một đứa trẻ gieo những hòn sỏi trắng, ông phóng một con lộ, nối liền kịch và phim.

"Có cả ngàn cách để "diễn tả" (interpréter) *Shakespeare"*, Orson Welles nói. *"Để đạt hiệu quả, nếu cần, tôi sẽ chơi Hamlet trên đu bay. Truyền thống Shakespeare, như người ta thường nói, vốn mang tính giáo điều, hơn là huyền thoại. Cũng không phải truyền thống, mà chỉ là góp*

nhặt những thói quen xấu. Một nghệ sĩ trình diễn lớn, như một vị thần cổ xưa, phải giết bỏ... Đây mới là truyền thống đích thực, của kịch nghệ Anh. Đó là truyền thống, của sự đổi thay."

● Nghi lễ máu (2): Đam mê chiến tranh, nguồn gốc và lịch sử

Barbara Ehrenreich, tác giả cuốn sách kể trên ((*Blood Rites: Origins and history of the passions of war*, 292 trang, nhà xb Virago, 1998), đã đưa ra một lập luận thật "chướng tai": chiến tranh, như một đam mê "sinh lợi", cho đến nay, vẫn là "qui luật", đã bắt nguồn từ bản năng đầu tiên của con người: kẻ bị săn; không phải của con người: kẻ đi săn. Chính vì bị loài vật săn đuổi, ăn thịt, cho nên con người ngày càng hoàn thiện kỹ năng giết người. Trong tiềm thức của con người, vẫn còn nguyên nỗi sợ, bị giết, bị ăn thịt. Nhìn chiến tranh, với tất cả những sự thận trọng, và với một thời gian đủ dài, là nhìn thấy bộ mặt của con vật ăn thịt người, mà chúng ta tưởng đã chiến thắng nó, từ ngàn xửa ngàn xưa. Trong khi hầu hết những nhà nhân chủng học đã giải thích chiến tranh, như là sự sống còn của những thói quen mà nhân loại phát triển, do săn mồi, Ehrenreich đã truy tìm một nguồn gốc xa xưa hơn, từ những thiên kỷ khi con người không phải là thợ săn, mà là những con mồi; loài vật: những "predators". Trong giai đoạn này, chúng được coi là những vị thần, hay những con qui, hoặc bị nhốt trong mê cung, như Minotaur, hoặc bị sát hại, bởi những dũng sĩ như Perseus, hay Beowulf.

Những cuộc tế thần, bằng những con vật khác, hoặc bằng chính con người, là cần thiết, để thỏa mãn cơn khát máu những vị thần-loài vật này. Dần dà, con người trở nên tự chủ, tự tin, học hỏi, tích tụ cách thức sử dụng võ khí, khi đó họ trở thành những kẻ đi săn. Những vị anh hùng, là những người lãnh đạo, dẫn dắt bộ lạc, do tài sản, do can đảm. Nhưng toàn thể hoạt động vẫn được kết hợp với những tình cảm, xúc động mang tính tế lễ, thiêng liêng. Nghi lễ máu là cần thiết, để làm tăng thêm quyền lực, để tạo hứng khởi, cho nhóm, bộ lạc; để tự vệ, và để qua mặt địch thủ, ở những nhóm khác. Những thủ lãnh-chiến sĩ: ông vua, tu sĩ, và khi cần thiết, chính họ trở thành những nạn nhân tế thần. Từ đó, chiến tranh không chỉ là đánh nhau, chém giết, nhưng còn là một nghi lễ, một hành động thiêng liêng, liên quan đến những giá trị sâu thẳm của cả cộng đồng; đòi hỏi sự tham dự, dấn thân, của mọi thành phần. Khởi thuỷ, chỉ những phần tử ưu tú mới được vinh dự này, dần dà, theo đà dân chủ hóa, mọi người, cả quốc gia, đều được quyền tham dự. Hình ảnh người lính, đặc biệt trong thời kỳ Cuộc Chiến Lớn I, là từ hình ảnh người hiệp sĩ; không hẳn là một

chiến sĩ, càng không phải một kẻ giết người, nhưng là một cá nhân, với ước muốn hy sinh đời mình, cho Nhà Vua, cho xứ sở, hay cho bè bạn.

Ý niệm về sự hy sinh, may thay, càng mất dần, cùng với Cuộc Chiến Lớn II, và ngày nay, rất ít người lính tự coi mình là những "hiệp sĩ". Đối với họ, cởi bộ đồ lính thực sự là những giây phút hạnh phúc nhất. Người viết đã chứng kiến một hình ảnh "tuyệt vời" như thế, vào một ngày thật xa xưa...❐

việt

tập san sáng tác, phê bình & lý luận văn học
xuất bản một năm hai kỳ tại Úc

Chủ nhiệm: **Phan Việt Thủy**
Chủ bút: **Nguyễn Hưng Quốc**
Phát hành vào đầu năm và đầu tháng Bảy

Giá dài hạn:
Tại Úc: một năm 12 Úc kim. Hai năm : 20 Úc kim
Các nước khác:
Một năm : 16 Mỹ kim (máy bay), 10 Mỹ kim (đường thủy)
Hai năm: 30 MK (máy bay), 18 MK (đường thủy)
Ngoài Úc xin trả bằng International Money Order

TAP CHI VIET
Thư từ chi phiếu xin gửi về địa chỉ;
P.O. Box 64, Altona, VIC 3018 Australia

Tel: (03) 9315 0561, (03) 9688 4308, (03) 9688 4049
Email: tuannguyen@vut.edu.au hoặc viet@vietnet.com.au

Địa chỉ trên Internet: http://www.vietnet.com.au/viet/

Số 2 chủ đề: **Sống và Viết ở hải ngoại** đã phát hành

giới thiệu sách mới

THƠ

📖 Nguyễn Xuân Thiệp, ***Tôi cùng gió mùa***, thi tập đầu tay của nhà thơ quen thuộc với bạn đọc Văn Học, bìa Đinh Cường, Tạp chí Văn Học xuất bản, dày 180 trang in tên giấy quí, giá 15 Mỹ kim. Trên Văn Học trong vòng ba bốn năm gần đây,hai nhà thơ được bạn đọc yêu thích nhất là Khoa Hữu và Nguyễn Xuân Thiệp. Cả hai đều lấy hứng từ kinh nghiệm khổ ải của người Miền Nam sau 1975, cả hai đều xem thơ là lẽ sống cao nhất của đời mình. Cả hai đều xuất phát từ nền tảng thi ca cổ điển nhưng làm mới bằng thi tài và chất sống phong phú của đời mình. Bài viết của Đặng Tiến trên số báo này đã phân tích rất chính xác giá trị của tập thơ. Bạn đọc muốn có thi tập quí giá này, xin liên lạc với nhà xuất bản Văn Nghệ hay tạp chí Văn Học. Muốn có chữ ký của tác giả, xin liên lạc:

Nguyễn Xuân Thiệp, PO Box 803152, Dallas, Texas, 75380 USA
Phone: (972) 392-1489.

📖 Nguyễn Hữu Nhật, ***Cỏ bồng***, thi tập của Nguyễn Hữu Nhật, Anh Em (Na Uy) xuất bản, Bạt của Nguyễn thị Vinh, tác giả sắp chữ, vẽ bìa, minh họa và trình bày, dày 160 trang, giá 12 MK. Trước hết xin nói về hình thức. Tất cả sách do nhà Anh Em in từ xưa đến nay đều đẹp và trang nhã, do công phu chăm sóc ấn loát của Nguyễn Hữu Nhật. Anh xem việc trình bày sách cũng là một nghệ thuật, nên chú trọng đến từng chi tiết nhỏ. Nội dung "Cỏ Bồng" đã được tác giả tóm tắc qua bốn câu thơ in ngay trang đầu: cỏ bồng hoa trắng lá xanh / quay trong gió lốc cuồng tanh máu người / tiếc hai con mắt nhìn trời / lòng không thấy nổi cảnh đời khổ đau. Nghĩa là Nguyễn Hữu Nhật xem thi ca có một sứ mệnh, có một trách nhiệm trước hưng vong của đất nước. Quan niệm đó chắc chắn được

nhiều người đồng tình. Cái đặc biệt trong thi tập này là cách tiếp cận những vấn đề của thời sự qua thi ca của tác giả. Nguyễn Hữu Nhật lấy hứng từ thơ Nguyễn Du, Cao Bá Quát, lá thư tuyệt mệnh của Nguyễn thị Giang, hoặc tư tưởng của Krishnamurti, Kakuzo để làm thơ.Các bài trong thi tập đều dài, theo đúng kích thước cao vọng của tác giả, cũng như niềm tin của tác giả đặt vào thơ.

Muốn có thi tập nói trên xin liên lạc:
Nhà xuất bản Anh Em Na Uy
Helgesens Gata 72 - 0563 Oslo - Norway

📖 Nguyễn Hữu Nhật, ***Cuộc chiến***, thi tập song sinh của "Cỏ bồng". xuất bản và phát hành cùng một lúc. Sách dày 140 trang, gồm năm bài thơ dài: Xuân trong tù,Hoàng Sa hành, Bức tường ô nhục, Tội đốt sách, Cuộc chiến còn đang ở kiếp này. Khác với "Cỏ Bồng", "Cuộc chiến" là thơ dấn thân trọn vẹn của Nguyễn Hữu Nhật, đề cập trực tiếp đến những thời sự quan trọng của đất nước, của thế giới. Người làm thơ đóng vai trò một chiến sĩ. Giá 12 MK.

📖 Ngô Minh Hằng, ***Dư âm***, tập thơ của Ngô Minh Hằng, tác giả tự xuất bản, hình bìa Trần Minh Châu, kỹ thuật trình bày Trần Thái Vân,dày 150 trang, giá 12 MK. Tác giả là một nhà thơ nữ tham gia hăng hái vào các hoạt động văn hóa ở Miền Đông Hoa Kỳ, đã từng có thơ đăng trên rất nhiều báo Việt ngữ và tuyển tập.

Xuất bản và phát hành cùng một lượt với "Dư âm" là tập thơ ***Gọi đàn***

Hai tập thơ của cùng một người viết có nội dung khác nhau: *Dư Âm* là tiếng nói tâm tình của cá nhân tác giả, *Gọi Đàn* là "tiếng kêu thương của con chim mất tổ", là tâm tình chung của người Việt ly hương. "Gọi Đàn" dày 150 trang, giá 12 MK.

Địa chỉ liên lạc: Ngô Minh Hằng
PO Box 9215, Paramus, NJ, 07653-9215 USA
E-mail: Nmh186@aol.com

KHẢO CỨU, TRUYỆN NGẮN, TIỂU THUYẾT

📖 Phùng Nguyễn, ***Tháp ký ức***, tập truyện đầu tay của Phùng Nguyễn, tạp chí Văn xuất bản, tựa của Nguyễn Xuân Hoàng, Bạt của Nguyễn Mộng Giác, sách dày 200 trang, giá 12 MK.

Bạn đọc Văn Học và Văn chắc đã quen thuộc với những truyện ngắn

Phùng Nguyễn viết trên tạp chí từ ba năm nay. Trên Văn Học số Tết Mậu Dần (141 & 142), nhà văn Nguyễn văn Sâm nhận định rất đúng về truyện ngắn Phùng Nguyễn: "Gần đây tôi kinh ngạc về hiện tượng Phùng Nguyễn với những bài rất đáng yêu của anh: trí thức nhưng nhẹ nhàng, dư vị lâng lâng nhưng thoải mái khi ta buông truyện xuống. Phùng Nguyễn chiếm cảm tình của tôi bằng dư vị của truyện lẫn với cái trí thức của người dựng truyện. Anh không đến bằng những xảo thuật, vốn dễ được chú ý nhưng cũng dễ bị bỏ quên sau đó."

Sách do tạp chí Văn và nhà xuất bản Văn Nghệ phát hành.

🕮 Nguyễn Xuân Hoàng, ***Bất cứ lúc nào, bất cứ ở đâu***, tuyển tập truyện ngắn, tùy bút do tạp chí Văn tái bản, từ bản in lần đầu năm 1970 ở Sài Gòn nhưng có một vài sửa chữa. Tranh bìa Nguyễn Trung, Trình bày bìa Bùi Hữu Phúc, sách dày 94 trang, giá 8 MK. Một tác phẩm văn chương được tái bản sau gần ba mươi năm, liệu người đọc ngày nay có đón nhận tác phẩm như ngày xưa hay không? Đó là thắc mắc của Nguyễn Xuân Hoàng, và của nhiều nhà văn khác từng có ý định tái bản những tác phẩm cũ viết và in trước 1975. Vấn đề là tác phẩm có chứa "cái chung" cho mọi thời đại hay không. Ở đây, cái chung là tình yêu, nên tác phẩm không bị lỗi thời. Sách do tạp chí Văn phát hành. Địa chỉ Nhà xuất bản Văn:

PO Box 89 Midway City, CA 92655
Phone: (714) 531-7297

🕮 Vũ Thư Hiên, ***Miền thơ ấu***, hồi ký, bìa Khánh Trường, trình bày Cao Xuân Huy, Văn Nghệ xuất bản, lời nói đầu nhân lần tái bản ở hải ngoại của Vũ Thư Hiên, sách dày 260 trang, giá 13 MK.

Trong "Lời nói đầu", Vũ Thư Hiên cho biết ông viết tác phẩm này trong tù, trên vỏ bao thuốc lá, trên giấy kẹo, trên những mảnh báo cũ gói đồ tiếp tế... và lén lút chuyển ra cho gia đình, sau đó các em ông hì hục chép lại. Ra tù năm 1976, Vũ Thư Hiên không được viết, không in được sách. Mãi đến 1988, *Miền Thơ Ấu* mới được in ra, và ngay lập tức được bạn đọc đón nhận nồng nhiệt, được giải thưởng loại A (loại dành cho thiếu nhi) của Hội Nhà văn Việt Nam.

Nhà Văn Nghệ tái bản "Miền Thơ Ấu" mười năm sau giúp cho nhiều người chưa có cơ hội đọc tác phẩm này ở VN thấy thêm tài năng của Vũ Thư Hiên sau khi đã đọc "Đêm giữa ban ngày". Thú thực người phụ trách giới thiệu sách chưa bao giờ đọc được một cuốn sách viết về tuổi thơ hay như cuốn này. Như những cuốn tác giả vì tự trọng ghi là "hồi ký", "Miền Thơ Ấu" là một tác phẩm văn chương đúng nghĩa: ngoài giá trị tư liệu xã

hội (về cuộc sống vô cùng cơ cực của nông thôn miền Bắc thời Pháp thuộc, về nếp sống của đồng bào Công giáo thôn quê miền Bắc...), tác phẩm còn cho thấy khả năng quan sát và nắm bắt cái thần của nhân vật và các cảnh huống, bút pháp chuẩn xác và tế nhị, và trên hết là cái tâm của tác giả. Tóm lại, đây là một cuốn sách hay, cần đọc. Sách do Văn Nghệ phát hành.

🕮 ***Đời tôi, Leb Trốtski,*** quyển 1, Tủ sách Nghiên cứu dịch theo bản tiếng Pháp "Léon Trotsky: Ma Vie" do nhà Gallimard xuất bản năm 1953, Hoàng Nguyễn đối chiếu, sửa chữa và chỉnh lý theo bản tiếng Hungary, trình bày bìa Hoàng Giang, bản Việt ngữ xuất bản lần thứ nhất ở Hungary năm 1998. Cuốn sách ra mắt nhờ đóng góp của những người trốt-kít và bạn hữu ở VN cũng như hải ngoại, nhất là ở Pháp và Đông Âu. Người dịch tỏ ra vừa am tường ngoại ngữ vừa giỏi tiếng Việt, lại có tài văn chương nên bản dịch rất thanh thoát, tự nhiên, không gò bó ngượng nghịu như đa số các bản dịch. Sự tan rã của chủ nghĩa cộng sản kéo theo sự quan tâm tò mò về những người từng phát động phong trào cộng sản như Lenin, Trotsky. Nhưng đọc "Đời Tôi", sẽ hiểu thêm vì sao phong trào cộng sản đã phát triển và suy tàn như chúng ta đã chứng kiến. Sách dày 422 trang, giá 15 MK (ngoài Âu châu thêm 2 MK bưu phí)

Địa chỉ liên lạc: Tủ Sách Nghiên Cứu
Boite Postale 246
75224 Paris Cedex 11, France.

🕮 ***Người Việt ở Pháp 1940-1954***, tác giả Đặng văn Long một nhà hoạt động chính trị thuộc Nhóm Đệ tứ trốt-kít ở Pháp, Tủ Sách Nghiên Cứu xuất bản, in lần thứ nhất tại Hungary năm 1997. Sách in ấn công phu, bìa cứng, dày 650 trang, giá 200 Francs Pháp. Tác giả là một người có thẩm quyền để viết về cộng đồng người Việt ở Pháp trong thời kỳ thế chiến thứ hai đến hiệp định Geneve. Cuốn sách đầu tiên của ông về chủ đề này là "Lính thợ S.O.S.". Cuốn "Người Việt ở Pháp 1940-1954" là một tài liệu lịch sử quí giá và đáng tin cậy của một nhân chứng có thẩm quyền. Muốn có sách xin liên lạc Tủ Sách Nghiên Cứu theo địa chỉ trên.

🕮 ***Người Trung quốc xấu xí***, nguyên tác Sửu Lậu Đích Trung Quốc của Bá Dương, Nguyễn Hồi Thủ dịch. Sách khổ A5, bìa cứng, 300 trang, do nhà xuất bản Chân Mây Cuối Trời xuất bản. Giá 80 Francs Pháp, cước phí 10 Francs. Chi phiếu 90 Francs xin đề Vietnam Fraternité và gửi về Tòa soạn Thông Luận:

124 Bis Rue de Flandre, 75019 Paris, France.

Tại sao lại nói về "người Trung quốc xấu xí" ? Tại sao lại tìm biết xem một nhà văn Trung quốc uy tín "nói xấu" thế nào về dân tộc mình? Câu hỏi đã được dịch giả gián tiếp trả lời: Vì những tính xấu của người Trung quốc cũng là những tính xấu của người Việt chúng ta. Nên tìm đọc cuốn sách dịch này để thấy cho đúng chúng ta là ai, vì sao dân tộc chúng ta không cất đầu lên nổi, vì sao cộng đồng người Việt khắp nơi lúc nào cũng xào xáo, nói nhiều làm ít, dao to búa lớn mà thực chất không bao nhiêu...Một cuốn sách cần đọc để "giải ảo", để thoát ra khỏi những cơn hoang tưởng.

🕮 *Đính chính:*

Trên mục *Giới thiệu sách mới* số trước (VH 148), do sơ suất của Tòa soạn, số điện thoại của tạp chí *Văn hóa Việt Nam* ở Houston TX là (281) 580-5263, Tòa soạn đã in thêm ngay bên dưới hai số khác (626) 288-2696 Fax (626) 288-2033 của báo Saigon Times do nhà thơ Thái Tú Hạp làm chủ nhiệm. Văn Học xin cáo lỗi cùng Anh Chị Thái Tú Hạp-Ái Cầm, và quí bạn đọc đã gặp trở ngại khi gọi điện thoại liên lạc với tạp chí Văn Hóa Việt Nam.

NHÀ XUẤT BẢN ANH EM NA UY
HELGESENS GATA 72 - 0563 OSLO - NORWAY
TRÂN TRỌNG GIỚI THIỆU THƠ SINH ĐÔI

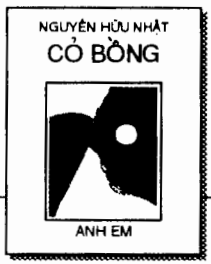

anhem@online.no

HỎI NHỮNG AI ĐÃ LÀM CỎ BỒNG TRONG CUỘC CHIẾN NÀY?
BÌA VÀ PHỤ BẢN NGUYỄN HỮU NHẬT \ ẤN PHÍ MỖI CUỐN 12 MỸ KIM

hộp thư

l Thư từ liên quan việc mua bao, gia hạn, đổi địa chỉ

Tôn Nữ Đoan Trang (Switzerland), Vũ văn Tâm (Muenchen Germany), Nguyễn văn Dũng (Lethbridge Canada), Phan Minh Nga (Anaheim CA), Bảo Khanh (Amarillo TX), Nguyễn Đức Cung (R.S.M CA), Tang Ba Ngo (Salt Lake City UT), Lại Xuyên (Seattle WA), Nguyễn Hoàng Lân (Seattle WA), Mai Thanh (New Orleans LA), Đỗ Cẩm Vy (Anaheim CA), Trần Mạnh Toàn (Hayward CA), Phạm Xuân Thảo (Lakewood CA), A-Plus Graphic-Printing (Moreno Valley CA), Nguyễn văn Hai (Louisville KY), Oscar Vu (Phila PA), Nguyễn Chí Thanh (Eagan MN), Thận Nhiên (Renton WA), Tạ Thanh Minh (Villiers Le Bel - France), Jim Jean Che Co. (Paramount CA), Trịnh Gia Mỹ (Stanton CA), Thuy Nga Munson (Sunnyvale CA), Vũ Công Định (Bellevue WA), Dr. Nguyễn Lộc (Fountain Valley CA), Trần Mạnh Toàn (Hayward CA), Tôn Thất Chiểu MD (Langley Park MD), Hải Dương (Calgary, Alberta Canada) Hương Đặng (La Mesa CA), Trần văn Sơn (Philadelphia PA), Thiên Nga Bookstore (Houston TX),

● Bài nhận được trong tháng:

"Bất chợt một buổi chiều" gửi từ Gretna LA, "Đã hết" gửi từ San Jose CA, "Về rừng" gửi từ Montréal Canada, "Đêm trên quê hương" gửi từ Amsterdam, Thư ông Đặng Cao Ruyên San Jose CA, "Chiêm bao" gửi tử Stanton CA, "Vườn mẹ đây hồn ở quê nhà" gửi từ Houston TX, "Tháng Chín thu về" gửi từ Fremont CA, "Luật thơ" gửi từ Bonn Germany, "Bụi đời mười phương" gửi từ Portland OR, "Căn nhà trọ", "Em gái miền sông Hậu", "Áo em đâu phải chăn hồng" gửi từ Lowell MA, "Tạ ơn" gửi từ Atlanta GA, "Viễn", "Nằm", "Đất của con người" gửi từ Roxboro Canada,

Những bài nhận được trên đây đều gửi qua bưu điện, và không kể những bài gửi qua e-mail Văn Học đã nhận được đầy đủ.

● Nhắn tin cùng quí văn hữu gửi bài qua e-mail:

Càng ngày càng có nhiều văn hữu gửi bài cho Văn Học qua e-mail, một phương tiện vô cùng tiện lợi cho Tòa soạn. Hiện Văn Học có thể chuyển tất cả các font qua font chữ Windows, VNU Văn Học đang dùng. Nhưng nếu quí bạn có sẵn font VNU hoặc nhu liệu convert từ các font khác qua VNU, xin quí bạn chuyển giùm trước khi gửi bài qua email bằng attachment. Xin cảm ơn trước quí bạn.

DU KHÁCH NÀO TỚI VÙNG ORANGE COUNTY CŨNG ĐỀU GHÉ LẠI

VĂN KHOA

9200 Bolsa Ave., Ste. # 123,
Westminster, CA 92683
(Trong khu Phước Lộc Thọ)

Tel: (714) 892-0801

• Sách Mới Về Mỗi Tuần • Đầy Đủ Sách Báo Và CD's/ Băng Nhạc V.N., Tự Điển, Sách Học Anh Văn Có Băng, Videos, Băng Đọc Truyện, Postcards. Chuyên Xuất Bản Sách Mới Sáng Tác

SÁCH MỚI VỀ:

1. **Nói Thầm Với Đá** (177 p.) *Lệ Hằng* $10.00
2. **Ngô Đình Diệm, Lời Khen Tiếng Chê** (309 p.) *Minh Võ* $15.00
3. **Nguyên Sa, Tác Giả Tác Phẩm 2** (373 p.) *Đỗ Cường soạn* $15.00
4. **Tổ Hợp Đầu Tư/Mutual Funds** (330 p.) *T.S.Hà Hưng Quốc* $16.00
5. **Giải Thoát Trong Lòng Tay** (966 p., 2 vol.) *Rinpoche, Trí Hải* $35.00
6. **Thơ Nguyên Sa I** (128 p.) *Nguyên Sa* $12.00
7. **Những Gương Mặt Tỷ Phú Saigon Trước 75** (193 p.) *D.Đ. Dũng* $9.00
8. **Hành Trình Cuối Đông** (346 p.) *Tiêu Dao Bảo Cự* $16.00
9. **Độc Cô Quái Khách** (777 p., 2 vol.) *Kim Dung, H.G. Nhạn dịch* $24.00

SÁCH VĂN KHOA MỚI XUẤT BẢN:

Góc Trời Ngô Thuỵ Miên (56 p. 8 x 11, tập nhạc) Ngô Thuỵ Miên $13.00

Nhà Xuất Bản THANH VĂN
P.O. BOX 411723, Los Angeles, CA 90041
Trân trọng giới thiệu tập truyện ngắn đầu tay

TRĂNG GÓA
của nhà văn nữ trẻ tị nạn tại Đức
LÊ MINH HÀ

VĂN NGHỆ
tổng phát hành

Tìm mua tác phẩm nhận định văn nghệ
quan trọng
của nhà xuất bản Văn Nghệ

sóng từ trường

của Thụy Khuê

Sách dày 224 trang, giá 12 Mỹ kim

Tiểu luận phê bình, sưu tập những bài viết về các văn nghệ sĩ đủ mọi ngành: Thái Thanh, Bảo Ninh, Trần Anh Hùng, Lê Phổ, Phạm Tăng, Phạm thị Hoài, Lê thị Lựu, Trần Vũ, Võ thị Hảo, Phạm Duy, Bùi Hoằng Vị, Lê Bá Đảng, Nguyễn Thị Thanh Bình, Nguyễn Huy Thiệp, Bé Ký, Lê Đạt. Nghĩa là đủ cả các ngành hội hoạ, điện ảnh, ca nhạc, thi ca, tiểu thuyết. Thụy Khuê luôn luôn đi tìm một cách hiểu mới, một cách thưởng ngoạn mới trước các tác phẩm nghệ thuật, mà cái mới nào cũng có khả năng gây sốc.
Nhờ không theo lối mòn, nhận định của Thụy Khuê về tác phẩm và tác giả luôn luôn có một vẻ độc đáo riêng, nhất là các nhận định về thơ.

Nhà xuất bản VĂN
hân hạnh giới thiệu tập truyện

THÁP KÝ ỨC

PHÙNG NGUYỄN

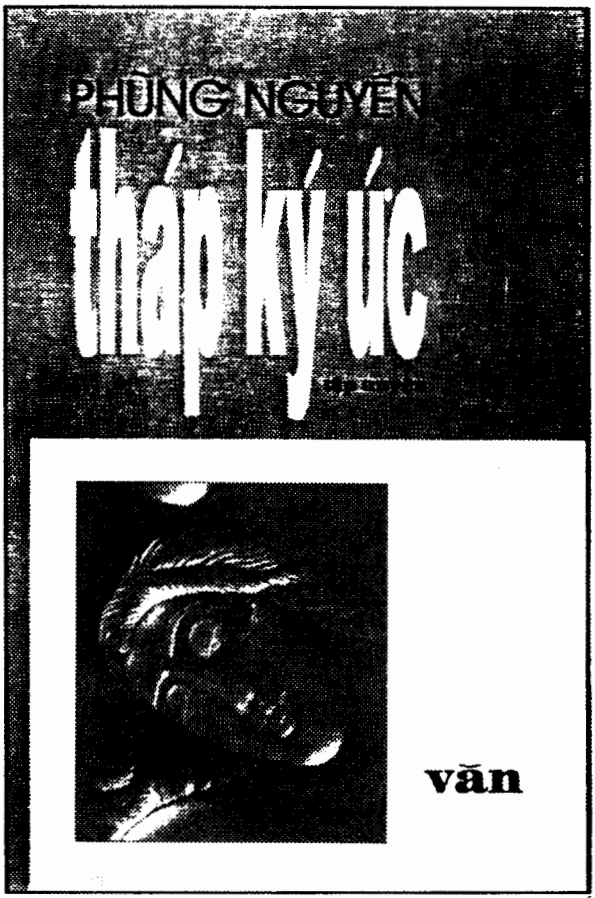

Về Hướng Mặt Trời Lặn

tập truyện mới nhất của Trần Hoài Thư

Tìm lại một nền văn học thời chiến đã bị đốt hũy. Gỡ lại danh dự một hàng ngũ thất thế qua những bài văn tràn ngập nhân bản tính. Từ đêm tha mạng ông thầy nguyên là một lãnh tụ trong vụ thảm sát năm Mậu Thân đến đôi mắt của Ông Tư lệnh QĐ 4 trong giờ phút miền Nam hấp hối với những chi tiết không thể tìm gặp trong bất cứ một bài viết nào từ trước đến nay...

Được viết bởi một người viết văn rất quen thuộc của các tạp chí uy tín nhất của miền Nam trước 1975, một cựu trung đội trưởng của một đơn vị nguy hiểm nhất là đơn vị thám kích, và là một trong những tác giả có sách bán chạy nhất hiện nay tại hải ngoại.

• Có những bài văn một thời làm rúng động nền văn chương thời chiến như Vườn Thánh, Bệnh Xá Cuối Năm, Nụ Hoa vàng của Ngày Tình Si đã được đi trên tạp chí Văn trước 1975 ... kèm theo bài giới thiệu hiếm hoi của nhà văn Mai Thảo.

Xin hỏi tiệm sách hay liên lạc:

Trần Hoài Thư

PO Box 58 S. Bound Brook NJ 08880

Phone: (908)769-1718

Email: tht@saigonline.com hay sachtran@worldnet.att.net

Sách dày 278 trang, giá $14. Ngoài Hoa Kỳ thêm $2 cước phí.

PHIẾU MUA/GIA HẠN BÁO

Họ và tên _____
Địa chỉ_____Apt.____
Thành phố_____Tiểu Bang_____Zip_____ _____
Quốc gia _____
Đồng ý ☐mua ☐gia hạn báo Văn Học trong
thời hạn_____năm,
từ số_____tháng_____,gởi hạng_____

Đính kèm chi/ngân phiếu số tiền US$_____, để trả cho Văn Học

PHIẾU GIỚI THIỆU ĐỘC GIẢ MỚI

Tôi giới thiệu thân hữu dưới dây làm độc giả mới của Tạp chí Văn Học:

Họ và tên_____
Địa chỉ_____Apt.____
Thành phố_____Tiểu bang_____Zip_____

Người giới thiệu_____
Địa chỉ_____Apt.____
Thành phố_____Tiểu bang_____Zip_____

GIÁ BÁO DÀI HẠN

HOA KỲ
Hạng tư (Fourth Class)
Một năm .....US$42.00
Hạng nhất (First Class)
Một năm.....US$50.00

CANADA
Đường bộ (Surface)
Một Năm.....US$46.00
Máy Bay (Air Mail)
Một Năm.....US$54.00

ÂU, Á VÀ ÚC CHÂU
Đường thủy (Surface)
Một năm .....US$56.00
Máy bay (Air Mail)
Một năm.....US$94.00

THƯ VIỆN/LIBRARY
US/ First Class/1 yr.....US$50.00
Overseas/AirMail/1yr. US$100.00

Trả bằng Mỹ kim (US dollar). Ngoài Hoa Kỳ, xin trả bằng International money order. Ngân, chi hay lệnh phiếu để trả cho Văn Học. Please send check or international money order payable in US dollar, to Van Hoc.

Sau khi xuất bản tập thơ quan trọng của Khoa Hữu, tạp chí Văn Học lại xuất bản một thi tập giá trị nữa của

nguyễn xuân thiệp

tôi cùng gió mùa

bìa Đinh Cường, giá 15 Mỹ kim

Sách vừa phát hành đã được giới phê bình và văn hữu hoan nghênh nhiệt liệt (xin xem bài của Đặng Tiến trên số này)

Xin liên lạc nhà phát hành Văn Nghệ, tạp chí Văn Học hoặc nhà thơ Nguyễn Xuân Thiệp ở địa chỉ

PO Box 803152, Dallas TX 75380

Phone: (972) 392-1489

3rd Floor

NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ
P.O. BOX 2301
WESTMINSTER, CA 92683, USA
TEL&FAX: (714) 527-5761

SÁCH MỚI

- SÀI GÒN TRONG MẮT TÔI, *biên khảo*, Phụng Nghi 12MK
- DÒNG THAMES THÌ THẦM, phiếm luận, *Vĩnh Phúc* 12MK
- THỰC PHẨM RAU ĐẬU QUA LĂNG KÍNH KHOA HỌC, *biên khảo*, Tâm Diệu 12MK
- LẦU XÉP, *7 chuyện, 8 truyện*, Võ Đình 11MK
- CÔNG LÝ ĐỜI HỎI, *tiểu luận chính trị*, Nguyễn Minh Cần 18MK
- THƯ VỀ BLOOMINGTON, IL..., *truyện*, Lê Tất Điều 11MK
- ĐẠO ĐỨC KINH, Lão Tử, cựu Luật Sư Đinh Sĩ Trang *dịch, chú thích, gồm Anh, Việt, Hán* 20MK
- NHÌN CÂY THẤY RỪNG, *18 cuộc phỏng vấn liên quan đến Việt Nam với nhiều khám phá lý thú*, Đỗ Quyên 18MK
- EINSTEIN, ĐỜI SỐNG VÀ TƯ TƯỞNG, Nguyễn Hiến Lê 8MK
- ÔNG GIÀ VÀ BIỂN CẢ, Ernest Hemingway, Mặc Đỗ *dịch* 7MK
- MÀU TÍM, Alice Walker, Nguyên Thi *dịch* 15MK
- HÀNH TRÌNH CUỐI ĐÔNG, Tiêu Dao Bảo Cự 16MK
- MIỀN THƠ ẤU, *hồi ký* Vũ Thư Hiên 13MK
- NHỮNG GIỌT MƯA TRÊN GIÀN BÔNG GIẤY, *tiểu thuyết*, Nguyễn Hùng Vũ 14MK
- TRĂNG GÓA, *tập truyện đầu tay của* Lê Minh Hà, *nhà văn nữ trẻ hiện đang sống tại Đức* 10MK

Ngoài Hoa Kỳ, xin trả thêm 2MK cho sách giá từ 10MK đến 18MK.
Thêm 3MK cho sách giá từ 19MK đến 28MK.
Riêng *Đêm Giữa Ban Ngày* thêm 5MK

Liên lạc với VĂN NGHỆ để nhận Thư Mục
với hơn 500 tựa sách của nhiều nhà xuất bản khác.

Giá:$4.00